ĐA HIỆU

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TỔNG HỘI CỰU SINH VIÊN SĨ QUAN
TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM

TỔNG HỘI CỰU SINH VIÊN SĨ QUAN TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM
2020
TRUYỀN THỐNG & DANH DỰ
ĐẠI HỘI VÕ BỊ KỲ THỨ XXIII

NAM CALIFORNIA, HOA KỲ

Ngày 26, 27, và 28 tháng 6 năm 2020

118

TẬP SAN ĐA HIỆU
KÍNH CHÚC

Các Niên Trưởng, các sĩ quan Quân Sự Vụ, Văn Hóa Vụ, các phu nhân, các anh chị thuộc đại gia đình CSVSQ, các anh chị Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu, các Độc Giả, và Thân Hữu

MỘT NĂM MỚI VẠN SỰ NHƯ Ý

***

Phát Hành Tháng Giêng Năm 2020.

QUAN NIỆM VÀ QUY ĐỊNH CỦA ĐA HIỆU

* * *

A. QUAN NIỆM:

Đa Hiệu là cơ quan ngôn luận của Tổng Hội Cựu Sinh Viên Sĩ Quan TVBQGVN, là gạch nối giữa các cựu SVSQ, giữa các Hội Võ Bị địa phương, giữa thế hệ đi trước cha anh và những thế hệ kế thừa, đại diện là các Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu, trên toàn thế giới. Đa Hiệu cũng là nơi để mọi người cùng chiến tuyến chia sẻ quan điểm, lập trường chống Cộng đến các chiến hữu, thân hữu, các độc giả cùng chung lý tưởng.

B. QUY ĐỊNH:

Để thực hiện được mục tiêu kể trên, chúng tôi mong mỏi sẽ nhận được bài vở, như các bút ký, thơ văn qua nhiều đề tài, đặc biệt liên quan đến chiến trường xưa, đến Võ Bị. Khi chọn đăng, chúng tôi sẽ theo một số quy định cụ thể, như sau:

1. Không nhận bài viết có nội dung tuyên truyền, cổ vũ cho chế độ và chủ thuyết Cộng Sản, đặc biệt là Cộng Sản VN.

2. Không nhận các bài viết có nội dung đả kích hay bôi nhọ cá nhân trong hay ngoài tập thể Võ Bị, trừ lý do rất đặc biệt. Những bài này cần chính xác và có tài liệu dẫn chứng.

3. Xin ghi rõ bút hiệu, tên thật, địa chỉ email, số phone,… để toà soạn khi cần có thể liên lạc.

4. Khi gửi các sáng tác cho toà soạn, có thể đính kèm qua email, qua bưu điện, hoặc qua CD. Có thể dùng các nhu liệu tiếng Việt như: VNI, UNIKEY, hay các nhu liệu dùng Unicode. Có thể đánh máy không dấu, hoặc viết tay.

5. Ban Biên Tập xin được phép cắt bỏ hay sửa chữa các bài viết, miễn không làm thay đổi nội dung.

6. Ban Biên Tập sẽ quyết định chọn đăng hay không những bài đã đăng ở báo khác, hay trên các trang web.

TỔNG HỘI CỰU SINH VIÊN SĨ QUAN TVBQGVN

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TỔNG HỘI CSVSQ/ TVBQGVN

TẬP SAN ĐA HIỆU

TỔNG HỘI TRƯỞNG, KIÊM CHỦ NHIỆM

CSVSQ NGUYỄN VĂN THIỆT, K18

Email: nguyenvthiet@aol.com

* * *

CHỦ BÚT:

CSVSQ ĐỖ MẠNH TRƯỜNG, K23

TRƯỞNG BAN TRỊ SỰ, KIÊM THỦ QUỸ:

CSVSQ TRẦN TRÍ QUỐC, K27

tran27147@yahoo.com

* * *

PHÁT HÀNH:

Hội CSVSQ TVBQGVN Nam California, Hoa Kỳ.

Hội Trưởng: CSVSQ NGUYỄN PHƯỚC ÁI ĐỈNH, K26

* * *

ĐỊA CHỈ TOÀ SOẠN:

DA HIEU MAGAZINE

P.O. Box 8628

Fountain Valley, CA 92728

E-mail: dahieu2016@gmail.com

* * *

WEBSITE CỦA TỔNG HỘI CSVSQ/ TVBQGVN

http://tvbqgvn.org

https://tapsandahieu.cf/

Group Võ Bị Việt Nam:

vobivietnam@yahoogroups.com

vobivn@googlegroups.com

Mục Lục

STT	Đề Tựa	Tác Giả	Trang
1	Phần Đầu		1
2	Thư Tổng Hội Trưởng	Nguyễn Văn Thiệt	6
3	Chương Trình Đại Hội XXII	Nguyễn Hàm	8
4	Ban Tổ Chức Đại Hội XXII	Nguyễn Hàm	10
5	Tâm Thư của Trưởng Ban Tổ Chức	Nguyễn Hàm	12
6	Thông Báo Tổ Chức Đại Hội của TTNĐH		16
7	Ba Thê Đi Dễ Khó Về	Phùng Hữu Châu	18
8	Tuổi Trẻ Dấn Thân	Cao Xuân Thanh Ngọc	26
9	*Thơ* Xuân Lại Về	Sao Linh	30
10	Thời Gian	Minh Nguyệt	31
11	Ánh Sao Tỏa Sáng	Hạ Bá Chung	36
12	Biến Cố Phật Giáo	Đặng Kim Thu	50
13	Răng Đê Mất Huê của Em?	Giang Văn Nhân	68
14	Chiến Tranh Việt Nam	Nguyễn Văn Nam	77
15	Thư Viện TVBQGVN	Võ Công Tiên	81
16	Lạc Giữa Mùa Xuân	Tường Thúy	85
17	Địa Ngục Trần Gian	Nguyễn M.	98
18	Như Mới Hôm Qua	Tô Văn Cấp	117
19	*Thơ* Lạc Mất Hồn Xuân	Phạm Kim Khôi	125
20	Khóa 23 và Chuyến Du Lịch	Ngọc Minh	126
21	Thế Sự Thăng Trầm	Lê Văn Điền	136
22	Bia Đá, Bia Miệng	Trần Kim Bảng	142
23	Mấy Độ Hoa Vàng	Phan Anh Tuấn	150
24	Hè Tại Seattle, Washington		159
25	*Thơ* Nữ Nhi Điêu Tàn...	Nguyễn Minh Thanh	162
26	Ngày Cuối Cùng của Hạm Đội	Nguyễn Đức Thu	167
27	Ngưng Bắn Da Beo	Lê Đắc Lực	182
28	Khóa 20 - Nguyễn Công Trứ	Võ Nhẫn	190
29	Dòng Sông Ngày Ấy	Vi Vân	202
30	Một Điều Không Nên Nghĩ	Đào Dức Bảo	219

31	Lễ Thắp Nến...	Huỳnh Thủy Tammy	230
32	Phát Biểu của Tổng Hội Phó	Võ Minh Hòa	235
33	Cuộc Rút Quân Khỏi Quảng Đức	Trần Văn Bường	238
34	Hạn Chót - Deadline...	Ấu Tím	251
35	Tháng Ba Gãy Súng	Trần Ngọc Toàn	257
36	Điệu Ru Hồn	Diễm Nga	263
37	Tâm Thư của THT	Nguyễn Văn Thiệt	270
38	*Thơ* Xuân Tưởng	Huỳnh Dĩ Minh	275
39	Đá Vàng	Song Vũ	277
40	Tổ Chức Hành Chánh...	Đặng Đình Liêu	292
41	Hẹn Kiếp Sau!	Cẩm Tú Cầu	304
42	Tây Nguyên...	Lê Quốc Toản	310
43	Cung Trầm Tưởng	Võ Ý	317
44	*Thơ* Tình Yêu và Chiến Tranh	Nguyên Trần	322
45	Báo Cáo Tài Chánh	Hoàng Như Cầu	323
46	Chi Thu Đa Hiệu	Trần Trí Quốc	325
47	Trả Lời Thư Tín	Đỗ Mạnh Trường	334
48	Chia Buồn		337

ĐA HIỆU SỐ 118

Phát Hành Tháng Giêng, Năm 2020

ĐẠI HỘI VÕ BỊ KỲ THỨ XXII!

Đa Hiệu phát hành định kỳ, mỗi năm 3 số, vào các tháng 1, 5, 9. Đa Hiệu số 118 đã được phát hành vào tháng Giêng, 2020.

Rất mong quý vị cộng tác viên đóng góp bài vở cho **Đa Hiệu số 119,** trước ngày 1 tháng 4 năm 2020.

LÁ THƯ TỔNG HỘI

Garden Grove, ngày 10 tháng 12 năm 2019

Kính thưa quý Niên Trưởng,

Kính thưa quý Phu Nhân, quý chị Phụ Nữ Lâm Viên,

Thưa quý bạn đồng môn Cựu SVSQ/ TVBQGVN và các anh chị Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu,

Một lần nữa, **Đại Hội Võ Bị Toàn Thế Giới Kỳ Thứ XXII** lại được tổ chức tại Nam California trong ba ngày 26, 27, và 28 tháng Sáu, năm 2020, như thường lệ mỗi hai năm một lần. Với chủ đề "**Truyền Thống và Danh Dự**", chúng ta muốn xác định rằng khi chúng ta quỳ xuống trước Vũ Đình Trường Lê Lợi, nhận an pha đỏ trên vai thì chúng ta đã là SVSQ Võ Bị, là anh em một nhà. Chữ TỰ THẮNG trên mũ luôn nhắc người CSVSQ, phải có trách nhiệm nêu cao *truyền thống* của TVBQGVN và bảo vệ *danh dự* của tất cả CSVSQ xuất thân từ Trường Mẹ.

Với tinh thần đó, Tổng Hội đã luôn duy trì Truyền Thống Võ Bị, khuyến khích mọi người sinh hoạt hài hoà, để anh em chúng ta đến với nhau, trong tương kính, trong yêu thương. Tổng Hội luôn tôn trọng tư cách và danh dự của tất cả các cựu SVSQ, vì đó là niềm hãnh diện và tự hào của những người xuất thân từ TVBQGVN.

Tổng Hội là của Tập Thể Võ Bị, có những sinh hoạt thường kỳ không thay đổi từ khi thành lập cho đến nay. Tháng Sáu năm tới là dịp để anh em chúng ta lại gặp nhau, tìm người nhận lãnh phiên trực mới. Bây giờ là lúc các Khoá, các Địa Phương, các nhóm anh em có cùng sở thích, cùng nguyện vọng tìm người ứng cử cho chức vụ Tổng Hội Trưởng nhiệm kỳ kế tiếp. Mọi thay đổi, ý kiến, nguyện vọng cần được đưa ra

cho Đại Hội Đồng giải quyết. Đó là cách hành xử đã được tôn trọng từ hơn 40 năm qua. Chỉ có như thế chúng ta mới có thể chứng tỏ rằng "**Tập Thể Võ Bị là duy nhất, bất khả phân**".

Ai có khả năng và thiện chí xin hãy mạnh dạn đứng ra ứng cử để điều hành Tổng Hội trong nhiệm kỳ kế tiếp. Tổng Hội đang cần những người có nhiệt tâm, không phân biệt xu hướng, qua lá phiếu bầu chọn để gánh vác công việc chung, giữ gìn *truyền thông và danh dự* của TVBQGVN.

Đại Hội Võ Bị XXII luôn mở rộng để đón nhận tất cả các CSVSQ về tham dự đại hội, không có bất cứ phân biệt nào do thành kiến, hay bất cứ lý do khác. Mọi thành viên tham dự đại hội đều được đối xử bình đẳng với lòng tôn trọng của tất cả mọi người.

Mong rằng chúng ta sẽ gặp nhau đông đủ vào ngày khai mạc Đại Hội XXII, được tổ chức vào cuối tháng 6 năm 2020.

Năm cũ sắp qua, năm mới Canh Tý sắp đến. Cùng hướng tới tương lai, chúng tôi xin gởi đến quý vị lời Chúc Mừng Năm Mới. Xin chúc tất cả quý vị bình an, gia đình hạnh phúc, và tiếp tục đóng góp trí tuệ và sức lực cho xã hội chúng ta đang sống; cùng đồng hành đấu tranh đòi cho kỳ được tự do, dân chủ, và nhân phẩm cho dân chúng Việt Nam thân yêu.

Xin cám ơn quý vị.

TM. Ban Chấp Hành Tổng Hội
Tổng Hội Trưởng TH/ CSVSQ/ TVBQGVN
kiêm Chủ Nhiệm Tập San Đa Hiệu

Nguyễn Văn Thiệt, K18

ĐẠI HỘI VÕ BỊ KỲ THỨ XXII

A. **ĐỊA ĐIỂM:** Nam California, Hoa Kỳ.

B. **THỜI GIAN**; Từ 26 đến 28 tháng 6 năm 2020 (3 ngày).

C. **CHỦ ĐỀ**:

TRUYỀN THỐNG VÀ DANH DỰ

D. **CHƯƠNG TRÌNH TỔNG QUÁT** *

1. TIỀN ĐẠI HỘI XXII:

* **Thứ Sáu 26/6/2020**: 14:00 giờ - 16:00 giờ.

Hội Trường Saint Anselm Episcopal Church
13091 Galway St.
Garden Grove, CA. 92844

2. LỄ TRUY ĐIỆU TRUYỀN THỐNG TVBQGVN:

* **Thứ Sáu 26/6/2020**: 17:00 giờ - 21:00 giờ.

Đài Tưởng Niệm Chiến Sĩ Việt Mỹ
Sid Goldstein Freedom Park
14180 All American Way
Westminster, CA 92683.

3. CÁC PHIÊN HỌP CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CSVSQ:

*** Thứ Bảy 27/6/2020**:

- 08:30 giờ - 10:00 giờ: Chào cờ sáng.
- 11:00 giờ - 15:00 giờ: Họp Đại Hội Đồng CSVSQ.

Hội Trường Westminster Civic Center.

Số 8200 Westminster Blvd.
Westminster, CA 92683.

* **Chủ Nhật 28/6/2020**: 11:00 giờ - 15:00 giờ:
- Họp Đại Hội Đồng CSVSQ.
- Bầu Tổng Hội Trưởng và Chủ Tịch Hội Đồng Tư Vấn.

Hội Trường Westminster Civic Center.
Số 8200 Westminster Blvd.
Westminster, CA 92683.

4. DẠ TIỆC BẾ MẠC ĐẠI HỘI XXII:

* **Chủ Nhật 28/6/2020:** 17:00 giờ - 23:00 giờ:

Diamond Seafood Palace 3
6731 Westminster Blvd. #122
Westminster, CA 92683.

* *Địa điểm có thể thay đổi.*

Chúc Mừng Năm Mới!

TỔNG HỘI CSVSQ TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM
ĐẠI HỘI VÕ BỊ KỲ THỨ XXII NĂM 2020
BAN TỔ CHỨC
Email: bantochucdaihoiXXII@gmail.com

THÔNG BÁO

Số 1/ BTC/ ĐHVB XXII

Tham chiếu: *Văn Thư số 006/BCH/TH/18-20 ngày 30/10/2019, và Biên bản phiên họp Hội Võ Bị Nam Cali ngày 27/10/2019 v/v bổ nhiệm thành viên trong Ban Tổ Chức Đại Hội Võ Bị Kỳ Thứ XXII.*

Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu các CSVSQ có tên dưới đây đã nhận lời mời tham gia vào Ban Tổ chức ĐH XXII:

- Trưởng Ban Tổ Chức: CSVSQ Nguyễn Hàm K25
- Phụ Tá/TBTC: CSVSQ Đào Quý Hùng, K26
- Phó TBTC/ Đặc Trách Nội Vụ:
  CSVSQ Hoàng Như Cầu, K28
- Phó TBTC/ Đặc Trách Ngoại Vụ:
  CSVSQ Nguyễn Phước Ái Đỉnh, K26
- Tổng Thư Ký: CSVSQ Diệp Quốc Vinh, K27
- Ban Cố Vấn:
  CSVSQ Nguyễn Đình Hòa, K4
  CSVSQ Hoàng A Sam, K9
  CSVSQ Vĩnh Quốc, K16
  CSVSQ Phạm Văn Thuận, K18
  CSVSQ Nguyễn Hữu Mạnh, K20
- Ban Cố Vấn/ Đặc Trách TTNĐH:
  CSVSQ Võ Minh Hoà, K21
- Ban Nghi Lễ:
  CSVSQ Đỗ Mạnh Trường, K23, Trưởng Ban

CSVSQ Nguyễn Duy Niên, K27, Phó Trưởng Ban

- Ban Tài Chánh:

CSVSQ Trần Trí Quốc, K27, Trưởng Ban

CSVSQ Phan Văn Lộc, K30, Phó Trưởng Ban

- Ban Văn Nghệ:

CSVSQ Đoàn Đình Hùng, K25, Trưởng Ban

CSVSQ Đàm Văn Phương, K25, Phó Trưởng Ban

CSVSQ Cao Văn Hải, K25, Phó Trưởng Ban

- Ban Truyền Thông, Vận Động:

CSVSQ Nguyễn Đình Tình, K29, Trưởng Ban

Ngoài các CSVSQ nêu trên, Ban Tổ Chức sẽ bổ túc sau vào các nhiệm vụ khác nếu có. Xin thành thật cám ơn quý NT, quý NĐ đã sẵn lòng đóng góp công sức hầu giúp cho Đại Hội đạt được thành quả tốt đẹp.

Westminster, ngày 4 tháng 11, 2019

TM Ban Tổ Chức Đại Hội XXII

Trưởng Ban

CSVSQ Nguyễn Hàm, K25

ĐỒNG KÍNH GỬI:

- Ban Chấp Hành Tổng Hội "để kính tường".
- Hội Đồng Tư Vấn & Giám Sát "để kính tường".
- Các CSVSQ liên hệ "để thi hành".
- Các BCH Liên Hội, Hội Võ Bị "để thông báo".
- Các đại diện khóa "để thông báo".
- Các Đoàn PNLV "để thông báo".
- Tổng Đoàn TTNĐH "để thông báo".
- Hệ Thống Truyền Thông Tổng Hội "để phổ biến".

TÂM THƯ CỦA TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI VÕ BỊ XXII *

Nguyễn Hàm, K25

Kính thưa quý Niên Trưởng, quý Chị, quý Niên Đệ, quý bạn và các anh chị Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu thân mến,

Năm 2018, Đại Hội Võ Bị Kỳ Thứ XXI được tổ chức tại Nam California đã thành công rất tốt đẹp. Thời gian thấm thoát qua mau, nay đã gần đến hạn Tổng Hội lại sắp có dịp tổ chức Đại Hội kế tiếp cho kỳ thứ XXII vào năm 2020. Trong thời gian vừa qua một số địa phương đã tình nguyện nhận lãnh việc tổ chức Đại Hội, nhưng gặp những điều kiện không thuận tiện đành phải trả lại công tác này cho Tổng Hội. Vì thế, một lần nữa Orange County, California lại được chỉ định làm địa điểm cho Đại Hội Võ Bị XXII.

Cá nhân chúng tôi được Hội Võ Bị Nam Cali ủy thác vào chức vụ Trưởng Ban Tổ Chức Đại Hội Kỳ thứ XXII này. Dù sức khỏe không được khả quan, nhưng vì lòng tin cậy của quý huynh đệ và trách nhiệm của một Cựu SVSQ, tôi không thể từ chối, và đã chấp nhận gánh vác nhiệm vụ này trong một hoàn cảnh có nhiều khó khăn và phức tạp, nhưng lòng tràn đầy niềm tin vào tương lai tốt đẹp của Tổng Hội Cựu SVSQ/TVBQGVN và tin tưởng rằng luôn luôn có sự yểm trợ, sát cánh đồng hành, góp sức đông đảo của quý NT, quý chị, quý

NĐ, quý bạn và các anh chị TTNĐH.

Đại Hội Võ Bị Toàn Cầu tổ chức mỗi hai năm, từ năm 1980 tính đến nay đã được hai mươi mốt kỳ và đã trở thành một truyền thống được bảo tồn, trân quý. Mục đích của Đại Hội là quy tụ tất cả các CSVSQ và gia đình khắp năm châu bốn bể về sum họp, trong tình huynh đệ cùng xuất thân từ một mái trường Võ Bị, nơi chốn của một thời gắn bó đầy kỷ niệm trong những ngày đầu đời quân ngũ. Cũng những người sĩ quan xuất thân từ trường Mẹ, khi phục vụ ngoài đơn vị, anh em dìu dắt nâng đỡ nhau, cùng chia xẻ ngọt bùi, cùng vào sinh ra tử nơi chiến trường khốc liệt, hiểm nghèo, hay cùng an ủi nhau qua những đắng cay tủi nhục nơi chốn đầy ải, lao tù của Cộng Sản VN. Những tình cảm này đã là sợi dây vô hình, thiêng liêng và mầu nhiệm, ràng buộc gắn bó Cựu SVSQ với nhau, không có điều gì có thể chia rẽ, ngăn cách.

Chấp hành chủ trương của Tổng Hội lúc nào cũng muốn sinh hoạt trong hòa khí của một đại gia đình Võ Bị, cư xử với nhau bằng tinh thần tự trọng, trên kính dưới nhường, Ban Tổ Chức khẳng định chia rẽ là tự phân hóa, là tự đào hố chôn mình, vì đó chính là phương kế của kẻ thù. Thời gian qua, một số anh em vì bất đồng ý kiến, hoặc vì bận bịu nhiều công việc, nên đã vắng bóng không sinh hoạt cùng Tổng Hội, nay Đại Hội sắp tới là dịp để cùng đến với nhau, gặp gỡ lại bạn bè đồng môn thân quen.

Thời gian chẳng còn bao lâu nữa để còn nhìn thấy nhau, Ban Tổ Chức kêu gọi tất cả mọi người hãy bỏ qua những sự hiểu lầm nếu có trong quá khứ, nhân vô thập toàn, hãy tha thứ cho nhau, lấy chín bỏ làm mười. Xin hãy về đây, Đại Hội Võ Bị XXII, cùng nhau đoàn kết, xiết chặt tay nhau xây dựng lại một Tổng Hội Võ Bị vững mạnh, hầu có thể đối phó và tiêu diệt kẻ thù Cộng Sản đang áp đặt một chế độ độc tài man rợ dày xéo và đày đọa dân chúng trên đất nước quê hương yêu dấu của chúng ta.

TỔ QUỐC, DANH DỰ, VÀ TRÁCH NHIỆM là phương châm của Quân lực VNCH. Là một CSVSQ/TVBQGVN, cho dù lưu lạc ở phương trời nào, chúng ta cũng không quên hướng về quê cha đất tổ, nơi vẫn còn bị thống trị bởi chế độ độc tài, áp bức, trong đó quyền tự do tôn giáo và những quyền căn bản của con người không được tôn trọng.

Người CSVSQ cũng không quên điều tâm niệm thứ hai trong mười điều tâm niệm: "Danh Dự là kim chỉ nam hướng dẫn mọi hành động và suy tưởng của người Sinh Viên Sĩ Quan." Danh dự là tâm điểm để đánh giá tư cách con người. Người không trọng danh dự có thể tán tận lương tâm, làm những điều trái với đạo lý, luân thường. Với người Cựu SVSQ, cho dù đến hôm nay, khi sức không còn kham nổi đoạn đường, nhưng người Cựu SVSQ vẫn tâm nguyện không thể đánh mất cái Danh Dự của mình.

Trách nhiệm của người sĩ quan là lãnh đạo và chỉ huy. Ngày nay tuy rằng trách nhiệm này đã không còn, không có súng đạn trên tay, nhưng trách nhiệm khả thi bây giờ là phải lưu truyền đến các thế hệ mai sau, cái dũng khí hào hùng, tình thương yêu quê hương dân tộc, và sự hy sinh dấn thân cho tha nhân.

Trở lại với Đại Hội Võ Bị Kỳ Thứ XXII, xin được thay mặt Ban Tổ Chức để cám ơn những khích lệ của quý NT, quý chị, quý NĐ, quý bạn cùng các anh chị TTNĐH, cho dù ở vào một hoàn cảnh phức tạp, khó khăn, nhưng đa số ai cũng một lòng háo hức mong cho đến ngày đại hội để được gặp lại những khuôn mặt thân quen và hơn thế nữa, đã hăng say, tình nguyện sẽ sát cánh cùng Ban Tổ Chức trong những công việc sắp tới phải làm.

Tập thể Võ Bị, dưới sự điều hành của Tổng Hội, vẫn luôn là một tập thể bất khả phân, hòa khí, bao dung, luôn luôn rộng mở, lúc nào cũng sẵn sàng đón nhận tất cả CSVSQ, không vì những bất đồng mà xa cách, chia rẽ.

Lấy Truyền Thống tốt đẹp của trường Mẹ để đối xử với đồng môn, đồng khóa, và lấy Danh Dự làm kim chỉ nam cho mọi hành động, chúng tôi rất trân trọng chọn chủ đề "**Truyền Thống và Danh Dự**" cho Đại Hội Võ Bị Kỳ Thứ XXII của năm 2020, tại Orange County.

Một lần nữa, Đại Hội là của chung tất cả chúng ta. Đại hội có thành công hay không là do sự tham gia, đóng góp về tinh thần cũng như vật chất của mọi người. Ban Tổ Chức xin quý NT, quý chị, quý NĐ, quý bạn và các anh chị TTNĐH sắp xếp thời gian, chuẩn bị phương tiện để cùng về tham dự đại hội thật đông đủ.

BTC xin được đón nhận những ý kiến đóng góp xây dựng của đại gia đình Võ Bị ở khắp mọi nơi trên thế giới, cũng như sự yểm trợ về tài chánh, công sức.

Mọi ý kiến, đóng góp xin gửi về địa chỉ như sau:

Ban Tài Chánh:

Trần Trí Quốc, K27
Tel: 909-985-6368, E-mail: tran27147@yahoo.com.

Hoặc

Phan Văn Lộc, K30
Tel: 626-534-1572, E-mail: locphank30@yahoo.com.

Trước khi dứt lời, xin được chân thành cảm tạ sự nhiệt thành yểm trợ của quý NT, quý chị, quý NĐ, quý bạn, và các anh chị TTNĐH. Hẹn gặp nhau trong ngày Đại Hội XXII tại Orange County, California.

Trân trọng kính chào.

Westminster, ngày 6 tháng 11, 2019

* Trích đăng từ Tâm Thư, Số 3/ **BTC/ ĐHVB XXII**

TỔNG HỘI CSVSQ TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG ĐOÀN THANH THIẾU NIÊN ĐA HIỆU
P.O. Box 692230, Houston, TX 77269, USA
Phone: 832-630-1785 - Email: ttndh2016@gmail.com

THÔNG BÁO

Đại Hội Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu Toàn Cầu 2020

Kính Đại Gia Đình Võ Bị,

Đại Hội Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu Toàn Cầu 2020, kỷ niệm 20 năm thành lập Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu, sẽ được song hành tổ chức cùng Đại Hội Võ Bị Kỳ Thứ XXII vào ba ngày 26, 27 và 28 tháng 6 năm 2020 tại Westminster, California, Hoa Kỳ.

Ban Tổ Chức ĐH TTNĐH 2020

Trưởng Ban Tổ Chức

Đỗ Anh Tú, K1/2
Tổng Đoàn Phó Ngoại Vụ
Đoàn Trưởng Đoàn TTNĐH/ D.C

Nguyễn Quốc Adam, K14/2
Đoàn Trưởng Đoàn TTNĐH Nam California

Thư Ký

Nguyễn Hồ Diễm Anh, K17/2
Tổng Thư Ký TĐ/ TTNĐH

Ban Tài Chánh

Nguyễn Trương Kim Huyền, K10/2
Thủ Quỹ Tổng Đoàn TTNĐH

Ban Văn Nghệ

Nguyễn Hoàng Dũng Don, K21/2

Trưởng Ban Văn Nghệ TĐ/ TTNĐH

Thiệp Mời và Chương Trình Đại Hội sẽ sớm được Ban Tổ Chức gởi đến quý vị cũng như bổ túc các TTNĐH đảm nhận những nhiệm vụ khác.

Houston, ngày 7 tháng 12 năm 2019
Tổng Đoàn Trưởng Tổng Đoàn TTNĐH

Huỳnh Thủy Tammy, K19/2

Tiệc Mừng Giáng Sinh Lâm Viên Niềm Nhớ 2019 tại Houston, Texas do TTNĐH Houston tổ chức.

Ba Thê Đi Dễ Khó Về

PHÙNG HỮU CHÂU, K25

- Kính tặng N/T Chuẩn Tướng Mạch Văn Trường, K12, Cựu Tư Lịnh Sư Đoàn 21 BB.

- Kính tặng tất cả quý chiến hữu Sét Miền Tây, Sư Đoàn 21 BB, U Minh Rừng...

Địa danh Ba Thê ít ai biết, ngay cả cư dân thuộc tỉnh Rạch Giá. Nơi đây chỉ là một làng nhỏ, một thôn vắng, nằm về hướng Tây Bắc gần địa phận của Long Xuyên, Châu Đốc hơn là Chương Thiện, Bạc Liêu, hay Cà Mâu. Xóm thì vắng chỉ lèo tèo vài ba căn nhà, không có đường xe, phương tiện đi lại chỉ bằng xuồng ba lá vào mùa nước và cuốc bộ vào mùa khô. Đồng ruộng thì bao la bát ngát, khác biệt với đồng ruộng ở Bạc Liêu, Sóc Trăng, hay Cà Mâu là ruộng không có bờ. Ở miền Nam tiếng bờ rất quen thuộc và đi sâu vào lòng mọi người qua câu ca dao:

Sư Đoàn 21 Bộ Binh

Ruộng ai người nấy đắp bờ.
Duyên ai nấy gặp, đừng chờ uổng công.

Không có đắp bờ, người dân ở đây chỉ trồng lúa xạ, không

cần gieo mạ và cấy ra từng bụi như lúa cấy, ít tốn công. Tuy nhiên năng xuất thu hoạch thì kém xa lúa cấy... Dân địa phương cho biết nổi tiếng nhất là loại gạo đỏ hạt dài giống như loại gạo huyết rồng đang bán ngoài chợ, rất thơm cơm, ăn giống như là xôi nếp. Tôi có hỏi thăm mấy ông già trong xóm, tại sao có tên Ba Thê? Được biết trước khi chưa có đám Cộng Sản từ Bắc vào xâm lăng miền Nam, làng nầy rất trù phú, dân cư giàu có, là vựa lúa và vựa cá. Những ngày Tết hay lễ hội lớn, ban đêm dân đốt đuốc đi chơi từ làng nầy sang làng khác, cờ bạc thì khỏi nói, đá gà, bông vụ, hốt me... Vì dư giả nên các ông trong làng cưới được nhiều vợ, ba bà là chuyện thường nên làng được đặt tên là Ba Thê có nghĩa là ba vợ. Thuở ấy tuổi còn trẻ, chưa thấy quan tài, chưa đổ lệ, nên tôi cứ nghĩ mấy ông trong làng nầy sao mà có phước quá. Bây giờ tuổi đã xế chiều tôi nghĩ lại mà thấy thương cho mấy ông già ba vợ. Một bà cằn nhằn nhiều khi còn chịu không nổi huống gì cả ba bà cùng cằn nhằn, không chết thì cũng điên cái đầu.

Qua khỏi xóm nhà và đám ruộng là đi vào khu vực cấm. Rừng tràm là hang ổ của VC từ nhiều năm, chưa có đơn vị địa phương nào bén mảng đến vì vào thì dễ mà lúc ra thế nào cũng bị phục kích hay mìn bẫy. Thêm vào đó mùa mưa nước ngập lai láng không có đường mà đi. Quận thì lơ mà Tỉnh thì cũng bỏ qua cho bình an vô sự.

Là một phần của U Minh Thượng, Bắc tiếp nối với địa phận Thất Sơn, Châu Đốc, Nam kéo dài xuống tận U Minh Hạ Chương Thiện, Cà Mau tiện đường giao thông nên rừng tràm là một địa điểm giao liên quan trọng cũng là mật khu an toàn từ nhiều năm qua của VC. Nhưng đến đầu năm 1975, Tư Lịnh Sư Đoàn 21 BB đã quyết định mở một cuộc hành quân đánh vào sào huyệt của đám CS xâm lăng nầy. Bởi lẽ bọn VC vừa lấy cái hang ổ nầy làm mật khu hậu cần cho Sư Đoàn 4 Hậu Giang mới thành lập, chủ lực là 2 Trung Đoàn D1 và D2 xâm nhập từ Bắc vào Nam. Toàn là Bắc Kỳ con mà chúng dám bảo là của quân dân miền Nam tăng cường thêm mấy tên VC

được thả ra sau hiệp định Paris 1973 và các đơn vị đặc công, các tiểu đoàn U Minh... Mấy tên VC nầy rất cuồng sát và liều mạng như để tỏ lòng trung thành với Bác và Đảng.

Ngày N xuất phát từ Rạch Sỏi (Rạch Giá), Trung Đoàn 32 phối hợp với Thiết Đoàn 9 Kỵ Binh ba mặt tấn công, trong khi Đại Đội Trinh Sát 32 do tôi làm đại đội trưởng tùng thiết cùng một Chi Đoàn Thiết Vận Xa M113 tấn công vào hướng chính diện. Những ngày đầu, đơn vị của tôi chỉ chạm địch lẻ tẻ, đến ngày thứ tư mục tiêu cuối cùng vẫn chưa thanh toán được, nhiều lần bị đánh bật ra. Lý do thiết giáp không thể vào sâu để yểm trợ hỏa lực, rừng tràm dày đặc, đất không chân dễ lún. Hầm hố của chúng thì quá kiên cố, hố chữ T nắp hầm lót toàn cây tràm đắp đất lên nên pháo binh có tác xạ chỉ là "cò ỉa miệng ve". Còn hỏa lực của chúng thì quá hùng hậu. Ở trong rừng tràm chúng bắn xối xả ra từ phòng không 12 ly 8 đến 82 ly không giật, loại bắn thẳng thay cho B40 hay B41.

Buổi trưa ngày N+4, đơn vị tôi cùng chi đoàn M113 đang đóng quân ngoài cánh đồng ven rừng tràm thì bất ngờ có trực thăng của Tư Lịnh Sư Đoàn đáp xuống thị sát mặt trận. Tiện đây cũng xin sơ lược một chút về Niên Trưởng Mạch Văn Trường, K12/ TVBQGVN, Tư Lệnh Sư Đoàn 21 BB. Khi Tướng Lê văn Hưng rời Sư Đoàn lên làm Tư Lịnh Phó Quân Đoàn 4 thì NT Mạch Văn Trường lên thay. Trước đó, ông đã từng làm Tỉnh Trưởng tỉnh Long Khánh, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 8 và Tư Lệnh Phó SĐ 5BB.

Ở chiến trường An Lộc, chính Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã từng giới thiệu với một vị Tướng cố vấn Mỹ:

- "Đây là học trò cũ của tôi."

Ý nói khi Tổng Thống làm Chỉ Huy Trưởng TVBQGVN thì Niên Trưởng Mạch Văn Trường còn là SVSQ Khóa 12. Không những có tài thao lược, ông còn rất giỏi về tham mưu. Tôi nhớ có một lần ông tự tay thảo một mật lịnh, vẽ một phóng đồ hành quân bỏ vào hộp đựng lựu đạn quăng xuống cho tôi ở

xã Tân Bằng, Cán Gáo (Cà Mâu) để tối hôm đó hoàn toàn im lặng vô tuyến, theo lời chỉ dẫn từ mật lệnh, đại đội trinh sát và cả một tiểu đoàn Địa Phương Quân thuộc tiểu khu Rạch Giá thoát khỏi vòng vây của một Trung Đoàn D3 VC về đến nơi một cách an toàn.

Cùng tháp tùng với tư lịnh, có Niên Trưởng Nhan Minh Trang, Khoá 3/ TVBQGVN. Ông từng làm Tỉnh Trưởng Rạch Giá, rồi Gia Định, hiện là dân biểu nặng ký của nên Đệ Nhị Cộng Hòa. Nhưng đối với sĩ quan nhí như tôi thì nặng hay nhẹ ký không làm tôi quan tâm. Tôi chỉ quan tâm đến điều mà ông Tư Lệnh vừa gợi ý, giọng nói nhỏ nhẹ, nói như là nói chơi nhưng là lệnh:

- "*Ban ngày vào không được thì thử ban đêm xem sao?*"

Dân miền Nam có câu: "Khách đến nhà không gà thì vịt." Có khách quí đến thăm mà không có gì đãi đằng thì cũng kỳ. May mà lính nhà bếp vừa nấu cơm xong, gạo đỏ vùng nầy ngon như là xôi nếp, không có chén đũa, xới cơm để trong lá chuối. Tư lịnh, dân biểu, trung đoàn trưởng... tất cả đều ăn bốc một cách ngon lành. Ông trung đoàn trưởng muốn lấy điểm với ông dân biểu nên nháy mắt nói nhỏ với tôi:

- "*Anh cho ổng cây K54 đi.*"

Xếp kêu cho thì tôi cho. Tôi rút cây K54 lấy băng đạn ra, đưa nòng lên trời làm hai phát an toàn, trịnh trọng đưa tặng ông dân biểu như là bảo kiếm tặng anh hùng. Tôi nhớ rất kỹ chuyện nầy vì là chuyện lớn của tôi. Khẩu K54 là cả một gia tài lúc đó nên tôi nhớ, còn đối với NT Trang là chuyện nhỏ, lặt vặt nên ổng cũng chẳng cần nhớ để làm gì.

Niên Trưởng Nhan Minh Trang, Khóa 3/ TVBQGVN đã qua đời tại Houston TX, năm 2010. Đã có 4 cựu SVSQ Khoá 25/ TVBQGVN đi phủ cờ cho quan tài của ông, trong đó có tôi. Lúc trước đi họp VB ở Houston, tôi có gặp Niên Trưởng Trang mấy lần nhưng chưa hề nhắc lại chuyện tặng cây K54 và đãi ông ăn bốc cơm gạo đỏ đựng trên tàu lá chuối tươi vào

một buổi chiều trên cánh đồng Ba Thê. *Bây giờ NT Nhan Minh Trang đã rời cõi trần, xin nguyện hương linh của ông tiêu diêu nơi miền cực lạc.*

Buổi chiều trời vừa sập tối, tôi cho một toán lặng lẽ bò vào rừng tràm để thám sát, mỗi trung đội chọn một số khinh binh khỏe mạnh nhanh nhẹn. Tất cả chia làm ba toán, ba lô đều được bỏ lại, chỉ mang súng cá nhân, lựu đạn, và hỏa tiễn chống chiến xa M72. Số hên gặp cái gì cũng hên, đâu năm toán huân luyện của SĐ 21 BB do NT Ông Vĩnh Huấn, K.24 làm trưởng toán tặng phe ta cũng gần một chục M72. Lại thêm lúc tùng thiết, một thằng em bảo nhỏ:

- "*Tụi em muốn chôm mấy trái M72 của tụi Cua*."

Nghe có thêm M72 phòng khi hữu sự, tôi cũng thấy khoái trong bụng lắm nhưng đâu dám nói ừ, chỉ làm bộ không biết... Mình cần, chứ bên thiết giáp đâu cần…

SVSQ Phùng Hữu Châu, Khóa 25, 1972.

Quá nửa đêm cả ba toán đột kích của ĐĐ Trinh Sát 32 đã vào gọn trong rừng tràm. Ánh trăng non lờ mờ xuyên qua rừng lá cộng thêm mùi thơm hăng hắc của đọt tràm non, khung cảnh thật là ma quái đúng là đoàn quân đang đi vào cõi u minh. Gần bốn giờ sáng thì nghe tiếng gọi ơi ới của tụi vịt con. Yếu tố bất ngờ và sự may mắn, hay không bằng hên, toán đi đầu đã tiến sát tuyến phòng thủ của VC, trong lúc chúng đôi phiên gác hay bỏ tuyên vào lo nấu cơm sáng. Cơ hội đã đến, toán xạ thủ giương 4 trái M72 chờ lịnh...

Ầm, Ầm, Ầm, Ầm.... bốn tiếng nổ long trời, lở đất tiếp theo từng loạt lựu đạn và M16 tấn công tới tấp. Hoàn toàn bất ngờ nên tụi VC hết hồn bỏ súng bỏ cơm mà chạy. Lệnh xung

phong được ban ra, thế là toán đột kích chiếm được tuyến đầu của địch. Nhưng chưa kịp bố trí lại đội hình thì ôi thôi, từ bên kia con lạch nhỏ nào AK47, B40, B41 có cả phòng không 12 ly 8 bắn qua như mưa. May nhờ có mấy cái hố bom và hố pháo binh 105 ly nên phe ta vẫn vô sự, cứ ngồi dưới hố mà từ từ điều chỉnh pháo binh. Cầm cự cho đến 9:00 giờ sáng thì có Mặt Trời lên vùng, kèm theo hai con chó lửa (gunship) và

Sư Đoàn 21 Bộ Binh và Thiết Giáp giải tỏa Quốc Lộ 13, 1972.

một bà già L19. Khoảng 1:00 giờ trưa có hai phi tuần A37 từ Cần Thơ bay qua thả bốn trái bom Napal. Lúc ấy lá tràm cũng bắt đầu khô, cho cái đám chuột sanh Bắc tử Nam thành chuột quay luôn.

Lợi dụng đám cháy khói còn mù mịt, toán viễn thám mang hỏa tiễn M72 tiến sát doanh trại bọn Việt Cộng. Còn lại bao nhiêu tôi cho xả láng. Kế tiếp là đợt xung phong cuối cùng. Nếu được thì thừa thắng xông lên, không được thì tam thập lục kế, quay lưng dzọt lẹ. Thật không ngờ sức công phá của hỏa tiễn M72 thật thần sầu và khốc liệt. Những công sự hầm hố của VC bị hất tung lên trời, một dãy nhà trại của chúng bị ngã xập. Toán thứ ba xung phong ném lựu đạn chiếm mục tiêu chỉ gặp sự kháng cự yếu ớt của chúng.

Hậu cần Sư Đoàn 4 Hậu Giang của VC là những dãy nhà sàn nên mùa mưa, lẫn mùa nắng chúng đều ở được. Một dãy chứa cả ngàn bao gạo. Ở đâu mà nhiều thế chắc là đi ăn cướp vơ vét của dân. Còn dãy bên kia là cả một kho súng đạn do Nga Sô và Trung Cộng ban cho. Có rất nhiều súng lớn như Phòng Không 12 ly 8, ngoài mặt trận kiếm được một cây cũng trầy da tróc vẩy, ở đây nó dựng cho cả chục, thượng liên nồi RPD, B40, B41, AK47, K63.... Khoảng 100 hỏa tiển 107 ly & hỏa tiễn 122 ly và hơn 200 cây súng, vác cả buổi mới ra khỏi bìa rừng cho thiết vận xa M113 chở về...

Sau trận chiến thắng may mắn tại rừng tràm Ba Thê, tôi được thăng cấp đại úy thực thụ tại mặt trận, và sau đó được đề cử làm chiến sĩ xuất sắc của Sư Đoàn 21 BB, được đi du ngoạn Đài Loan. Riêng Đại Đội Trinh Sát 32 có số điểm cao nhất và được bình bầu đứng nhất toàn quốc năm 1974.

Từ phi trường Rạch Giá một chiếc C47 chở tôi lên Sài Gòn vào trình diện Trung Tướng Trần Văn Trung và thuyết trình về trận đánh ở Tổng Cục CTCT. Đại Tá Cao Tiêu, Tổng Cục Phó cho đơn vị tôi 50 ngàn đồng. Đầu tóc của ông bạc phơ trông rất là tiên phong đạo cốt. Ngày hôm sau xe đưa tôi qua Đài Truyền Hình Quân Đội để thực hiện một show về chiến thắng Ba Thê. Lúc ấy đài do Trung Tá Nguyễn Đạt Thịnh làm giám đốc. Ông hiện cũng là cư dân Houston. Lần đầu tiên, tôi được biết mặt Thiếu Tá Đặng Trần Huân, tên tuổi rất quen thuộc trong mục "tiếu lâm" của báo Chiến Sĩ Cộng Hòa.

Cả đời tôi cũng không quên được cái buổi lễ sinh nhật của Tư Lệnh Sư Đoàn được tổ chức tại Bộ Tư Lịnh Tiền Phương ở Chương Thiện mà tôi là cấp nhỏ nhất được mời. Lúc đó thật sự trong lòng tôi rất cảm động trước tấm thịnh tình chiếu cố của ông và tôi cảm thấy mình như nợ ông một ân tình cần phải đáp.

Súng mới báo cáo phân nửa lên Sư Đoàn, thì Tháng Tư Đen lại đến, tụi nó (VC) vô lấy lại tại hậu cứ Cà Mâu. Vào trại tù

Cần Thơ thì gặp Thượng Tá VC Ba Song, chính ủy của SĐ 4 Hậu Giang làm trưởng trại tù. Thôi tôi cũng đành vác gói theo đoàn Tù Binh xuống tàu ra Bắc.

Thời còn là Sinh Viên Sĩ Quan của Trường Võ Bị Quốc gia Việt Nam, tôi đã có lần mơ: "*Một ngày nào đó sẽ theo chân Đoàn Hùng Binh tiến về Thăng Long, vào tận quãng trường Ba Đình mà thượng Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ, đạp chân lên nhịp câu Long Biên mà ngạo nghê hát bài Võ Bị Hành Khúc.*" Nhưng tất cả chỉ là mộng còn thực tế là đi ở Tù.

Trước khi dứt lời, k*ính xin một phút mặc niệm hương linh những Chiến Sĩ đã hy sinh vì lý tưởng tự do, đặc biệt là hương linh của cố Thiếu Tướng Lê Văn Hưng, cựu Tư Lịnh SĐ 21 BB. Người đã cùng Tướng Nguyễn Khoa Nam tuẫn tiết sau cuộc chiến tại Cần Thơ.*

Kính lời chào đến vị Tư Lịnh cuối cùng, Chuẩn Tướng Mạch Văn Trường, người đã tạo nhiều chiến công hiển hách cho SĐ như: bẻ gẫy âm mưu san bằng thành phố Cần Thơ thành bình địa của đám CS xâm lăng.

Cuối cùng xin được chào những quý chiến hữu đã từng phục vụ trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, nhất là những người lính của SĐ 21 Bộ Binh: Trung Đoàn 31 Chương Thiện, Trung Đoàn 32 Cà Mâu, Trung Đoàn 33 Cần Thơ, và Thiết Đoàn 9 Kỵ Binh Sóc Trăng.

Hỡi những người chiến sĩ hào hùng của Sét Miền Tây, làm sao quên được các địa danh đã khắc sâu vào tâm khảm: Cà Mâu, U Minh Hạ, Rạch Giá, U Minh Thượng, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cần Thơ, Chương Thiện... Ai còn nhớ?...

Lời thơ do một chiến sĩ sinh lầy đã sáng tác vẫn còn văng vẳng, vọng từ rừng U Minh:

Mỗi con lạch là nỗi sót sa.
Mỗi dòng sông là một đọa đày.
Nước phèn nhuộm vàng màu quần trây dzi…

Tuổi Trẻ Dấn Thân

Cao Xuân Thanh Ngọc, K14/2

Đêm 16 tháng 11, năm 2019, tôi có cơ hội được tham dự và cống hiến thời gian của tôi tại buổi lễ... do Hội Quân Nhân Người Mỹ Gốc Việt tổ chức! Chương trình thật là cảm động, nhưng cảm động nhất là phần các anh chị em trong quân đội tri ân những chiến sĩ đã hy sinh cho nền tự do của nước Mỹ. Buổi lễ diễn ra thật trang trọng làm tôi không kềm được nước mắt.

Cái bàn nhỏ đặt ở nơi tôn vinh, được xếp đặt cho một người mà thôi! Bàn này là hình thức tượng trưng cho những đồng đội vắng mặt trong buổi tiệc tối hôm đó. Những người này là tù nhân chiến tranh, hoặc đã mất tích trong khi đang thi hành sứ vụ. Chúng ta gọi họ là "huynh đệ". Họ không thể có mặt với chúng ta tối nay, vì vậy chúng nên tưởng nhớ hoàn cảnh của họ.

Chiếc bàn nhỏ, đặt cho một người, tượng trưng cho sự yêu đuối của một tù nhân, một mình chống lại kẻ đàn áp. Khăn trải bàn màu trắng, tượng trưng cho ý chí tinh khiết của họ để trả lời kêu gọi của tổ quốc! Một tiếng chuông vang lên như lời tiếc thương gởi gấm của người còn lại. Một cánh hồng được trưng bày trong hình, nhắc nhở chúng ta về gia đình, và người thân của những đồng đội này, là những người giữ vững niềm

tin, mong chờ ngày họ trở về... Chiếc nơ vàng, nổi bật trên bình, là nhân chứng cho quyết tâm không khuất phục của họ để đòi hỏi rằng chúng ta không thể quên về việc mất tích của huynh đệ chúng ta!

Một tiếng chuông lại vang lên, như để nhắc nhở chúng ta hãy hướng tâm về họ... Một miếng chanh nằm trên đĩa để nhắc nhở chúng ta về số phận cay đắng của họ... Những hạt muối năm trên đĩa, tượng trưng cho những giọt nước mắt của gia đình trông chờ ngày họp mặt! Chiếc ly bị úp xuống vì họ không thể cụng ly với chúng ta đêm nay. Ngọn nến gợi nhớ đến ánh sáng của hy vọng, niềm sống trong trái tim của chúng ta để chiếu sáng con đường về nhà, tránh xa những kẻ bắt họ, đến vòng tay rộng mở của một quốc gia biết ơn. Chiếc ghế trống, họ không có ở đây!

Hãy nhớ rằng tất cả chúng ta đã từng phục vụ với họ, gọi họ là huynh đệ, phụ thuộc vào sức mạnh và sự trợ giúp của họ. Dựa vào họ, thì chắc chắn họ không chối bỏ chúng ta. Một tiếng chuông lại vang lên, kết thúc phân tri ân và tưởng niệm đến những quân nhân người Mỹ gốc Việt đã hy sinh, hay mất tích trên con đường bảo vệ nền hoà bình, tự do cho nước Mỹ và cho cả thế giới!

Cả hội trường im phăng phắc. Không ai nén được niềm xúc động và tự hào đối với những quân nhân đã khuất, cũng như những vị đang trên con đường phục vụ cho lý tưởng, tự do của dân tộc Hoa Kỳ! Trong buổi lễ đã có sự hiện diện của Chuẩn Tướng Flora Châu Lập Thể - một vị Tướng trong Vệ Binh Hoa Kỳ, và các vị cấp tá của những binh chủng khác nhau! Nhìn những em quân nhân chỉnh tề trong những bộ quân phục khác nhau mà tôi không khỏi cảm động! Bỗng nhiên, tôi thầm nghĩ đến những em sinh viên Hồng Kông. Họ thật đáng kính phục! Mặc dù cảnh sát Hồng Kông đàn áp rất dã man, nhưng họ vẫn không chùn bước, vì họ hiểu được giá trị của tự do dân chủ. Khi nền dân chủ đó bị lung lay, có nguy cơ bị một chế độ độc tài cai trị. Họ đã vượt qua được nỗi sợ hãi và đứng lên bảo

vệ bằng mọi cách!

Dân tộc Việt Nam ta có truyền thống yêu nước từ thời xa xưa! Lịch sử của dân tộc Việt Nam đã có rất nhiều vị anh hùng! Nhớ năm xưa, khi ông Nguyễn Phi Khanh bị giặc Minh bắt đi, lúc đó người con trai của ông, Nguyễn Trãi năm đó 27 tuổi đã khóc lóc quyết đi theo để chăm sóc cha mình. Ông Nguyễn Phi Khanh không đồng ý! Tới ải Nam Quan, ông đuổi con mình bảo phải quay về! Cha của Ông đã bị đày về Trung Quốc... "Làm trai là phải nuôi chí làm chuyện lớn, phản kháng, đánh đổ cái ác, thể hiện tấm lòng với giang sơn xã tắc, ghi tạc sử xanh mới đáng. Con đừng khóc nữa, trở về đi!"

"Thời thế cũng anh hùng là thế
Bước cạnh tranh là để nhường ai
Phải nên thương lấy giống nòi
Ra tay cứu với cuộc đời trầm luân
Đừng lầm lẫn theo phường nô lệ
Bán tổ tiên kiếm kế sinh nhai
Can tâm làm kiếp tôi đô
Nhọc nhằn báo quảng muôn đời hay chi
Sống như thế, sống đê, sống mạt
Sống làm chi cho chật non sông
Thề rằng chết quách cho xong
Cái thân cầu nợ ai mong có mình"

(Bài thơ sưu tầm)

Về sau, Nguyễn Trãi đã làm nên nhiều chiến công mà sử sách của dân tộc Việt Nam đã ghi lại rất rõ ràng!

Sau 44 năm dưới ách cai trị của Cộng Sản Bắc Việt, một phần lớn giới trẻ Việt Nam đã trở nên không còn cảm xúc đối với tồn vinh của đất nước. Họ hạnh phúc trên những thứ vật chất tạm bợ, sống một cách cẩu thả, ăn nhậu là chủ yếu, sẵn sàng chà đạp nhau để có được những gì họ muốn! Xã hội Việt Nam bây giờ nát hơn tương! Rừng vàng, biển bạc đã biến mất, nền giáo dục nhân bản đã bị hạ thấp trầm trọng, mọi người

thản nhiên ra tay chém giết nhau một cách lạnh lùng đến giật mình! Học sinh thì ra tay đánh nhau một cách tàn nhẫn, trong khi chúng bạn vây quanh cổ vũ và quay lại để khoe! Làm cha mẹ của những bé bị đánh và hành hạ, chắc chắn biết họ đau khổ và bất lực biết chừng nào! Chỉ có khi ai được làm cha, làm mẹ mới hiểu được nỗi khổ đau khi thấy khúc ruột của mình bị chuyện chẳng lành! Cũng không quên nhắc đến tai nạn xe cộ, thật là kinh khủng! Thức ăn thì bị đầu độc với hoá chất, tỷ lệ ung thư mỗi ngày một tăng... Còn biết bao nhiêu điều xấu xa nữa! Vậy thì có được xem là an bình không?

Thiếu nữ này, đứng giữa khói cay, đang tranh đấu cho tự do của chính mình và đồng bào của mình tại Hồng Kông, 2019

Mấy tuần nay, tôi xem cảnh sinh viên Hồng Kông bị đàn áp một cách tàn nhẫn, tay chân bị còng xiết dắt đi nhưng ánh mắt họ kiên cường, ngẩng cao đầu mà đi và không một tiếng than khóc! Tuổi trẻ Hồng Kông nuôi chí để dấn thân.cHọ hiểu rõ tự do không ai tự cho mình mà phải dành lấy. Khi cảm thấy được sự nguy hiểm của chế độ độc tài, độc đoán của Trung Cộng, họ đã vượt qua nỗi sợ hãi của bản thân, dù máu đổ xương rơi! Những cuộc tấn công dã man của cảnh sát Hồng Kông xảy ra liên tục hơn, tàn bạo hơn, và đẫm máu hơn. Những sự kiện này đã cho thế giới thấy được chế độ Cộng sản tồn tại trên thế giới này là đang đi ngược lại giá trị tự do dân chủ của nhân loại và cần phải bị xoá sổ! Có như vậy thì tia sáng tự do dân chủ sẽ sáng chiếu cho Hồng Kông và cho dân tộc Việt Nam thân yêu của chúng ta!

11.20.2019

Xuân Lại Về

Sao Linh, K30

Xuân lại về đây với gió Đông
Nắng Xuân phơn phớt má em hồng
Ngoài sân hoa cúc hoa mai nở
Tô thắm vườn Xuân bướm lượn vòng

Xuân ở nơi nây nhớ Xuân xưa
Đêm ba mươi Tết cúng giao thừa
Trên bàn thờ Tổ mâm ngũ quả
Cành mai vàng rực buổi ban trưa

Xuân lại về đây nơi xứ xa
Bồi hồi thương nhớ bóng mẹ già
Mỗi năm giúp mẹ lau chùi dọn
Bàn thờ năm mới cúng ông bà

Xuân ở nơi đây cũng tưng bừng
Cũng phong bì đỏ cũng bánh chưng
Hoa mai cúc huệ lan tươi thắm
Nhạc khúc Xuân vang tiếng chúc mừng

Tuy vậy sao lòng vẫn xót xa
Bao năm chưa nguôi nỗi nhớ nhà
Tôi người viễn xứ mùa Xuân ấy
Thầm ước ngày về ôi thiết tha.

THỜI GIAN

Minh-Nguyệt, K17/1
(Nam Sinh Tín)

Thấm thoát đã gần nửa thế kỷ sống nơi đất khách quê người. Thời gian trôi mau, biết bao nhiêu biến đổi trong cuộc đời của mỗi người và mỗi gia đình. Cuối tháng này sẽ là ngày lễ Tạ Ơn (Thanksgiving).

Theo tài liệu sưu tầm, Thanksgiving là một ngày lễ hàng năm được tổ chức ở hải ngoại, chủ yếu tại Hoa Kỳ, Canada, một số đảo ở Caribe và Liberia. Ý nghĩa lúc đầu của ngày lễ là mừng thu hoạch được mùa và tạ ơn Thiên Chúa đã cho sống no đủ và an lành. Đây cũng là ngày nghỉ lễ chính thức, cho tất cả những người lao động theo luật định tại Hoa Kỳ và Canada. Tại Hoa Kỳ, lễ Tạ Ơn được tổ chức vào ngày thứ Năm, *lần thứ tư* của tháng 11, vì thế ngày này có thể không phải là ngày thứ Năm cuối cùng của tháng 11 như nhiều người lầm tưởng. (Thí dụ có năm, tháng 11 có đến 5 ngày thứ Năm.) Tại Canada, nơi có vụ mùa thu hoạch sớm hơn, ngày lễ này được tổ chức vào ngày thứ Hai, *lần thứ hai* của tháng 10.

Nhân dịp lễ Tạ Ơn năm nay, tôi đi thăm Hằng, một người bạn học cùng trường mà tôi vừa tình cờ tìm ra sau bốn mươi năm chưa hề gặp lại. Trong lúc phi cơ đang bay đến tiểu bang

mà Hằng cư ngụ, tôi lấy giấy bút ra để sáng tác thơ cho quên đi thời gian ngồi mong đợi. Khi tới phi trường, Hằng đón tôi và đưa tôi thẳng về nhà, vì tôi đã hẹn sẽ ở tại nhà Hằng một tuần lễ. Tuy đã xa cách nhau bao nhiêu năm trời, tôi nhận thấy Hằng không thay đổi nhiều, vẫn trẻ trung vui tính như thuở nào. Tôi nhớ thuở còn đi học, Hằng vẫn thường nói đùa là chúng tôi có tên Hằng và Nga nên tình bạn đẹp như Hằng Nga, luôn khắng khít và tâm đầu ý hợp.

Trong thời gian tá túc ở nhà Hằng, tôi đã có những buổi đi chơi ăn uống đầy thú vị, và đã chụp được rất nhiều hình kỷ niệm. Vào ngày họp mặt lễ Tạ Ơn, tôi cũng có dịp gặp gia đình của Hằng, và họ đã tiếp đãi tôi rất nồng nhiệt và chu đáo. Hằng có sở thích làm thơ giống tôi, nên trong lúc hàn huyên tâm sự vào một buổi tối, tôi đã đọc cho Hằng nghe bài thơ Thời Gian mà tôi đã viết lúc ngồi trong phi cơ.

THỜI GIAN

Thời gian là cả bầu trời
Đan bao kỷ niệm một thời yêu đương
Để rồi ta lại vấn vương
Mộng mơ nhung nhớ sầu thương đợi chờ

Thời gian có nắng có mưa
Mây giăng gió bấc sương mờ tuyết sa
Thời gian có gần có xa
Có nhanh có chậm đậm đà nhạt phai

Thời gian có ngắn có dài
Có thương muôn thuở yêu hoài ngàn năm
Thời gian đẹp tựa trăng rằm
Thời gian không tuổi xoay vần tháng năm

Hằng nghe xong liền hỏi tôi như sau:

- *Bạn có biết từ ngữ Thời Gian có ý nghĩa gì nữa không?*

Tôi bỗng băn khoăn đến câu hỏi của Hằng. Thực ra tôi làm bài thơ Thời Gian là do cảm hứng mà thôi. Tôi chưa bao giờ

nghĩ đến định nghĩa của từ ngữ Thởi Gian. Ngay lúc đó, Hằng và tôi đã có một cuộc nói chuyện trao đổi tư tưởng khá lâu về từ Thời Gian và Đời Người như sau:

Định nghĩa về Thời Gian rất khó nếu phải đi đến chính xác. Thời Gian được hiểu theo nhiều cách. Thời Gian là trình tự xảy ra của các sự kiện, biến cố và khoảng kéo dài của chúng. Thời Gian có thể ngắn trong vài phút hoặc có thể dài đến ngàn năm. Thường thì ai cũng dùng từ Thời Gian trong lúc nói chuyện hoặc viết văn, như: Thời gian trôi (chỉ định những ngày tháng dần trôi); Thời gian quý giá (chỉ định sự vui vẻ hạnh phúc); Phí thời gian (chỉ định làm những việc vô ích lợi).

Các nhà triết học đúc kết rằng thế giới vận động không ngừng. Thời Gian là thuộc tính của vận động và phải được gắn với vật chất, vật thể. Giả sử rằng nếu mọi vật trong vũ trụ đứng im, khái niệm Thời Gian trở nên vô nghĩa. Chuyển động của con lắc (giây), việc tự quay của trái đất, biến đổi của mặt trời trên bầu trời (ngày), hay thay đổi hình dạng của mặt trăng (tháng Âm lịch), đôi khi được xác định bằng quãng đường mà một vật nào đó đi được, biến đổi trạng thái lập đi lập lại của một vật. Thời gian chỉ có một chiều duy nhất đó là từ quá khứ, hiện tại, và tương lai. Đó chính là trình tự của Thời Gian.

Có người hay nhớ về quá khứ, luôn nhớ tới những sự việc đã xảy ra để rồi hồi tưởng lại với niềm vui, hoặc cảm thấy nhớ nhung, tiếc nuối, hờn trách hay phê phán. Có người lại chỉ thích sống với hiện tại, làm sao được vui vẻ, khoẻ mạnh, và hài hoà đối với mọi người. Có người muốn nhìn xa về tương lai và chuẩn bị những dự án thật kỹ lưỡng để lưu lại và truyền đạt cho thế hệ mai sau.

Thời Gian chỉ tiến tới, không trở lui, và không dừng lại đợi ai cả. Dù con người sống cách nào, sự việc xảy ra trước đây đã không còn tồn tại nữa, tương lai thì chưa đến, hiện tại mới đáng lưu ý và trân quý. Đời người chỉ có một khoảng thời gian

ấn định cho sự sống còn. Con người được sinh ra và chào đời bằng tiếng khóc đầu đời, rồi sống theo vận số của Trời, trải qua bao nhiêu thăng trầm, hỷ nộ ái ố, và cuối đời hai tay buông xuôi, trở về với cát bụi như chiếc lá rụng về cội. Giữa người và người, thời gian sinh sống chỉ cần vui vẻ, thông cảm, vị tha, không gây tổn thương nhau, không tính toán phải trái hơn thua, không chỉ trích miệt thị, vì ai cũng có lý lẽ và lối sống riêng của họ. Thời Gian cũng là liều thuốc để hàn gắn, xoa dịu và chữa lành những vết thương.

Sau một tuần lễ vui vẻ thăm bạn hiền, tôi tạm biệt Hằng để trở về nhà mà lòng còn luyến tiếc. Trước khi chia tay tại phi trường, Hằng đã trao cho tôi một phong bì lớn màu vàng và bảo tôi hãy đợi mở ra xem sau. Khi phi cơ bắt đầu cất cánh, tôi mở phong bì và thấy lá thư của Hằng ở trong đó, tôi lấy thư ra để đọc.

Nga thân mến,

Đã gần nửa thế kỷ chúng ta mới gặp lại. Thật là Hạnh Phúc! Một tuần lễ trôi qua rất nhanh, chúng ta đã có rất nhiều niềm vui thích thú ôn lại thuở cắp sách đến trường. Nhân dịp lễ Tạ Ơn này, chúng ta phải cảm ơn Thượng Đế đã ban phước lành cho chúng ta được mạnh khoẻ và may mắn còn gặp lại nhau. Cảm ơn đất nước tự do đã cưu mang giúp đỡ chúng ta có được ngày hôm nay. Hằng gửi tặng Nga một tập thơ, trong đó có một số bài đã được phổ thành nhạc, băng nhạc được kèm theo trong phong bì. Khi nghe nhạc rồi, Nga nhớ gọi điện thoại cho Hằng biết ý kiến nhe. Hằng rất vui mừng được gặp lại người bạn tri kỷ và hiểu rõ mình hơn ai hết. Mong rằng sẽ có ngày sang thăm gia đình của Nga ở bên đó. Hằng sẽ liên lạc sau, hẹn ngày tái ngộ. (Hằng)

Đọc thư xong, tôi tìm cuốn băng nhạc trong phong bì, lấy ra xem. Ngoài bìa cuốn băng có hình của Hằng đứng gần những cành lá Thu vàng trông rất thơ mộng. Tôi lấy tập thơ ra để đọc. Hằng sáng tác thơ với nhiều thể loại, có tình yêu mộng mơ,

có tình đồng đội, tình quê hương, v..v. Bài thơ "Câu Hò Trên Sông" đã làm cho tôi hồi tưởng lại hình ảnh cô lái đò trên dòng sông nơi miền quê đất Mẹ.

CÂU HÒ TRÊN SÔNG

Tha phương trong nỗi nhớ nhà
Quê hương còn đó lòng ta héo mòn
Bao giờ trở lại bên sông
Nhìn đò xuôi chảy trên dòng Hương Giang
Có cô thôn nữ trong làng
Cất cao giọng hát vang vang câu hò:

Hò ơi, gió thổi đong đưa
Đò tôi xuôi ngược giữa trưa nắng hè
Mong sao giữ được làng quê
Đừng để giặc lấn chiếm về mất luôn
Thương quê nặng trĩu tâm hồn
Gửi làn gió nỗi đau buồn riêng mang

Thời Gian biến đổi mọi vật trên trần thế, nhưng không thể xoá nhoà được những kỷ niệm và hình ảnh dấu yêu trong tiềm thức của mọi người.

Thời Gian cứ thể từ từ trôi, và người người vẫn tiếp tục sống với những ước mơ, ý nguyện, kỳ vọng, tâm huyết, hoài bão, và tấm chân tình thương yêu ở Đời.

Ánh Sao Tỏa Sáng

Hạ Bá Chung, K10

Chuyện xưa vào ngày 30-4-1975, thủ đô Sài Gòn của nước Việt Nam Cộng Hòa bị thất thủ, do hành động xâm lược tàn bạo của 3 quân đoàn chính qui Bắc Việt, với hỗ trợ của các sư đoàn chiến xa T54, pháo binh 130 ly, súng phòng không, và hỏa tiễn.

Vì việc phản bội của nước bạn đồng minh Hoa Kỳ, các tướng lãnh và các đại đơn vị của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã rã ngũ, trong đó có 11 sư đoàn Bộ Binh. Hai sư đoàn thiện chiến tổng trừ bị là Nhảy Dù và Thủy Quân Lục Chiến, gồm có 8 lữ đoàn đã bị Bộ Tổng Tham Mưu biệt phái cho các quân đoàn vài ba lữ đoàn, nên không còn chính danh là đại đơn vị.

Tại chiến trường, chỉ còn lại 3 đại đơn vị chiến đấu tới phút cuối cùng, với sự hiện diện của cấp chỉ huy đầy dũng cảm. Đó là Thiếu Tướng Lê Minh Đảo, Tư Lệnh Sư Đoàn 18 Bộ Binh; Chuẩn Tướng Trần Quang Khôi, Tư lệnh Lực lượng Xung Kích Quân Đoàn III; và Đại Tá Phan Văn Huấn, Chỉ Huy Trưởng Lực Lượng Biệt Cách Dù.

Tướng Khôi tốt nghiệp Khóa 6 Võ Bị Đà Lạt. Tướng Đảo

và Đại Tá Huấn tốt nghiệp Khóa 10 Võ Bị Đà Lạt.

Tôi cũng tốt nghiệp khóa 10 Võ Bị Đà Lạt nên cảm hứng viết bài này về các bạn đồng môn. Đứng cạnh những bông hoa hồng, ta dĩ nhiên có được chút ít hương thơm.

Năm 1966, Đại Tá Nguyễn Đình Vinh, Khóa 10 Võ Bị Đà Lạt, đương nhiệm Đổng Lý Võ Phòng cho Trung Tướng Nguyễn Hữu Có, Tổng Trưởng Quốc Phòng trong chính phủ của Tướng Nguyễn Cao Kỳ, đã tổ chức ngày họp mặt đầu tiên của khóa tại Saigon.

Lê Minh Đảo cũng là ngôi sao đang lên, với cấp bậc Thiếu Tá, đương nhiệm tỉnh trưởng ở miền lục tỉnh. Đảo có đứng lên bục thuyết trình nói vài lời chào mừng bạn bè cùng khóa. Tôi được biết Đảo và chắc chắn Đảo chưa biết tôi trong đại hội này.

Đa số chúng tôi lúc bấy giờ còn mang cấp bậc đại úy. Tôi phục vụ ở vùng I Chiến Thuật, nên chẳng có cơ hội nào tiếp xúc với Đảo, kể cả thời gian đi tù "cải tạo". Đảo là cấp tướng bị giam ở trại Hà Tây, gần Hà Nội, còn cấp sĩ quan trung tá chúng tôi ở Liên Trại I tỉnh Yên Bái, gần biên giới Việt Trung.

Lần thứ hai, tôi bị chuyển ra Bắc, tôi mới có dịp chuyện trò cùng Đảo trong trại Hà Tây.

Tới khi Trung Cộng tấn công Viêt Nam, với lời nói xấc xược, "dạy cho Việt Nam một bài học", bằng cách tung ra 3 lộ quân tiến đánh các tỉnh miền biên giới Việt Trung, chúng tôi bị chuyển trại về trại "cải tạo" Nam Hà, miền trung du Bắc Việt.

Cuối năm 1981, chúng chuyển sĩ quan cấp trung tá chúng tôi về lại miền Nam. Những phần tử chúng cho là ác ôn thì về trại "cải tạo" Pleiku ở cao nguyên Trung Phần, trong đó có tôi. Phần còn lại về trại Xuân Lộc miền Nam.

Ngày Chủ Nhật đầu tiên ở trại Pleiku, tôi đang sắp xếp lại quần áo tại chỗ giường nằm, Trung Tá Trần Đăng Khôi, Khóa 16 Võ Bị Đà Lạt, Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn Dù và Trung Tá

Nguyễn Lô, Khóa 18 Võ Bị Đà Lạt, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu đoàn Dù lững thững bước vào thăm tôi.

Tôi chưa bao giờ gặp mặt hai vị sĩ quan này. Tuy vậy, họ tên cùng với chiến công hào hùng của hai vị sĩ quan này tôi đã được biết qua báo chí và đài phát thanh.

Tác giả, Đại Tá Trung Hoa Dân Quốc, Đại Tá Trần Quang Khôi và Trung Tá Cambodia trong chuyến du hành vòng quanh nước Mỹ do trường Leavenworth tổ chức (từ phải)

Sau khi Khôi giới thiệu tên và khóa của Nguyễn Lô, rồi tự giới thiệu tên và khóa của mình, Nguyễn Lô trầm giọng khẽ nói,

- "Niên trưởng khỏe không?"

Lần đầu tiên tôi nghe được từ ngữ "niên trưởng" làm tôi bâng khuâng suốt ngày. Danh xưng niên trưởng này chỉ có được từ Khóa 16 Võ Bị Đà Lạt, khi các khóa đàn anh dạy lại các khóa đàn em cũng đang thụ huấn tại trường.

Đêm nằm suy nghĩ lại, khi nghe thấy từ ngữ "niên trưởng" lần đầu tiên, tôi cảm thấy như nghe tiếng một trái bom tình cảm đồng đội nổ tung trong trái tim tôi, vì khi chúng tôi ở đỉnh vinh quang dưới chế độ Cộng Hòa, chúng tôi không tìm lại

với nhau để tự hào trong vòng hào quang chiến thắng, mà khi chúng tôi rơi xuống đáy địa ngục trần gian, chúng tôi lại tìm tới nhau để chia sẻ một nụ cười buồn.

Sau này tôi mới biết là, đó không phải là một quả bom tình cảm đồng đội mà là tình tự võ bị, vì danh xưng "niên trưởng" chỉ có ở Trường Võ Bị Đà Lạt.

Trên một chiến tuyến ngoài mặt trận, một sĩ quan Võ Bị Đà Lạt, sát cánh chiến đấu với một sĩ quan Võ Khoa Thủ Đức cùng sống chết có nhau là vì tình đồng đội. Còn khi một sĩ quan Võ Bị Đà Lạt khóa đàn anh, sát cánh chiến đấu với một sĩ quan Võ Bị Đà Lạt khóa đàn em, cùng sống chết có nhau là vì tình anh em.

Nhóm từ ngữ "tình tự võ bị" này cũng là lần đầu tiên tôi được đọc trên Tập San Đa Hiệu do Chủ Bút Phạm Đình Thừa gởi tới, khi tôi được đoàn tụ gia đình vào năm 1991 tại Hoa Kỳ. Tập San Đa Hiệu, vốn là tiếng nói của Tổng Hội Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam.

"Tình tự võ bị" đã được nảy sinh ra ở quê nhà trước đây lâu rồi, trên các mặt trận đẫm máu ở các chiến trường khắp bốn vùng chiến thuật, ở nơi có sự tham dự, chia cơm, sẻ máu của các cựu sinh viên sĩ quan các khóa của trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam.

Làm sao tôi nghe thấy nhóm chữ "tình tự Võ Bị" này được, khi mà suốt 7 năm ở vùng hỏa tuyến, tôi chỉ làm việc tham mưu trong Bộ Tư Lệnh Lực Lượng 3 Thủy Bộ Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ, rồi chuyển sang bộ Tư Lệnh Quân Đoàn 24 Lục Quân Hoa Kỳ.

Hai tháng sau ở trại "cải tạo" Pleiku, tôi sững sờ khi được gọi tên lên làm việc với hai cán bộ CS thuộc Bộ Công An Hà Nội. Chúng chỉ hỏi sơ qua về lý lịch của tôi, rồi ngày hôm sau, chúng đưa tôi ra phi trường Pleiku, lên máy bay của một hãng hàng không dân dụng trở lại miền Bắc về Hà Nội. Một chiếc xe hơi dân sự đã đợi đón tôi ở phi trường, đưa tôi về giam tại

hỏa lò Hà Nội. Tôi bị nhốt ở xà lim số 8, phòng số 3, nhìn kỹ trên tường còn có vết khắc tên các tù binh phi công Mỹ. Thiếu Tá Nguyễn Đức Thắng thuộc Cục Mật Vụ Trung Ương Tình Báo Phủ Tổng Thống bị giam ở phòng số 1. Thắng hiện nay đang cư trú tại San José.

Tôi bị chúng thẩm vấn nhiều lần, xung quanh hoạt động trong Bộ Tư Lệnh Lực Lượng 3 Thủy Bộ Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ. Chúng cho tôi xem bức hình Trung Tướng Hoàng Xuân Lãm, Tư Lệnh Quân Đoàn I, đang gắn lon thiếu tá cho tôi trong văn phòng tư lệnh. Đứng cạnh tôi là Trung Tướng R. Cushman Tư Lệnh Lực Lượng 3 Thủy Bộ Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ. Sau này về lại Mỹ, Trung Tướng R.Cushman đã có thời làm Giám Đốc CIA (Central Intelligence Agency).

Tôi giải thích nhiều lần cho chúng là, tôi phục vụ ở Phòng 3, thuộc về hành quân. An Ninh Tình Báo thuộc về Phòng 2. Chúng đều đã biết nguyên tắc tổ chức tham mưu là như vậy. Tuy nhiên, đa nghi vốn là bản chất của người Cộng Sản.

Sau khi chúng thấy tôi không có liên hệ gì về CIA, chúng đưa tôi về trại "cải tạo" Hà Tây vào một buổi chiều gần Tết Nguyên Đán. Chúng tạm giam tôi ở bệnh xá, nơi đây tôi gặp Trung Tá Nguyễn Tái Đàm, làm y tá trong coi về thuốc men ở bệnh xá. Tối hôm đó, Đàm nấu cho tôi một gói mì ăn liền, làm tôi cảm động về tình chiến hữu. Đàm loan tin cho bạn bè biết, tôi vừa bị giải từ hỏa lò Hà Nội về, tạm giam ở bệnh xá.

Sáng hôm sau là ngày Chủ Nhật, Tướng Đảo lấy cớ đi khám bệnh, tìm cách gặp mặt tôi, nói vài lời trấn an tôi, biết tôi xao xuyến về chuyến ra Bắc lần thứ hai này.

Tôi lặng lẽ quan sát Tướng Đảo. Mặc dầu đã bị giam cầm tới 6 năm, ăn uống đói khát, thường xuyên bị khủng bố tinh thần, Tướng Đảo vẫn còn dáng vẻ hiên ngang của một tướng lãnh, uy vũ bất năng khuất, nhất cử nhất động đều ung dung thoải mái, nói năng từ tốn và thân thiện.

Cũng buổi sáng hôm ấy, một vị lớn tuổi nhưng tráng kiện,

đi ngang qua phòng tôi trong bệnh xá, ông ta khẽ vẫy tay nhìn tôi chỉ vào cánh cửa. Tôi từ từ đi ra, dựa lưng vào tường. Ông ta đứng ngoài cửa khẽ nói,

- "Anh Chung! Không có gì mà phải lo sợ… "

Tôi gật đầu cảm ơn. Lát sau tôi hỏi Nguyễn Tái Đàm mới biết ông ta là Đại Tá Lại Đức Chuẩn, Khóa 5 Võ Bị Đà Lạt, Trưởng Phòng I Bộ Tổng Tham Mưu Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Ông ta là thân phụ của Đại Úy Hải Quân Lại Đức Hùng, Khóa 24 Võ Bị Đà Lạt.

Tình tự Võ Bị là như thế đấy, tôi rất hãnh diện được xuất thân từ Trường Võ Bị Đà Lạt.

* * *

Chuẩn Tướng Lê Minh Đảo, Tư Lệnh Sư Đoàn 18 Bộ Binh, năm 1974.

Tại Hoa Kỳ vào năm 2003, thành phố Westminster miền Nam Cali, hân hoan chào đón hơn một ngàn đại biểu, đại diện các quân binh chủng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, từ khắp nơi trên thế giới, nghe theo tiếng còi tập họp của Tướng Lê Minh Đảo, về họp mặt trong ngày Đại Hội Toàn Quân lần đầu tiên và có nhẽ cũng là lần cuối cùng, sau khi thủ đô Sài Gòn bị thất thủ vào năm 1975.

Trong một tuần lễ sinh hoạt, đại hội bầu ra được Hội Đồng Đại Diện do Giáo Sư Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh làm chủ tịch. Giáo Sư Vinh nguyên là Đại Tá Tư lệnh Không Quân thời Đệ Nhất Cộng Hòa và là khoa học gia về không gian tại Hoa Kỳ.

Tiếp đó, đại hội bầu Hội Đồng Điều Hợp do Tướng Lê Minh Đảo làm chủ tịch, có nhiệm vụ điều hành các sinh hoạt

chống Cộng trên các mặt trận chính trị, văn hóa qua 4 khu hội tại Hoa Kỳ và 3 khu hội hải ngoại là châu Âu, châu Úc, và Canada.

Vào năm 2005, Tướng Đảo tuyên bố từ chức chủ tịch Hội Đồng Điều Hợp mà không đưa ra lý do.

Lần thứ hai, tôi được chuyện trò cùng Đảo ở đại hội này.

Trước ngày tiền đại hội, khi Tướng Đảo đang đi quan sát trang trí phòng hội, vợ chồng tôi thong thả đi tới gặp Đảo. Tướng Đảo cười tươi tắn, bắt tay tôi và hơi cúi đầu chào lại bà xã tôi. Bà xã tôi khẽ khàng nói,

- "Thưa Thiếu Tướng, vợ chồng em tới mời ông bà Thiếu Tướng đi ăn bữa trưa nay, để em có được hân hạnh gặp mặt bà Thiếu Tướng."

Tướng Đảo vừa cười vừa xua tay nói,

- "Sao chị lại xưng hô như vậy. Chúng ta gọi nhau là anh chị đủ rồi. Chúng tôi là bạn học cùng khóa mà."

Gặp mặt Tướng Đảo trong kỳ đại hội này, lòng tôi có chút ngậm ngùi.

Tôi thấy Tướng Đảo có nét mặt đầy vẻ ưu tư, mất đi vẻ kiêu hùng và các trận cười hào sảng trong ngày đại hội Khóa 10, vào năm 1966. Phải chăng Tướng Đảo đã nhìn thấy các khó khăn to lớn trước mắt? Đứng ra tổ chức đại hội toàn quân có cả ngàn người tham dự, thì chắc hẳn Đảo phải biết tiền bạc là vấn đề lớn.

Tại quốc nội, Tướng Đảo đã vinh danh quân đội để bảo vệ Tổ Quốc, với cái giá phải trả là 17 năm trong ngục tù Cộng Sản.

Tại hải ngoại, Tướng Đảo đã vinh danh cấp tướng lãnh để bảo vệ sự đoàn kết của đoàn quân chiến bại với cái giá phải trả là sự xuyên tạc vu vơ.

Giờ đây trên bầu trời của đoàn người di tản xa quê hương,

một vì sao sáng đang dần dần mờ nhạt...

* * *

Đại Tá Trần Quang Khôi và tôi cùng thụ huấn bổ túc Anh ngữ trong 6 tháng tại trường Sinh Ngữ Quân Đội để chuẩn bị du học và cùng thụ huấn tại trường đại học Chỉ Huy và Tham Mưu Fort Leavenworth Hoa Kỳ, thời gian một năm.

Phòng của niên trưởng Khôi và tôi sát liền nhau, mỗi buổi sáng chúng tôi thả bộ dọc theo bờ hồ là tới các giảng đường.

Khi viết về niên trưởng Khôi, kỷ niệm đầu tiên hiện ra trong trí nhớ của tôi là bữa ăn tối tại tư gia của ông trước ngày du học. Ngoài tôi ra còn có Trung Tá Nguyễn Bá Mạnh Hùng, Khóa 10 Võ Bị Đà Lạt, và hai ba người nữa mà tôi quên mất tên.

Phu nhân Tướng Khôi là một phụ nữ miền Nam dịu dàng, hòa nhã dáng vẻ cao sang, lúc nào cũng có nụ cười trên môi.

Chúng tôi được thưởng thức một bữa ăn ngon miệng, với các món ăn được nâu nướng với các gia vị đặc biệt của người miền Nam. Mỗi khi tiếp món ăn cho chúng tôi, khuôn mặt niên trưởng Khôi luôn luôn rạng rỡ, cười nói,

- "Món này do chính tay bà xã tôi nấu đấy."

Sự ấm cúng, hạnh phúc của một gia đình như tỏa hương thơm trong không khí, làm tôi vô cùng ngưỡng mộ.

Cuộc đời binh nghiệp của niên trưởng Khôi lúc bổng, lúc trầm. Thời kỳ đắc ý nhất của niên trưởng Khôi là đảm nhiệm chức vụ Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn 3 Kỵ Binh dưới quyền Trung Tướng Đỗ Cao Trí, Tư Lệnh Quân Đoàn III.

Tới khi niên trưởng Khôi sáng tạo ra mô hình đơn vị tác chiến mới mẻ là Lực Lượng Xung Kích Quân Đoàn III, Tướng Trí đánh giá cao sáng kiến này, cho thực hiện và chỉ định Đại Tá Khôi làm tư lệnh lực lượng này.

Lữ Đoàn 3 Kỵ Binh có 2 thiết đoàn đoàn Kỵ Binh. Mỗi

thiết đoàn Kỵ Binh hành quân chung với một liên đoàn Biệt Động Quân thực hiện hành quân phối hợp nhị thức Bộ Binh và Thiết Giáp. Như vậy mỗi khi lâm trận, hệ thống chỉ huy được thống nhất giữa thiết giáp và bộ binh và tạo được tính linh hoạt mỗi khi hiệp đồng tác chiến.

Trong trận tấn công qua biên giới Việt – Miên đánh thẳng vào căn cứ đầu não của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam nằm sâu trong nội địa nước Miên, lực lượng xung kích Quân Đoàn III đã tạo được nhiều chiến thắng vẻ vang, mang lại niềm kiêu hãnh cho binh chủng Thiết Giáp.

Vận nước đến hồi mạt vận. Trung Tướng Đỗ Cao Trí, danh tướng số 1 của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, tử nạn khi máy bay trực thăng bốc cháy trên không trung, cùng với đám tùy tùng.

Trung Tướng Trần Văn Minh được bổ nhiệm vào chức vụ Tư Lệnh Quân Đoàn III. Rất tiếc, Tướng Minh không có kế hoạch hành quân rõ ràng. Chẳng bao lâu sau, Tướng Minh xé lực lượng Xung Kích Quân Đoàn III ra làm hai mảnh, một mảnh trả về Thiết Giáp, một mảnh trả về Biệt Động Quân. Niên trưởng Khôi bất mãn xin đi du học Hoa Kỳ.

Tổng Thống Thiệu phải bổ nhiệm Trung Tướng Thuần thay thế Tướng Minh.

Một năm sau, niên trưởng Khôi du học trở về. Tướng Thuần lên Bộ Tổng Tham Mưu yêu cầu trả Đại Tá Khôi về lại Quân Đoàn III, với trách nhiệm thiết lập lại Lực Lượng Xung Kích Quân Đoàn III như thời Tướng Đỗ Cao Trí, và bổ nhiệm Đại Tá Khôi làm tư lệnh lực lượng này.

Như cá gặp nước, Đại Tá Khôi đạt được nhiều chiến công oanh liệt và được thăng cấp chuẩn tướng ngoài mặt trận. Ngôi sao cấp tướng này đã làm Chuẩn Tướng Khôi vô cùng vinh dự, vì đây là ngôi sao chiến công của binh chủng Thiết Giáp.

Trong các vị tướng của QLVNCH có nhiều vị đội mũ đen binh chủng Thiết Giáp, như Trung Tướng Vĩnh Lộc, Trung

Tướng Hoàng Xuân Lãm, Trung Tướng Nguyễn Văn Toàn. Nhưng các vị này đã ra khỏi binh chủng Thiết giáp, sang làm tư lệnh sư đoàn Bộ Binh mới thăng cấp tướng.

Từ khi du học trở về, thời gian đi tù "cải tạo" tới khi định cư tại Hoa Kỳ, tôi chưa bao giờ có được tin tức về niên trưởng Khôi. Cách đây chừng bảy, tám năm, tôi đọc tuần báo Saigon Nhỏ phát hành từ Nam Cali, thấy đăng cáo phó của Chuẩn Tướng Trần Quang Khôi về người hôn phối đã tạ thế ở tiểu bang Virginia. Tôi sững sờ nhớ lại bữa cơm chị Khôi đã nấu nướng cho mấy người chúng tôi trước khi đi du học Hoa Kỳ.

Tôi mất nhiều thời giờ trước sạp thiệp chia buồn (sympathy) của nhà in Hallmark trong siêu thị Lucky, mới chọn lựa được lời viết chia buồn vừa thiết tha, vừa chân thành và các hình vẽ màu sắc trình bày thanh nhã sao cho phù hợp với con người của chị Khôi. Trang trong bên trái, tôi viết vài chữ, *"Kính niên trưởng. Vợ chồng tôi thành tâm xin được chia sẻ nỗi đau buồn của niên trưởng."*

Chừng hai, ba tuần sau, tôi nhận được bì thư nhỏ bé loại thiệp cảm ơn in sẵn của niên trưởng Khôi, vỏn vẹn hai hàng chữ với lời lẽ vô cùng cảm động. Đọc xong tôi ngạc nhiên đến sững sờ, không ngờ con người niên trưởng Khôi bề ngoài khô khan, nghiêm khắc mà có những lời lẽ đầy tình cảm thiết tha như vậy. Bà xã tôi đọc xong, cũng phải quay đi chùi vội giọt nước mắt, rồi nhìn tôi khẽ nói, "*Lòng em thương anh mà người ngoài còn nhìn thấy được. Em giữ tấm thiệp này*." rồi lặng lẽ cầm bì thư cất vào ngăn tủ.

Mấy bữa nay, tôi cố lục tìm tấm thiệp này mà không sao tìm được, vì bà xã tôi cũng đã đi về đất Phật hơn một năm rồi.

Tôi chỉ nhớ nội dung tấm thiệp là, niên trưởng Khôi diễn tả **ánh mắt u buồn của bà xã tôi nhìn tôi bước ra sân bay**, đến giờ phút này vẫn làm niên trưởng Khôi xúc động. Tôi nghĩ, những lời lẽ tình cảm thương nhớ về vợ chồng làm xúc động lòng người, chỉ viết ra được từ một người vợ hay chồng, vừa

mất đi người bạn đời của mình để lại mình sống trong cảnh tuổi già cô quạnh.

Trong cuộc chiến tranh Quốc – Cộng, tại miền Nam Việt Nam, tướng Khôi đã vinh danh binh chủng Thiết giáp, chiến đấu để bảo vệ quyền tự do, dân chủ cho người dân miền Nam với cái giá phải trả là 17 năm trong ngục tù Cộng Sản. Giờ đây, trên bầu trời của đoàn người di tản xa quê hương, một ngôi sao cô độc còn lập lòe chiếu sáng....

Chuẩn Tướng Trần Quang Khôi, Tư Lệnh Lữ Đoàn 3 Thiết Ky, 1974

Khi còn tại trường Võ Bị Đà Lạt, Đại Tá Phan Văn Huấn và tôi ở khác đại đội nên không quen biết nhau. Từ khi ra trường tới khi mất nước, Huấn và tôi vẫn chưa có dịp nói chuyện với nhau lần nào. Mãi tới năm 2002, Tổng Hội Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam tổ chức đại hội tại Nam Cali, tôi xuống tham dự mới chuyện trò với Huấn.

Tuy vậy, tôi đã được biết thành tích vẻ vang của Huấn trong binh chủng Biệt Kích Dù, vì tôi có người cháu con người chị ruột, cấp bậc đại úy trước thuộc Lực Lượng Biệt Kích Mũ Xanh của Mỹ, sau chuyển sang Lực Lượng Đặc Biệt biên phòng, dưới quyền của Huấn.

Một hôm, hắn từ San José xuông thăm tôi tại Fremont. Hai cậu cháu chuyện trò hỉ hả về chuyện ngày xưa khi còn mặc áo lính ở quê nhà. Bỗng nhiên, hắn cười hì hì rồi nói,

- "Gần đây cháu vừa tìm ra một nhân vật nổi tiếng, có nhiều liên hệ tới Biệt Kích Dù của cháu."

- "Sao bây giờ mới tìm ra. Là ai vậy?" Tôi ngạc nhiên hỏi.

Hắn làm một hơi hết nửa ly la-de rồi mới nói,

- "Cậu là vua đọc chuyện chưởng của nhà văn Kim Dung. Trong bộ "Lục Mạch Thần Kiếm", hai vị đại cao thủ nổi tiếng trong võ lâm là, "Nam Mộ Dung, Bắc Kiều Phong." Đòn sát thủ của Kiều Phong là "giáng long thập bát chưởng", còn đòn sát thủ nổi danh của Mộ Dung Cô Tô là "gậy ông đập lưng ông." Cậu thấy ai là người có liên hệ tới nguồn gốc Biệt Kích Dù của tụi cháu?"

Tôi nạt nó,

- "Thôi đi! Mày nói dóc tổ sư. Chuyện chưởng là chuyện chưởng ở bên Tàu, Biệt Kích Dù của mày là biệt kích dù ở Việt Nam. Tao chẳng thấy một chút dây mơ rễ má nào cả."

Hắn cười khoái trá nói,

- "Vậy mà có đấy! Công tử Mộ Dung Cô Tô sử dụng chiêu "gậy ông đập lưng ông", nghĩa là địch thủ có chiêu sát thủ nào thì sẽ bị chết vì chiêu sát thủ đó. Tỷ như chưởng môn phái Côn Luân nổi danh về "thất thương quyên", nếu đâu chưởng với Mộ Dung công tử thì chưởng môn phái Côn Luân sẽ bị chết về chiêu "thất thương quyền", có nghĩa là lục phủ ngũ tạng rời phương vị. Đại Tá Chỉ Huy Trưởng Biệt kích Dù của tụi cháu, sử dụng chiêu đó với tụi Việt Cộng. Chúng nó sở trường tác chiến ban đêm, Biệt Kích Dù chúng cháu tấn công tụi nó toàn vào ban đêm, như chúng cháu đã làm ở thị xã An Lộc, khi thị xã này bị chúng chiếm đóng, chúng cháu phải vào giải tỏa. Thị xã An Lộc bị chúng chiếm giữ đã lâu ngày, nên chúng cháu gặp nhiều khó khăn, chết khá nhiều, phải chôn ngay trong thị xã. Tuy vậy, chúng cháu tiêu diệt tụi Việt Cộng trọn ổ. Dân chúng cũng bị chết oan vì lạc đạn không biết bao nhiêu nữa. Một cô giáo ở thị xã An Lộc còn sống sót sau cuộc chiến, khi đi qua dãy mộ Biệt Kích Dù, đã tức cảnh sinh tình, làm ra một câu đối để đời,

An Lộc địa, sử ghi chiến tích
Biệt Kích Dù, vị quốc vong thân."

Nói xong, hắn cười ha hả khoái chí.

Tôi cũng phì cười, vì thằng này đúng là tổ sư nói dóc, nhưng nghĩ lại cuộc chiến ở An Lộc, thì chuyện xảy ra đúng như vậy. Tôi đẩy đĩa thịt nướng lại phía nó, rồi hỏi,

- "Vậy chứ Đại Tá Huấn của mày còn có chiêu thức "gậy ông đập lưng ông" nào nữa không?"

Hắn cười toe toét,

- "Đại Tá Chỉ Huy Trưởng của tụi cháu là vị chưởng môn mà. Thiếu gì chiêu thức sát thủ. Chiêu sát thủ thứ hai, ổng dạy cho tụi cháu. Mỗi khi chúng cháu nhảy toán vào mật khu của chúng, thường là rừng già giữa biên giới Việt - Lào, chúng cháu đã được huấn luyện cam go và được trang bị đầy đủ, y chang Việt Cộng. Chúng cháu đội nón cối, mặc đồ vải xanh dệt tại Nam Định, đeo súng AK47, y hệt tụi nó. Nói năng là mở miệng ra chửi thề tục tĩu. Đặc công Việt cộng giả dạng thường dân vào thủ đô, hay tỉnh lỵ đốt kho xăng, kho đạn của ta, thì chúng cháu cũng giả dạng Việt Cộng vào mật khu đốt kho xăng, kho đạn của chúng.

Tuy vậy, nhiệm vụ nhẩy toán của chúng cháu thường là thu thập tin tức tình báo quan trọng hơn. Có lần vào ban ngày, chúng cháu bất ngờ chạm mặt mấy thằng bộ đội chính quy Bắc Việt ở khe suối, cháu còn vỗ vai tụi nó, cho chúng hút thuốc lá rê nữa."

- "Thôi đủ rồi! Nhân danh bạn Khóa 10 với chỉ huy trưởng của mày, tao gắn cho mày một cái huy chương Đệ Nhất Đẳng Bội Tinh "nói dóc."Tôi cười nói.

Thế là hai cậu cháu tôi cười vang nhà.

Năm 2002, tôi xuống Nam Cali tham dự đại hội của Tổng Hội Cựu sinh Viện Sĩ Quan Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam.

Nhân viên ban tiếp tân dẫn tôi tới bàn dành riêng cho khóa 10, ngồi cạnh Huấn. Tôi bắt tay Huấn nói, "Tao, Chung", và Huấn cười đáp lại, "Tao, Huấn". Lúc ngồi xuống tôi mới chợt

nhớ ra hỏi, "Mày là Phan Văn Huấn?" Huấn cười nhẹ gật đầu.

Thế là tôi chủ động làm quen với hắn, gợi chuyện hỏi thăm về gia cảnh của hắn. Hắn trả lời nhã nhặn cầm chừng. Đến khi tôi chuyển đề tài sang nói chuyện về các bạn đồng khóa, thì hắn tham gia đầy nhiệt tình với các bạn ngồi cùng bàn, cười nói vui vẻ, ồn ào náo nhiệt.

Thừa lúc hắn ngả mình ra dựa vào thành ghế, tôi cũng làm như hắn, rồi quay sang hỏi,

- "Bao lâu rồi mày không trở lại thăm Đà Lạt?"

Đưa mắt nhìn tôi, hắn tươi cười trả lời,

- "Trước năm 1975, năm nào tao cũng lên Đà Lạt một, hai lần. Đó là thú vui duy nhất của tao, thời còn lại ở Sài Gòn. Tao luôn luôn dành riêng một ngày để sống y chang của một sinh viên sĩ quan dạo phố ngày Chủ Nhật. Buổi sáng tao dạo quanh chợ Hòa Bình để tìm ăn lại những món ăn khi xưa. Buổi trưa tao lái xe tới trường Võ Bị Đà Lạt cũ để nhìn cái công trường, mà môi khi đi ra đi vào, phải đi theo hàng và hát bài "Xuất Quân". Sau đó, tao thả bộ xuống thị xã nhỏ bé Saint Benoir, dạo quanh mấy phố, rồi trèo qua hai ngọn đồi trong rừng thông tới hồ Than Thở. Tao ngồi tĩnh tâm ở đó rất lâu, để lòng mình thanh thản nhớ lại chuyện xưa."

Tôi cười cười nhìn hắn, đoán mò,

- "Vậy là có một cuộc tình nho nhỏ áo trắng học trò ở Saint Benoir phải không?"

Hắn mỉm cười, im lặng.

Sau khi nghe chuyện tình dang dở của Huấn, tôi chợt nhớ lại chuyện tình cờ tôi được nhìn thấy một bông hồng tình yêu nở ra muộn màng vì hệ lụy của chiến tranh, trên đất Đà Lạt gió lạnh sương mù vào năm 1983...

Ôn Lại Biến Cố Phật Giáo 1963 Làm Sụp Đổ Nền Đệ Nhất Cộng Hòa.

Đặng Kim Thu, K19

Theo báo chí thời đó, biền cố Phật Giáo xảy ra ngày 6 tháng 5 năm 1963, hai ngày trước lễ Phật Đản, khiến dân chúng phẫn uất biểu tình phản đối. Tối ngày 8 tháng 5 năm 1963, khi Phật tử biểu tình kéo đến đài phát thanh Huế yêu câu phát thanh buôi lê, chánh quyên Huê chăng những không cho phát thanh mà còn đem xe bọc thép của Bảo An tới, ném lựu đạn giải tán làm chết 9 người và nhiều người bị thương (theo báo chí lúc đó).

Tiếp theo, Thiếu Tá Đặng Sĩ, Phó Tỉnh Trưởng Nội An tỉnh Thừa Thiên, tuyên bồ rằng ông chỉ cho đem xe bọc thép tới để bảo vệ đài, chứ không hề ra lệnh ném lựu đạn vào dân chúng. Chất nổ chết người thuộc loại plastic chỉ Việt Cộng mới có, để sử dụng phá hoại mà thôi. Quân đội VNCH không có loại chất nổ đó.

Nhưng phía Phật Giáo quả quyết là chính quyền cố tình đàn áp Phật Giáo, đòi chính quyền phải chịu trách nhiệm, xin lỗi và bồi thường thỏa đáng cho gia đình các nạn nhân.

Phía tranh đấu Phật Giáo cho lời tuyên bố của Đặng Sĩ như vậy là chánh quyền thiếu thành tín và tổ chức vụ tự thiêu đầu tiên của Hòa Thượng Thích Quảng Đức, 73 tuổi, tại ngã tư

đường Phan Thanh Giản và Lê Văn Duyệt, Sài Gòn.

Hình ảnh Hòa Thượng Thích Quảng Đức cháy như cây đuốc chiều sáng trên đài truyền hình Mỹ và xuất hiện trên các báo chí Mỹ khiến dân Mỹ kinh ngạc và xúc động.

Tin tức được biết sau đó là có một phái đoàn Phật Giáo do Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết hướng dẫn từ Huế vào Sài Gòn yết kiến Tổng Thống Diệm để yêu cầu xét lại quy chế Phật Giáo mà Dụ số 10 của Quốc Trưởng Bảo Đại dưới thời Pháp thuộc đã xếp Phật Giáo ngang hàng một hiệp hội. Phái đoàn yêu cầu cho Phật Giáo được bình đẳng với Công Giáo, tự do treo cờ và chấm dứt việc bắt bớ, khủng bố tăng ni, để Phật Giáo được tự do hành đạo và truyền đạo.

Sau ba ngày thương thảo, chánh phủ và phái đoàn Phật Giáo thỏa thuận một thông cáo chung gồm năm điểm:

1. Cờ Phật Giáo trong ngày lễ được treo ngoài đường, nhưng phải treo bên cạnh quốc kỳ Việt Nam, có kích thước lớn hơn.

2. Lập ủy ban liên bộ và liên phái để điều tra vụ chết người. Chánh phủ sẽ trừng trị người có tội.

3. Chính phủ sẽ bồi thường thỏa đáng cho gia đình có người chết ở đài phát thanh Huế.

4. Hội họp trong chùa không cần xin giấy phép. Chính quyền nới lỏng việc kiểm soát giấy tờ của chùa.

5. Quốc Hội sẽ nghiên cứu qui chế Phật Giáo.

Sau đó, Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết gửi thư cám ơn Tổng Thống Diệm và kêu gọi các sư trở về đời sống bình thường, cầu nguyện, tôn trọng thông cáo chung, tôn trọng luật phát quốc gia và tuân theo chỉ thị của Tổng Hội Phật Giáo. Hòa Thượng Khiết cũng tuyên bố chấm dứt phong trào tranh đấu, kéo dài cả tháng.

Tổng Thống Diệm đã hiệu triệu quốc dân, kêu gọi mọi người bình tĩnh và tin tưởng thiện chí dàn xếp của ông.

Công việc giải hòa đang tiến triển tốt đẹp thì bà Nhu lên tiếng đả kích vụ tự thiêu như là "một việc nướng thịt (barbecue) bằng xăng ngoại quốc". Vì thế dư luận Mỹ và quốc tế bị khích động đến cực độ.

Chưa hết, bà Nhu đã vậy còn ra một thông cáo, nhân danh Chủ Tịch Phong Trào Phụ Nữ Liên Đới chống phương thức hòa giải và nặng lời công kích một số các sư không phải chân tu.

Theo đề nghị của Bộ Trưởng Nguyễn Đình Thuần, Tổng Thống Diệm ba lần không cho đăng thông cáo nói trên, vì có hại cho công cuộc hòa giải đang tiến hành tốt đẹp; nhưng cuối cùng ông đã nhượng bộ bà Nhu.

Ông Diệm bảo:

- "Thảng hoặc tìm cách phổ biến hạn hẹp."

Ý của ông là muốn đăng trên Việt Tấn Xã thuộc Ban Ngoại Ngữ vào chiều Thứ Bảy.

Làm sao mà hạn hẹp được? Trong khi báo "Time of Vietnam" và báo "Journal d'Extrême Orient" đã đăng thì các báo Việt Ngữ sẽ dịch ra đăng lại. Thế là ngọn lửa đấu tranh lại bùng phát dữ dội.

Trở lại vụ tự thiêu của Hòa Thượng Thích Quảng Đức. Lúc đó, Tổng Thống Diệm đang dự lễ cầu hồn cho Giáo Hoàng Gioan 23 tại Vương Cung Thánh Đường Sài Gòn với nhân viên chính phủ, chủ tịch Quốc Hội và ngoại giao đoàn, thì Bộ Trưởng Nội Vụ Bùi Văn Lương báo các với ông về tin tức vụ tự thiêu. Tổng Thống Diệm khựng lại, rồi nói:

- "Có chi mô mà phải làm như thê?"

Ngay buổi chiều hôm đó, Tổng Thống Diệm cho công bố một bản hiệu triệu, nói:

- "Trong khi cuộc hòa giải đang tiến hành tốt đẹp thì sáng nay các tuyên truyền quá khích che dấu sự thật, gây hoài nghi về thiện chí của chính phủ khiến một số ngời bị đầu độc gây

một án mạng oan uổng làm tôi rất đau lòng."

Tình hình vẫn không lắng dịu. Qua tháng 8 lại xảy ra nhiều vụ tự thiêu: Đức Phong tự thiêu tại Phan Thiết ngày 4 tháng 8; nữ sinh Mai Tuyết Anh chặt tay cúng dường tại chùa Xá Lợi ngày 12 tháng 8; Diệu Nữ, 17 tuổi tự thiêu tại Hòn Khói - Nha Trang; sư Tiêu Diêu, 71 tuổi tự thiêu tại chùa Từ Đàm - Huế; và sư bà Diệu Không, mẹ của Đại Sứ Bửu Hội, dọa tự thiêu tại Huê.

Sáng hôm sau, Tổng Thống Diệm đã họp Hội Đồng Bộ Trưởng vào buổi sáng, rồi ban bố tình trạng thiết quân luật, và lệnh giới nghiêm trên toàn quốc. Quân đội được quyền khám xét nhà và bắt người hoạt động có hại cho an ninh quốc gia, cấm hội họp, kiểm duyệt báo chí, cấm tàng trữ các tài liệu có tính cách tuyên truyền chống đối chính phủ. Mọi vi phạm đều do tòa án quân sự xét xử.

Tướng Trần Văn Đôn được cử giữ chức Quyền Tổng Tham Mưu Trưởng, thay thế Đại Tướng Lê Văn Tỵ, qua Mỹ trị bịnh. Tướng Tôn Thất Đính được chỉ định làm Tư Lệnh Quân Đoàn III, kiêm Tổng Trấn Sài Gòn- Gia Định.

Ngoại Trưởng Vũ Văn Mẫu cạo đầu để phản đối và từ chức, nhưng chỉ được Tổng Thống cho nghỉ dài hạn một năm để đi hành hương qua Ấn Độ.

Ông Trần Văn Chương, thân phụ của bà Nhu, đang làm đại sứ tại Mỹ, đánh điện về phản đối và bị cách chức. Ông Đỗ Văn Lý được cử thay thế nhưng Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ trì hoãn không cho trình Ủy Nhiệm Thư. Sự kiện này cho thấy Bộ Ngoại Giao Mỹ đã có thái độ chống ông Diệm. Bà Trần Văn Chương, đại diện VNCH tại Liên Hiệp Quốc, cũng gửi điện từ chức.

Theo hồi ký của Linh Mục Cao Văn Luận, ông bà Trần Văn Chương chỉ ủng hộ ông Diệm lúc ông thành công, nhưng khi gặp khó khăn thì trở cờ, chẳng những không ủng hộ mà còn toa rập với những viên chức Mỹ chống ông Diệm. Đại

sứ Chương đã nói rằng ông Diệm đã cho lệnh giết hàng loạt người, gieo rắc khủng bố. Đại Sứ Chương đã tới nhà Đại Tá Lansdale (người trước đây đã giúp ông Diệm) nói phải lật đổ ông Diệm.

Khi đến Mỹ, Linh Mục Cao Văn Luận đã được Đại Sứ Chương dẫn đi gặp các viên chức và chính trị gia chống ông Diệm.

Lúc bao vây chùa, lực lượng bao vây được lệnh không bắt những sư mặc áo vàng, vì đó là những nhà "chân tu". Một sa di tên là Nguyễn Đình Chương nghe lóm được lệnh đó nên đã cởi áo vàng để cho Thích Trí Quang mặc vào, rồi leo tường qua bên Cơ Quan Viện Trợ Mỹ (USAID) để xin tỵ nạn, ở sát phía sau chùa Xá Lợi. Vì thế ông ta thoát khỏi cuộc bố ráp này.

Đã tới Sài Gòn nhưng chưa trình Ủy Nhiệm Thư, Đại Sứ Cabot Lodge liền tới cơ quan USAID gặp Thích Trí Quang, đứng chụp hình chung rồi đưa qua Tòa Đai Sứ Hoa Kỳ cho ông ta tỵ nạn chính trị.

Lúc này, Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết và Thích Thiện Hoa lên tiếng yêu cầu các sư tách ra khỏi chính trị, để trở về chùa lo tu niệm. Riêng Hòa Thượng Thích Thiện Hoa còn nói thêm rằng ông tán thành việc giám sát chùa và bắt các sư làm chính trị như là "biện pháp cần thiết để bảo vệ đất nước." Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết gửi thơ cho Tổng Thống Diệm yêu cầu cho Hòa Thượng Thích Thiện Hoa đến điều đình với chánh phủ để tìm giải pháp ổn thỏa.

Hai ngày sau, chánh phủ giao trả lại các chùa cho Hòa Thượng Thích Thiện Hoa và trả tự do cho một số sư sãi đã bị bắt.

Vấn đề Phật Giáo vừa tạm ổn thì ngày 23 tháng 8, Tướng Tôn Thất Đính ra lệnh đóng cửa các trường đại học và trung học. Hai ngày sau, sinh viên và học sinh xuống đường biểu tình rầm rộ. Cảnh sát và quân đội đã đến giải tán. Trong lúc hỗn độn hai bên xô xát nhau, bỗng có vài phát súng nổ. Nữ

sinh Quách Thị Trang bị trúng đạn chết trên đường Lê Thánh Tôn, gần chợ Bến Thành. Sau ngày 1 tháng 11 năm 1963, chánh phủ đã cho dựng tượng Quách Thị Trang tại bùng binh chợ Bến Thành. Giờ đây bùng binh này được gọi là Công Trường Quách Thị Trang.

Ngày 28 tháng 8, thư của Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết gửi cho Tổng Thống Diệm được công bố, lệnh giới nghiêm được dỡ bỏ; sinh viên, học sinh, phật tử bị bắt được trả tự do. Các trường học được mở cửa lại. Giới nghiêm được bãi bỏ.

Với việc thỏa thuận của các vị lãnh đọa Phật Giáo, trong đó có Hòa Thượng Thích Trí Quang, Tổng Thống Diệm chỉ thị cho Đại Sứ Bửu Hội tới Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc trình bày tình hình Việt Nam và mời Liên Hiệp Quốc cử một phái đoàn qua Việt Nam tìm hiểu sự thật, để xem có đàn áp Phật Giáo hay không. Thế nhưng vài ngày sau, Thích Trí Quang đổi ý, tuyên bố rằng việc Liên Hiệp Quốc cử phái đoàn qua Việt Nam là không cần thiết. Ông ta lại kêu gọi sinh viên, Phật tử liên tiếp xuống đường, khiên cảnh sát lại canh giữ các trường học và bắt giữ một số sinh viên và Phật tử.

Từ Sài Gòn, phong trào phản đối lan tràn ra các tỉnh Vĩnh Long, Biên Hòa, Nha Trang, Đà Lạt. Truyền đơn được phát ra từ chùa Xá Lợi kêu gọi sinh viên, học sinh xuống đường.

Ngày 11 tháng 9, bà Nhu đi dự hội nghị các nghị sĩ quốc tế họp tại Belgrade. Rồi bà qua Hoa Kỳ, như bà ta nói là để giải độc dư luận. Bà xuất hiện trên truyền hình Mỹ, đài phát thanh, và gặp một số chính khách Mỹ. Ít ra là tại 14 nơi khác nhau để bà giải thích chính sách của chánh phủ Ngô Đình Diệm. Bà Nhu cũng đồng thời phủ nhận không có đàn áp tôn giáo tại Việt Nam mà chỉ có một số sư quá khích muốn lật đổ chính phủ tạo ra xáo trộn mà thôi. Nhưng bà không thuyết phục được ai vì cá nhân của bà bị mang nhiều tai tiếng, cũng như cách nói năng của bà không gây được cảm tình từ người khác.

Lúc bấy giờ có lời đồn đại rằng ông Nhu nắm quyền quyết

định mọi việc. Thanh Niên Cộng Hòa mà ông Nhu là thủ lãnh gồm toàn công chức cao cấp của chính phủ. Họ được lệnh khi đi làm phải mặc đồng phục như của Thanh Niên Cộng Hòa.

Sĩ quan tùy viên Đỗ Thọ, người đã theo chân Tổng Thống Diệm tới buổi sáng cuối cùng ngày 2 tháng 11 năm 1963 trước khi ông bị giết, đã viết trong hồi ký là ông Diệm chán nản khi vụ Phật Giáo xảy ra. Ông nói số Tử Vi của ông trong năm đó rất xấu. Ông đã có lần muốn từ chức nhưng lại sợ miền Nam sẽ mất và tay Cộng Sản, khiến người dân sẽ cực khổ. Ông Đỗ Thọ cũng có nhận xét là ông Nhu đã lấn quyền Tổng Thống Diệm.

Biến cố Phật Giáo, đâu là sự thật? Bàn tay lông lá của CIA và của Hòa Thượng Thích Trí Độ ngoài Hà Nội là nguyên do của biến cố này. Ông Hoàng Hữu Khái, chánh án tòa án Huế và Thừa Thiên, cố giữ chức Tổng Thư Ký trong Ban Trị Sự Hội Phật Học Trung Việt, mà Thích Trí Quang là bí thư. Một hôm tình cờ, ông Khác đọc được lá thư của Thích Trí Độ, ở Hàn Nội gửi cho Thích Trí Quang, bảo phải tô chức phong trào Phật Giáo chống chế độ Ngô Đình Diệm. Thấy tình thế nguy hiểm đến sự nghiệp và bản thân, ông Khác xin từ chức Tổng Thư Ký và ra khỏi Ban Trị Sự Hội Phật Học.

Ông Khác liền báo cho ông Ngô Đình Cẩn biết, vì hai nhà ở gần nhau. Ông Cẩn không tin, bảo rằng ông đang chơi thân với Thích Trí Quang, chẳng lẽ ông ta lại giấu ông chuyện đó. Vì thế ông Cẩn đã không báo cho Tổng Thống Diệm.

Theo nhật ký của ông Đỗ Thọ, khi vụ Phật Giáo xảy ra, Tổng Thống Diệm đã cho rằng ông Ngô Đình Nhu đã "làm thât chính sách" mà gây ra. Ông đã nôi nóng đập cái gạt tàn thuốc bể tan.

Nhưng theo các báo cáo của Văn Phòng Chỉ Đạo Miền Trung và của Tỉnh Trưởng Thừa Thiên thì các xáo trộn xảy ra "do các sư ở chùa Từ Đàm gây ra." Cũng theo ông Đỗ Thọ, ông Cẩn có nói với ông Diệm là "đã thăm viếng thân mật

chùa Từ Đàm và thỉnh thoảng có mời các thượng tọa uống trà. Ngoài ra, ông cũng có gửi lễ vật hàng năm cho chùa Từ Hiếu, là nơi thờ phương cụ nội của anh em Tổng Thống Diệm."

Ông Diệm nói:

- "Đạo nào cũng là đạo. Ở mô cũng có cái đẹp, cái xấu. Mình bây giờ là đạo Thiên Chúa, nhưng ông bà, tổ tiên mình là đạo Phật cả, Các thượng tọa ở chùa Từ Đàm, Từ Hiếu, Diệu Đế cần được giúp đỡ. Chú tiếp tay với…"

Ông Đỗ Thọ cũng kể chuyện Tổng Thống Diệm không có ý đề cao Công Giáo và coi thường Phật Giáo, như trường hợp kinh lý tại tỉnh Vĩnh Bình. Trong lễ tiếp đón ông, khi thấy người ta treo nhiều cờ Công Giáo, ông tức giận, mặt hầm hầm, cầm cây ba toon nện xuống sàn phi cơ:

- "Đã nói đừng treo cờ Công Giáo, thằng tỉnh trưởng ni không nghe. Bảo nó dẹp hết treo cờ Việt Nam lên."

Ông chỉ xuống máy bay khi quốc kỳ Việt Nam được treo lên.

Ông Cao Văn Vỹ là người thân cận của ông Nhu thì nói rằng khi vụ Phật Giáo xảy ra ở Huế, ông Nhu đang săn bắn ở Ban Mê Thuột. Khi được báo tin thì ông Nhu nói:

- "Đây là đại họa cho chế độ rồi."

Theo linh mục Cao Văn Luận, nguyên Viện Trưởng Viện Đại Học Huế, viết trong sách "Bên Giòng Lịch sử" thì vụ Phật Giáo xảy ra như sau:

"Ngày 7 tháng 5 năm 1963, đức cha Ngô Đình Thục viếng nhà thờ La Vang về, dọc dường nơi nào ông cũng thấy cờ Phật Giáo tung bay… Không hài lòng, cha Thục cho mời đại biểu chánh phủ là ông Hồ Đắc Khương tới Tòa Giám Mục khiển trách là tại sao đã có lệnh cấm treo cờ tôn giáo hay đảng phái bên ngoài trụ sở, hay khuôn viên mà nay Phật Giáo lại treo cờ đầy đường như vậy?"

Ông Khương đã đánh điện vào dinh Gia Long xin chỉ thị.

Điện văn trả lời xác nhận rằng nghị định cấm treo cờ tôn giáo, hay đảng phái bên ngoài khuôn viên và trụ sở vẫn có hiệu lực. Vì thế, ông Khương đã chỉ thị cho các tỉnh trưởng phải triệt hạ cờ.

Thấy khó xử, ông Nguyễn Văn Đẳng, Tỉnh Trưởng Thừa Thiên, đến gặp ông Ngô Đình Cẩn để xin bỏ qua lệnh này cho đến sau ngày Lễ Phật Đản rồi sẽ tính. Ông Cẩn đồng ý bảo ông tỉnh trưởng gửi mật điện cho các nơi bảo đừng hạ cờ. Chuyện treo cờ coi như tạm yên, nhưng tối ngày 8 tháng 5, các sư thuyết pháp đả kích chính quyền rất nặng nề. Các tổ chức Phật tử tại Huế kéo đến đài phát thanh đòi phát lại trọn vẹn buổi thuyết pháp hồi sáng.

Đại biểu chính phủ và tỉnh trưởng không cho phát thanh. Trong lúc hai bên đang dằng co thì một tiếng nổ không biết từ đâu nổ ngay giữa đám Phật tử biểu tình làm nhiều người chết và bị thương.

Linh Mục Cao Văn Luận nêu ra ba giả thuyết:

* Một là người của chính quyền ném ra.

* Hai là do Việt Cộng trà trộn trong đám biểu tình ném ra, rồi quy tội cho chính phủ.

* Ba là do tình báo Mỹ chủ mưu.

Linh Mục Luận cho giả thuyết một khó tin, vì chính quyền không dại gì mà hành động như vậy. Chỉ còn lại giả thuyết hai và ba.

Theo lời tường thuật của ký giả Marguerite Higgins, được viết trong sách "Our Vietnam Nightmare" thì Bộ Trưởng Nội Vụ Bùi Văn Lương có khai với phái đoàn của Liên Hiệp Quốc vào ngày 3 tháng 12 năm 1963 rằng ông ta có ra Huế vào ngày 17 tháng 5, cùng một ngày với thông tư về thể lệ treo cờ. Theo thông tư này thì chỉ nói đến cờ Phật Giáo phải treo với cờ quốc gia, nhưng thấp hơn; chứ không cấm treo cờ Phật Giáo.

Khi thấy có nhiều cờ Phật Giáo treo trong thành phố rồi,

ông Bộ Trưởng Lương đã chị thị cho Tỉnh Trưởng Thừa Thiên tạm ngưng áp dụng thể lệ treo cờ mới. Ngoài ra, ông Lương còn đến chùa Từ Đàm giải thích thể lệ treo cờ và bảo đảm rằng thể lệ ấy không áp dụng trong trường hợp lễ Phật Đản. Các sư trong chùa, có cả Thích Trí Quang, nghe giải thích đều hài lòng. Rủi ro là vài cảnh sát chậm nhận chỉ thị nên có hạ một ít cờ Phật Giáo xuống. Thích Trí Quang, chụp lấy cơ hội ấy, sai một số sư đi bảo dân chúng hạ cờ, mục đích gây phẫn nộ trong dân chúng.

Phúc trình của Liên Hiệp quốc viết tiếp: "Lúc 8 giờ tối ngày 8 tháng 5, khi dân chúng kéo tới đài phát thanh, Thích Trí Quang có đến theo, cầm trên tay cuộn băng ghi âm bài thuyết pháp chống chính phủ của ông ta hôm dó, để đòi phát thanh lại. Trong lúc dân chúng la ó, chửi rủa, một số người ập vào hành lang của đài phát thanh. Quản đốc của đài hoảng sợ, chạy vào đóng cửa lại và điện thoại cho ông tỉnh trưởng. Ông ta cố xoa dịu để Thích Trí Quang nguôi giận, nhưng không được. Vì thế, ông ta phải gọi Thiếu Tá Đăng Sỹ, Phó Tỉnh Trưởng Nội An đem lực lượng Bảo An với xe bọc thép tới bảo vệ đài phát thanh.

Khi Thiếu Tá Đặng Sỹ đến, quang cảnh trước đài rất lộn xộn. Xe mô tô, xe đạp, và những người tham dự biểu tình đứng cản đường không cho xe tới gần. Dân chúng còn ném đá vào cảnh sát và nhân viên cứu hỏa.

Tỉnh Trưởng cùng đi với Thích Trí Quang vào bên trong đài và ra lệnh cho nhân viên cứu hỏa ngưng xịt nước vào đám biểu tình thì thình lình có hai tiếng nổ dữ dội trên hành lang. Tiếp theo là tiếng kính bể, tiếng súng bắn, tiếng nổ của lựu đạn cay hòa lẫn với tiếng la hét thất thanh.

* Thiếu Tá Đặng Sỹ khai rằng khi xe bọc sắt vừa đến cổng của đài phát thanh thì có hai tiếng nổ lớn. Vì trời tối và hỗn loạn nên ông ta không thấy gì đã xảy ra. Lại còn sợ Việt Cộng tấn công nên ông cho bắn ba phát sung chỉ thiên, ra lệnh cho

binh sĩ dùng lựu đạn cay để giải tán đám đông. Cuối cùng, dân chúng bỏ chạy.

Khi Tỉnh Trưởng và nhân viên chạy ra ngoài hành lang thì thấy có nhiều vũng máu và bảy xác chết tại chỗ và một em nhỏ nằm thoi thóp.

Tất cả những người chết đều nằm trên hành lang của đài phát thanh. Tóc và thịt văng tứ tung.

* Bộ Trưởng Nội Vụ Bùi Văn Lương khai: "Tôi đã xem kỹ xác các người chết này. Tôi thấy các thây đều bay mất đỉnh đầu, nhưng không có thương tích nơi ngực, hoặc bụng. Không có mảnh kim khí trên cơ thể người chết, kể cả trên hành lang và tại chỗ xảy ra án mạng.

Tôi yêu cầu bác sĩ giảo nghiệm các tử thi và gửi kết quả cho tôi. Bác sĩ đã khám nghiêm kỹ, mổ các bộ phận cơ thể ra để quan sát. Tôi đã nhận kết quả cuộc giảo nghiêm này."

Bác sĩ Lê Khắc Quyến, Tổ Trưởng Tổ Khám Nghiệm, Giám Đốc Biện Viện Huế đã báo cáo như sau: "Các người bị chết, được khám nghiệm, là do sức nổ trên không và áp xuất rất mạnh của hơi nổ đã làm họ trốc da dầu và nứt sọ não. Không thể biết chất nổ này là gì, vì không đối chiếu được với các loại chất nổ mà Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa có."

Liền sau ngày 8 tháng 5, Bộ Trưởng Bùi Văn Luong khai tiếp: "Tổng Thống Ngô Đình Diệm ra lệnh điều tra vụ chết người tại Huế. Một ủy ban gồm ba người được chỉ định: Trung Tướng Trần Văn Đôn, Quyền Tham Mưu Trưởng, và hai bác sĩ giải phẫu Pháp Y thuộc Bộ Y Tế. Sau khi thẩm vấn rộng rãi các nhân chứng, Ủy Ban đã tuyên bố rằng nguyên nhân gây chết người tại đài phát thanh Huế ngày 8 tháng 5 là "plastic".

Theo sách "Lịch Sử Tranh Đấu Phật Giáo Việt Nam" của tác giả Kim Đạt, do "Viện Phật Học Quốc Tế" xuất bản năm 1981, đã viết như sau:

"Ngày 14 tháng 4 Âm lịch (tức là ngày 7 tháng 5), Cảnh

Sát thành phố Huế được lệnh yêu cầu các nhà lãnh đạo Phật Giáo thông báo cho tín đồ và dân chúng phải hạ cờ Phật Giáo. Chiều hôm đó, các cấp lãnh đạo Phật Giáo gồm Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết, Thích Huyền Tôn, Ban Tổ Chức Đại Lễ Phật Đản đến tòa hành chính tỉnh đưa nguyện vọng, trong đó có đoạn đòi hỏi treo cờ Phật Giáo trong ngày Phật Đản, vì coi đó là lý do chính đáng.

Trong lúc phái đoàn đang thương lượng thì dân chúng các nơi kéo về, khoảng 5.000 người, trước tòa tỉnh trưởng, chờ được giải thích. Ông Tỉnh Trưởng tuyên bố: "Lấy làm tiếc vì cơ quan công quyền chấp hành sai lệnh của thượng cấp."

Theo yêu cầu của phái đoàn, Tỉnh Trưởng chấp thuận cho xe phóng thanh đi khắp thành phố loan báo cho toàn thể tín đồ, dân chúng rõ về quyết định của chính quyền "không có gì thay đổi. Đồng bào cứ treo cờ như mọi năm. Không có chuyện cấm treo cờ." Tối hôm 8 tháng 5, khoảng 1.000 người với các sư, trong đó có Hòa Thượng Thích Đôn Hậu và Thượng Tọa Thích Trí Quang, kéo tới chùa Từ Đàm. Nơi đây họ được các sư bảo kéo đến đài phát thanh đón xe hoa từ Đà Nẵng ra (một sự lừa bịp). Vì thế dân chúng kép về đài phát thanh rất đông. (Mục đích xem xe hoa.)

Theo sách "Làm Thế Nào Để Giết Một Tổng Thống" của Cao Thế Dung thì Thiếu Tá Đặng Sỹ được sự đồng ý của Tướng Lê Văn Nghiêm, Tư Lệnh Vùng I và Sư Đoàn 1 Bộ Binh đưa các lực lượng sau tới đài phát thanh: Quân Trấn, chi đội cơ giới Bảo An, Hiến Binh, và Quân Cảnh.

Các lực lượng này không hề được dùng để đàn áp dân chúng mà để giải tán họ, như dùng "vòi rồng" của xe cứu hỏa xịt nước, hay đưa súng lên ngang ngực để đẩy lui người biểu tình, cho xe từ từ tiến đến gần đài phát thanh. Khi xe của ông Đặng sỹ tới gần đài khoảng 50 m, một tiếng nổ lớn phát ra, rồi một tiếng nổ nữa. Lúc đó, vì sợ Việt Cộng tấn công, Thiếu Tá Đặng Sỹ bắn súng chỉ thiên ra hiệu cho binh sĩ ném lựu đạn

cay vào đám đông.

Sau này được biết, chất nổ chết người là "plastic" của CIA, mà người ném ra là James Scott. Năm 1966, trong cuộc hành quân ở Nam Đông, Đại Úy James Scott, có vấn Tiểu Đoàn 1/3, Sư Đoàn 1 Bộ Binh, mới tiết lộ vụ ấy cho Đại Úy Bửu, Tiểu Đoàn Trưởng.

Ngoài chuyện Scott nhìn nhận là người ném plastic ấy, y còn mô tả đó là một loại chất nổ đặc biệt của Trung Ương Tình Báo Mỹ (CIA). Thể tích của nó không lớn hơn bao quẹt và có bộ phận điều khiển canh giờ kích hỏa. Loại chất nổ này không trang bị cho quân đội VNCH. Như vậy, biến cố Phật Giáo là một biến cố được dàn dựng và được các thế lực chống ông Diệm điều khiển.

Sau khi ông Diệm bị hạ bệ và bị giết, Phật Giáo không còn bị đàn áp và ở thế thượng phong. Vậy mà họ vẫn tiếp tục tranh đấu với những vụ xuống đường, tự thiêu, và đưa cả bàn thờ Phật ra lộ cản trở lưu thông. Sự kiện này cho thấy một số sư Phật Giáo đã lạm dụng danh nghĩa Phật Giáo, đê tranh đâu cho những mục tiêu chính trị. Có thể tìm hiểu thêm qua các tài liệu sau đây:

- Theo sách " A Death in November" của Tiến Sĩ Ellen J. Hammer, khi Đại Sứ Bửu Hội về Việt Nam để khuyên can thân mẫu, là sư bà Diệu Không, đừng tự thiêu, ông có nhận được thư của Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết và Thích Tâm Châu. Hai ông đã phàn nàn rằng Phật Giáo đã bị dùng vào mục tiêu chính trị. Trước ngày quân đội bố ráp chùa, tính chất tôn giáo của cuộc khủng hoảng không còn nữa. Cuộc khủng hoảng hoàn toàn đang do các thê lực chính trị lèo lái. Các sư đã đi quá xa nên chính phủ buộc lòng phải đối phó.

- Đại Sứ Bửu Hội có trao hai bản sao lá thư đó cho Hội Đồng Liên Hiệp Quốc. Phần lớn các sư không biết ý đồ của Thích Trí Quang nên đã bị y lợi dụng.

- Ký giả Marguerite Higgins có được Thích Trí Quang mời

đến chùa Xá Lợi để nói chuyện. Nhân dịp này, y cho biết công khai: "Chúng tôi không thể thương thuyết với miền Bắc cho tới khi hạ được Diệm - Nhu." (Our Vietnam Nightmare, trang 28.)

- Tiến Sĩ Ellen J. Hammer cũng viết tương tự như vậy, Bà còn viết thêm rằng: "Thích Trí Quang còn muốn có một người trung lập lãnh đạo ở Sài Gòn."

Cả hai tác giả đều viết rằng: "Thích Trí Quang có nói với một viên chức Mỹ ở Huế, hai ngày sau vụ chết người ở đài phát thanh Huế đêm 8 tháng 5 năm 1963 rằng y sẽ "không ngừng tranh đấu cho tới ngày chính phủ sụp đổ"."

Như thế là Mỹ biết rõ âm mưu của Thích Trí Quang. Riêng Marguerite Higgins, bà ta có báo cho Tổng Thống Kennedy biết ý đồ của Trí Quang, nhưng Kennedy không phản ứng vì trùng hợp với ý muốn của ông ta. Vì thế, Kennedy muốn lợi dụng Trí Quang để thực hiện kế hoạch đảo chánh. "Hai chí hướng gặp nhau" nên Kennedy bao che cho Trí Quang tỵ nạn trong Tòa Đại Sứ Mỹ ở Sài Gòn, khi bị chính quyền lùng bắt.

Trong những tháng đầu năm 1965, tình hình chính trị miền Nam suy sụp, McNamara cho đó là sai lầm của Mỹ, "v*ì những rắc rối lớn mà Trí quang đã gây cho chúng ta và sẽ còn gây ra thêm nữa*".

Một trong những kế hoạch thâm độc nhứt của Trí Quang để đạt được mục tiêu lật đổ chính phủ là tổ chức "tự thiêu", lừa phỉnh những người hâm mộ đạo, nhẹ dạ tự hủy hoại mình; vì không có gì gây xúc động dư luận cho bằng một con người tự đốt mình cháy như cây đuốc, một cách cực kỳ thảm thiết. Đó cũng là phương thức thúc đẩy Hoa Kỳ phải hành động, khi dư luận Mỹ và thế giới cho đó là hành động độc ác của chính phủ Ngô Đình Diệm. Chính phủ này đã áp bức ghê gớm đến thế nào đến nỗi phải có những hy sinh ghê gớm như vậy để phản đối.

Không thể tự sức lật đổ chính phủ, Thích Trí Quang phải

dựa vào Hoa Kỳ và Hoa Kỳ cũng mượn tay Thích Trí Quang, vì cả hai đều có mục đích giống nhau: "Lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm". Bà Marguerite Higgins cũng có nhận định rất đúng rằng: "Thích trí Quang chỉ muốn cái đầu của ông Diệm không phải đặt trên khay bạc, mà phải bọc trong quốc kỳ Mỹ."

Trước Toà Án Quân Sự Sài Gòn, Đặng Sỹ khai: "Tôi có hai tội. Một tôi là Công Giáo. Hai tôi là một quân nhân tuân theo lệnh cấp trên." Thiếu Tá Sỹ cũng khai thêm rằng ông ta đã bị nhốt nhiều tháng trong sà lim tối để ép ông đổ tội giết người cho Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục. Nếu ông ta cung khai như vậy thì sẽ được trả tự do. Ông ta đã từ chối.

Thích Trí Quang thường rêu rao là Phật Giáo bị đàn áp nên phải nổi dậy chống đối chính quyền Ngô Đình Diệm. Nhưng sau cuộc đảo chánh 1963, sau khi ông Diệm bị sát hại, Phật Giáo vẫn tiếp tục gây rối loạn như vụ Hội đồng Nhân Dân Cứu Quốc tại miền Trung năm 1964, vụ Phật Giáo đấu tranh năm 1965, vụ biến động miền Trung năm 1966, làm tê liệt công cuộc chống Cộng Sản.

Hậu quả của việc làm Thích Trí Quang là phá hoại quốc gia, theo kế hoạch của Hào Thượng Thích Trí Độ, từ Hà Nội chỉ đạo. Dù muốn hay không thì Thích Trí quang và một số sư theo phe của ông ta khó tránh được trách nhiệm trước lịch sử.

Các vụ tự thiêu

Lợi khí tranh đấu của Thích Trí Quang và một số sư sãi theo ông ta rất hiểm độc. Đó là các vụ tự thiêu được tổ chức rất quy mô, chỉ thấy có ở Việt Nam. Theo ký giả Marguerite Higgins: "Trung tâm tổ chức tự thiêu là ngôi chùa Xá Lợi trang nghiêm giữa Thủ Đô Sài Gòn." Bà Marguerite đã được Thích Trí Quang mời tới chùa nói chuyện với mục đích nhắn gửi đến Tổng Thống Kennedy là sẽ có hàng trăm vụ tự thiêu để nói lên quyết tâm đấu tranh của Phật Giáo Việt Nam. Đến viếng chùa vào giữa tháng 7 năm 1963, ký giả Higgins tả: "Chùa ấy không còn là một nơi trang nghiêm, yên tịnh của đạo

giáo, mà là một trung tâm truyền đi những mệnh lệnh tranh đấu, phát truyền đơn chống chánh phủ, những mệnh lệnh cho những toán người tổ chức tự thiêu."

Vói mục đích nhằm vào các ký giả ngoại quốc, các biểu ngữ viết bằng tiếng Anh: "Youth of Vietnam be ready to sacrifice yourselves for Buddhism." (Tuổi trẻ Việt Nam sẵn sàng hy sinh cho Phật Giáo.) "Youth of Vietnam resolutely in the footsteps of Thich Quang Duc." (Tuổi trẻ Việt Nam kiên quyết theo chân của Hòa Thượng Thích Quảnh Đức.)

Dưới đây là hai vụ tự thiêu hụt mà phái đoàn điều tra của Liên Hiệp Quốc đã tường trình:

1. Người tình nguyện tự thiêu là một chú tiểu 19 tuổi, nhân chứng thứ 10 trong phúc trình đề ngày 3 tháng 12 năm 1963 của Phái Đoàn Liên Hiệp Quốc.

Lời chú tiểu:

- "*Lúc đó vào tháng 10 năm 1963, tôi được nghe nói về sự tàn bạo của chính phủ đôi với Phật Giáo. Nào là việc các sư bị đánh đập, bẻ gãy tay, nhận nước cho chết, mổ bụng, moi ruột gan ra khiến tôi hết sức đau lòng. Một ngày nọ, có một sinh viên tự xưng là của hội sinh viên đấu tranh, tới rủ tôi theo phong trào Phật Giáo. Tôi nhận lời vì đó là chính nghĩa của đạo Phật.*

Ngày 20 tháng 10, người thanh niên đó tới gặp tôi xưng tên là Linh, và nói hội sinh viên hoạt động cho cách mạng. Ngày 23 tháng 10, Linh đưa tôi tới một trường học để gặp hai người nữa. Hai người này nói họ cần 10 người tình nguyện tự thiêu và hỏi tôi có muốn không? Tôi nhận lời... Họ bảo tôi phải tự thiêu vào ngày lễ Quốc Khánh 26 tháng 10... Họ nói tôi sẽ được cấp một bộ áo quần trắng và một áo vàng tẩm xăng... Một xe mang bảng "có quyền ưu tiên" sẽ chở tôi tới nơi... Họ cho tôi hai viên thuốc để uống trước cho không cảm thấy đau.

May cho tôi, vài ngày trước đó, tôi tới gặp một người bạn thân tên Hải để từ giã. Tôi cũng nói lý do vì sao. Hải hoảng

hốt bảo tôi đừng dại dột. Những chuyện đồn đãi chính quyền đàn áp Phật Giáo, bức hại tăng ni, phật tử là hoàn toàn bịa đặt. Hải khuyên tôi bỏ ý định tự thiêu."

2. Người thứ hai định tự thiêu là một sư tên Phạm Ngọc Cam, do ông Ivan Matteo Lombardo, nguyên Bộ Trưởng Sản Phẩm của chính phủ Ý, thuật lại trong tập II Borghese, như sau đây:

"Cam ở một tỉnh xa Sài Gòn và được Ban Tổ Chức tự thiêu kể cho nghe chuyện đốt chùa, tra tấn các sư một cách tàn nhẫn, ghê gớm. Họ nói nếu Cam tự thiêu thì sẽ có cơ duyên luân hồi là một cao tăng, hay một bồ tát. Cam ưng thuận và được đưa vào Sài Gòn, cấp cho "một can xăng", để tới ngày tự thiêu thì đâm thủng rồi châm lửa. Chỗ tự thiêu là phía sau nhà thờ Đức Bà, đường Thống Nhất. Không ngờ các ngã đường vào nhà thờ bị phong tỏa hết nên Cam đi theo một con đường khác. Khi qua một ngôi chùa khác thì thấy có nhiều người đi lễ. Cam đứng trước cửa chùa ngơ ngác thì bị hai cảnh sát đứng gần đó để ý. Thấy Cam có thùng xăng, họ giữ Cam lại để hỏi. Cam đã kể lại đầu đuôi câu chuyện như trên. Cam đưa cho họ hai viên thuốc mà họ nói uống vào thì không đau khui tự thiêu."

Phòng giảo nghiệm phân chất hai viên thuốc ấy thì thấy công hiệu của nó còn kém hơn "aspirine".

Tóm lại, hai trường hợp điển hình này là do một tổ chức lừa phỉnh lòng mộ đạo của những người nhẹ dạ, dễ tin để hy sinh cho những mục tiêu chính trị. Những người tình nguyên tự thiêu là những người rất đáng thương hại.

Đối với Thích Trí Quang, người chủ mưu các vụ tự thiêu, không biết ông ta có đặt vấn đề luân lý hay không? Cả về vấn đề tôn giáo nữa? Sách Nho có câu: "Dục tu tiên đạo, tiên tu nhân đạo. Nhân đạo bất tu, tiên đạo viễn hy!" (*Muốn tu đạo tiên, trước phải tu đạo làm người. Không tu đạo làm người, thì đạo tiên xa lánh vậy!)*

Giờ đây, sống dưới chế độ Cộng Sản, không biết ông ta,

Thích Trí Quang, có ăn năn, xám hối cho hành vi "làm mưa, làm gió", phá hoại nền dân chủ, tự do của VNCH, hay không?

Chú thích: *Ông Thích Trí Quang, được nhắc tới như một người đã gây ra nhiều xáo trộn trong lịch sử chính trị của VNCH vào thập niên 60, đã tạ thế vào ngày 8 tháng 11 năm 2019 tại Huê, sau khi bài này đã được viêt.*

Ông Đồ

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực Tàu, giấy đỏ
Bên phố đông người qua
.....

Năm nay đào lại nở
Không thấy ông đồ xưa
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?

Thơ Vũ Đình Liên (trích đăng).

Răng Để Mất Huế Của Em?

Giang Văn Nhân, D22

Rời nhà thăm nuôi, Thảo lững thững trở về trại, tay đong đưa cái giỏ xách lỉnh kỉnh mấy thứ mà người tù khao khát, thèm muốn. Họ là các quân nhân VNCH ngày trước, bị bắt tại mặt trận. Cộng Sản đã tập trung họ vào các trại tù, phải làm việc khổ sai, với lượng thực phẩm dưới mức căn bản tối thiểu cho người tù. Huống chi họ phải làm việc nặng, nếu chẳng may bị bệnh họ dễ tìm nơi yên nghỉ vĩnh viễn vì không có thuốc chửa trị.

Được thăm nuôi bất chợt, lòng Thảo rộn rã niềm vui xen lẫn xót xa không sao diễn tả được. Vài bánh đường mật sẫm màu hình cái chén, dăm gói bột gạo lức Bích Chi, chai dầu tràm..., cả một hy sinh to lớn của thân nhân vào thời gian đó. Vào thời gian này, lần đầu tiên Cộng Sản ra lệnh đổi tiền, mỗi gia đình chỉ đổi tối đa 200 đồng miền Bắc Cộng Sản, số tiền VNCH còn lại chỉ là giấy vụn.

Thảo được bổ sung về một tiểu đoàn TQLC đang hành quân tại Bình Định Qui Nhơn, rồi về bảo vệ Sài Gòn Tết Mậu Thân 1968, sau đó hiện diện ở đồng bằng sông Cửu Long. Theo đơn vị, Thảo có lúc lênh đênh trên sóng nước dũng mãnh tiến lên bờ, khi bay bổng giữa trời cao hùng hổ tràn mặt đất. Bạn bè, đồng đội, lần lượt người cũ giã từ ra đi, người mới bổ

sung thay thế.

Cuối tháng 3 năm 1972, Cộng Sản Bắc Việt vượt vĩ tuyến 17 tấn công Gio Linh, Cam Lộ, nhưng chúng bị thảm hại tại Đông Hà. Đầu tháng 5 năm 1972, Chuẩn Tướng Tư Lệnh SĐ3/ BB vùng hoả tuyến bất thần triệt thoái, tỉnh Quảng Trị bỏ ngỏ, các đơn vị VNCH lui về phòng tuyến Mỹ Chánh. Ròng rã hơn 4 tháng với biết bao xương máu của chiến sĩ QLVNCH trải đường đê phản công, cuối cùng cờ VNCH phất phới trên thị xã Quảng Trị ngày 15 tháng 9 năm 1972.

Sau Hiệp Định Paris, đơn vị tổng trừ bị của QLVNCH lần lần biến mất để trở thành đơn vị diện địa cho Quân Đoàn I, phân tán mỏng đóng chốt đối diện ngày đêm với địch. Vì thế đơn vị không còn khả năng lưu động. Quân nhân bổ sung từ năm 1973 chỉ biết địa hình quanh quẩn các vị trí chốt có sẵn trên bản đồ hai tỉnh địa đầu giới tuyến.

Tháng 3 năm 1975, lệnh triệt thoái bỏ Cao Nguyên thuộc Quân Khu II, ngày 25 tháng 3 bỏ hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên thuộc Vùng I chiên thuật, các đơn vị đang bảo vệ vùng đất này nay phút chốc bị bỏ rơi trở thành thân cá chậu chim lồng oan ức.

Qua mấy lần chuyển trại từ Tà Cơn về Cồn Thiên, tháng 8 năm đó tù nhân các trại tự lực cất xong những căn nhà ("lán") ngăn nắp. Từ đó mỗi sáng Chủ Nhật thân nhân được phép địa phương đến thăm, tay xách nách mang thực phẩm, thuốc men để giúp người tù còn tồn tại.

Trong lúc anh em đang ngóng chờ gặp thân nhân thì Thảo ung dung quên hết chuyện đời tập trung vào ván cờ tướng, các thế trong "Tượng Kỳ Bí Quyết" được áp dụng, Pháo Đầu Mã Đội dũng mãnh, hay Bình Phong Mã phòng thủ để tấn công. Cứ mỗi lần Thảo tấn Chốt sang sông là cõi lòng xốn xang, hình dung thân phận của đơn vị ngoài trận tuyến. Người chơi cờ mưu lược (tướng giỏi), liên hoàn thế trận, chốt qua sông vây hãm khiến tướng địch hoảng loạn (như trong các thế cờ

tàn). Ngược lại chủ soái bất tài đem chốt thí, không xử dụng đúng khả năng Mã, Pháo, Xe nên dù binh hùng mạnh cũng phải tan rã.

Anh Hồ Liệu (Tiểu Đoàn Trưởng TĐ119 Địa Phương Quân Quảng Trị) vừa gặp thân nhân ở khu vực thăm viếng trở về, bất thần gặp Thảo, anh vui vẻ bảo:

- Này! Có người lên thăm anh ngoài nớ.

Anh Liệu nheo mắt nói tiếp:

- O ni có mái tóc thề, trông khéo lắm.

Thảo hiểu anh Liệu không bao giờ nói trạng, tuy ngạc nhiên nhưng vẫn bình tĩnh:

- Tội quá ông anh, trêu tui làm chi rứa!

Anh Liệu bước đi, tiếng trả lời vọng lại:

- Đợi chút xí rồi biết.

Thảo đang phân vân suy nghĩ thì nhận thông báo có thân nhân ở nhà thăm viếng. Thảo có cô em gái út, tóc dài xõa phủ bờ vai, học trường Trưng Vương. Nhưng Thảo chắc chắn không phải rồi, vì khi ở Tà Cơn, anh từ chối nhắn tin cho gia đình qua đài phát thanh CS. Thảo sực nhớ tại sao không hỏi anh Liệu về cô gái mà anh đề cập là người ở miền nào?

Thảo ngưng suy đoán, anh ghé vào nhà trực ban của trại và đọc tên người đến thăm mình: Nguyễn Thị Sầu Đông.

Một cái tên xa lạ, Thảo chưa từng quen biết, thôi đừng suy nghĩ viễn vông, để lòng thanh thản với niềm vui vừa chớm nở bước ra cổng trại. Thảo đi chậm rãi, anh muốn được kéo dài cái cảm giác bâng khuâng sung sướng, một niềm hạnh phúc mông lung cỏn con trong trạng thái ảo tưởng về cô gái tóc thề liêu trai, sợ khi đối diện với thực tế mình là người tù, chưa hình dung ngày mai sẽ ra sao, sẽ khó tìm lại được cảm giác này.

Thân nhân và người tù tìm vị trí thích hợp để tâm tình bên

ngoài nhà thăm viếng. Thảo nhìn cử chỉ thương mến dạt dào của người vợ gặp lại chồng, sau những chuỗi ngày vô vọng tìm kiếm trên khắp chiến trường, dọc theo bờ biển Thuận An, Phú Thứ mà họ tưởng là vùi dập đâu đó. Người chồng gương mặt sửng sờ, ánh mắt không che dấu được niềm xúc động vô biên trước sắc diện kém tươi của người bạn đời, đôi vai gầy đang run run thổn thức kể lại ngày đau thương đó. Vắng chồng nên nàng phải gánh vác hết mọi trách nhiệm, đối phó bao khắc nghiệt đang đổ ập xuống. Một bức tranh toàn cảnh thật đẹp, người phụ nữ thay chồng tiếp tục chiến đấu trực tiếp với bọn Cộng Sản cho sự sống còn của cả gia đình.

Thảo loay hoay tìm bóng dáng người con gái mái tóc thề, có lẽ nàng trong nhóm người đang lóng ngóng nhìn theo các con đường dẫn vào đây. Chợt nghe tiếng gọi:

- Anh Thảo.

Thảo nhanh nhẹn bước tới. Hai ông bạn đồng đội rằn ri Chánh (TĐ3) và Điệp (TĐ5) đang giơ tay vẫy chào. Thảo chợt thấy hai cô gái:

- Chào Vy, chào Hiệp.

Hiệp nở nụ cười thật tươi, Thảo thoáng hiểu mọi việc.

- Vậy mà anh đi tìm cô gái liêu trai Nguyễn Thị Sầu Đông.

…..

Vào Tiết Hạ Chí, gió Nam Lào nóng rát. Cơn ho vẫn còn dai dẳng chưa dứt, Thảo được Y Sĩ Trưởng Tiểu Đoàn cấp giấy giới thiệu chụp hình phổi ở Bệnh Viện Nguyễn Tri Phương. Trước khi trở ra Quảng Trị, anh ghé chợ Đông Ba và cuối cùng tìm mua được hai xấp vải như ý muôn. Là khách hàng, anh được cô gái tiếp đãi rất niềm nở. O giải thích từng loại vải, tùy thuộc vào mục đích mình muốn may, mỗi cây vải tuy cùng loại hoặc cùng màu nhưng khổ vải lại khác nhau. Sau khi nghe Thảo trình bày, O tính toán nhanh chóng bao nhiêu thước cần phải có, nam giới không rành rỏi về việc này, nên Thảo phó

thác mọi việc cho cô gái. Sau khi nhận hàng, Thảo cảm ơn cô gái với phong cách của người miền Nam:

- Cảm ơn em gái. Xin phép được biết tên em, để khi khác có dịp anh sẽ nhờ em giúp dùm.

- Dạ! Em tên là Hiệp.

Sau khi Thảo trao xấp vải cho người thợ may ở xóm làng hồi cư Nại Cửu, thì anh thợ may khen ai lựa mình vải rất tốt, v à người bán đã tính xác xuất chi ly nên vải thừa không có là bao nhiêu.

Trong thời gian này, có lớp học bổ túc cấp đại đội tại Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn TQLC ở Mỹ Chánh, Thảo và Trung Úy Chánh được tiểu đoàn đề cử đi học lớp sau cùng. Đây là lúc tâm trí thoải mái, nên cuối tuần Thảo vô Huế vui chơi, để khỏi nuối tiếc khi xong lớp học trở về đơn vị. Đã định hướng trước Thảo trở lại gian hàng vải, cô gái đang kết toán sổ sách niềm nở trả lời:

- Dạ, chị Hiệp một chút nữa sẽ tới.

Đường Trần Hưng Đạo xe cộ qua lại dập dìu, nhà sách Văn Minh đủ thể loại sách báo, sinh ngữ Anh Pháp Việt, cho mọi trình độ trong xã hội. Người con gái mái tóc thề bước chậm rãi đi vào gian hàng vải.

- Chào Hiệp

Cô gái khẽ gật đầu chào với nụ cười nở trên môi:

- Chào anh Thảo, em có thể giúp chi cho anh đây?

- Hôm nay anh vô Huế chỉ ghé thăm và cảm ơn Hiệp.

- Ý anh muốn chi rứa?

- Đúng ra là như thế này.

Thảo kể chuyện về anh thợ may làng Nại Cửu, về đồng phục thực hiện cho toán bóng tròn và bóng chuyền của đại đội

được anh em yêu thích.

Từ buổi ban đầu đó, nảy sinh mối thâm tình trai tiền tuyến, em gái hậu phương.

Thảo hồi tưởng tháng ngày qua:

- Anh theo đơn vị hành quân khắp các vùng chiến thuật, năm 1970 ra Quảng Trị và khi đến Cố Đô Huế phong cảnh hữu tình, áo trắng học trò, chiếc nón bài thơ, anh mới hiểu câu ca dao ngày trước:

"Học trò trong Quảng ra thi,
Thấy cô gái Huế chân đi không đành."

Hiệp nhìn về cầu Trường Tiền, giọng êm nhẹ:

- Trường em bên tê bờ sông Hương, em lớn lên vùng Hồ Tịnh Tâm trong Thành Nội. Em nhớ mãi không bao giờ quên là Tết Mậu Thân chìm trong khói lửa và ẩn hiện màu áo rằn ri của các anh.

.....

- Anh Thảo tụi em ghé chợ Đông Hà tìm mua bánh ướt thịt phay cho các anh đó, anh còn nhớ các quán cơm ở Đập Đá không?

- Đây là tôm chua, các anh rán ăn cho nhiều để có sức khỏe.

Bỗng dưng đôi mắt hai cô chớm đỏ, ẩn sau màn sương mỏng long lanh. Trong hoàn cảnh hiện tại, ba người chúng tôi hiểu trọn vẹn tình cảm của Vy và Hiệp là mong chúng tôi cố gắng giữ sức khỏe để mà sống. Một thời gian ngắn ngủi mà hình hài chúng tôi thay đổi quá nhanh, biết có chịu đựng nổi thời khí, bệnh tật và cơn đói dày vò thân xác hay không.

- À Hiệp, em có người anh Hải Quân, chắc em rời Huế sớm phải không?

- Anh của em phục vụ trong Nam có nhắn tin về gia đình. Thật ra mọi người thấy đơn vị TQLC và Nhảy Dù còn ở Quảng Trị, Huế nên ai nấy an tâm, sinh hoạt vẫn bình thường.

Không ngờ Nhảy Dù rút đi, rồi bộ chỉ huy TQLC chuyển vô Đà Nẵng, người dân hoảng sợ, gánh gồng vật dụng, bỏ nhà cửa chạy theo.

Hiệp kể lại cuộc hành trình cam go từ Huế vào Đà Nẵng, rồi từ đó xuôi Nam. Mọi người chen chúc, tranh giành nhau lên tàu tìm con đường sống cho cá nhân mình, không ai màng đến người chung quanh. Hiệp bị họ ép gãy cánh tay bên trái, đau đớn trên suốt cuộc hải hành, rồi kế tiếp niềm đau chung khi miền Nam bị cưỡng chiếm.

Nét u buồn vẫn còn trên gương mặt, bổng dưng Hiệp nhìn Thảo trách móc:

- Các anh là lính TQLC. *Răng để mất Huế của em?*

Thảo im lặng, tránh ánh mắt người con gái, anh nhìn cánh tay trái của Hiệp mới được cắt băng vào tuần trước, mà hôm nay vượt đường xa đến đây.

Tiếng hàn huyên của mấy bà vợ đang chờ đợi chồng, kể cho nhau về đoạn đường từ Huê ra Đông Hà, rồi tìm mướn xe thồ (Honda ôm) theo Quốc Lộ 9 đến Cam Lộ. Đoạn đường đất đến Cồn Thiên nhấp nhô thật vất vã, có chị than van:

- Gian nan này chỉ vì thăm chồng. Nếu là cha của mình, chắc tui phải đành mang tội bất hiếu mà thôi.

Vy chia cho chúng tôi những viên kẹo có bọc rượu Vodka, Cognac ở chính giữa, khi kẹo tan dần sẽ thưởng thức được hương vị của rượu bay thoát ra từ hai cánh mũi. Hiệp khẻ mỉm cười:

- Cho các anh hưởng loại kẹo này lần cuối cùng nghe, vì sẽ không còn nữa mô.

Bóng cảnh vật dần dần ngả dài về hướng Đông, Vy và Hiệp phải kiếu từ, hẹn một lần khác đến thăm. Nhìn theo hai chiếc xe thồ cho đến khi khuất hẳn sau con dốc, chúng tôi bắt tay từ giã, chúc sức khỏe và theo ba hướng khác nhau trở về trại.

Cuộc sống trong trại tù chậm chạp trôi qua, giờ đây mỗi khi

màn đêm buông xuống, lúc bao tử cồn cào dữ dội, một muỗng bột Bích Chi mà Thảo nhai và nuốt từ từ để có cảm giác như thấy được nó trôi lần theo thực quản. Hôm nào về lán với thân xác rã rời, bỏ chút đường bánh (hình cái chén phải đập bể từng miếng nhỏ) vào miệng, chất ngọt tan biến ra từng thớ thịt. Mỗi lúc trở trời một giọt dầu tràm giữ ấm toàn thân.

Anh em cất thực phẩm được gia đình tiếp tế trên giàn cao. Kể từ lúc đó hàng đêm nghe tiếng chuột đuôi nhau chạy nên Thảo nảy ý định đóng chiếc hộp nhỏ để bắt chúng. Những ngày hành quân ở Vùng 4 Chiến Thuật, sau mùa gặt lúa anh em trong đơn vị thường ra đồng dậm cù để bắt chuột. Họ xào thịt chuột với bắp chuối, một xị rượu đế quả thật tuyệt hảo. Hầu hết mọi người sống trong thành phố đều có ấn tượng xấu về con chuột vì chúng chui rúc trong cống rãnh. Nhưng chuột sống ở rừng, đồng ruộng ăn thức ăn thiên nhiên, nên thịt của chúng là chất đạm dinh dưỡng tốt cho sức khỏe.

Sau khi vài chú chuột trong nhà bị vướng bẫy, Thảo đem đặt bên kia bờ suối đối diện với nhà bếp. Miếng mồi để trong hộp chỉ là mảnh sắn (khoai mì) nướng. Mỗi lần lội qua suối, Thảo bắt gặp nụ cười của anh An, đội trưởng và Chánh, bạn cùng khóa thuộc đội nấu ăn. Chiều ra suối tắm cũng là dịp ghé thăm bẫy, hầu hết mồi bị kiến cùng các loài côn trùng ăn lần mòn, tuy nhiên có hôm được con sóc, sau khi cạo lông sạch sẽ, trông nó chẳng khác chi một con chuột. Dọc theo bờ suối, những cây to gãy đổ còn trơ lại gốc, tất cả đều chìm trong nước. Thảo nhặt dưới lòng suối một khúc gỗ nhỏ dài khoảng nửa thước, anh Nguyễn Đôn, đội trưởng cho biết đây là ròn của cây "Ngấn", một danh mộc rất tốt.

Từ lúc gặp Sầu Đông, buổi thăm viếng ân tình làm vấn vương tâm hồn Thảo. Anh suy nghĩ mông lung, cảm giác nhẹ nhàng tựa như làn khói chiều luồn lách khỏi nhà bếp, tỏa rộng và biến mất trong không gian. Thảo cũng ước muốn cho tâm tình này được trở thành sương khói. Ý tưởng chợt thoáng qua, một bài thơ, bức tranh vẽ, hay hình ảnh. Khúc gỗ Ngấn hình

dạng kỳ lạ màu hồng nghệ đã giúp Thảo có quyết định. Dụng cụ để khắc là con dao nhỏ khui thịt hộp ở nhà bếp, cưa và đục của đội mộc mà Thảo đang phục vụ. Tất cả đã có đầy đủ, nhưng còn đề tài thì như thế nào? Thảo nhớ câu nói hôm nào của Vy và Hiệp:

- Các anh rán ăn cho nhiều để có sức khỏe.

Phải chăng cả hai Vy và Hiệp muốn nói là sự "Sống".

Thảo hồi tưởng tâm trạng chán nản, tức giận pha lẫn niềm chua xót. Tại sao các đơn vị không cùng ở lại chiến đấu đến giọt máu cuối cùng? Tại sao rút bỏ khi chưa thực sự đối đầu với lực lương địch? Tại sao những phương tiện yểm trợ hữu hiệu của Không Quân và Hải Quân thì biệt tăm? Tại sao chỉ còn những người lính Lục Quân chúng tôi, lúc xung trận luôn luôn ở tuyến đầu, lúc lui binh ở đoạn hậu là tấm chắn trì hoãn? Suy nghĩ đó đeo đẳng Thảo suốt tuần lễ, cuối cùng anh tìm ra lối thoát.

Bố cục là âm và dương, buồn với vui, khổ đau và hạnh phúc, dĩ vãng với tương lai.

Trong lúc mọi người ngóng đợi gọi tên mình ra nhà thăm viếng, Thảo cặm cụi cưa, đục và gọt với con dao nhỏ. Một khúc gỗ vô tri sau hai tuần đã thành bức tượng cao hơn hai tấc. Tuy kỹ thuật còn non kém, nhưng Thảo sung sướng vì nó tiềm ẩn một sức sống, gói ghém được hết tâm tư của mình.

Thế cờ đang hồi gay cấn, Thảo bỏ Pháo, dùng Mã làm tuyến cản, tấn Chốt và Xe ủi thẳng vào bộ chỉ huy địch chuẩn bị chiếu Tướng. Bỗng có tiếng gọi tên Thảo ra ngoài nhà thăm viếng gặp thân nhân. Thảo trở về lán, bàn tay trái cầm bức tượng, bàn tay phải vuốt lại mái tóc cho xuôi nếp, anh nhìn vết thẹo vẫn còn ửng đỏ bên dưới ngón tay do con dao khắc gây ra, mắt trông lên bầu trời thoảng vọng trong không gian:

"Răng Để Mất Huế Của Em?"

CHIẾN TRANH VIỆT NAM
KINH NGHIỆM XƯƠNG MÁU CHO CÁC THẾ HỆ MAI SAU

Nguyễn Văn Nam, K20

Chiến tranh Việt Nam đã kết thúc gần nửa thế kỷ, nhưng niềm đau mất nước của một dân tộc nhược tiểu đã đi vào lịch sử. Chúng ta đã bị các đại cường bức tử và mất đi một cơ hội để trở thành một quốc gia hùng mạnh tại vùng Đông Nam Á. Không những chúng ta đã bị đồng minh quay mặt, mà chúng ta còn bị vu khống, bôi nhọ, kể cả Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Mục đích của họ chỉ để che lấp hành vi phản bội của chính phủ Hoa Kỳ, vốn trước đây đã yểm trợ cho VNCH.

Hai nhận xét của hai cấp lãnh đạo Hoa Kỳ, mà hành động của họ đã có ảnh hưởng rất lớn đối với chiến tranh VN, sẽ cho chúng ta thấy rõ được vấn đề:

* Thống Tướng Westmoreland, cựu Tư Lệnh Quân Đội Hoa Kỳ tại Việt Nam, đã phát biểu rằng:

- "QLVNCH đã chiến đấu đơn độc trong điều kiện eo hẹp không tiếp tế, kéo dài đến ngày 30/4/1975. Một việc mà không một quân đội nào trên thế giới có thể làm tốt hơn, kể cả quân đội Hoa Kỳ."

* Tiến Sĩ Henry Kissinger, Bộ Trưởng Ngoại Giao Hoa Kỳ, thủ phạm chính trong việc sắp xếp kế hoạch bỏ rơi đồng minh

VNCH, quá sốt ruột không thể kiên nhẫn đợi chờ VNCH bị sụp đổ, không dằn được đã thốt lên một câu thật vô cùng đáng tiếc:

- "Tại sao đến giờ nầy mà họ không chịu chết phức đi cho rồi?!"

Hai câu nói có hai nhận định khác nhau của một tướng lãnh quân đội Mỹ, đại diện cho quân đội Hòa Kỳ đã từng tham chiến tại Việt Nam; và của một chính trị gia Hoa Kỳ, có khuynh hướng bán đứng Việt Nam, hoàn toàn đối nghịch nhau.

Đại Úy Nguyễn Văn Nam, Khóa 20, chiến sĩ xuất sắc của Tiểu Đoàn 30 BĐQ, 1971 (từ trái).

Một có ý khen tặng sức chiến đấu bền bị, can trường của Quân Lực VNCH, trong khi nhận định thứ hai có tính cách mỉa mai cay đắng vì sự kiện xảy ra đã không đúng theo ý định bán đứng VNCH cho thế lực Trung Cộng. Điều này cũng lại chứng tỏ cho chúng ta thấy rằng QLVNCH đã phải chiến đấu đơn độc, thiếu tiếp viện vũ khí và đạn dược, và hoàn cảnh rất khó khăn, nhưng vẫn cố gắng tồn tại, bộc lộ được khả năng và tinh thần chiến đấu oai hùng của QLVNCH

Vào năm 1960 QLVNCH thật sự chưa đủ khả năng để chống trả trước cuộc xâm lăng của giặc Cộng, đúng như Mỹ đã đánh giá. Trận Ấp Bắc vào năm 1960 là một thí dụ điển hình. Đó chỉ

là một trận đánh cấp tiểu đoàn đầu tiên mở màn cuộc xâm lăng Miền Nam của giặc Cộng, cũng đã gây khó khăn và lúng túng cho QL/ VNCH. Mãi đến năm 1965, các đơn vị của quân đội của VNCH vẫn còn xử dụng máy truyền tin PRC6, PRC10 để liên lạc, đại liên 30, trung liên BAR, súng trường Garant M1, Carbine, súng phóng lựu… Trong khi đó VC đã có AK47, B40 đủ sức mạnh để chống thiết giáp.

Mặc dù được trang bị yếu kém, đến Tết Mậu Thân thì tình thế đã thay đổi hẳn. Khi VC giở trò đánh lén trong lúc QL/ VNCH chỉ còn chưa tới một nửa quân số tại đơn vị, QLVNCH cũng thừa khả năng để chống trả và phản công đánh cho giặc một trận đích đáng. Đến nỗi phải đến mãi 4 năm sau chúng mới ngóc đầu dậy nổi.

Mùa Hè 1972, bọn VC lại ngang nhiên xé bỏ hiệp định Genève, xua quân tràn qua Bến Hải, bất thần dốc toàn lực tấn công ào ạt VNCH. QLVNCH chẳng những chận đứng mà còn phản công đánh cho bọn chúng một trận tơi bời tại mặt trận phía Tây Nam Đông Hà, giữ vững Kontum và An Lộc chứng tỏ khả năng vượt trội hơn hẳn giặc Cộng.

Với thế chiến lược be bờ mà không muốn trực tiếp đối đầu với Nga Sô và nhất là với Trung Cộng, Mỹ đã bị sa lầy bởi phong trào phản chiến trong nước vì đã kéo dài cuộc chiến. Cuối cùng vì quyền lợi riêng, họ đã bỏ rơi đồng minh VNCH, hay nói chính xác hơn là phản bội.

Để buộc VNCH phải ký kết hiệp định đình chiến cho họ rút quân khỏi VN, Mỹ đã làm tiêu hao lực lượng của VNCH tại hai mặt trận Hạ Lào và Quảng Trị. Tại Hạ Lào họ đã không yểm trợ hỏa lực và tiếp vận đúng mức, khiến các đơn vị quân đội thuộc Quân Đoàn I bị tổn thất nặng, khó hồi phục. Tại mặt trận Quảng Trị, thay vì phản công kịp thời, Mỹ đã kéo dài, trì hoãn để VC đủ thời gian tái tổ chức chờ viện binh, rồi bất chợt rút bỏ Quảng Trị không có kế hoạch. Mặc dầu vậy QLVNCH cũng chứng tỏ được khả năng của mình trong tình cảnh bất lợi

nầy, đã vượt qua tuyến phục kích Trường Phước (Đại lộ kinh hoàng) với tổn thất nhẹ nhất. Sau đó lấy lý do phải chủ động trên chiến trường để tạo ưu thế tại bàn hội nghị nên vẽ ra kế hoạch tái chiếm Quảng Trị, gây thiệt hại thêm cho QLVNCH và chôn chân lực lượng tổng trừ bị trước khi ký kết hiệp định Paris.

Trước áp lực của Mỹ, Tổng Thống VNCH buộc phải đặt bút ký vào bản Hiệp Định Paris dù biết rằng hoàn toàn bất lợi cho mình.

Điều đó không có nghĩa quân đội VNCH sẽ tan rã ngay dù vẫn phải chiến đấu trong điều kiện hoàn toàn bất lợi, thiếu thốn về nhân lực, vũ khí và đạn dược. Phải đợi đến 2 năm sau, khi biết chắc rằng Hoa Kỳ đã quyết định bỏ rơi Việt Nam, CS Bắc Việt mới dám quyết định xua toàn lực lượng để thôn tính và nuốt trọn miền Nam vào ngày 30.4.75.

Phần cuối:

Chiến tranh Việt Nam đã kết thúc gần nửa thế kỷ, mọi ẩn khuất lần lượt đã phơi bày rõ ràng. Chánh phủ Hoa kỳ vẫn còn mang một món nợ tinh thần đối với dân tộc Việt Nam:

- Trả lại danh dự cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà, thay vì tìm đủ mọi cách để bôi lọ hầu che lấp cho thái độ bỏ rơi đồng minh của mình.

- Tạo mọi thuận lợi cho dân tộc có cơ hội để vươn lên.

Các thế hệ con cháu Việt Nam luôn ghi nhớ bài học xương máu của Việt Nam Cộng Hòa. Tổ Quốc mình phải do chính mình quyết định, chỉ nương vào thời thế mà ứng xử, lệ thuộc là mất nước.

Nguyện xin ơn trên, hồn thiêng sông núi và vong linh các anh hùng vị quốc vong thân phù hộ chúng ta.

Vài nét về
Thư Viện của TVBQGVN
(1970 - 1975)

Võ Công Tiên, K26

Nằm tại 11° 57' 40" Vĩ Độ Bắc và 108° 28' 30" Kinh Độ Đông, Thư Viện của TVBQGVN đã từng là nơi mà các binh thư, tài liệu, sách báo, được phơi bày như một vườn hoa hoang dã. Khó mà thưởng thức và tiếp nhận hết những gì chất chứa trong từng trang giấy, mảnh phim mà Trường Võ Bị, đặc biệt là Khối Văn Hóa Vụ, đã mang đến cho SVSQ những phương tiện học hỏi, nâng cao kiến thức hiện đại qua kho tàng văn hóa của nhân loại.

Với 81,000 quyển sách, gần 100 tờ báo và khoảng 1,500 cuộn vi phim (microfilm) là tài sản chính của thư viện, trong đó 80% bằng Anh Ngữ. Thư Viện là trái tim của Trường Võ Bị, được xây dựng với 3 tầng lầu, bên ngoài là một sân thượng lớn trên tầng hầm (câu lạc bộ, bệnh xá, và các phòng dịch vu). Từ những phòng nhỏ có trang bị các máy điện toán (computer sơ khai vào thập niên 70), người đọc sách có thể nhìn bao quát cả khu vực Chi Lăng - Thái Phiên, xa hơn là Thị Xã Đà Lạt tới Dassar, và Đỉnh Lang Biang (2,167 m) quen thuộc.

Từ tháng 3 năm 1970, các Khóa 23, 24, 25, và 26 đã được hưởng những ưu điểm của chương trình văn hóa 4 năm. Trường Võ Bị vừa hoàn tất các cơ sở mới gồm Nhà Thí Nghiệm Đào

Thiện Yết *(mang tên một sĩ quan hy sinh tại trường vào tháng 4/70)* và Thư Viện Võ Bị. Trong khi các phòng thí nghiệm điện khí, động cơ nổ, khí động lực, thủy động lực, sức chịu vật liệu, thổ cơ nhựa đường, điện toán, vũ khí tác xạ, vật lý, điện tử, hóa học, thính thị Anh ngữ cung ứng cho việc thực tập các đề tài khoa học kỹ thuật, thì Thư Viện Võ Bị là môi trường tự do dành riêng cho từng SVSQ học hành, sưu khảo.

SVSQ Võ Công Tiên, năm thứ hai, 1971.

Phân loại theo hệ thống Dewey, hầu hết sách báo Việt ngữ trình độ trung cấp trở lên được trưng bày, đầy đủ toàn bộ như bán nguyệt san Bách Khoa, Tập San Quốc Phòng. Về Anh ngữ, phần lớn là khoa học tự nhiên, kỹ thuật thực dụng, kinh tế, quản trị và các lãnh vực liên quan đến thế giới. Âm nhạc, kịch nghệ khắp 5 châu cũng được nghe qua băng cassettes. Điều trớ trêu là thư viện lại chẳng lưu trữ đầy đủ các số Đa Hiệu (trên dưới 80 số trải qua hơn một thập niên), và rất ít tài liệu về quân sự, chiến trường.

Để đảm nhận các công tác kiến thiết xứ sở dù trong thời chiến lẫn thời bình, Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà cần nhiều cán bộ, quân nhân mẫn cán và tài ba. Thí dụ việc thăng thưởng, bước qua cấp chuẩn tướng thì đòi hỏi sĩ quan phải có trình độ văn hoá tốt nghiệp đại học (văn bằng cử nhân). Điều kiện đó thúc đẩy nhiều quân nhân các cấp ngoài chiến trường ngày đêm trau dồi thêm kiến thức. Các căn cứ, đồn bót, khởi sắc với những lớp giảng dạy, tự học dưới tiếng đạn pháo kích hay bên ánh đèn cầy.

Người quân nhân nổi trôi theo từng lệnh hành quân, thay đổi doanh trại, kéo theo việc học hành của con cái kể cả những

sinh hoạt thuở hoa niên. Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị đã khuyến khích các đơn vị mở phòng đọc sách, câu lạc bộ, đặc biệt là thành lập và quản trị hằng chục trường sở khắp các quân khu. Trường Văn Hóa Quân Đội, 17 Đại Lộ Thống Nhất Sài Gòn, nổi tiếng là một trường trung học kỷ luật và tươi vui.

Các SVSQ đang chọn sách trong thư viện.

Thời khóa biểu dành cho SVSQ tại Trường Võ Bị chỉ cho phép họ đọc lướt nhanh, hơn là tra cứu khi vào thư viện. Đây chính là giờ học tập cá nhân mà không bị ràng buộc vào việc kiểm soát của Trung Đoàn SVSQ như 2 giờ tự học mỗi đêm tại phòng (6 ngày mỗi tuần trong suốt mùa văn hóa). Thư Viện cũng là nơi mà các giáo sư cùng quân nhân các cấp của Trường đến tham khảo, hội luận. Trung tâm điểm của khu văn hóa, doanh trại SVSQ, bến xe Lê Lợi, thư viện thường tiếp đón quan khách một khi đã đến viếng thăm Đồi 1515.

Hẳn nhiên Thư Viện Võ Bị không thể thiếu các binh thư; từ binh pháp Tôn Tử, Trần Hưng Đạo, đến các sách loại "phổ biến hạn chế" của Bộ Tổng Tham Mưu, hoặc các tài liệu quân sự bằng tiếng Anh có mã số FM (Field Manual). Người đọc có thể nghiền ngẫm "Vấn Đề Chỉ Đạo Chiến Lược Trong Chiến Tranh Việt Nam" của Đại Tá Đỗ Ngọc Nhận, hoặc thưởng thức những hình ảnh rạng ngời trong các trang

sách màu với những chiến đấu cơ uy dũng dưới trời xanh.

Bước chân vào các quân trường như TVBQGVN, Trường Đại Học Chiến Tranh Chính Trị, SVSQ quả thực có cơ hội học tập, tôi luyện trong một khung cảnh tươm tất. Bao chồng mũ beret sắp gọn gàng khi vào cửa, lời chào của một sinh viên dược khoa mang tên Phương Hiền chẳng hạn, hay mảnh giấy nhỏ nào đó của các sinh viên học sinh gửi kèm qua các sách mượn, giờ có còn lưu dâu gì không? (*)

Có thể sẽ không nhớ Trung Úy Đinh Phúc Văn, Quản Thủ Thư Viện, với vóc dáng nặng về văn hơn võ. Nhưng hình ảnh của các nhân viên thư viện thì đặc biệt có hai trường hợp: thứ nhất là một anh Hạ Sĩ Thư Ký, ngoài công tác kiểm soát sách báo khi nào rảnh là chú tâm tự học toán lý hóa, và đã được nhiều SVSQ chỉ vẽ; thứ hai là một nhân viên trẻ mang tên Cô Mùi.

Thư viện thuộc TVBQGVN không phổ thông như thư viện của Thị Xã Đà Lạt, sâu rộng như tại Viện Đại Học Đà Lạt, cũng không nặng phần nghiên cứu như ở Giáo Hoàng Học Viện. Nó có một mục đích rõ rệt là đáp ứng nhu cầu tìm hiểu các tương quan trong cộng đồng quốc tế, kết hợp với việc phát triển của các nền văn minh kim cổ theo chiều hướng "**Phát huy khả năng toàn diện và trau dồi kiến thức hiện đại là nhiệm vụ chính của người SVSQ trong thời gian thụ huấn"**.

Ghi chú:

** Phần lớn quý vị giảng viên của Trường Võ Bị cũng là giáo sư tại các trường trung học hoặc Viện Đại Học Đà Lạt. Cô Trần Phương Thu, Hiệu Trưởng Trường Trung Học Bùi Thị Xuân dạy Anh văn tại Trường Võ Bị. Vì thế các sách mượn được luân lưu ngoài phố. Sách có tựa đề Đà Lạt Văn Hóa xuất bản 1973 ca ngợi sự đóng góp của Thư Viện Võ Bị vào mô hình phát triển văn hóa giáo dục tại vùng cao nguyên Lâm Viên.*

LẠC GIỮA MÙA XUÂN

Tường Thúy, K20/1

Tôi đã trở lại Việt Nam, trở lại Saigon, nơi chốn mà tôi đã rời bỏ nó cách đây hơn hai mươi năm. Không ngờ thời gian trôi qua quá nhanh, mới chớp mắt đây thôi đã hơn hai mươi năm rồi, hơn hai mươi năm xa lìa quê hương, đến sống ở một phương trời xa lạ cách nơi chôn nhau cắt rốn của mình tới nửa quả địa cầu, thì quả đúng là một điều có nằm mơ cũng không tin được, thế nhưng giấc mơ này đã là sự thật.

Đây là lần đầu đầu tiên tôi quay trở về quê hương đúng vào những ngày giáp Tết. Lúc ngồi trên máy bay tôi đã háo hức mong đợi được nhìn thấy Saigon yêu quý của tôi ngày xưa, nhưng khi nhìn thấy Saigon rồi thì tất cả những hao hức đó, những mong đợi đó đã vỡ tan như bong bóng xà phòng. Saigon đã thay đổi tất cả. Một sự thay đổi hỗn độn, nhớp nhúa như một kẻ tập ăn chơi, bắt chước khoác lên người những chiếc áo sặc sỡ, rẻ tiền. Những thứ đó không mang cho tôi cái

cảm giác ấm áp thân yêu ngày nào, mà tôi mong đợi. "*Saigon ơi, tôi mất người như người đã mất tên…*" Vâng tôi đã mất Saigon yêu thương của ngày nào rồi. Giờ chỉ còn một chút hy vọng nhỏ nhoi là mong tìm thấy lại bóng dáng của người xưa mà tôi đã bị lạc mất, khi rời bỏ thành phố này.

Ngồi trong góc quán cà phê của Trà, người bạn học cùng trường Luật ngày xưa, tôi mơ tìm lại một chút kỷ niệm ngày nào còn xót lại tại nơi này, nơi mà môi lần muôn gặp gỡ nhau, Chấn và tôi đều lấy nơi đây làm điểm hẹn. Quán cà phê nhỏ này cũng giống như hàng ngàn quán cà phê nhỏ khác của thành phố, nhưng với tôi nó thân thiết vô cùng. Với tôi nó là những mảng ký ức của một cuộc tình đã mất nhưng chưa bao giờ phai mờ. Hơn bao giờ hết, với tôi nó chính là Chấn, tình yêu đầu đời của tôi.

Sau khi rời khỏi Việt Nam, tôi vẫn thường xuyên liên lạc với Trà, nhờ có Trà mà tôi đã biết được tin tức của Chấn, người yêu cũ của tôi. Và cuộc gặp gỡ ngày hôm nay cũng do cô ta săp xếp. Tôi ngồi đây đê chờ được gặp lại anh, người của một thời đã từng làm cho trái tim bé bỏng của tôi phải xốn xang, phải rung động. Vâng, tôi đã từng yêu say đắm, yêu tha thiết, người lính Biệt Động Quân có cặp mắt thật đẹp, có ánh nhìn quyến rũ luôn làm chao dao trái tim tôi, có nụ cười quá đẹp làm lòng tôi phải say đắm, mê mệt.

Thế nhưng mối tình ấy của tôi đã không trọn vẹn, tôi đã lạc mất anh trong đời. Bây giờ, hôm nay đây, không hiểu sao tôi lại mong, lại chờ để gặp anh, người của năm tháng cũ. Để làm gì? Để ước mong tìm lại hình bóng mối tình của một thời dĩ vãng? Để muốn nói một lời xin lỗi hay muốn nghe một câu giải thich? Có phải như vậy không? Dù sao tất cả những điều đó đã đi vào dĩ vãng quá lâu rồi, có lẽ tôi cũng không cần tới nữa, hơn hai mươi năm rồi còn gì. Vậy thì gặp để làm gì? Tôi cũng không biết nữa nhưng tôi vẫn cứ chờ và vẫn cứ mong gặp anh. Không lẽ tự trong thâm tâm của tôi hình ảnh của anh vẫn còn sâu đậm, vẫn còn làm con tim tôi tê tái mà tôi không

cam lòng sao? Hay là cái lợn cợn của nụ hôn ngày nào đã thắt thành một cái nút khó cởi?

Tiếng hát của một nữ ca sĩ vang lên từ chiếc máy ở góc phòng nghe day dứt quá:

"Tôi đi tìm lại một mùa Xuân,
Mùa Xuân xưa cũ qua mất rồi,
Mùa Xuân đã rơi vào dĩ vãng,
Mà Xuân nay vẫn còn dư hương. ....

Nên tôi tìm lại một mùa Xuân
Người xưa không biết lạc phương nào
Không biết khi Xuân về trên áo
Mầu xanh năm đó còn xanh không?...*

Mầu xanh ở đây trong tim tôi không phải là mầu xanh áo cưới, mà là cái mầu xanh áo lính ngày xưa, tôi chưa quên được và cũng sẽ không bao giờ quên.

Đưa mắt nhìn qua ô cửa kính của quán, cảnh nhộn nhịp của những ngày trước Tết, thật là tập nập, xe chạy như mắc cửi. Những chiếc xe tải chở hoa từ ngoại ô vào thành phố, với đủ loại hoa và đủ mầu sắc, làm lòng tôi chợt thấy nao nao. Trong một thoáng chốc bâng khuâng, dĩ vãng ùa về tràn đầy tâm trí tôi như một cuốn phim quay chậm:

* * *

Đó là những ngày tháng trước năm 1975...

Theo thói quen, sau khi ra khỏi giảng đường tôi hay ghé vào quán của Trà để uống một ly sữa cacao. Tôi nhớ có lần đùa với anh chàng chủ quán, tôi bảo:

- Chả biết cậu cho cái quái gì vào ly cacao của tớ mà làm tớ ghiền đến thế. Hôm nào cũng phải ghé vào đây làm một ly thì tối về nhà mới ngủ được.

Trà cười:

- Bí mật nghề nghiệp không thể tiết lộ được. Nói cho cậu biết nhỡ mà cậu ra mở quán, có bí quyết này, cậu câu hết

khách của tớ, thì lúc đó tớ húp cháo rùa à. Hì hì…

- Húp cháo rùa là còn khá đấy chứ tớ sợ cậu chả còn cái gì để mà húp đâu.

Tôi nghinh nghinh cái mặt lên trả lời Trà. Trà bật cười lớn:

- Ha… Ha… Sao mà tàn nhẫn quá vậy cô nương? May ghê đi tại hạ chưa bật mí bí quyết của mình, nếu không thì chít ngộ dzồi. Thế cậu nghĩ tớ cho cái quái gì vào sữa của cậu thế nhỉ? Thôi thì cậu nghĩ tớ cho cái gì thì nó là cái ấy đi, miễn sao cậu cứ mê ly sữa cacao của tớ là được rồi. Thôi có khách vào, tớ đi làm việc đây.

Trà là bạn học cùng phân khoa với tôi nhưng trên tôi hai lớp. Cuối năm nay Trà sẽ nộp luận án để ra trường. Anh chàng này cũng đã từng theo đuổi tôi trong hai năm, nhưng vì thái độ hờ hững của tôi làm anh nản chí. Trà quay sang tìm sự an ủi nơi Băng Thanh, cô bạn dễ thương và nhút nhát nhất trong bọn bốn đứa chúng tôi. Trà dư định sau khi tốt nghiệp, thì hai người họ sẽ làm đám cưới. Nhóm bạn bốn đứa Băng Thanh, Vân Anh, Thảo Dung, và tôi thì ba đứa đã đêu có nơi đê chia ngọt, sẻ bùi. Chỉ còn riêng mình tôi vẫn lông bông, lêu bêu, cô đơn một mình trên cõi đời ô trọc này. Lũ bạn tôi cũng nhiều lần thắc mắc, tại sao tôi vẫn chưa chịu tìm cho mình một chỗ để dừng chân, thì tôi chỉ đơn giản trả lời bọn nó:

- Sao tụi bay thừa hơi để mà thọc gậy vào đời tư của tao vậy? Tao chưa ế đâu mà là tao chưa thích, thế thôi.

- Sao giản dị thế nhỉ, bộ mày không có tim, hay trái tim mày không biết đập?

- Vớ vẩn cái con này, tao có phải là Tỉ Can đâu mà không có tim. Tim tao mà không đập thì tao đã ngoẻo từ đời nào, còn đâu đứng đây cho tụi mày chất vấn. Cười cười tôi tiếp. Có điều là tín hiệu từ trái tim tao phát đi không gặp đúng tần số của nó nên tao vẫn còn ca bài "Anh ơi, bây giờ anh ở đâu, Bến Hải hay Cà Mau" vậy thôi. Tao trả lời rồi đó, từ giờ trở đi em xin các chị tha cho em đừng hỏi "vì sao tay em run, vì sao

chân không vững" nữa nha. Mệt với mấy mụ nì quá.

Từ đó không đứa nào hỏi han gì đến duyên nợ của tôi nữa, nhưng chúng nó vẫn không thôi, tìm tòi cho tôi một chốn nương thân

Hôm nay, cũng không ngoại lệ, tôi ghé quán của Trà. Thường thì vào khoảng giờ này quán không đông khách lắm

nên cái bàn trong góc nhìn ra ngoài đường Trà vẫn luôn luôn để dành cho tôi. Bữa nay quán lại đông một cách đặc biệt, tôi đưa mắt nhìn quanh và thấy chỗ ngồi thường ngày của mình đã bị chiếm rồi, định bước ra để về. Chợt nghe có tiếng gọi tên mình, quay lại tôi thấy Băng Thanh đang mang cà phê cho khách, đi về phía tôi, nó bảo:

- Đừng về, mày vào trong quầy chờ tao một lát.

Tôi gật đầu và bước nhanh vào trong. Không thấy Trà, tôi kéo cái ghế đẩu sau quầy và ngồi xuống. Một lúc sau, Băng Thanh tới bên tôi nó than nho nhỏ:

- Không có khách thì lo mà có khách nhiều như ngày hôm nay thì mệt ơi là mệt. Hôm nay đâu phải cuối tuần mà đông ghê đi.

Tôi cười:

- Có gì lạ đâu, gần Tết thiên hạ rảnh rỗi đi chơi, vào quán cà phê là chuyện bình thường. Không khách cũng than, có khách cũng than, sao mày khó tính thế? Mày là Thanh chứ có phải là than đâu mà rên rỉ gớm luôn.

- Mày không biết chứ, cách đây gần hai tiếng, không hiểu sao quán của Trà tự dưng đông khủng khiếp. Trà, tao, và bé Liên xoay như chong chóng mà còn không kịp, tí nữa còn làm đổ cà phê nữa chứ. Bây giờ là bớt rồi đó, tao mới có thời gian nói chuyện với mày chứ cứ như lúc nãy thì có mà bò ra cũng không kịp.

- Vậy là mừng cho mày và Trà, đông khách sẽ có nhiều tiền để làm đám cưới to, nở mặt, nở mày với chòm xóm. Ủa mà Trà đâu sao tao không thấy hắn?

Băng Thanh nhìn tôi tủm tỉm cười, nụ cười của nó có vẻ gì kỳ kỳ, lạ lạ:

- Lúc nãy vừa bớt khách, Trà có việc phải ra ngoài. Tao chả biết ông ấy đi đâu nữa.

- Thật mày không biết không? Sao tao thấy cái cười của mày nó gian gian thế nào ấy.

Băng Thanh bật cười thành tiếng:

- Gớm cái con này, mày còn hơn Tào Tháo ấy. Cười mày cũng nghi, tao làm cái gì mà gian chứ?

Tôi lườm nó:

- Làm gì thì mày biết, đừng để tao bắt được tẩy của mày đó.

Tôi còn đang định chì chiết con nhỏ Thanh một hồi nữa thì Trà đã vào tới:

- Không biết tiện nội đã phạm lỗi gì mà để cô nương phải nổi cơn tam bành lục tặc lên như vậy.

- Đâu dám. Cặp đôi của cậu hợp lại thì tớ thua là cái chắc, hai người đánh một chẳng chột thì cũng què. Tớ cô đơn có

một mình, đâu dám đấu lại người có đôi có cặp chứ. Thôi tớ về đây, hôm nay đành nhịn một chầu sữa cacao vậy.

Trà cười:

- Khoan đã, đi đâu mà vội, cậu không phải nhịn đâu, chầu cacao hôm nay tớ đãi. Lại đây tớ giới thiệu với cậu một người bạn của tớ, Trung Úy Vương Ngọc Chấn, rất bô trai và cũng rất ga lăng, và đây là Thy Hạ cô bạn xinh xinh rất thân của bà xã tao. Hai người làm quen nhau nhé.

Nói xong, Trà nhích người sang một bên để lộ ra phía sau anh, một người lính thân hình cao ráo, khuôn mặt hơi sạm nắng với cặp mắt sáng có một ánh nhìn lạ lạ, tình tình làm sao, ẩn dưới đôi lông mày rậm. Chiếc mũi cao thẳng nằm trên cái miệng hơi rộng, đang cười phô ra một hàm răng trắng đều như hạt bắp. Nụ cười này nếu là của người quen chắc tôi phải thốt lên: "Trời ơi, sao lại có nụ cười quá đẹp, quá quyến rũ như thế chứ!" Ai dè từ nãy giờ thấy anh ta đứng sau lưng Trà, tôi lại cứ ngỡ là khách hàng chờ gọi đồ ăn, thế có chết không chứ. Nhưng chăng sao vì tôi nghĩ mình chưa nói hay làm điều gì thất thố để phải xấu hổ trước mặt một người khác phái và xa lạ như anh ta. Vậy có gì để phải rụt rè, nghĩ vậy tôi tỉnh bơ dơ tay ra trước:

- Rất hân hạnh được biết trung úy

Một bàn tay rất ấm nắm nhẹ tay tôi kèm theo một ánh mắt tình tình, một nụ cười quyến rũ, nụ cười mà tôi đã chấm điểm mười:

- Phải nói người hân hạnh là tôi mới đúng hơn.

Kể từ sau lần gặp gỡ đó, và thêm vài lần sau này nữa, tôi hiểu ra rằng tín hiệu từ trái tim tôi phát ra đã gặp được đúng tần số nó cần. Và mùa Xuân năm đó tôi đã tìm được điểm tựa của đời mình.

* * *

Chấn là lính tác chiến nên thời gian ở gần nhau không

nhiều, nhưng những lần bên nhau chúng tôi thật hạnh phúc. Anh kể tôi nghe về gia đình anh, quê anh ở miền Bắc, năm 54, cả gia đình di cư vào Nam và cha anh chọn Vĩnh Long làm nơi lập nghiệp. Rồi một thời gian sau cha mất đi, còn lại mẹ, bà tần tảo bán buôn nuôi bốn con nên người. Khi lớn khôn, các con xa dần. Anh Hai đi lính đóng quân ở miền Trung, chị Ba lập gia đình theo chồng về Rạch Giá, anh Tư học trên Sài Gòn, ra trường lấy vợ ở luôn trên thành phố không về quê nữa. Chỉ còn anh ở với mẹ, nhưng rồi cuối cùng anh cũng vẫn phải nhập ngũ vào quân đội như bao thanh niên khác ở tuổi đăng lính. Anh chọn binh chủng Biệt Động Quân, một trong những binh chủng thiện chiến của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà, để thỏa mãn chí tang bồng hồ thỉ của người trai đất Việt.

Đáp lại tôi cũng thủ thỉ kể cho anh nghe tiểu sử đời mình. Tôi mồ côi mẹ từ khi lọt lòng. Sống với Bố và người chị ruột, có lẽ vì thấy tôi thiếu tình mẫu tử nên bao nhiêu thương yêu Bố và chị đều dành cả cho tôi. Tôi bảo anh:

- Anh sui sẻo rôi vì quen một đứa con gái được nuông chiều từ nhỏ. Em tai quái, ngang ngược lắm đó, anh ráng mà chiều em nha.

- Chuyện nhỏ. Em có biết không, anh là con út cũng được cưng không thua gì em đâu, mà lại là con trai nữa, nên chắc chắn anh còn tai quái, ngang ngược hơn em nhiều. Anh biết hết những chiêu trò tai quái, em mà giở trò gì ra là anh trị lại liền, sợ chưa?

- Anh dám?

- Tại sao không?

- Nếu vậy thì... Tôi sụ mặt xuống, em không thèm chơi với anh nữa. Tưởng sẽ được anh chiều, ai dè anh lại còn muốn bắt nạt em.

Bằng cả hai tay, Chấn ôm lấy khuôn mặt tôi, nâng lên:

- Nhìn anh nè, cái măt đẹp như thế này mà nhè thì xấu lắm

đó. Thy Hạ ơi, em có biết là em đẹp lắm không? Cặp mắt này, cái mũi này và nhất là cặp môi này, mọng mọng như quả nho chín, làm người ta thèm cắn quá.

Anh cắn nhe.

- Í, í... không được đâu.

Vừa kêu tôi vừa lách đầu lùi ra khỏi tay anh. Tôi rỡn:

- Em mới đi Paris "tút" lại sắc đẹp đó. Anh đừng có mà đụng vào, hư hết cái mặt em thì sao.

Chấn trâng tráo:

- Hư anh đền. Ai bảo em sửa cho đẹp làm chi.

Ôm được tôi trong tay, cặp môi tham lam của anh tìm đến môi tôi. Tôi ngất ngây trong nụ hôn ngọt ngào và đầy mê đắm của anh. Không gian như đông đặc lại quanh chúng tôi.

Từ ngày quen nhau đến nay đã gần một năm rồi, nhưng chưa bao giờ anh dẫn tôi về gặp mẹ anh. Một lần khi tôi ngỏ ý muốn được đi thăm Người thì anh cười cười, nhéo mũi tôi và bảo:

- Thời gian của anh rất ít, mỗi lần được về phép, anh ở nhà với mẹ vài ngày, trở lên đây gặp em, xong rồi quay về đơn vị. Nếu đưa em về Vĩnh Long thăm mẹ anh, đi đi, về về mất nhiều thời gian lắm, đâu còn giờ rảnh để hai đứa mình đi chơi với nhau. Thôi thì để lúc nào mình cưới nhau rồi, anh đưa em về dưới ấy ở luôn với mẹ anh, cho mẹ chồng với con dâu khi đó tha hồ mà tâm sự, được chưa?

Tôi nghiêng mặt nhìn anh, mắt hơi nheo lại tỏ vẻ không tin những lời anh nói:

- Có thật như vậy không đó hay là… Tôi phụng phịu, dỗi hờn, hay là anh có chị nhà ở dưới đó rồi nên không muốn đưa em về đấy thôi?

Chấn bật cười ha hả:

- Băng Thanh nói em là Tào Tháo không ngoa, hay nghi

ngờ mà không có bằng cớ, cái đầu nho nhỏ như thế này lúc nào cũng cứ suy nghĩ lung tung loạn sạ. Nếu không tin, ngày mai trở về đơn vị, anh sẽ đưa em xuống gặp mẹ, nhưng sau đó là em phải trở về một mình đấy nhe, được chưa nào?

Tôi nhìn anh, nước mắt đã đong đầy:

- Mai anh đi rồi sao, rồi bao giờ anh lại về nữa?

Ôm tôi trong vòng tay, anh không trả lời vì bờ môi anh đang hôn nhẹ lên mắt tôi rồi di dần xuống môi và đậu lại ở đấy thật lâu. Một lúc sau, môi chúng tôi rời nhau. Anh ôm lấy đầu tôi áp vào vùng ngực rắn dỏi của anh, tôi nghe anh thì thầm trên tóc mình:

- Đừng buồn anh nhe, anh không dối gạt em đâu. Anh yêu em và sẽ yêu em đến suốt đời. Hãy tin anh đi, tin anh nhé Thy Hạ.

Nhấc đầu ra khỏi vùng ngực ấm áp, vòng tay qua cổ anh, tôi kiễng hai chân lên cho môi mình áp sát vào môi anh. Tôi nói trong nụ hôn:

- Em tin anh, em tin anh mà, Chấn ơi! Em yêu anh, yêu anh nhiều lắm.

Nụ hôn này dù ngọt ngào, dù say đắm, dù tha thiết bao nhiêu nhưng sao trong tim tôi vẫn thấy như có lợn cợn một cái gì mà tôi không thể cắt nghĩa được.

Chúng tôi vẫn quấn quit bên nhau mỗi lần anh về phép. Những hàng quà vặt bên hồ Con Rùa, nước mía Viễn Đông, trong chợ Bến Thành, hẻm Casino… không nơi nào là tôi không kéo anh đi để thưởng thức món ngon Sài Gòn. Vòng quanh những nơi này chưa đủ, tôi còn rủ rê anh:

- Tới Nguyễn Tri Phương ăn nghêu, đi anh.

- Sao em biết Nguyễn Tri Phương có nghêu mà rủ anh đi, à... à... chắc là đi ăn với cậu nào rồi nên mới rành sáu câu như vậy, đúng không?

- Cậu nào là cậu nào, anh chỉ đoán mò. Cậu nào mà mời nổi em đi ngoại trừ cậu Trung Úy Chấn này thôi. Anh biết sao em biết không?

- Không.

Tôi cong môi lên:

- Đương nhiên là anh không biết rồi vì em có nói đâu mà anh biết. Thế này này, nhà nhỏ Vân Anh ở gần Ngã Bảy, nó biết nên rủ cả bọn tui em đi ăn mấy lần ở đó, ngon ghê nhe anh ơi. Anh tưởng tượng mà xem, cầm con nghiêu nóng hổi, chấm và bát nước mắm chua chua, cay cay, ngọt ngọt, hút một cái chụt. Ôi tuyệt cú mèo làm sao! Ơ, anh cười cái gì, bộ anh nghĩ em nói dóc hay sao?

- Anh cười vì cái điệu bộ diễn tả của em thấy hấp dẫn quá chừng, nghe cũng thấy thèm rồi. Được rồi, đi.

Cuộc tình chúng tôi tưởng như cứ mãi êm đềm bên nhau như vậy.

Nhưng rồi cuộc chiến tại miền Nam đi vào giai đoạn khốc liệt, trên truyền hình, trên báo chí, tin về những thành phố miền Trung đang lọt vào tay giặc. Hình ảnh dân tháo chạy trên Quốc Lộ 1 mới thảm thương làm sao! Người chết nằm phơi thây trên đường vì những loạt đạn pháo kích không chút lương tâm của bọn Cộng phỉ vô nhân đạo. Cùng với hình ảnh đau thương đó là hình ảnh những anh chiến sĩ VNCH đang tiếp cứu cho người dân. Các anh đã băng bó vết thương, khiêng, cõng, dìu những người dân cần sự giúp đỡ của các anh. Tấm lòng nhân đạo của các anh đã làm cả thế giới phải ngưỡng mô, đồng thời cũng làm bỉ mặt lũ bạo tàn Cộng phỉ giết dân không chút gớm tay.

Hình ảnh những người lính ấy lại làm tôi nhớ đến Chấn của tôi. Bây giờ anh đang ở đâu? Đã mấy tháng rồi, anh không về thăm tôi, mà cả đến những lá thư tôi gửi cho anh theo địa chỉ

anh cho qua KBC, cũng không có hồi âm. Lòng tôi như lửa đốt. Tôi muốn xuống Vĩnh Long nơi gia đình anh ở để tìm anh, tôi cũng đành bó tay vì không có địa chỉ. Tôi phải làm sao đây. Chấn ơi, anh ở đâu, hả anh?

Ngày nào tôi cũng ra quán của Trà ngồi, với cái hy vọng mong manh nếu anh có về Sài Gòn, thì chúng tôi sẽ được gặp nhau. Nhưng cuối cùng cái hy vọng mong manh đó của tôi cũng bay theo mây gió. Tôi đã lạc mất anh rồi. Nhiều lần thấy tôi ngồi thẫn thờ chờ anh trong dáng vẻ tuyệt vọng, Trà bưng ly sữa cacao tới, nói vài lời an ủi. Tôi cám ơn Trà và nói trong dòng nước mắt chảy dài:

- Cậu không cần phải làm như vậy đâu. Cậu cho tớ ngồi nhờ ở đây là cám ơn cậu nhiều lắm rồi. Có lẽ mấy hôm nữa tớ sẽ thử đi Vĩnh Long một chuyến biết đâu chả tìm thấy Chấn.

- Cậu biết hắn ở đâu mà tìm?

- Không biết cũng phải đi tìm, chứ ngồi đây chờ cũng không phải là cách, hơn nữa tớ cũng chịu hết nổi cái cảnh phải chờ như thế này.

- Vậy tớ đi cùng cậu.

Tôi cười buồn:

- Cám ơn cậu, cậu còn nhiều việc phải lo, bỏ quán và Băng Thanh đang bụng mang dạ chửa một mình sao được. Tớ biết mình phải làm gì mà, đừng lo, dầu sao cũng cám ơn cậu. Cám ơn thật nhiều.

Trước khi về, để vợ chồng Trà yên tâm về tôi, tôi vỗ vai Trà giọng chua xót:

- Cũng có thể tớ sẽ không đi tìm anh ấy đâu. Cậu nói đúng, biết anh ấy ở đâu mà tìm, với lại anh ấy bỏ tớ chứ không phải là tớ không chờ anh ấy.

Và cuối cùng tàn cuộc đã định, miền Nam rơi vào tay lũ côn đồ Việt Cộng. Quán cà phê của Trà cũng đóng cửa. Tuy vậy chúng tôi vẫn còn liên lạc với nhau. Băng Thanh bây giờ đã có

con. Trà thì không có việc làm, cuộc sống khó khăn không chỉ riêng cho chúng tôi mà hầu như cho cả miền Nam này. Không còn quán cà phê, tôi rủ vợ chồng Trà đi làm công cho hợp tác xã may chiếu xuất khẩu. Cho tới một tối, tôi tới báo cho vợ chồng Trà biết là đêm mai tôi sẽ rời VN, sẽ đi vượt biên với vợ chồng người chị, không có Bố tôi đi cùng vì Người đã mất trong một cơn bạo bịnh trước đó mấy tháng.

- Hãy câu nguyện cho chúng tôi. Tôi thì thâm. Nêu qua được, tôi sẽ liên lạc với Trà sau.

(Còn tiếp)

ĐỊA NGỤC TRẦN GIAN

Nguyễn M., K25

Phan Thiết là thị xã của tỉnh Thuận Hải. Không biết tên Thuận Hải có từ khi nào, nhưng sau năm 1975 người dân thường gọi tỉnh nầy là "Tỉnh Kinh Hãi". Từ một tỉnh có cuộc sống thoải mái, yên ổn như cái tên của nó nhưng bỗng dưng tại sao trong dân gian lại truyền tai nhau nghe cái tên lạ lùng như vậy? Mọi chuyện đều có nguyên do của nó.

Như muôn đời, người dân Phan Thiết đa số sống dựa vào nghề biển. Ở đây có nhiều ghe tàu đánh cá và có nhiều lò làm nước mắm nổi tiếng đã cung cấp nước mắm cho cả miền Nam. Khách đang đi xe đò xuôi ngược trên Quốc Lộ 1 khi nghe thoang thoảng mùi nước mắm là biết mình đang ở trong địa phận Phan Thiết. Vì thế nên không lạ gì khi người ta gọi Phan Thiết lá xứ mắm, hay dân Phan Thiết là "dân mắm".

Sau năm 1975, Phan Thiết là nơi có nhiều tổ chức vượt biên vì có nhiều tàu, ghe đi đánh bắt cá. Người vượt biên từ mọi nơi đổ dồn về đây, nhiều nhất là dân Sài Gòn.

Vợ chồng tôi ở Sài Gòn cũng theo đường dây tổ chức đi ra Phan Thiết vượt biên. Nhiều lần chúng tôi đi ra, rồi lại đi vào vì người trong ban tổ chức báo tình hình chưa được an toàn. Thời buổi đó một lần đi là một lần khó khăn, sắp hàng mua

được tấm vé xe đò không phải dễ; đã vậy xe không chạy bằng xăng hay dầu mà bằng than đá nên thời gian đi rất chậm, cả ngày trời mới tới Phan Thiết. Vợ tôi phần bụng mang dạ chửa cũng ráng theo chồng tìm đường tự do.

Lần cuối tôi đi một mình. Theo hướng dẫn của người tổ chức, tất cả những ai ở Sài Gòn ra đây sẽ được bố trí ở rải rác trong các nhà trong thị xã. Chúng tôi được chia ra từng tóan nhỏ, chờ đên nửa đêm giả dạng người dân đi chài cá, lân mò trong đêm đi dọc theo bờ biển về hướng Nam, tới điểm hẹn là bãi biển Bình Tú, cách thị xã Phan Thiết chừng 7 cây số. Đêm hôm đó tất cả chúng tôi đã đến điểm hẹn đầy đủ trước 5 giờ sáng an toàn, vô sự. Bãi biển Bình Tú xa nhà dân, quang cảnh hoang vắng. Suốt ngày hôm đó chúng tôi ẩn núp dưới những bụi cây mọc trên những đụn cát gần bờ, chờ trời sập tối sẽ lên ghe như lời người tổ chức thông báo.

Khoảng 5 giờ chiều có một chiếc ghe từ xa chạy đến rồi neo đậu cách bờ vài trăm mét gần chổ chúng tôi. Ai nấy mừng thâm vì nghĩ tôi nay ghe nây sẽ vào đón mình.

Khoảng 6 giờ chiều có 5 người đầu đội nón lá từ xa đi lại. Chúng tôi nghĩ chắc họ cũng là những người cùng đi vượt biên đến trễ. Nhưng quá bất ngờ, khi họ đến gần chổ chúng tôi đang ẩn núp liền ném nón lá xuống cát rồi chạy nhanh tới bao vây chúng tôi. Chúng la hét inh ỏi, mặt tên nào cũng đằng đằng sát khí, tay chúng đều cầm súng lăm le như sẵn sàng nhả đạn, nếu có ai chạy trốn. Tất cả chúng tôi gần 30 người bị bắt trọn ổ. Trong số nầy có vợ chồng anh ruột, chị dâu tôi dẫn theo 3 con nhỏ, cháu lớn nhất mới 6 tuổi. Ngoài ra có 2 cháu trai con anh đầu của tôi, đứa 1 , đứa 15 tuổi và ba người bà con.

Tôi còn nhớ rõ ngày bị bắt là 15 tháng 6 năm 1979, sau ngày sinh con trai đầu lòng của tôi một tháng rưỡi.

Chiếc ghe đang đậu ngoài biển lúc nầy nhổ neo tiến vào bờ. Chúng tôi bị 5 tên công an đã giả dạng thường dân cầm súng lùa lên ghe. Ở trên ghe cũng có mấy tên công an bận áo vàng

tay cầm súng la hét bắt tất cả ngồi sát trên khoang thuyền. Tôi thấy ở đầu mũi thuyền có hai người đàn ông bị cột khoá tay sau lưng bằng còng số 8; nghe nói người lớn tuổi là tài công và chú thanh niên là người đưa đón khách.

Tối hôm đó ghe chở chúng tôi bị đưa vào đồn công an biên phòng. Tại đây cũng thấy có một ông bị trói tay bằng còng số 8 ngồi gục đầu ở góc phòng. Sau đó mới biết ông là xã trưởng xã Bình Tú, người đã "bán" bãi lây chúng tôi 5 cây vàng, ông hứa sẽ bảo đảm an toàn 100%. Lúc đó chúng tôi ở trong tâm trạng lo buồn, đang nghĩ cách ứng đáp sao cho có lợi khi công an lấy khẩu cung nên không thắc mắc tại sao tổ chức vượt biên bị lộ. Tại sao tài công, người dẫn đường, và chủ bãi bị bắt ? Cho mãi tới suốt thời gian chúng tôi ở trong các trại tù cũng không thấy những người nầy bị giam chung. Chúng tôi nghi ngờ đây là một tổ chức lừa đảo gian manh có bàn tay của công an nhúng vào để lấy vàng và tiền người vượt biên, rồi sau đó đưa tất cả vào rọ. Ba tên bị trói bằng còng số 8 là đồng bọn của bọn gian manh, chúng đã đóng kịch để qua mắt những người vượt biên.

Tại đồn công an biên phòng, chúng lấy khẩu cung sơ khởi để phân loại. Nếu chúng nghi ngờ hay biết được ai là người tổ chức vượt biên và ai là sĩ quan của chế độ cũ sẽ giải giao về Căn Cứ 5, còn ai là người đi theo sẽ giải giao về Trung Tâm 3 Phỏng Vấn.

Tôi căn dặn người trong gia đình và bà con coi như không biết tôi là ai. Tôi lo sợ chúng phát giác ra mình là sĩ quan thì sẽ bị đưa về Căn Cứ 5, nghe nói nhốt ở đó tối thiểu 5 năm. Tôi nghĩ cứ khai man, nếu sau nầy chúng phát giác ra thì chịu trận thôi, vẫn còn hơn là khai thiệt.

Anh ruột tôi và 3 người đàn ông nữa bị đưa về Căn Cứ 5. Phần tôi khai đổi tên họ, trước đây có đi lính, cấp bậc trung sĩ nên thoát khỏi đi theo toán nầy. Ngay đêm hôm đó chúng tôi trên 20 người bị áp tải lên hai xe bít bùng chở đến trại giam

Trung Tâm 3 Phỏng Vấn.

"Trung Tâm 3 Phỏng Vấn", cái tên gây nỗi kinh hoàng không những cho người dân địa phương mà nhiều người ở các nơi khác đã có ít nhất một lần bị nhốt ở đây. Đa số những người bị bắt vượt biên ở Phan Thiết đều đưa về Trung Tâm 3 Phỏng Vấn. Đây là chổ tạm giam để công an tra hỏi, lấy khẩu cung trước khi đưa tù nhân đến các trại tù đi lao động. Công an ở đây nôi tiếng đánh đập rât dã man. Còn phòng giam tù nhân như những lò hầm, chật chội, nhốt người như ép mắm, vô cùng khủng khiếp. Người dân đã gọi đổi tên tỉnh Minh Hải thành tỉnh "Kinh Hãi" có lẻ phát xuất từ trại giam kinh hoàng nầy.

Khi đưa chúng tôi tới đây, chúng liền cho phụ nữ và trẻ em nhốt vào hai dãy nhà dành riêng cho phái nữ. Số đàn ông còn lại có 7 người, người nào cũng bị cột một khoá bằng sắt vào một chân. Cả 7 người bắt phải xỏ khoá sắt ấy vào một cây sắt dài, ở hai đầu cây sắt bị khoá lại. Chúng tôi ngồi sát bên nhau thành một hàng dài trên sân đất trong trại giam suốt đêm đó. Có ai muốn đi tiểu hoặc đại tiện thì đi tại chổ. Chúng tôi bị muỗi bay dày đặc hút máu, lớp khát nước kinh khủng làm lả cả người vì từ chiều hôm qua đến giờ chưa có ai uống được một giọt nước.

Gần đến trưa chúng cho tháo xiềng chân, đem nhốt 7 người vào 7 phòng giam khác nhau.

Những phòng giam nầy được xây bằng bê tông cốt sắt rất kiên cố nằm ngang ở cuối trại giam. Mỗi phòng có chiều ngang 1m8, cao 1m8 và sâu khoảng 3m5; chỉ có một cánh cửa ra vào rât kiên cô, trên cánh cửa có 5 ngăn lá sách làm chô thông hơi. Lúc tôi bị đẩy vào phòng và khi cửa bị đóng khoá lại, trời ơi tôi không thể tưởng tượng được những khủng khiếp ở đây! Trong phòng lố nhố những người đứng và ngồi chen chúc nhau, hơi nóng hừng hực và mùi nước tiểu, mùi phân hôi thúi xông lên nồng nặc. Tôi là "lính" mới nên phải nằm

cuối phòng bên cạnh một sô nhựa để đi tiểu và đại tiện. Trong phòng nóng khủng khiếp! Tôi cảm thấy khó thở, chẳng mấy chốc áo quần tôi ướt đẫm mồ hôi. Tôi phải cởi hết áo và quần dài, chỉ bận quần xà lỏn như mọi người ở đây.

Mới đầu tôi nghĩ có lẻ tù nhân chỉ ở đây vài ngày thôi, khi công an lấy khẩu cung xong sẽ chuyển đi nơi khác, chứ ở đây lâu hơn chắc không ai chịu nỗi. Nhưng khi nghe anh trưởng phòng - người bị nhốt trong phòng lâu nhất – cho biết anh ta đã ở đây hơn một tháng rồi, tôi cảm thấy khủng hoảng vô cùng. Trong phòng lúc nầy có tất cả 11 người, tưởng là quá sức chứa rồi, nhưng anh trưởng phòng nói có lần lên tới 15 người! Trời! Nếu chừng nấy người thì sao chịu nỗi?

Như để trả lời nỗi lo của tôi, bất ngờ đến trưa ngày hôm sau có thêm 6 người vượt biên nữa bị dồn nhét vào đây. Tổng cổng lên tới 17 người, nhiều chưa từng có! Bây giờ thì hết cục cựa, đứng hay ngồi đều đụng nhau. Một ông lớn tuổi mới đưa vào phòng bị ngất xỉu. Anh trưởng phòng liên tục đập cửa rầm rầm và kêu to:

- ”Báo cáo cán bộ, trong phòng có người bị ngất xỉu.”

Vài phút sau công an đến mở cửa đưa người đàn ông đó ra ngoài, lấy còng số 8 cột khoá hai tay sau lưng, cho nằm trên sân đất trước cửa phòng. Ra ngoài mát mẻ và thoáng khí nên chẳng mấy chốc ông ấy tỉnh lại; nên một hồi lâu sau công an mở cửa nhốt lại vào phòng. Đến lúc nầy mới thấy được ra ngoài dầu bị trói tay vẫn sướng hơn là ở trong phòng quá nóng và thiếu hơi thở nầy. Những ngày sau đó nghe tiếng đập cửa kêu cứu báo có người bị ngất xỉu xảy ra thường xuyên ngày cũng như đêm ở các phòng giam đàn ông.

Trong phòng lúc bấy giờ lên tới 17 người, ngồi không đủ chổ, nói chi nằm. Cuối cùng chúng tôi đi đến giải pháp là luân phiên nhau đổi một nửa đứng và một nửa nằm nghiên, làm như thế để tránh bớt va chạm và có thể nằm nghỉ được.

Qua ngày thứ 3 trên người tôi nỗi đầy sảy, mồ hôi luôn rịn

ra nên ngứa kinh khủng. Rồi những ngày kế tiếp toàn thân tôi nỗi đầy những mụt đỏ có mủ rất đau nhức. Không phải chỉ riêng tôi mà mọi người trong phòng ai cũng lâm vào cảnh ngộ nầy. Muốn bớt nhức phải dùng kim chích lấy mủ ra. Vì không có bông gòn để lau khi nặn mủ, tôi phải xé áo thun thay thế, rất dơ bẩn.

Hạnh phúc nhất trong một ngày là có 3 lần cửa được mở, môi lần cửa mở 20 phút. Buôi sáng mở cửa cho tù nhân đi ra giếng trước phòng giam làm vệ sinh cá nhân. Chúng tôi vội vã rửa mặt súc miệng giặt áo quần, giặt giẻ lau mủ để còn dùng tiếp, nếu có thì giờ thì tắm vội vài gàu nước. Cũng là lúc cho người nào nằm cuối phòng có nhiệm vụ xách sô chứa phân và nước tiểu đem đi đổ ở nhà vệ sinh. Hai lần mở cửa nữa cho tù nhân ăn trưa và ăn chiều. Hằng ngày chỉ có một món ăn duy nhất là khoai mì xay ngào đường.

Hầu như ngày nào cũng có người vượt biên bị bắt đưa về đây. Các phòng nam lẫn nữ cứ nhét người vào, còn nhét được là cứ nhét. Lúc nây hai phòng giam phụ nữ đây ăp người đứng ngồi lố nhố; ước chừng mỗi phòng chứa khoảng trên một trăm người trong một diện tích quá nhỏ khoảng 4m x 10m. Nhờ có nhiều song sắt trên 4 bức tường nên 2 phòng giam phụ nữ thông thoáng, đứng ở ngoài có thể thấy người bên trong.

Năm ngày sau 3 đứa cháu nhỏ con anh chị tôi được thả, cho người nhà đón về, mẹ chúng vẫn còn bị nhốt.

Ngày nào tôi cũng sống trong tâm trạng thấp thỏm chờ kêu đi lấy khẩu cung, trong đầu luôn chuẩn bị sẵn những lời khai sao cho vẻ trung thực, nhất là tránh chúng phát giác mình là sĩ quan. Tôi mong lây khâu cung sớm đê chuyên đên trại tù lao động, thoát được phòng giam vô cùng khủng khiếp nầy sớm được ngày nào mừng ngày đó.

Trong phòng giam đa số là dân địa phương làm nghề đánh cá. Họ còn trẻ tuổi, khoẻ mạnh, có giọng nói trọ trẹ giống giọng nói người Quảng Bình, Nghệ An. Họ biết hết tên những

tên công an ở trại giam nầy. Họ cho biết nếu ai không may gặp công an tên Mười mà người dân hay gọi Mười Đầu Bò (vì trước đây đi chăn bò) coi như tới số vì tên nầy tra tấn, đánh đập rất dã man. Tên Mười thường xuyên vào Sài Gòn trên danh nghĩa đi điều tra, chứ thực tế vào đây để nhận tiền hối lộ đút lót từ những gia đình vượt biên và có dịp ăn chơi đàng điếm.

Vào một buổi sáng khi được ra giêng tăm giặt, có người chỉ cho tôi tên Mười Đầu Bò. Tôi cố ghi nhớ khuôn mặt của nó phòng khi nếu bị nó lấy khẩu cung liệu bề ứng phó.

Qua ngày thứ 6 có 4 người rời phòng giam; được biết trong số đó có 3 người chuyển đi trại tù lao động, còn một người biết đường dây chạy chọt được thả tự do.

Qua ngày thứ bảy, bất ngờ tôi bị gọi đến phòng lấy khẩu. Khi tới nơi tôi thấy tên Mười Đầu Bò đã lù lù ngồi ở đó tự hồi nào. Lúc nầy đứng gần nó mới thấy mặt tên nầy rất hung ác, tôi nhủ thầm trong bụng rằng mầy là dân chăn bò ngu dốt, sâu bọ lên làm người, còn lâu mới khai thác được ông.

Tên Mười cúi xuống đọc lướt qua lời khai trong tờ giấy trên bàn do công an biên phòng bàn giao, rồi đứng dậy cầm tờ giấy đi vòng quanh bàn tới đứng trước mặt tôi. Nó nhìn tôi chòng chọc như cặp mắt cú vọ, tay trái nó hươ hươ tờ giấy trước mặt tôi, tay phải nắm lại như sẵn sàng đấm. Nó nói phủ đầu:

- Mầy tưởng mầy khai như thế nầy tao tin hả? Khôn hồn hãy thành khẩn khai báo, không thôi tao đánh không còn cái răng ăn cháo, biết chưa?

Tôi nhìn nó với cử chỉ và lời nói rất thật thà:

- Xui quá, tui lỡ bị bắt vô đây, cán bộ hỏi gì tui khai hết, chỉ cầu mong sao được tha cho về nhà sớm để còn lo cho cha già bị bệnh.

Bất ngờ nó hỏi:

- Mầy là sĩ quan "nguỵ", cấp bậc gì?

Đã chuẩn bị trước câu hỏi nầy nên tôi thủng thẳng trả lời, có vẻ rất thành khẩn:

- Trời ơi, cán bộ nói chi lạ vậy, có gì tui đã khai hết rồi. Tui bị bắt đi lính, đào ngũ một lần bị ở tù mấy tháng rồi bắt đi lính lại, cấp bậc sau cùng là trung sĩ.

Tôi vừa dứt lời, nó giơ tay phải lên định đánh tôi. Với bọn nầy thiệt giả chưa biết, cứ đánh để thị uy. Biết vậy tôi liền nói tiếp:

- Tôi thấy cán bộ quen quen, giờ mới nhớ gặp ở đâu, không ngờ cán bộ công tác ở đây.

Nó nạt:

- Mầy gặp tao ở đâu?

- Dạ… tui có cái xe bán bánh mì thịt ở bến xe Phan Thiết đường Lê Hồng Phong, thành phố "Hồ Chí Minh". Tui đã canh me theo dõi đám vượt biên đi ra vô Phan thiết nhiều lần để đi theo và hình như tôi thấy cán bộ một vài lần ở bến xe.

Nó hạ cánh tay phải xuống, nhìn tôi với cặp mắt nghi ngờ. Tôi cúi đầu xuống, tỏ vẻ rất đau khổ:

- Tui xui quá, có một lần tôi ra Phan Thiết chung với đám người vượt biên để tìm hiểu đường đi nước bước. Lần đi đó tui biết được người dẫn mối liền nói riêng với nó xin đi. Cách nay mấy ngày tui đưa nó 4 chỉ vàng nó mới chỉ đường cho đi theo. Tui xui quá… tui xui quá…!

Thấy nó có vẻ không tin, tôi liền nói thêm:

- Thằng dẫn mối đó tui thấy nó cũng bị bắt cột tay trên ghe. Nếu không tin tui, cán bộ cứ tra hỏi nó thì biết?

Không ngờ lời nói của tôi có hiệu qủa khi nghe tên Mười Đầu Bò nói:

- Mầy liệu hồn, tao vào thành phố, lại nhà mầy điều tra phát giác ra mầy man khai tao đập vỡ miệng và cho ở tù mút mùa. Biết chưa?

Nghe nó nói, tôi mừng thầm coi như thoát nạn. Tôi tin chắc rằng bọn nầy chẳng bao giờ đi điều tra. Hằng ngày cả trăm người bị bắt vượt biên và các trại giam chứa cả ngàn người, bọn chúng lấy người đâu để đi điều tra xét hỏi. Bọn nầy chỉ hù doạ, càng đánh đập, càng làm hung bạo thì càng nhận được tiền và vàng lo chạy, đút lót.

Thật ra tôi hoàn toàn không biết gì về tổ chức vượt biên nầy. Anh chị tôi đóng tiền cho vợ chồng tôi đi theo. Tôi có gặp tên dẫn mối một vài lần ở Sài Gòn nên cứ nói đại. Những ngày qua không thấy mấy tên gọi là tài công, chủ bãi và tên dẫn mối đưa vào đây. Tôi nghĩ là mình đã nghi ngờ đúng, tất cả bọn chúng và công an là đồng bọn gian manh, tổ chức giả vượt biên để gom vàng và tiền, rồi bắt lại. Ai có tiền lo đút lót thì được thả, còn lại nhốt vào các trại giam. Thời buổi nầy tổ chức vượt biên thật cũng nhiều và giả cũng nhiều.

Tên Mười Đầu Bò không hỏi tôi người dẫn mối tên gì. Tôi càng nghĩ rằng nó đã biết tên dẫn mối rồi vì là đồng bọn của nó. Nó còn tra hỏi tôi nhiêu câu nữa, tôi trả lời trót lọt, êm xuôi.

Tôi được đưa trở lại phòng giam và nói với những người chung phòng bị tên Mười Đầu Bò lấy khẩu cung. Có người hỏi tôi bị đánh đập nhiều không? Tôi nói không, ai cũng cho rằng tôi được may mắn hiếm có.

Lúc nầy tôi mong từng giờ, từng ngày được gọi ra khỏi phòng giam để đến trại tù lao động. Nhưng ngày nầy rồi qua ngày khác chỉ trông đợi mỏi mòn.

Ở lâu trong phòng giam chật chội và luôn nóng như lò hầm đã xảy ra chuyện lạ. Có một người bạn tù được người nhà gởi vào cái lược dày để chải tóc bắt chí. Khi anh chải tóc, chí rớt xuống bò lổn ngổn đầy cả cái khăn trắng. Mọi người thấy vậy cũng mượn lượt để chải. Trời ơi! Chí đâu nhiều thế, người nào khi chải tóc cũng thấy chí rớt xuống rất nhiều, thấy mà rợn da gà. Cứ một vài ngày chải tóc, lần nào cũng có chí không nhiều

thì ít.

Gần một tháng qua không thấy động tĩnh, tôi buông xuôi không còn mong ngóng ngày được ra khỏi đây nữa, tới đâu thì tới.

Một hôm tôi nghe thông báo ai muốn hớt tóc thì được cho ra khỏi phòng và nhớ mang theo đồ tắm. Tôi liền giơ tay xin đi. Đứng ngoài sân sắp hàng chờ hớt tóc, tôi mong chờ càng lâu càng tốt để được hít thở không khí mát mẻ ở ngoài nầy. Hơn cả giờ sau mới tới lượt mình, tôi nói với anh hớt tóc, cũng là người tù, rằng anh cứ cạo trọc cho tôi. Tôi thầm nghĩ rằng ở tù biết ngày nào về, đẹp xấu gì nữa, cứ cạo trọc cho khoẻ và chẳng còn chổ cho những con chí dung thân. Người ngợm tôi lúc nầy chắc quái dị lắm, thân mình đầy mụt nhọt ghẻ lở và cái đầu trọc lóc không giống ai.

Rồi ngày mong đợi đã đến, cũng hơn một tháng sau, vào một buổi sáng tôi được gọi tên để chuyển trại. Có hai chiếc xe tải mui trần đậu sẵn ngoài sân. Lần lượt những người nam và nữ ở các phòng giam được gọi tên cho lên xe, tôi thấy có đầy đủ những người trong nhóm vượt biên với mình. Gặp lại người thân tôi rất mừng, nhưng đã căn dặn từ trước mọi người không biết tôi là ai nên tôi tảng lờ. Hai xe chở tù nhân chạy về hướng Bắc và hơn một giờ sau đến trại giam Sông Lũy. Trại giam nầy nhốt đủ thành phần tội phạm.

Trại chia làm hai khu riêng biệt, trên đường đi vào, bên phải trại nữ và bên trái trại nam. Trại nam có 4 dãy nhà song song nhau, gọi theo thứ tự từ bên ngoài vào là nhà 1 đến nhà 4. Nhà 4 ở trong cùng dành riêng cho những sĩ quan chế độ cũ bị gọi tập trung trở lại. Từ nhà 1 đến nhà 3 nhốt chung tù hình sự, thành phần xì ke và người vượt biên. Nhà làm bằng cây, vách ván, mái lá và có nhiều song cửa thông thoáng chứ không bít bùng như ở Trung Tâm 3 Phỏng Vấn. Trước 4 dãy nhà là hội trường, nơi đây cũng là nhà ăn tập thể. Ngoài cổng ra vào luôn có công an cầm súng canh gác. Bao bọc chung

quanh 4 dãy nhà và hội trường là hàng rào hai lớp bằng sắt và dây kẽm gai chằng chịt.

Chúng tôi đến đây khoảng hơn 11 giờ trưa. Giờ nầy những người tù đi lao động chưa về nên các cửa nhà mở toang, không có ai trong đó. Một tên công an đưa tôi vào phòng 3, bảo ngồi ở gần cái bàn nhỏ trong cửa chờ Nhà Trưởng về bố trí chổ nằm. Tôi mừng thầm vì hai cháu trai của tôi ở nhà khác. Tôi sợ chú cháu ở gân nhau lâu ngày dê bị bọn an ten theo dõi biêt tôi là ai.

Đến hơn 11 giờ 30, tôi thấy từ ngoài cổng nhiều tù nhân đi lao động về. Chợt nhớ mình có bịch thuốc rê do người nhà tiếp tế khi còn ở Trung tâm 3 Phỏng Vấn, tôi bèn lấy ra đặt bịch thuốc và xấp giấy vấn thuốc lên mặt bàn. Ai bước vô nhà tôi cũng chỉ vào gói thuốc rê mời họ hút. Có nhiều người đứng lại lấy thuốc rê và giấy vấn.

Chẳng mấy chốc gói thuốc rê chỉ còn một nhúm nhỏ. Bất ngờ có một người đi vào, tôi hơi giậc mình vì thấy quen quá. Tôi liên nhủ thâm, tôt nhât vô đây làm mặt lạ, không nhận quen biết ai hết. Khi người ấy tới gần, tôi cũng chỉ vào thuốc rê mời. Anh ta đứng dừng lại không lấy thuốc mà nhìn tôi đăm đăm. Tôi tảng lờ coi như không biết và tiếp tuc mời người đi sau anh. Anh lại ngồi xuống cái ghế dài bên cạnh tôi, đôi mắt thoáng buồn như có ý chia sẻ với tôi tại sao cùng gặp nhau trong cảnh ngộ nầy. Anh ngồi yên một lát rồi lặng lẻ đứng dậy đi vào trong. Tôi cố nhớ anh ta là ai. Chỉ vài giây sau… rồi! Tôi đã nhận ra và nhớ anh ta là ai rồi. Tôi vừa mừng và cũng vừa lo.

Tôi biêt anh cũng là "Cùi" Khoá 26, nhưng không biêt tên vì lúc ở trong trường chúng tôi ở khác Đại Đội và khác bâtiment. Có lẽ anh ấy cũng nhớ và nhận ra tôi thuộc Khoá 25. Nhưng tôi đã có chủ đích, không quen biết người nào ở đây hết, tôi sẽ làm cho anh ấy biết đã nhận lầm người vì người giống người là chuyện thường. Tôi đã đóng kịch thì phải đóng

cho trọn vai, tai vách mạch rừng, ở đây an ten nhiều lắm, nếu để lộ mình là sĩ quan thì ở tù mút mùa. Những ngày sau đó tôi né tránh gặp anh ấy, và nếu có thấy nhau thì làm mặt xa lạ như chưa từng quen biết.

Nhà giam nầy sức chứa lên tới cả trăm người, chính giữa nhà là đường đi và hai bên là hai dãy giường đôi san sát nhau. Tôi được tên Nhà Trưởng chỉ chổ nằm ở giường trên gần cuối phòng.

Ở đây có cách quản lý lấy tù trị tù. Tên Nhà Trưởng là "đại bàng" ở nhà giam nầy; nghe nói y bị tù hình sự, nhốt ở đây gần 2 năm rồi. Dưới tên nầy có 7 tên tổ trưởng, mỗi tổ trưởng "chăm sóc" khoảng trên dưới 15 người tù. Những tên tổ trưởng nầy đa số là dân hút xì ke bị bắt vào đây hơn một năm. Tên Nhà Trưởng như ông hoàng, ngày 3 bữa ăn toàn những món ngon vật lạ, do đàn em là các tổ trưởng cung phụng lấy từ các người tù. Ban ngày Nhà Trưởng dẫn toán đi lao động, ra ngoài ngồi chơi chễm chệ hút thuốc lá điếu do đàn em đưa; còn các tổ trưởng thì đi theo canh gác và đôc thúc tù nhân.

Hằng ngày tù nhân đi ra ngoài trại lao động 10 tiếng. Từ 6 giờ sáng kẻng đánh báo thức, trong vòng nửa giờ lo vệ sinh cá nhân, 6 giờ 30 tập họp đi lao động đến 11g 30 và chiều đi từ 1 giờ trưa đến 6 giờ chiều.

Tất cả tù nhân tập họp ăn trưa và chiều ở hội trường. Mỗi người cầm theo đồ đựng cá nhân để lãnh phần ăn. Thực phẩm chính là cơm độn khoai mì. Những ai có thực phẩm thăm nuôi được mang ra ăn lúc nầy.

Tại đây có một cảnh tượng rất đau lòng: Có nhiều chú nhỏ hút xì ke ở đây đã lâu, không có ai thăm nuôi, mà phần ăn phát không đủ no lại quá thiếu dinh dưỡng nên thân hình người nào cũng gầy gò yếu đuối. Có một chú thấy người đứng bên cạnh mang đồ ăn thăm nuôi ra ăn, chú bèn giựt chạy và đút đồ ăn vào miệng vội vả. Chú bị các tên tổ trưởng bắt lại ngay sau đó và bị đánh bò lăn trên nền đất, trông rất thương tâm. Chứng

kiến cảnh tượng đau long ấy, nước mắt tôi tự nhiên ứa ra…

Sau 7 giờ tối tất cả tù nhân ngồi trong nhà sinh hoạt, kiểm điểm tối thiểu 1 tiếng rưỡi. Từng tổ trưởng lần lượt báo công tác tổ mình, báo người nào làm tốt, người nào lề mề. Tên Nhà Trưởng đi tới, đi lui nhìn mặt từng người khi nghe báo lao động lề mề và ghi tên vào sổ. Nếu ai bị tổ trưởng báo 3 lần, Nhà Trưởng sẽ tạm giữ thực phẩm được thăm nuôi (nếu có), bắt ăn cháo lỏng 3 ngày và khi đi lao động phải vác 4 cái len (cái cuốc, tiếng địa phương). Hình phạt ăn cháo lỏng ai cũng sợ vì đó chỉ là nước cơm. Người nào bị phạt ăn cháo lỏng sau 3 ngày sẽ bị sụm cả người, đi đứng không nổi. Ai cũng sợ tên Nhà Trưởng, sinh sát từ một tay nó. Đến 10 giờ khuya tất cả đi ngủ. Ban đêm 7 tổ trưởng thay phiên nhau đổi giờ canh gác trong nhà.

Riêng ngày chủ nhật buổi sáng được nghỉ, cửa mở cho đi ra nhà sau nấu nướng và cũng để gặp người nhà thăm nuôi nếu có. Chỉ cho thăm nuôi vào sáng Chủ Nhật, mỗi người được thăm 20 phút, thăm bao nhiêu lần cũng được và cho mang tiếp tế thực phẩm không hạn chế. Buổi chiều tất cả tù nhân nam và nữ đến hội trường nghe quản giáo nói chuyện, phê bình, kiểm điểm.

Riêng khu nhà 4 dành cho những sĩ quan chế độ cũ sinh hoạt biệt lập, không dính líu gì với 3 nhà còn lại.

Những ngày đầu khi đi lao động tôi để ý không thấy anh Khoá 26 đi chung trong toán ở nhà 3, tôi hơi thắc mắc. Sau đó không lâu, tôi thấy anh đi lao động trong toán gần 20 người, và quá bất ngờ thấy có cả thầy Thích Nhật Thường, tục danh là Phạm Văn Xua. Thầy là giáo sư trường trung học Bồ Đề và trường Đại Học Văn Khoa ở Sài Gòn. Sau nầy tìm hiểu, tôi mới biết toán nầy gồm những sĩ quan chế độ cũ, những nhà sư, linh mục, và những ông cha đã vượt biên bị bắt đưa vào đây. Toán nầy cho đi lao động riêng. Vào chiều Chủ nhật ở hội trường, tên thủ trưởng trại tù Sông Lũy thường đem toán nầy

ra nhục mạ.

Một hôm anh Khoá 26 được cho về đi lao động chung với nhà 3 để thi đua trồng khoai lang lấy củ. Theo hướng dẫn của tên quản giáo: mỗi vồng rau lang cần có hai người cùng cuốc đất lật lên đắp trên hàng cỏ khô, những hàng cỏ nầy đã đặt thành những hàng song song mấy ngày trước. Khi đất đắp xong thành những vồng to và cao, lấy tay vạch đất rồi trồng những cây hom lan trên vồng đó.

Khi tên tổ trưởng phân chia từng cặp, anh Khoá 26 liền xin làm cùng với tôi. Hai chúng tôi cùng lầm lủi cuốc đất, không ai nói với ai câu nào nhưng trong thâm tâm tôi và chắc cả anh ấy cũng đang chờ sẽ có nhiều chuyện để nói. Đúng như tôi nghĩ, đến giờ nghỉ giải lao, anh ngồi bệt xuống đất bên cạnh tôi và hỏi:

- Tui thấy anh quen quá, hình như hồi đó mình học chung một trường?

Tôi hỏi lại:

- Anh ở đâu?

- Tui ở Phan Rang.

- Còn tui ở Sài Gòn.

- Nhưng anh nhớ mình cùng học ở một trường phải không?

- Anh ở Phan Rang, tui ở Sài Gòn thì làm sao học chung một trường được. Tui học hết năm Đệ Ngũ thì nghỉ học, cũng hơn 15 năm rồi.

Anh ta thắc mắc:

- Lạ quá… chăng lẽ tui nhìn lâm người.

Tôi nhìn anh tỉnh bơ như không biết anh muốn nói cái gì. Trước cử chỉ xa lạ của tôi, tôi biết anh đang bán tín, bán nghi...

Đó là lần duy nhất giữa hai chúng tôi trao đổi với nhau. Những ngày tháng sau, dầu thường gặp nhau tôi thấy anh cũng thờ ơ như tôi, tôi tin rằng anh nghĩ mình đã nhìn lầm người.

Và khi anh Khoá 26 chứng kiến câu chuyện dưới đây, chắc hẳn anh càng tin mình đã nhìn lầm người.

Chuyện như sau: Có một lần tên Nhà Trưởng hỏi ai tình nguyện viết báo tường thì cho ở nhà một ngày để viết báo. Trong nhà có khoảng gần 10 người giơ tay xin tình nguyện, trong đó có tôi. Mấy ngày sau tên Nhà Trưởng thông báo chỉ giữ lại 4 bài cho đăng... Khi trả lại bài cho tôi nó chê thậm tệ, nào là viết sai chính tả, không có đâu, không có đuôi, từ trên xuống dưới không có dấu chấm hay phết, câu văn luộm thuộm… Rồi nó hỏi tôi:

- Mầy học tới lớp mấy?

- Dạ… hồi đó đang học tới giữa năm Đệ Ngũ thì nghỉ.

Nó quát to có ý châm biếm:

- Mới học tới lớp 8 mà bày đặt xin viết báo.

Tôi cúi đầu xuống tỏ ý mắc cỡ và bị quê.

Cánh vượt biên chúng tôi hầu hết được người nhà thăm nuôi, tiếp tế thực phẩm nên không đến nỗi nào. Chỉ tội nghiệp cho những người tù ở lâu không ai thăm, nhất là các chú nhỏ xì ke, người nào cũng da bọc xương vì ăn uống quá thiếu thốn mà lại làm việc rất nặng nhọc.

Về đây dầu sao cũng thấy dễ thở hơn thời gian bị nhốt ở trại Trung Tâm 3 Phỏng Vấn nhiều.

Có một điều tôi luôn thấp thỏm lo là cứ vài ngày nghe trong ba căn nhà phát giác có sĩ quan của chế độ cũ Khi bị phát giác, người đó liền bị bắt nhốt trong phòng biệt giam, hằng ngày cho ăn cháo lỏng; sau 7 ngày được thả ra và cho nhập vào toán đặc biệt kể trên. Đến chiều Chủ Nhựt, người đó phải tới đứng trên bục ở hội trường cho mọi người thấy, để bọn chúng hạ nhục…

Nằm trên giường trên bên cạnh tôi có một cháu trai tên là Dũng, cháu khoảng 18, 19 tuổi bị đưa vào đây sau tôi hai ngày. Có ông nằm ở giường dưới thường gọi "Việt ơi, Việt!"

Tôi thấy Dũng trèo xuống ngồi bên canh ông. Hai người đều nói nhỏ vừa đủ cho nhau nghe. Tôi nghe Dũng gọi người đó là "Ba", thì ra ông và Dũng là hai cha con. Những ngày sau đó tôi thường đi lao động chung với ba của Dũng. Ông chừng ngoài tuổi năm mươi, nói giọng Bắc. Bỗng một hôm khi đi lao động tôi thấy ống bị vác 5 cái len được bó lại, ông đi xiêu qua xiêu lại như sắp té vì vác quá nặng, tôi không biết ông bị tội gì mà bị hình phạt như vậy. Đêm hôm đó khoảng gần 2 giờ sáng tôi nghe tiếng quát tháo:

- "Ông là đại uý mà khai man là thượng sĩ hả? Ông hãy thành thật khai báo lại, rõ chưa? Chúng tôi sẽ thay phiên nhau tra hỏi ông suốt đêm nay. Khi nào ông thành khẩn trả lời mới thôi."

Nằm giường trên nhìn xuống tôi thấy ba của Dũng đang ngồi gục đầu, bên cạnh có tên Nhà Trưởng và 3 tên tổ trưởng thay phiên nhau trấn áp ông. Sáng hôm sau tôi cũng thấy ba của Dũng vác 5 cái len đi lao động. Nhưng lần này ông chỉ đi được một khoảng ngắn rồi té nằm lăn xuống đất. Tôi đi theo toán lao động nguáy cổ nhìn phía sau thấy các tên tổ trưởng chạy lại la hét bắt ông đứng dậy và không biết chuyện gì xảy ra sau đó. Tối hôm đó sau giờ đi ngủ ba của Dũng lại bị tên Nhà trưởng và các tổ trưởng thay phiên lấy khẩu cung. Ông chỉ ngồi gục xuống, không nghe trả lời tiếng nào. Bọn chúng để ông ngồi ở đó suốt đêm, thay phiên nhau canh gác không cho ông ngủ. Trưa ngày hôm sau khi đi lao động về tôi thấy ông nằm thở thoi thóp trên giường, ông đi tiêu chảy phân lỏng trây đầy quần. Lúc đó cháu Dũng cũng vừa đi lao động về liền làm vệ sinh thay quần áo cho ông. Đến chiều đi lao động về tôi không thấy ông đâu mà chỉ thấy Dũng ngồi khóc.

Tôi liền hỏi:

- Ba cháu đâu rồi?

- Ba cháu đã chết cách đây 2 giờ và có người mang đi rồi.

Tôi sửng sốt hỏi tiếp:

- Sao cháu không đi theo họ?

- Cháu đã khai đi vượt biên một mình, sợ họ biết là con sĩ quan chế độ cũ khó có ngày về.

- Nhưng bây giờ cha cháu chết rồi còn sợ gì nữa?

- Cháu tên thiệt là Việt như chú nghe ba cháu gọi đó. Cháu sợ khai đi, khai lại rắc rối lắm. Cháu còn có đứa em gái bị nhốt bên khu trai nữ nữa. Vừa nói Việt vừa thút thít khóc.

Bấc giác, tôi ôm Việt vào lòng, chia sẻ nỗi đau thương của

Những thuyền nhân này dã đến được bến bờ tự do. Nhưng có bao nhiêu người được may mắn như họ?

cháu, thương cháu quá. Tôi thông cảm và không trách Việt tại sao không giám nhận ông Đại Uý là cha mình.

Buổi sáng hôm sau khi đi ra ngoài lao động, tôi thấy một cô bé cũng khoảng 16, 17 tuổi ngồi bên nấm mộ mới chôn khóc nức nở. Tôi biết đó là mồ chôn ông Đại Uý, và cháu bé gái đó là em của Việt. Lầm lũi bước theo toán người đi lao động, tôi thầm nguyện người anh Đại Uý sang bên kia thế giới được về chốn bình yên, và tiếc thương cái giá quá đắt mà anh đã trả vì hai chữ: ”Tự Do”.

Tôi nghĩ đến hai đứa cháu trai kêu tôi là chú ruột ở nhà 1 và nhà 2, cũng cùng tuổi tác như hai anh em cháu Việt. Chúng

tôi chú cháu gặp nhau hằng ngày nhưng xem như người xa lạ. Thương cho tuổi đời chúng còn trẻ dại mà phải bị đưa vào cảnh tù đày.

Thỉnh thoảng cả hai khu trại nam và nữ có người được trả tự do. Nhưng số người được tha quá ít mà số người bị bắt vô đây vì tôi vượt biên càng ngày càng đông. Nhà 3 nơi tôi ở lúc nầy không còn đủ giường nằm; những người mới vào phải năm dưới đất ở trong cùng.

Từ ngày bị đưa vô giam ở đây tính ra cũng hơn 9 tháng rồi, tôi được người nhà thăm nuôi hai lần. Tôi cố ăn dè xẻn đồ thăm nuôi để cầm hơi, cũng chẳng thèm lo trông đợi ngày về, tới đâu thì tới.

Rồi một buổi sáng quá bất ngờ ngoài cả mong đợi. Tôi nghe tên Nhà Trưởng báo sáng nay khỏi đi lao động, ở nhà chờ công an trại phát lệnh tha. Xiết đỗi vui mừng, tôi chờ người trong nhà đi lao động hết liền chạy ra ngoài sân xem động tĩnh. Hai cháu trai ở nhà 1 và nhà 2 thấy tôi đều nhảy lên vui mừng đưa tay vây vây, biết chúng cũng được thả. Tiếp đến nghe tiếng reo vui mừng bên khu trại nữ, tôi liền đi ra gần hàng rào nhìn qua bên ấy. Người tôi thấy đầu tiên là chị dâu tôi cũng đứng bên hàng rào nhìn qua khu trại nam. Chị và tôi cùng vui mừng đưa tay vẫy báo được thả. Sau đó tôi được biết tất cả mọi người trong toán vượt biên với tôi đều được ra trại sáng nay.

Đến khoảng 9 giờ sáng công an phát tờ giấy ra trại cho mọi người. Tôi nói với hai cháu trai rằng cứ đi về trước, tôi có chút việc về sau, đừng có đợi. Tôi còn dặn thêm đi ra ngoài gặp chị dâu và bà con tôi có ai hỏi tại sao tôi chưa ra, hai cháu cũng nói như vậy. Nhìn ra ngoài công tôi thấy mọi người vui mừng rời khỏi trại. Từ trại tù Sông Lũy đi ra tới Quốc Lộ I cũng gần cả 10 cây số. Vì đoạn đường nầy không có xe nên tất cả phải đi bộ, ra tới quốc lộ mới có xe đón đi về hướng Nam.

Tôi ngồi một mình trong căn nhà vắng, ngồi đây để đợi, đợi một người dầu không phải bà con nhưng cùng chung dòng

máu, dòng máu Võ Bị.

Phải chờ đợi tới 11giờ 30, còn hơn hai giờ nữa mới gặp. Cầm tờ giấy ra trại tù trong tay mà ngồi đợi hơn hai tiếng đồng hồ sao thấy thời gian dài đăng đẳng. Sợ công an thấy tôi còn ở đây sẽ hỏi lôi thôi, tôi bèn ra sau nhà nhóm lửa nấu bột Bích Chi (tên một loại bột gọa đển nuôi trẻ em và người bệnh). Nếu chúng thấy hỏi tại sao chưa đi tôi còn có cách trả lời là ăn cho no đê đi đường xa.

Gần 11giờ 30 tối, thấy toán lao động đặc biệt gần 20 người trong đó có anh Khoá 26 về trước, tôi liền gọi anh ấy ra nhà sau chỉ vào bếp đang nấu, nói:

- Anh hãy lấy bột Bích Chi tôi mới nấu ăn đi. Tôi còn để một gói nhỏ gồm thuốc tây và đồ ăn thăm nuôi ở đầu giường anh.

Anh Khoá 26 nhìn tôi với ánh mắt ngạc nhiên. Tôi cầm bàn tay anh nói tiếp:

- Tôi về. Anh ở lại mạnh giỏi! Phải Tự Thăng! Tự Thăng cho qua cơn nguy khốn nầy. Anh nghe rõ chưa? Sau nầy ra ngoài anh em mình sẽ gặp lại nhau.

Lúc nầy tôi thấy bàn anh đang bắt bàn tay tôi hơi run run có lẻ xúc động, còn tôi quay mặt đi nơi khác che dấu nước mắt ứa ra. Trước ngỡ ngàng của anh, tôi vội vàng xách túi vải đi thẳng ra cổng không quay đầu nhìn lại. Giờ nầy tôi biết anh Khoá 26 đã biết tôi là ai khi nghe MẬT KHẨU "TỰ THẮNG".

Xin lỗi anh Khoá 26. Xin lỗi anh vì tôi đã đóng kịch.

Như Mới Hôm Qua

Captovan, K19

Nửa thế kỷ rồi mà còn như mới hôm qua.

Những ngày cuối năm: "Happy Thanksgiving" là lúc chúng ta cần nói lời "Tạ Ơn" đối với trời đất, tổ tiên, ông bà, cha mẹ và gia đình; "Tạ Ơn" thày cô, đồng đội, bằng hữu và nhất là Hiệp Chủng Quốc Hoa Kỳ.

"Happy New Year" là lúc chúng ta gửi những lời chúc mừng tốt đẹp nhất cho mọi người, cái gì cũng mới, trừ tình yêu lứa đôi: đồ cổ là đồ quý hiếm. Chiều Tất Niên, sáng Tân Niên, gia đình, đồng đội, đồng môn, đồng khóa, đồng khóa khác chìa ngồi bên nhau nâng ly: Cười.

Đây cũng là lúc mọi người nhớ đến nhau, gọi tên nhau, cám ơn nhau, nhớ lại quá khứ và hướng đến tương lai. Nhưng chúng ta, những cựu quân nhân, cũng không khỏi ngậm ngùi nhớ lại những ngày tháng khó quên của đời lính chiến, nhớ đến anh em bị thương đã bỏ lại một phần thân thể ngoài chiến trường.

Bị thương đã đau, còn bị tặng thêm chữ "phế" làm "Thương Phế Binh" thì đau kể gì! Đau mãi, đau hoài từ ngày ấy- nửa thế kỷ đã qua mà nay vẫn còn đau. Đau cả thể xác lẫn tâm hồn trên

chính quê hương của mình, đất nước mà mình đã chiến đấu để bảo vệ, nhưng công không thành, danh bị… "phế"! Nay các anh TPB đang sẵn sàng thay nhau tấn công lên "đồi"!

Ai còn nhớ đến các anh Phế Binh? Hay họ chỉ biết tình tứ: "Anh còn nợ em công viên ghế đá" mà quên cái "nợ" "ơn cứu mạng" của anh Phế Binh.

Thương tiếc quá những anh em đã ra đi! Những kỷ niệm với đồng đội ngoài chiến trường, trong ngục tù CS, dù đã hơn nửa thế kỷ mà tôi vẫn cảm thấy như mới xẩy ra ngày hôm qua.

"Hôm Qua": Chiến trận cuối năm.

Sáng 31/12/1964, tôi dẫn anh em Đại Đội 4, TĐ5/ TQLC ra bãi tập chiến thuật ở bên cạnh suối Lồ Ồ, Dĩ An, dưới chân núi Châu Thới, Biên Hòa. Bãi tập là cánh rừng thưa có nhiều mai vàng đang hé nhụy, báo hiệu mùa Xuân sắp về. Khi thực tập bài học tấn công, anh em binh sĩ lại ngụy trang bằng những cành hoa mai. Việc này tuy sai với nguyên tắc ngụy trang, nhưng tôi chỉ mỉm cười. Vì nếu anh nào tinh ý thì sẽ thấy tôi cũng ngụy trang trên vai một cành hoa mai có hai bông.

Mới tốt nghiệp thiếu úy ngày 28/11/1964 mà hơn tháng sau đã là trung úy thì không vinh thăng cũng truy thăng*, nghĩ thế làm tôi giật mình.

(tử trận được truy thăng lên một cấp kèm theo chữ cố.)*

Đang tập cho lính xung phong vào mục tiêu giả thì tôi nghe kèn báo động từ Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn, tôi nhận lệnh đem đại đội trở về doanh trại gấp. Các đại đội thuộc Tiểu Đoàn 5/ TQLC súng đạn đã sẵn sàng ở sân cờ để tiếp viện cho đơn vị bạn.

Mấy sĩ quan trung đội trưởng chúng tôi lo âu ngơ ngác nhìn nhau, nhìn vào phòng "văn khang", hoa rượu đã sẵn sàng trên bàn tiệc, trong khi ngoài cửa, cờ quạt cùng dòng chữ "Cung Chúc Tân Xuân", thay vì phất phới bay thì đang rung lên bần bật theo tin dữ báo về: "Tiểu Đoàn 4 TQLC đang đụng nặng

tại Bình Giả."

Trung Úy Dương Bửu Long**, Đại Đội Trưởng Đại Đội 4, sau khi kiểm soát súng đạn đầy đủ xong, kéo tôi, cùng Quang Gù, Lộc Lùn**, Tử Phương** ra chỗ vắng nói nhỏ:

- Tiểu Đoàn 4 TQLC đụng ở Bình Giả, thiệt hại nặng lắm, Tiểu Đoàn Trưởng, Tiểu Đoàn Phó, Bác Sĩ đều đã tử trận cả rồi! Các Đại Đội trưởng là Tr/Úy Huệ (K17 VB) tử trận, Tr/Úy Trần Ngọc Toàn (K16 VB) mất tích, Tr/Úy Đỗ Hữu Tùng**, và Tr/Úy Nguyễn Đằng Tống** (K16 VB) nghe nói cũng bị thương. Hai bạn cùng K19 với mày là Th/Úy Võ Thành Kháng và Nguyễn Văn Hùng cũng tử trận rồi!

*(**các anh không còn nữa!)*

Nghe tin các bạn đồng Khóa 19/TQLC Võ Thành Kháng, Nguyễn Văn Hùng, và BĐQ Nguyễn Thái Quan đã tử trận khiến tôi sững sờ, toàn thân tê đi. Tình nguyện về TQLC, BĐQ, Nhảy Dù, các đơn vị chiến đấu là chọn hiểm nguy, nhưng không ngờ các bạn tôi lại tử trận nhanh quá!

Chúng tôi vừa tốt nghiệp thiếu úy ngày 28/11/1964, mới hưởng xong 15 ngày phép mãn khóa. Cặp lon Thiếu Úy TQLC kim tuyến trắng tinh, chưa dính bụi trần, tưởng như vẫn còn hương thơm và dấu tay của người yêu các bạn, vừa mới ra trận đã nhuộm máu! Các bạn tôi đã hy sinh, đã trả xong nợ nước trong khi các đồng khóa khác còn đang ngồi chờ lệnh bổ nhiệm.

Nếu như ngày "Hôm Qua": 31/12/1964 nhiều đồng đội, đồng khóa, đồng môn của tôi thuộc TĐ4/ TQLC tử trận tại Bình Giả, thì ngày "Hôm Qua": 31/12/1967, đối với tôi còn quái ác hơn, tôi mất đi những anh em TĐ2/ TQLC yêu thương nhau còn hơn ruột thịt.

Ngày cuối năm ấy, Đại Đội 1 Tiểu Đoàn 2 của tôi nhảy trực thăng đợt đầu xuống mục tiêu kinh Cái Thia, quận Cai Lậy, và đụng địch ngay. Đủ mọi thứ súng từ trong bờ kinh bắn ra, quân ta từ đồng ruộng lúa trống không chỗ ẩn núp nên cách

duy nhất để tìm cái sống trong cái chết là nhào vô. Với kinh nghiệm, Đại Đội Phó Nguyễn Quốc Chính, K20 VB, đã chỉ huy điều động quân thay cho Trung Đội Trưởng Huỳnh Vinh Quang K22 VB (mới ra trường) mà phất tay ra lệnh "xung phong" thẳng vào mục tiêu. Giặc chạy tán loạn, quân ta giảm thiểu thương vong, nhưng than ôi, tiếng Quang hét qua máy:

- Anh Cấp! Anh Chính chết rồi!

Tiếng hét của Quang như sét đánh ngay đầu, tôi khóc nức nở như đứa trẻ con khiến Trung Tá Tiểu Đoàn Trưởng Ngô Văn Định và Thiếu Tá Tiểu Đoàn Phó Nguyễn Kim Đễ** la tôi qua máy:

TQLC tai Bình Giả, 1964

- Cậu đừng làm anh em mất tinh thần.

Kỷ niệm ấy, dù đã hơn 50 năm, vẫn không ngừng ám ảnh tôi, thương nhớ biết bao Nguyễn Quốc Chính, người em xuất thân Võ Bị. Quốc Chính cũng vì tình anh em với Huỳnh Vinh Quang K22A mà quên thân mình.

Khi anh Nguyễn Xuân Phúc** làm ĐĐT/ ĐĐ4/ TĐ2/ TQLC thì Trần Văn Hợp** làm Đại Đội Phó, còn Chính và tôi là Trung Đội Trưởng. Đại Đội 4 có bốn anh em: Phúc, Hợp, Cấp, Chính thương yêu nhau hơn ruột thịt nhiều. Chú em út Quốc Chính ra đi quá sớm, tháng 12/1967. Và rồi, gần 8 năm sau, lúc 9 giờ sáng ngày 29/3/1975, ông anh cả Xuân Phúc cũng biến mất trong khói lửa mịt mù bên bờ biển Non Nước,

Đà Nẵng khi tôi vừa bắt tay anh để bơi ra tàu. Còn Trần Văn Hợp thì "tử nạn" trong ngục tù CS vào năm 1978 ở rừng núi Hoàng Liên Sơn (Bắc Việt).

Tháng 7/1975 tại trại tù Long Giao, khi bị học về "Ngụy Quân, Ngụy Quyền" tên VC "giảng viên" dõng dạc tuyên bố trước hằng mấy trăm "học viên":

- Những cái gọi là Trâu Điên, Cọp Ba Đầu Rằn thì phải thẳng tay trừng trị.

Tôi ngồi bên cạnh Trâu Điên Trưởng Trần Văn Hợp, thúc cùi chõ vào hông hắn, khẽ nói:

- Nó hù mày đó.

Hợp không nói gì, chỉ nhếch mép cười điệu khinh bỉ. Bản tính hắn là vậy. Đâu có ai ngờ đó lại là chuyện thật!

"Hôm qua": Giáng Sinh 1975 trong trại tù Cộng Sản

"Hôm Qua": 24/12/1975, trong trại tù Suối Máu, Biên Hòa, Trần Văn Hợp kiếm đâu ra được ít vỏ và một miếng bí đỏ cỡ 3 ngón tay, kèm theo cái loon guigoz có ít nước vo gạo và chừng ¼ chén cơm nguội, hắn bảo tôi:

- Giao cho mày cái này để nấu chè, đêm nay mình ăn "Réveillon".

- Đường đâu mà... chè!

- Cho tí muối thay đường, hạt muối chia hai, chia ba còn ngọt hơn đường. Đừng cho họ biết, chờ đúng lúc có chuông nhà thờ- lễ nửa đêm, thì mình gọi họ dậy cùng thưởng thức "tiệc Giáng Sinh" đầu tiên trong tù.

"Họ" là gồm các anh Đoàn Trọng Cảo** K13, ba ông kẹ K17 là Đinh Xuân Lãm** và Trần Kim Hoàng** Lê Văn Cưu. K19 có Trần Xuân Bàng**, Trần Văn Hợp** Huỳnh Văn Phú, Tô Văn Cấp. K21 có Trần Quang Duật, Doãn Thiện Niệm, Lê Xuân Sơn. Chúng tôi ở cùng nhà, nằm sát bên nhau trong trại tù Suối Máu, thương nhau, an ủi nhau nhưng không có gì cho

nhau ngoài hai tiếng "niên trưởng.".

Tối Giáng Sinh 24/12/1975, trong khi chờ đợi được "ăn chè", tôi nằm co quắp trên tấm nệm, tai lắng nghe tiếng chuông xứ đạo Hố Nai-Biên Hòa. Nệm là miếng chiếu rách trải trên nền xi măng. Chăn là mảnh "poncho line", bông gòn không còn, chỉ có cái vỏ mỏng tanh.

Những giọt sương khuya tí tách, lộp độp trên mái tôn, gió rít qua khe vách. Lạnh quá, ngủ không được, tôi nằm nghiêng, co chân, ôm đầu gối vào lòng kiếm tí ấm thì đụng Trần Văn Hợp, hắn giật mình hỏi:

- Mày làm gì thế mà thúc đầu gối vào lưng tao?

- Lạnh quá, tao co đầu gối kiếm tí ấm.

Hắn im lặng, bản tính là thế. Không co bên phải nữa, tôi xoay qua bên trái, lại co, lại nghe anh Trần Kim Hoàng càu nhàu:

- Sao mày cứ nhúc nhích hoài vậy?

Tôi không ngủ được vì lý do cái loon guigoz chè mà Hợp giao cho tôi nấu đã bị đổ hết rồi! Tôi treo lon guigoz chứa ít vỏ bí ngô và nước vo gạo lên cái móc sắt ở đầu khúc cây, gọi là "cần câu" để đưa lon guigoz vào lò nấu cơm của nhà bếp trại tù. Chẳng may sơ ý để sâu vào giữa lò, lửa nóng quá, cháy đầu cần câu, lon guigoz rớt xuống đống than hồng, tôi như rơi xuống địa ngục!

"Bính boong, bính boong": Từng hồi chuông kéo dài, rồi những bài thánh ca "Đêm Thánh Vô Cùng", "Cao Cung Lên" "Đêm Đông Lạnh Lẽo",... từ xứ đạo Kim Bịch, Hố Nai, vút lên trời cao, vọng vào trại tù Suối Máu, len vào từng thớ thịt, mạch máu của những tên tù bất đắc dĩ.

Xứ đạo Kim Bịch ở cây số 6, rất gần với trại Suối Máu, ban ngày tôi trông rõ cái tháp chuông nhà thờ Kim Bịch. Dưới chân tháp chuông là nơi in dấu kỷ niệm đau thương của tôi. Tôi đi tu với cha bố của tôi là Linh Mục Thọ, ngài coi giáo xứ

Kim Bịch. Ngài có cái đầu hói, thông minh, nhưng kỷ luật vô cùng. Ngài giao cho tôi phụ trách tập hát cho ca đoàn. Trong ca đoàn có cô bé tên Lựu nho-nhỏ xinh-xinh. Cô hay liếc và cười tình với thầy dậy hát cho ca đoàn. Sau lễ nửa đêm Noel năm ấy, cô bé hẹn tôi đến chân tháp chuông và tặng tôi cái bánh do tự tay cô làm. Bất ngờ bị cha bố bắt gặp… thế là tôi bị xuất tu thành tu xuất. Chúa gọi thì nhiều mà chọn thì ít chứ không phải vì tôi chọn Lựu làm người yêu.

Đêm Giáng Sinh 24/12/1975. Giáng Sinh đầu tiên tôi bị nhốt trong tù. Tôi nhớ gia đình, và cũng thầm hỏi không biết cô học trò tên Lựu ngày xa xưa có còn ở xứ Kim Bịch không? Tuy gần mà xa.

Tôi ngồi dậy làm dấu Thánh Giá, mở miệng không ra nhưng nghe trong đầu như có tiếng ca: "Silent Night, HoLy Nigh". Trong bóng đêm lờ mờ, nhiều tiếng động, tôi biết có nhiều anh em đồng tù cũng đã ngồi dậy cầu kinh và hát theo những bản thánh ca.

Hợp cũng ngôi dậy, chờ tôi lâm bâm xong bài Silent Night, hắn hỏi:

- Hát xong chưa? Mang chè ra, tao gọi "họ" dậy.

- Tao làm đổ hết trong lò rồi. Cái lon guigoz cũng cháy theo.

Hợp không nói gì, chỉ thở dài rồi nằm xuống. Tôi vốn là con chiên không ngoan đạo, nhưng trong hoàn cảnh quá khó khăn, tôi tin là có Chúa. Gặp lúc hiểm nguy, người ta cầu xin cả Chúa, lẫn Phật. Tôi cầu xin Chúa và bạn bè tha lỗi cho cái tội "đoảng" của tôi, nấu có lon guigoz nước vo gạo cũng không xong!

Sáng ngày 25/12/1976, tất cả tù nhân trại tù số 8 Hoàng Liên Sơn được lệnh tập họp ở hội trường để nghe trại trưởng nói chuyện. Võ Văn Đức, K22 B, chửi thề:

- Đê em… Ngày lễ mà nó cũng không cho người ta nghỉ.

Sau khi tất cả tù an vị cái mông xuống nền đất ẩm, "thủ trưởng" hỏi:

- Các anh có biết hôm nay là ngày gì không?

Hình như Võ Văn Đức, tục danh Đức Cống, vẫn còn tức nên trả lời trống không, thay như quy định là khi trả lời cai tù thì phải "thưa"

- Hôm nay là ngày XMas.

- Cái "rì" là ít-mát?

Đâu đó có người lên tiếng giải thích:

- Thưa… Xmas là Christmas, là ngày Chúa Giáng Sinh.

- Không đúng

- Thưa là ngày lễ Noel.

- Không đúng.

Chờ hồi lâu không có tù nào trả lời, tên trại trưởng mỉm cười, chắp hai bàn tay sau đít, đi tới đi lui là chiều thích thú. Cuối cùng cũng đến lúc lòi cái nham hiểm gian ác, hắn chậm rãi nói to:

- Hôm nay là ngày "Lao Động Xã Hội Chủ Nghĩa", các lán trưởng cho lãnh phần ăn rồi cho tất cả "cải tạo viên" làm việc thông tầm. Quân ta thật thà, quỷ xứ nham hiểm ma mãnh, nó cố tình cải tạo con người thành cái máy, tìm cách diệt niềm tin tôn giáo của mọi người, mọi nơi, mọi lúc.

Điều đau nhớ đời, gần nửa thế kỷ rồi mà còn như "*mới hôm qua*"./.

Lạc Mất Hồn Xuân

Phạm Kim Khôi, K19

Đã vắng hồn Xuân trong những Xuân
Từ khi thôi khoác áo phong trần
Lính không còn nữa nơi quê cũ
Xa bến sông hồ phai dấu chân

Xưa có Xuân về trong khói lửa
Giao thừa ôm súng giữ quê hương
Sớm mai bên suối hoa rừng nở
Chiến sĩ chào Xuân ở chiến trường

Xưa đón Xuân về nơi phố thị
xóm làng vui Tết chúc mừng nhau
Bao nhiêu cánh thiệp ngày Xuân mới
Gói cả nghìn thương gửi tuyến đầu

Nay những mùa Xuân lặng lẽ trôi
Viễn phương mây trắng bay về nơi
Áo phong trần đã không còn nữa
Lạc mất hồn xuân nẻo cuối đời

Khóa 23 và Chuyến Du Lịch Âu Châu

Ngọc Minh, K23/1

Năm nay chúng tôi dự định nghỉ hè ở Hy Lạp rồi về tham dự Đại Hội Võ Bị Âu Châu lần thứ 14 tại Paris. Nhưng khi được biết anh chị Đỗ Mạnh Trường trước khi tham dự ĐHVBAC sẽ ghé Đức chơi vài ngày, tôi liên tưởng tới bầu không khí năm 2013 vui nhộn nhiều kỷ niệm với anh chị Lê Khoa Toàn, Vương Chước, Trần Ngọc Bửu, Nguyễn Xuân Cung và các Khóa 16,19, 22, 31 tại Krefeld nơi chúng tôi ở.

Thời gian đó các anh chị thuộc Khóa 22, tập trung tại tư gia anh chị Phạm Xuân Thiếp, cũng ở gần nên chúng tôi thường chạy qua họp mặt. Tiếc rằng niềm vui đối với tôi không được trọn vẹn, tôi không thể tháp tùng với mọi người trong các tour du lịch và Đại Hội được vì vừa có đại tang và phải lo cúng 49 ngày cho Ba tôi.

Tuy vậy tôi có thật nhiều kỷ niệm khó quên, đặc biệt cô Út Được, K31 rất dễ mến đã an ủi và tâm tình với tôi rất nhiều. Mặc dù chưa hề thấy mặt nhau bao giờ, nhưng gặp nhau chúng tôi cảm thấy ngay sự thân tình như chị em ruột, nên không thấy xa cách.

Ngoài ra, phần lớn có lẽ do thấy khi các anh gặp nhau, choàng vai nhau thân thiết ngay sau khi tự giới thiệu, tình đồng môn Võ Bị vì thế đã truyền qua chị em chúng tôi. Tôi có cảm giác thân thiết đó kể cả chỉ nghe và biết nhau qua

telefone. Thế là anh Huấn sau khi bàn tính đã quyết định thay đổi kế hoạch, hủy bỏ Hy Lạp quay sang dụ dỗ K23, để mong sống lại không khí như 6 năm trước.

Anh rất lạc quan vì có thêm anh chị Lê Hoành, anh chị Bùi Văn Hồng, anh chị Tăng Khải Minh. Ngoại trừ anh chị TK Minh, tất cả đều qua Âu Châu lần đầu, nên anh Huấn đã phác họa một chương trình du ngoạn chi tiết từng ngày để không bỏ phí thì giờ vàng bạc nào. Anh Huân đã book ngay một appartment 5 phòng ngủ cho 10 người tại trung tâm Prag, thủ đô Tiệp Khắc. Nhưng sau đó anh chị Hồng và anh chị Minh phải xin kiếu lui vì đã có chương trình khác, dù đề nghị của anh Huấn đưa ra quá hấp dẫn.

Thế là anh Huấn phải đổi appartment, đổi xe, đổi chương trình sau khi anh Trường và Hoành quyết định kéo dài thời gian ở Đức đến 3 tuần. Theo chương trình thì chúng tôi sẽ đi một vòng 6 nước tại Âu Châu, thăm những thắng cảnh tiêu biểu tại thủ đô của Đức(Berlin), Bỉ (Bruxelles), Hòa Lan (Amsterdam), Pháp (Paris), Anh (London), và Tiệp Khắc (Prague). Mục tiêu chính không phải để thăm những thắng cảnh thiên nhiên hay các công trình hiện đại (làm sao so với Hoa Kỳ được), mà để thăm những thứ cổ lỗ sĩ nhưng vô cùng quý giá, không bao giờ thấy tại nước Mỹ trẻ trung. Dùng một xe van 7 chỗ, anh Hoành và anh Huấn thay phiên nhau lái tổng cộng hơn 6000 km, đó là không kể Tour Paris – London, 8 ngày đi với một công ty du lịch.

Tôi không nhớ thứ tự những nơi chúng tôi đã tới, chỉ xin ghi lại vài điểm chính theo trí nhớ.

Sáng ngày 16/8 đón các anh chị về Krefeld, chỉ nghỉ ngơi đôi chút rồi đi thăm thành phố Düsseldorf, thủ đô của tiểu bang chúng tôi ở, vào mùa Hè dọc bờ sông những hàng quán không còn ghế trống.

Nước Đức sau thế chiến thứ 2, chịu nhiều tổn thất, những kiến trúc cổ tại các thành phố lớn không còn nhiều, nên chúng

tôi tập trung thời gian thăm viếng Paris, London, và Prag với những quán ăn và quán cà phê lộ thiên đã gợi lại trong tôi những kỷ niệm, và không khỏi chạnh lòng nghĩ tới Sài Gòn xưa.

Nếu không có cái ngày chết tiệt 30.04.75, có lẽ Sài Gòn sẽ không thua bất cứ thành phố nào tại Đông Nam Á. Bây giờ khi so sánh Sài Gòn với Singapor hay Bangkok, tôi không khỏi ngậm ngùi. Nhớ lại cách đây vài năm, Việt Cộng cho phá bỏ hai thương xá Tax và Passage Eden, những kiến trúc từ thời người Pháp xây dựng. Trong khi đó tại Đức, lại có luật bảo tồn những căn nhà cổ không cho phép phá bỏ hoàn toàn, chỉ được phép sửa chữa bên trong, kiến trúc cổ mặt tiền phải giữ nguyên, và người chủ được chính phủ giúp rất nhiều về mặt tài chánh.

Ngày 17/8 địa điểm đầu tiên:

Hòa Lan: Netherlands (vùng đất thấp) với 2/3 diện tích lãnh thổ nằm dưới mực nước biển, năm 1953 bị một trận lụt khủng khiếp đã nhận chìm 3 tỉnh, gần 2.000 người chết, 10.000 nhà bị phá hủy hoàn toàn.... nên chính phủ đã cải thiện hệ thống đê, dùng sức người để chống lại thiên nhiên. Vì thế, Hòa Lan hiện có một hệ thống đê chống lụt vĩ đại nhất thế giới. Người Hòa Lan tự hào: ”*Chúa đã tạo nên trái đất, nhưng con người đã tạo nên Hòa Lan.*”

Kể từ năm 1983, thủ đô của Hòa Lan là Amsterdam, một thành phố với diện tích chỉ khoảng 200 km2 với hơn 50km2 là nước và gần 1300 chiếc cầu với chi chít sông lạch. Hầu hết các anh chị tham dự ĐHVBAC, nếu có dịp tới Hòa Lan đều ghé thăm Amsterdam, nhưng tôi tin rằng ít có ai tới Zaanse Schans với những cối xay bằng gió, đã có từ trước khi nước Mỹ chào đời. Hiện được Unesco xác nhận là di tích văn hóa cần bảo tồn của thế giới. Ngòai ra tại đây có một quán làm bánh Wafels ngon nhất Hòa Lan.

Vì phải đi 2 nơi Zaanse Schans và Amsterdam trong

ngày nên chúng tôi đã khởi hành rất sớm. Dù vậy khi tới đó thì chỗ đậu xe đã kẹt cứng ra tới ngoài đường, anh Huấn định đậu xe ở một chỗ cấm, để mọi người đi bộ vào xem, còn anh sẽ ngồi chờ ở trong xe canh chừng police, kẻo xe mà bị kéo thì lôi thôi to, nhưng vì có vui cùng hưởng nên mọi người không chịu, đành phải quay xe lại xếp hàng chờ vào parking. Rốt cục rồi cũng xong. Thực ra tại đây có parking rất rộng ở ngoại ô, chỉ trả một Euro cho nguyên ngày, rồi đi xe bus hoặc xe lửa miễn phí vào tận nơi.

Sau đó chúng tôi quay về Amsterdam, định đi chuyến boot cruise trên các sông lạch vào buổi tối, nhưng các chuyến tối đều hết chỗ nên phải đi chuyến buổi chiều. Cháu Luân (con tôi) đã dặn bố mẹ phải dẫn các bác tới một tiệm có món vịt quay nổi tiếng, dặn dò kỹ lưỡng, lấy địa chỉ rồi, nhưng khi tới Amsterdam thì đường phố chi chít kinh lạch như mê hồn trận, tìm mỏi chân vẫn không được. Cũng may anh Huấn luôn luôn dẫn theo thông dịch viên là chị Hoành, rất lanh lợi hoạt bát nên bất cứ hỏi ai cũng được chỉ dẫn tận tình, vả lại người Hòa Lan bản tính rất hiền lành, hiếu khách.

Rốt cục rồi cũng tìm được tiệm ăn, và cũng lại phải xếp hàng chờ bàn trống cho 6 người. Anh Huấn cứ càu nhàu với tôi, người ta bay mấy ngàn cây số không phải để đi ăn món vịt, mà phải giới thiệu các món đặc sản. Hòa Lan có 2 món nổi tiếng, lại không phải trong các restaurant sang trọng mà chính là tại những quán bình dân dọc đường:

1) Frites (khoai chiên) xuất xứ tại Bỉ, nhưng Amsterdam lại nổi tiếng hơn, có lẽ vì nhiều du khách. Mỗi gói Frites chỉ khoảng 2 Euro, không biết họ dùng loại khai gì, nhưng thơm ngon khác hẳn với frites khô khan của Mc Donald.

2) Maatjes (cá herring)

Cá được bắt vào lúc còn non (chưa trưởng thành), làm sạch ruột rồi ngâm với nước muối. Ăn với hành tây băm nhỏ, ăn đúng kiểu không phải dùng dao cắt nhỏ mà phải cầm đuôi cá

rồi ngửa mặt ra cắn từng miếng. Định sẽ thưởng thức 2 món này sau khi đi thuyền cruise qua các kinh lạch tại Amstardam. Nhưng rồi cũng không có thì giờ và đã quá mệt, nên mấy ông chán nản quyết định về, không ăn uống gì nữa.

Đến tối, khi mặt trời lặn, đường phố bắt đầu lên đèn, du khách nườm nượt chen chân nhau đi dọc theo hai bên bờ lạch. Thành ra chúng tôi chỉ chen chúc theo đoàn người dọc hai bên bờ kinh rồi về, may quá không bị lạc ông nào cả.

Ngày 18/8:

Vì NT Nguyễn Văn Nam, K20 và NT Phạm Xuân Thiếp, K22 không tham dự Đại Hội nên trưa ngày 18/8 có một buổi họp mặt bỏ túi với các anh em VB trong vùng: anh chị Nam, anh chị Thiếp, anh chị Hồ Để, K29 tại tư gia của chúng tôi.

Đến 8 giờ tối, cuộc vui phải tạm ngưng để chúng tôi sửa soạn vali cho chuyến Bus Tour 8 ngày Paris-London, khởi hành lúc nữa đêm, theo chương trình sáng hôm sau có mặt tại Paris. Tour du lịch này rất đầy đủ, thăm các địa điểm nổi tiếng tại Paris với sự giải thích tỷ mỉ của hướng dẫn viên. Rất tiếc chỉ bằng tiếng Đức, và anh Huấn là người có nhiệm vụ thông dịch. Nhưng lại bị trở ngại, nếu nghe thì không dịch được, nếu dịch thì không nghe được, thành ra anh Hoành và Trường tách ra để chụp hình, 2 chị tụt lại phía sau cho đỡ nhức đầu vì nghe giải thích cứ như vịt nghe sấm.

Chỉ tội anh Huấn chạy tới chạy lui như mắc cửi, chạy theo đầu thì lạc đuôi, ở lại đuôi thì lạc đầu. Sau cùng chúng tôi quyết định tách riêng, đi theo plan của mình, ngoại trừ những tour đi tàu trên sông, phải đi chung theo group. Và chính đi riêng mà chúng tôi đã có những phiêu lưu lý thú, trầy da tróc vảy tại Paris, nhất là kỷ niệm từ các lần đi Metro.

Vì đã lâu lắm không đi Metro, nên anh Huấn đã rủ anh Trường đi trước thám thính, mua vé Metro đi một vòng Paris để nhớ lại cách đi, hầu sau đó sẽ hướng dẫn phái đoàn được trôi chảy, tuy vậy vẫn có đôi lần bị lúng túng vì hấp tấp coi

bảng không kỹ, dù sao cũng đi tới nơi về tới chốn. Không bị sứt mẻ gì. Sở dĩ tôi nói không bị sứt mẻ gì vì chính nhóm 6 người chúng tôi đã bị móc túi 2 lần trên Metro. Ai đi Paris cũng đều được bạn bè nhắc nhở coi chừng móc túi, nhất là khi

Các anh chị Tăng Khải Minh, Đỗ Mạnh Trường, Lê Hoành, Trần Viết Huân, Vương Chước tại Đại Hội Au Châu, 2019 (từ trái).

đi Metro. Điều đó rất đúng, xe chật nên phải đứng sát nhau, bị móc 2 lần, bóp rơi xuống đất vẫn không biết, nhưng rất may là chúng tôi đi đông, chị Hoành và tôi nhờ có ghế ngồi nên đã phát giác kịp thời. Mà dù có mất ví cũng không sao, vì trong đó chỉ để toàn hóa đơn mua đồ để ngụy trang. Đúng là kẻ cắp gặp ông bà già VB!

19/8 Montparnasse:

Aimer c'est du désordre ... alors aimonst !

Chữ đầu tiên trong bảng này, trên cùng bên tay trái có chữ "Anh yêu em!"

Ngày 21/8 tới thăm điện Versailles, khi thấy đoàn người xếp hàng cả cây số để mua vé thì anh Huấn sợ quá, anh Trường cũng vậy nên chúng tôi đi dạo ở vòng ngoài, chỉ có anh chị Hoành quyết định vào dù phải chờ bao nhiêu lâu

cũng được vì đã chắc gì có dịp lần thứ hai. Đúng vậy, anh Huấn sẽ còn rất nhiều dịp, cho nên dù hơn 30 năm ở Đức, mấy chục lần qua Paris, nhưng tôi chưa biết điện Versailles là cái gì, ở đâu. Lần nào cũng vì lý do... thiếu gì dịp. Ngay cả một trong những kỳ quan của thế giới là tháp Eiffel. Tôi là dân Âu châu mà cũng chỉ được sờ cái chân của tháp. Trong khi anh chị Hoành đã lên tới đỉnh Eiffel để thấy cả thành phố Paris dưới chân mình. Lần này anh Huấn cũng tháp tùng vì không muốn để bạn mình đi một mình. Thế là anh Huấn được lên đỉnh tháp Eiffels sau 40 năm sờ chân tháp. Còn tôi và chị Trường ngủ một giấc thoải mái, vì hai ngày trước đi bộ khá nhiều.

Đến xế trưa, khi nhóm 3 người từ Eiffel về, chúng tôi đi metro tới quận 13 để ăn trưa, mỗi người 1 tô hủ tiếu, rồi vào siêu thị Tang Frères, sau đó dạo phố cho biết sinh hoạt của một quận đông người Việt nhất nước Pháp.

22/8, chúng tôi đi phà từ Calais (Pháp) qua Dover (Anh) mất 90 phút, rồi xe bus lái tiếp 130 km nữa mới tới London. Khung cảnh hoàn toàn khác Paris vì London bị thiệt hại nặng nề trong Thế Chiến Thứ Hai nên thành phố London rất nhiều kiến trúc mới và đồ sộ, nhưng cung điện Hoàng gia vẫn còn lộng lẫy và vẫn là môt hình ảnh tiêu biểu của nước Anh.

Theo chương trình, trong 3 ngày ở London, chúng tôi sẽ đi thăm Oxford, Greenwitch và Wesminster. Oxford là thanh phố có đại học Oxford nổi tiếng thế giới và là đại học lâu đời nhất nước Anh.

Ngoài ra tại đây có một trường đại học chỉ có giảng sư nhưng không có sinh viên, vì các vị chuyên về nghiên cứu (có lẽ Kinh Thánh?), chứ không dạy. Chúng tôi đi tàu dọc sông từ Greenwitch, tới Wesminster và các thắng cảnh khác.

Thời gian còn lại, cũng như tại Paris, chúng tôi tách riêng để có dịp shopping. Chúng tôi ở một hotel bên cạnh vận động trường Winbledon, là nơi có những trận tranh giải túc cầu thế

giới. Thế là anh Trường và anh Huấn lại mua vé xe lửa, tìm đường ra trung tâm London thám thính trước.

Nhờ vậy mà 2 anh đã dẫn chúng tôi tới 2 địa điểm rất đẹp không có trong trương trình của Tour du lịch là Tower of London và London Bridge, và nhất là có Shopping Center ngay gần đó. Tới đây chúng tôi lại chia làm 2 phe. (*Chỉ có 6 người mà đã chia đôi rồi mà cứ đòi đoàn kết!*)

Anh Hoành galant như dân Paris, luôn luôn đi kèm phụ nữ chúng tôi, chả bù với 2 ông kia phớt tỉnh như dân Ăng Lê, đi coi cung điện của Nữ Hoàng ở Buckingham rồi quay về điểm hẹn ngồi nghỉ khỏe re.

Sáng 25/8 về Düsseldorf

Thay vì chờ cháu Luân đón, anh Huấn đã dẫn anh Hoành đi S-Bahn, một phương tiện di chuyển tại Đức.

Wuppertal

Ngày 26/8, chúng tôi đi Wuppertal thăm anh chị Nam K20, và rồi được dân đi thử một phương tiện giao thông đặc biệt. Đây là công trình duy nhất nước Đức, có lẽ là duy nhất Âu châu đã có hơn 100 năm và vẫn đang được sử dụng. Đó là Schwebebahn (xe điện treo). Cám ơn anh chị Nam rất nhiều.

Ngày 27/8, chúng tôi rủ anh chị Nam đi Brussels, thủ đô nước Bỉ, nhân tiện ghé thăm anh chị Giám tại Liège.

Trước khi đi chúng tôi đã nói chỉ ghé thăm chừng một tiếng rồi đi Brussels, vì trễ quá sẽ bị kẹt xe. Đến 15:00 chúng tôi phải tạm biệt, nhưng cũng đã quá trễ, khoảng đường 100km, gần tới Brussels thì bị kẹt xe ngay tại ngoài xa lộ, vào đến trung tâm lại còn bị kẹt nhiều hơn vì đúng giờ tan sở, lái vòng vòng không tìm được parking gần Grand Palace. Cuối cùng mọi người quyết định, thấy chỗ nào đẹp thì ngừng xe chạy xuống chụp vài tấm hình rồi lại lái tiếp.

Chúng tôi về tới nhà cũng đã tối, sửa soạn đồ đạc để sáng hôm sau đi Paris (lại Paris) tham dự Đại Hội Võ Bị Châu Âu,

2019.

Thật may mắn, chúng tôi đã tình cờ hội ngộ với các anh chị Vương Chước và Tăng Khải Minh. Một buổi tối đẹp khi cùng ngồi chung với những người bạn thân thiết.

(Bài này chỉ có mục đích tường thuật chuyến du lịch của 3 cặp K23, nên tôi không đề cập tới 3 ngày Đại Hội.)

Ngày 01/9 sau khi chia tay với các anh chị tại Đại Hội, hẹn hò 2 năm sau v.v... chúng tôi về Đức ngay.

Sáng hôm sau 02/9 đi Berlin, thủ đô nước Đức để các anh chị được nhìn và sờ tay vào mảnh tường còn sót lại sau khi bị người dân đông Đức phá bỏ vào mùa đông năm 1989, ngày đó tôi đã chia sẻ niềm vui với dân Đức đã có một ngày lịch sử: NGÀY THỐNG NHẤT, không tiếng súng, không có kẻ thắng người thua, không có tù đày cải tạo. Người dân Tây Đức đã đón người dân Đông Đức với bánh kẹo, trái cây và rượu Champagne và t*ôi buồn tủi cho số phận nghiệt ngã của dân tộc mình, cũng "thống nhất" nhưng đầy máu, nước mắt, và tù đày.*

Ngày hôm sau chúng tôi lên đường sang Tiệp khắc, đất nước cựu Cộng Sản. Cũng như Đông Đức, toàn dân đã đứng lên lật đổ nhà cầm quyền CS, xây dựng một chính thể tự do, dân chủ.

Sáng ngày 4/9 đi thăm nhà thờ Kutna Hora tại một tỉnh nhỏ cách Prag khoảng 80km. Vào thế kỷ 15, 30.000 người trong thành phố bị chết vì một bệnh dịch, đến cuối thế kỷ 15, một cuộc chiến tranh đã tàn sát thêm khoảng 10.000 người.

Sau đó một vị linh mục bị lòa đã thu lượm tất cả khoảng 40.000 bộ xương và cất giữ trong nhà thờ. Theo truyền thuyết, vị linh mục sau khi làm công đức này, đã được phép màu cho sáng mắt trở lại. Hiện nay Kutna Hora là một địa điểm du lịch nổi tiếng của Tiệp Khắc.

Gần đó còn có Roman Catholic xây cất vào thế kỷ thứ 13.

Tại đây bộ xương của 2 vị thánh, được các nhà khảo cổ tìm thấy và để thờ trong 2 tủ kính.

Hôm nay mọi người bỏ dự định đi thuyền trên sông buổi tối vì khá mệt và sáng hôm sau phải thức chuẩn bị trả phòng để về Đức sớm.

Trên đường về, anh chị Hoành có nhã ý mời mọi người đi ăn để kỷ niệm chuyến đi đầy vất vả nhưng thích thú. Qua bữa ăn, chúng tôi tạm biệt nhau và hẹn lại trong một lần hội ngộ khác. Cám ơn các anh chị rất nhiều, chúng tôi đã có thêm những kỷ niệm đẹp, để cộng chung với kỷ niệm năm 2013.

Hẹn 2 năm sau!

Viết tại Krefeld, tháng 11/2019

THẾ SỰ THĂNG TRẦM
YÊU QUÊ HƯƠNG

Lê Văn Điền, K25

Trầm mặc để tự tìm lại nhận thức của chính mình, thì hình như ngôn từ "Yêu Quê Hương" đã được pha trộn từ tình yêu gia đình, tình yêu nam-nữ, yêu đồng loại, của người đã và đang sống trong niêm hạnh phúc vô biên, có quê hương để thương yêu, phục vụ hoặc hy sinh bảo vệ nó.

Nếu một ý thức chính trị đúng đắn, không cực đoan thì có thể nhận ra rằng, một dân tộc dù phân chia quan niệm chính trị đến đâu, vẫn phải có những "bông hoa tươi sáng", nhận thức được đúng sai. Ngày còn đi học, tôi rất thích những bài thơ của Phùng Quán, Giang Nam, Hoàng Cầm, Quang Dũng, Trần Dần, Hữu Loan. Những nhà thơ "lớn lên" trong chế độ "xã- hội chủ-nghĩa" vẫn nhận thức được sự sai lầm tồi tệ của chế độ nầy, nhưng họ chỉ có "khả năng" đấu tranh bằng văn chương và âm nhạc. Thế mà họ vẫn bị tù đày, trù dập qua vụ "Nhân Văn Giai Phẩm" tại miền Bắc, năm 1955. Tôi kính cẩn cúi phục chế độ miền Nam không "kỳ thị, cô lập" những nhân tài của dân tộc. Lãnh đạo là phải thế, phải biết đứng trên và đứng ra ngoài những thiên kiến, vì dân tộc là một tập hợp nhiều khuynh hướng, nhiều tôn giáo, nhiều tập tục.... Lãnh đạo là phải biết chấp nhận, phải biết giải thích và điều quan

trọng hơn nữa là biết hòa hợp dân tộc đi theo truyền thống và nề nếp có lợi cho nền độc lập và tự chủ của nước nhà.

Giới trẻ con cháu chúng ta ở hải ngoại có thể sẽ không bao giờ cảm giác được "nét đẹp" của một ý thơ sau đây của Giang Nam:

"Thuở còn thơ ngày hai buổi đến trường,
Yêu quê hương qua từng trang sách nhỏ!"
"...có những ngày trốn học,
Đuổi bướm cạnh bờ ao,
Mẹ bắt được...
Chưa đánh roi nào, tôi đã khóc
Có cô bé nhà bên,
Nhìn tôi cười khúc khích..."

Đúng vậy, yêu quê hương là loại tình cảm vô cùng đơn giản và thiết tha, để suốt đời người cứ mãi quây quắt vì nó, cũng đủ cho *"Xưa nay chinh chiến kỷ nhân hồi!"*

Tôi cố gắng làm một người rất công bằng. Những gì đẹp và tinh hoa của dân tộc Việt Nam, tôi đều trân quí. Ai cũng hiểu: "Chế độ là nhất thời, còn dân tộc thì mãi mãi." Vấn đề hôm nay là chân lý, ngày mai có thể sẽ sai lầm.

Thử nghe lại nhạc phẩm "Đường Xưa Lối Cũ" của cố nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ mới biết tình yêu Mẹ đến dường nào:

"Khi tôi về, nghẹn ngào trong nắng,
Tưởng gặp Mẹ tôi rưng rưng đứng đón con về,
Nào ngờ Mẹ tôi ra đi bên kia cuộc đời,
Không lời biệt ly cuối cùng trước khi phân kỳ."

Sau 1975, nhiều quân nhân VNCH bị tù đày trong các trại tập trung, mỏi mòn mong một ngày về, gặp lại Mẹ Cha, gia đình vợ con, nhưng ngày về của mỗi người có thể khác nhau. Chắc chắn có không ít người mà ngày về sẽ ngậm ngùi vì người thân đã "*ra đi bên kia cuộc đời, không lời biệt ly*". Viết đến đây, tôi xin phép được nắm chặt tay ai đó, trong số đọc giả, chia sẻ nỗi đau mà quí vị đã chịu đựng.

Để có cái tình được gọi là "TìnhYêu Quê Hương" thật không dễ dàng. Nó phải được trải qua nhiều kinh nghiệm từ những oan khiên của mùa bão táp, những gian khổ từ mọi thiếu thốn và nguy hiểm, những niềm vui ngày hội dân gian, những vinh quang của gia tộc. Nó đã hóa thành hơi thở, thành máu xương mà chúng ta phải bảo vệ bằng mọi giá. Thử hỏi con cháu chúng ta và các sắc tộc khác ở hải ngoại có được hay không cái "tình yêu quê hương" nầy! Xã hội chỉ là một buổi chợ mà mọi thứ được bày bán, không ai muốn chia sẻ với ai. Nhà cửa then gài, tình hàng xóm rất mơ hồ và đầy nghi ngại. Nếu quốc gia có chiến tranh thì chỉ thi hành nghĩa vụ theo luật pháp. Làm sao có được cái khí thế xông pha giết giặc như tổ tiên Việt Nam suốt chiều dài lịch sử, đã từng đánh quân ngoại xâm phương Bắc, sẵn sàng hy sinh máu xương vì quê hương và dân tộc.

Thôi thì hãy để cho mỗi thời đại một chọn lựa khác nhau, đừng áp đặt giá trị và chân lý lên thế hệ mà chúng ta không thuộc về. Những người "*muôn năm cũ*" hãy lắng lòng nhớ về nơi chúng ta đã ra đi, đã từng sống, đã từng ôm xác người bạn cùng chung chiến đấu trong các trận đánh ác liệt, để nghe nhạc sĩ Phạm Duy trải lòng:

"Quê hương ơi! Tóc sương Mẹ già yêu dấu,
Tiếng ru nỗi niềm thơ ấu,
Cánh tay êm tựa mái đầu,
Ôi bóng hình từ bao lâu, còn ghi mãi sắc mầu."

NỤ CƯỜI CỦA CHÍNH KHÁCH

Ngày xưa cụ Nguyễn Văn Vĩnh trong bài báo "GÌ CŨNG CƯỜI" đăng trên tờ Đông Dương Tạp Chí năm 1941 đã viết:

"*An Nam ta có một thói lạ là thế nào cũng cười. Người ta khen cũng cười, người ta chê cũng cười. Hay cũng hì, mà dở cũng hì, phải cũng hì mà quấy cũng hì. Nhăn răng hì một tiếng mọi việc hết nghiêm trang.*"

Ngày xưa thời cụ Vĩnh, viết như thế là cụ ăn hiếp dân An

Nam ta rồi. Thật ra việc hay, dở, chê khen cũng cười "hì" thì dân tộc nào cũng có. Nhất là các vị chính khách. Chính khách nữ thì càng tinh vi hơn, che dấu mọi cảm xúc "Hỉ Nộ Ái Ố" chỉ được quyền cười trước các cử tri. Cử tri hoặc một tên "hồ đồ" nào đó nói lời bất nhã cũng phải cười. Cười nửa miệng, cười gượng cũng được, miễn là phải cười, dù trong lòng tức lộn gan ruột. Đó là chính khách, nam nữ gì cũng thế. Cười là một nghệ thuật mà trước khi làm chính khách phải học, phải tập dượt cẩn thận, đôi khi còn đạt đến mức chuyên nghiệp nếu muốn thành công trên chính trường. Do đó không thể "tin" chính khách, họ là những bậc thầy của nghệ thuật *"Hứa thật nhiều, cũng chẳng sao!"* Được thôi, thông cảm cho họ vì nụ cười là bông hoa trời cho con người. Người không có nụ cười thì đẹp cách mấy cũng "boring" (nhàm chán) thôi. Và con đường để "thay đổi" bản thân nhanh nhất là con đường trở thành chính khách.

Nói về nụ cười, chắc quí vị đều nghe qua trong lịch sử Trung Hoa thời Xuân Thu có Bao Tự. Chỉ vì muốn nhìn nét đẹp của Bao Tự khi nàng cười mà vua nhà Chu đã cho người đem lụa ra xé. Cái ác ở đây là Bao Tự chỉ cười khi nghe tiếng xé lụa. Tội nghiệp cho dân Tàu, đói cơm rách áo mà vua thì hoang phí chỉ vì mỹ nhân. Và cũng chính vì nụ cười của Bao Tự mà sau đó triều đại nhà Chu bị diệt vong. May mắn cho dân tộc ta suốt thời kỳ phong kiến, chưa có vị vua nào "tệ" đến như vậy! Mới đây nghe đâu ở xứ Cờ Hoa có "Bà" chính khách lừng danh lúc nào cũng cười. Đi cũng cười, đứng cũng cười, chưa nói đã cười, nói xong rồi lại cười. Không biết bà ấy tìm đâu ra gia tài "Cười" phong phú đến như vậy!!! Thiện tai, thiện tai!!!

Nụ cười tìm ẩn sự dối lòng, hoặc ẩn dụ một nét đẹp mặn mà của tình yêu nam nữ. Còn tùy trường hợp. Tôi không tin một vị ở tuổi "lục, thất tuần" khi về Việt Nam lúc nầy mà có được một tình yêu chân thật. Xưa rồi cái nụ cười xa lạ mồi chài để lột hết tiền bạc của đấng mày râu dễ tin và dễ yêu.

NGƯỜI CHÂN CHÍNH

Đọc bài thơ "Lời Mẹ Dạy" của thi sĩ Phùng Quán mà buồn cho ông ta. Buồn vì Mẹ ông dạy rất đúng, rất liêm sỉ, nhưng cũng vì thế mà đời ông chênh vênh khổ ải. Ông viết thế này:

"Con ơi một người chân thật
Thấy vui muốn cười cứ cười
Thấy buồn muốn khóc là khóc
Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét
Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu..."

Tôi thiển nghĩ, nếu Mẹ của cụ Phùng Quán mà sống ở thời đại nầy, nhất là ở hải ngoại đầy "Gió tanh mưa máu" thì sẽ hối hận vì những lời dạy của Bà. Cuộc đời của nhà thơ Phùng Quán bị trù dập đến "tận răng", phải đi câu cá Hồ Tây mà mưu sinh, phải lén lút viết mướn mà sống. Mãi đến sau này chế độ Cộng Sản VN phục hồi danh dự cho nhóm "Nhân Văn Giai Phẩm" thì ông mới an thân. Nhưng tuổi đã già rồi, một đời oan khiên. Sống "đúng" hình như phải biết mắt nhắm mắt mở, phải biết "đường cong là đường ngắn nhất" mới tồn tại. Nghĩa là:

"Yêu ai cứ nói là yêu,
Ghét ai cứ cười nửa miệng"
"Có ai cầm dao dọa giết,
Thì đành bỏ chạy cho xong!"

Một con người trải hết dòng đời, phải biết lách lỏi như dòng nước, qua nhiều ghềnh đá núi cao hoặc bùn lầy oan nghiệt để trở về biển cả. Phải biết nắm chặt tay nuốt hận. Phải biết xông vào lửa đạn để tiến thân. Làm người chân chính thật không dễ dàng gì!

Có một người vợ nhan sắc, chưa chắc là may mắn. Có một

người chồng thiếu dáng phong lưu, chưa chắc là điều bất hạnh. Bởi vì ai cũng muốn tranh dành cái đẹp, cái gì hoàn thiện. Mà đã tranh dành là có đấu tranh, đấu tranh thì đôi lúc không còn là người chân chính.

"Thế sự mang mang sầu,
Vì đâu mà lòng đau!
Thà làm vầng mây bạc
Phiêu lãng mãi... ngàn sau!"

11/2019
Australia

Đính Chính Đa Hiệu số 117

Mặc dù đã kiểm soát kỹ, chúng tôi vẫn không tránh khỏi các sơ xuất do typo. Các khuyết điểm này đã được cập nhật ngay khi tập san được đưa lên trang web tvbqgvn.org. Trân trọng cáo lỗi cùng quý độc giả và các tác giả.

- Trang 335, dòng 10: đọc là Đặng Văn Khanh

Lẩm cẩm về Lịch Sử,
Bia Đá, Bia Miệng

Trần Kim Bảng K20

Triều đại nào rồi cũng qua đi, con người nào (dù tài giỏi đến đâu đi nữa) rồi cũng mất. Chỉ có lịch sử là không thể mất, cũng không vơi đi mà ngược lại, càng ngày số bài vở bổ túc cho lịch sử càng nhiều hơn, càng phong phú hơn. Vì lịch sử có nhiệm vụ ghi chép lại những sự kiện -- ở mỗi triều đại, mỗi giờ, mỗi ngày, hàng năm, hàng thế kỷ, liên tục nối tiếp nhau -- xảy ra không ngừng nghỉ theo thời gian. Trong đó còn có cả hình ảnh, chứng tích, và di tích cần lưu lại cho hậu thế. Dĩ nhiên, muốn làm việc này một cách đứng đắn, cẩn thận, chúng ta phải nhờ đến bàn tay/ khối óc của các sử gia chuyên nghiệp, có đức tính luôn tuyệt đối trung thực trước lịch sử. Khi thực thi nhiệm vụ, sử gia không thêm, không bớt, không tuỳ tiện khi ghi chép, hoặc sửa đổi hình ảnh.

Một việc làm rất khó khăn, vì các sử gia, ngoài việc bị ảnh hưởng bởi chính kiến hay định kiến, tôn giáo, hay truyền thống gia đình của riêng mình, còn bị ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp bởi nhà cầm quyền đương thời, đặc biệt là nhà cầm quyền ở thời quân-chủ chuyên-chế và thời Cộng-Sản là những thời mà những tâm tình, và dòng suy tư của con người thường bị cướp đoạt một cách vô tội vạ, bị vo tròn bóp méo

theo một 'định hướng' bắt buộc, cực kỳ tàn nhẫn. Những sử gia trong các chế độ này muốn trung thực với chính mình cũng đã khó, chứ đừng nói là phải trung thực trước lịch sử.

Nhà viết sử nổi tiếng vào thời vua Hán Vũ Đế của nước Tàu là ông Tư Mã Thiên (145-86 trước Công Nguyên) được người đời hết sức ca tụng về đức tính khẳng khái và trung thực. Lịch sử nước Tàu đã ghi lại, trong một trận đánh giữa quan quân nhà vua với rợ Hung Nô, vào thời đó có 2 vị tướng được đề cử cùng cầm quân ra trận, có tên là Lý Lăng và Lý Quảng Lợi. Không may trong trận đánh này cả 2 ông đều bị thua trận. Khi phân tích nguyên nhân, thì phần đông các quan cận thần và nhà Vua đều đổ lỗi cho tướng Lý Lăng; chỉ riêng ông Tư Mã Thiên đổ lỗi cho tướng Lý Quảng Lợi và bênh vực cho Lý Lăng.

Vì Lý Quảng Lợi là anh vợ của vua Hán cho nên sử gia họ Tư đã bị gán vào tội 'khi quân'. Kết quả, ông đã bị kết án 'lăng trì' là tội tử hình, rồi sau đó được đổi thành tội 'thiến'. Tuy không bị chết, nhưng bị 'thiên' là một hình phạt dã man và nhục nhã nhất vào thời đó, vì người đàn ông không còn khả năng sinh con đẻ cái để nối dõi, một tội rất nặng đối với tông đường của dòng họ mình. Nhưng thà là bị hành hình như thế chứ Tư Mã Thiên nhất định không thể nói sai sự thật.

Sự kiện này cho thấy, quan điểm của số đông người (tức đa số) trong nghị viện ở vào giai đoạn lịch sử nào đó chưa chắc đã là chân lý! Trong xã hội Cộng Sản, các ứng cử viên được 'đảng cử dân bầu' rồi được tuyển chọn trong các cuộc bầu cử, được gọi là 'dân chủ', giới bình dân gọi là 'cà chớn'. Họ thường đạt tỷ lệ 99% phiếu bầu cũng là một kết quả bất khả tín, có cùng một ý nghĩa xấu tương tự: *quyền lực trong chế độ độc tài đồng nghĩa với chân lý!?*

* * *

Nhìn lại cuốn 'Lịch Sử Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam' được ra đời lúc gần đây đã phần nào chứng minh cho những

khó khăn của các nhà viết sử vừa nêu trên. Trước khi và ngay cả sau khi phát hành cuốn sách này, những khó khăn về sự thống nhất phần nội dung của cuốn sách đã là nguyên nhân của sự chia rẽ trầm trọng giữa các Cựu Sinh Viên Sĩ Quan xuất thân từ cùng một quân trường. Những định kiến của từng cá nhân hoặc của từng nhóm không thể nào phá bỏ được, nếu họ không tự nguyện cùng tôn trọng một quy tắc làm việc chung. Chúng ta không có một phương hướng nào khả dĩ hóa giải được những bất đồng trước và sau khi sự kiện xảy ra; từ đó, đã làm xấu đi bộ mặt truyền thống lâu đời. Thật đáng tiếc!

Trường Võ Bị tọa lạc trên đồi 1515 ở Đà-Lạt là phần hình thức, nay đã bị địch xóa bỏ. Còn cuốn sách 'Lịch Sử Trường Võ Bị' là phần nội dung, trong đó châm ngôn **"Tự Thắng Để Chỉ Huy"** mới thật sự có ý nghĩa, xứng đáng là tấm bia đáng truyền tải cho thế hệ mai sau, và cũng là châm ngôn đáng ghi nhớ dành cho những ai muốn chỉ huy người khác. Vấn đề chính cần quan tâm ở đây, trước hết vẫn là vấn đề **'tự thắng'**, các đề mục khác chỉ là phụ.

Ngược về thời tiền sử, con người còn 'ăn lông ở lỗ', chưa có phương tiện ghi chép, vả lại cũng chưa có khái niệm về lịch sử; cho nên khi cần phải giữ lại điều gì quan trọng, người ta thường truyền miệng, từ miệng người này sang miệng người kia liên tục từ đời này sang đời khác, để nói cho nhau nghe, hiểu, và để cho mọi người cùng biết những gì thiết thực trong cuộc sống cần ghi nhớ, cần giữ lại, được gọi là 'bia miệng'.

Dần dần, con người tiến đến việc sử dụng 'bia đá' để ghi nhớ những điều cần nhớ. Các quan chức nổi tiếng về tài, đức, được ghi tạc tên tuổi vào đá để hậu thế tôn thờ hoặc để ghi ơn công đức. Ngay cả những người một thời 'lều chõng' lên đường đến

kinh đô để tham dự kỳ thi tranh giải 'trạng nguyên'; nếu vượt qua kỳ thi, thì cũng được ghi tên vào 'bảng vàng bia đá'.

Thế nhưng có một điều gì đó khá đặc biệt, cho nên sau nhiều biến chuyển của lịch sử, trong dân gian ở nước ta mới có câu:

*"Trăm năm **bia đá** thì mòn,*
*Ngàn năm **bia miệng** vẫn còn trơ trơ."*

Nghĩa là 'bia miệng' có phần còn nặng ký hơn cả 'bia đá' gấp 10 lần.

Rồi sau đó, có lẽ tiền nhân ta muốn khuyên răn người đời muốn làm việc gì đó khó khăn mà muốn thành công thì trước hết phải rèn luyện đức tính kiên nhẫn, nên mới có câu *'nước chảy đá mòn'* (tương tự như *'có công mài sắt có ngày nên kim'*) nhưng đồng thời cũng có nghĩa đen ngụ ý, ngay cả 'bia đá' cũng có thể bị nước làm xói mòn và mất đi; chứ 'bia miệng' là do miệng lưỡi con người tạo ra, rồi truyền tải cho nhau, thì không có cách gì làm mòn được, và nó sẽ còn mãi mãi.

Đúng vậy, miệng lưỡi con người là do Tạo Hóa sinh ra, ngay từ lúc bẩm sinh đã có một tố chất rất đặc biệt, không ai giống ai, cho nên một lời nói phát ra từ cửa miệng của một con người, vừa có lợi, và cũng có thể vừa có hại cho chính mình và cho người khác. 'Cái lưỡi không xương' nên có thể nắn nót theo kiểu nào cũng được. Vì thế mà lời nói rất lợi/ hại có thể làm thay đổi quan điểm của người khác. Lời nói tốt có thể làm cho gia đình hạnh phúc. Lời nói xấu có thể khiến gia đình tan nát. Tiếng lành đồn xa và tiếng dữ cũng đồn xa; hoặc:

"Lời nói không mất tiền mua,
Liệu lời mà nói cho vừa lòng nhau...";

đi đôi với lời khuyên:

"Phải uốn lưỡi 7 lần trước khi nói."

Tôi còn nhớ thời gian trong trại tù "cải tạo", vào cuối năm 1979. Có một lần sau một ngày lao động vất vả -- phá rừng

ở vùng Tống Lê Chân, làm trại tù tự nhốt mình, và cuốc đất trồng rau xanh rất cực nhọc -- người tù phải tập họp lại để nghe cán bộ quản giáo phê phán, và hắn ta tuyên bố:

-*"Tuyệt đại đa số nà các anh có tinh thần nao động tích cực, rất đáng khen nhưng bên cạnh đó vẫn còn một số chưa tốt, số đó không phải nà ít."*

Một anh bạn cùng ở tù với tôi, ngay sau khi tan hàng, đã hỏi tôi:

- "Mày có hiểu gì không?"

Tôi mỉm cười và lắc đầu để đáp lễ anh. Anh bạn tôi cũng mỉm cười theo.

Một chuyện khác, mới đây: Ngày 15 tháng 11 vừa qua, trong buổi Impeachment lần thứ hai (lần thứ nhất xảy ra vào ngày 13) dành cho Tổng Thống Trump ở Capitol Hill; ông Adam Schiff của đảng Dân Chủ, Chủ Tịch Uỷ Ban Tình Báo Hạ Viện chủ trì việc Impeach, đã 6 lần dùng chiếc *"búa KGB"* (đã một thời được sử dụng thuần thục ở Liên-Bang Sô-Viết), đập xuống bàn để cắt đứt lời nói của các dân biểu Cộng Hòa, mà có lẽ theo ông đoán nhận thì đối phương sắp phóng ra một lời nói có tác dụng sắc bén hơn lưỡi dao, sẽ đè bẹp tiếng nói của ông, làm ông mất mặt, cần phải ngăn lại ngay.

Lúc đó tôi ngồi trước màn hình TV, thấy ngỡ ngàng! Quái thật! Tôi tự hỏi: Tự Do, Dân Chủ được thể hiện ở ngay điện Capitol Hill dưới sự lãnh đạo của bà chủ tịch Hạ Viện Pelosi, sao mà lạ đời thế!? Tôi bèn liên tưởng đến trại tù "cải tạo" của VC dành cho các sĩ quan "ngụy" trốn trại sau 30.4.1975: *tù nhân bị nhận bản án (bị nhốt vào container hoặc bị bắn), trước khi xử án!*

* * *

Một lần lang thang trên 'net', nhiều tin tức cho biết, bia đá -- dấu mốc đầu tiên ở cổng Nam Quan phía Bắc Việt Nam đánh dấu việc phân định ranh giới giữa nước Ta và nước Tàu

-- tôi không biết chính xác là đã được tổ tiên ta xây dựng từ đời nào, mà nay đã mất. Thật đáng buồn! Nhưng rồi tôi lại tự an ủi, 'bia đá' mất nhưng 'bia miệng' vẫn còn: *"Nước Việt Nam ta từ Ải Nam Quan đến Mũi Cà Mau"* tôi được học từ ngày mẹ dắt tay đến trường, đến nay vẫn còn nguyên vẹn, không thể mất.

Bài ca từ thời tôi học lớp ba ở trường làng, thời mà cô/ thầy giáo được kính trọng như ông bà, cha mẹ. Và tôi đã được nghe cô giáo hát rồi cô bắt học trò cùng hát theo từng câu, từng chữ, không cần phải ghi chép:

"Nhà Việt Nam, Nam Bắc Trung sáng trời Á Đông,
Bốn ngàn năm văn hóa đã đắp xây bao kỳ công,
Người Việt Nam cân quắc bao anh hùng,
Từng phen nức danh khắp trời Á Đông,..."

Đến nay đã hơn 70 năm tôi vẫn còn nhớ được 4 câu đầu của bài ca. Mặc dầu ở tuổi măng non không hề biết xuất sứ, cũng không hiểu được ý nghĩa của bài ca này; chỉ biết hát theo lời cô giáo như con vẹt học nói. Nhưng đến khi lớn lên, tìm hiểu, tôi mới nhận thức được tạm đủ về ý nghĩa của bài ca, và biết được tác giả là nhạc sĩ Thẩm Oánh. Tôi nghĩ, 'đây cũng là một thứ bia miệng'. Một số bạn cùng sống tuổi măng non thời Pháp thuộc trước 1954 ở miền Bắc, cùng lớp với tôi đều có những nét đồng dạng: 'bia miệng' cũng quan trọng không kém gì 'bia đá', thậm chí còn có thể quan trọng hơn nhiều, vì lời nói hôm nay có thể rất khác với lời nói ngày mai mặc dầu cùng xuất phát từ một cửa miệng, về cùng một vấn đề.

Đứng về phía tôn giáo, nếu 'bia miệng' được sử dụng cho việc truyền tải những điều hay lẽ phải thì rất tốt, nhưng nếu nó biến thành 'khẩu nghiệp' thì đây là một điều cần phải xa lánh. Còn nếu đứng về phía các chính trị gia thì dù là 'khẩu nghiệp' cũng không đáng quan tâm, vì quyền lợi trên hết, quyền lợi cá nhân hay đất nước cũng vậy! Vấn đề còn lại là tuỳ thuộc vào sự lựa chọn của mỗi người, muốn đứng về phía nào, tuỳ thích.

Cũng lạ thật! Nếu nói về thời gian, đem so sánh chiều dài của Lịch Sử đã có từ hàng ngàn năm trước với chiều dài của một đời người, thì thật sự đời của một con người không đáng kể. Thế nhưng con người lại đóng vai chủ động trong việc hình thành Lịch Sử. Vậy thì con người có nên tin vào Lịch Sử không?

- Xin thưa là còn phải tuỳ thuộc vào người viết lịch sử và người đọc lịch sử, không thể xác định ngay được là 'có' hay 'không'. Con người không thể tồn tại cùng với chiều dài của lịch sử để thực hiện mong ước của mình. Vì con người bị giới hạn về thời gian, còn lịch sử thì vô tận, cho nên, mỗi lần 'lịch sử sang trang' là một lần người đọc nghi ngờ về lịch sử. Người đọc sẽ tự hỏi, '*những gì vừa được ghi lại ở đây liệu có đáng tin cậy không?*' Đó chính là điều mà người đọc cần phải suy nghĩ trước một sự kiện lịch sử được sử gia ghi chép lại, cho dù là mới đây hay trước kia. Ví dụ: Chắc chắn chẳng ai tin vào lịch sử do đảng viên Cộng Sản ghi chép, ngoại trừ những người thân của họ và những bạn trẻ sinh sau đẻ muộn trong xã hội Cộng Sản.

Lịch sử viết về cuộc chiến tranh Việt-Nam kể từ 1945 đến nay do các sử gia tả phái người Mỹ ghi chép, họ vo tròn bóp méo theo ý mình, rồi được giảng dạy ở các trường đại học vẫn còn là vấn đề tranh cãi, sẽ chẳng bao giờ đi đến kết luận. Tuy vậy nó vẫn được truyền bá không cần biết đúng/ sai. Và thực tế đã cho thấy, những cuộc biểu tình 'phản chiến' -- trước đây, hoặc ngay bây giờ cũng vậy -- của các sinh viên được bắt nguồn từ những sai lầm nghiêm trọng của lịch sử. Và lịch sử, như thế, trong hoàn cảnh đó đã không còn mang tính thuần tuý, nó đã biến thành phương tiện tuyên truyền (!) cho dù là vô tình, hay cố ý.

Nếu đem một sự kiện lịch sử ra chứng minh về điều mình muốn nói trong lúc sôi máu tranh luận, đôi khi càng làm cho lịch sử trở nên rối ren hơn. Nhưng chắc chắn trong số những rối ren đó phải có một sự thật hiện hữu đã chìm sâu trong dĩ

vãng hàng chục năm, có khi hàng trăm năm, hoặc sâu hơn. Vậy thì ai là người có khả năng khám phá ra sự thật đó và thuyết phục được số đông. Một điều không dễ làm! Lúc ấy phải cần đến 'miệng lưỡi' của những người vừa có tài thuyết phục, vừa hiểu biết sâu rộng về khoa học biện chứng, và các phương pháp thường dùng trong sử học, như: loại suy, đối chiếu, v.v…, mang tính rất chuyên môn của các sử gia chân chính, mới có thể giúp người khác nhận biết về sự thật lịch sử.

Trước đây, khi còn trẻ chúng ta là những chiến sĩ cầm súng ngoài chiến trường, tuy biết rõ một số sự thật nhưng không có khả năng và cơ hội nghiên cứu, cũng như trình bày quan điểm của mình trước công chúng. Bây giờ, chúng ta là những người thua trận, đã mất tất cả!

Thế rồi thời gian qua nhanh, những bế tắc càng ngày càng nới rộng hơn trong đời sống, vì tuổi già mau đến, vì trí nhớ bị lão hóa trầm trọng; 'lực bất tòng tâm', cho nên phải nhờ đến bàn tay/ khối óc của các bạn trẻ, những người Mỹ gốc Việt đầy năng lực và đầy nhiệt huyết tiếp sức.

Vấn đề đặt ra ở đây, không phải là thắng, thua mà là **sự thật**. Chúng ta đang sống trong xã hội văn minh có nền Tư Pháp đứng đắn thì cho dù *sự thật* có bị che đậy, lấp liếm bao lâu đi nữa, người ta vẫn có hy vọng tìm lại được; chỉ tiếc là quá trễ!

22.11.2019

Mấy Độ Hoa Vàng

Phan Anh Tuấn, K26

Khi nghe nhạc nói về mùa Xuân, người ta thường nghĩ ngay đến nhạc phẩm "Ly Rượu Mừng" với lời hát "Ngày Xuân nâng chén ta chúc nơi nơi..."

Nhưng từ lúc vào Lính, tôi nghe câu hát "Cứ mỗi lần hoa mai vàng trước ngõ...", của nhạc phẩm Đan Áo Mùa Xuân, do ca sĩ Kim Loan trình bày, tôi thấy lòng nao nao vì đã biết mùa Xuân lại đến. Tôi còn nhớ cứ mỗi lần chiều 30 Tết khi còn bé, đám nhỏ chúng tôi cùng họ hàng sum họp ở nhà ông bà ngoại để cúng tổ tiên. Sau đó, chúng tôi xếp hàng chúc Tết ông bà và được nhận những tờ giấy bạc tiền lì xì mới cáu cạnh và thơm phưng phức. Sau đó là bữa tiệc gia đình với bánh chưng, bánh tét, thịt kho… Đối với bọn trẻ nhỏ như tôi thì thật quá vui. Khi bắt đầu lớn, tôi đã có cảm giác như hương vị và không khí rộn ràng của những ngày Tết thật sự bắt đầu vào những ngày trước Tết một tuần.

Thời gian qua đi, học xong trường Tiểu Học Nguyễn Tri Phương, tôi thi vào trường Trung Học Chu văn An. May mắn tôi đã đậu. Cũng thật kỳ lạ vì thằng Nam Kỳ lọt vào trường dân Bắc Kỳ. Ba tôi dân Huế, mẹ dân Bạc Liêu, còn tôi dân Sài Gòn, nay tôi học trường Bắc. Đúng là thống nhất Bắc Trung Nam.

Đối với mọi người thì thời học sinh là đẹp nhất. Cứ mỗi độ Xuân về, học sinh các trường trung học, nhất là đối với học sinh lớp Đệ Nhất (lớp 12) có thói quen từ trường này qua trường nọ để bán báo Xuân. Bán được bao nhiêu báo không biết, nhưng ra về các nam học sinh đã để lại bao lưu luyến bên trường nữ. Mỗi lần Tết đến, chúng tôi có dịp mời các bạn nữ sinh Gia Long, Trưng Vương, Lê văn Duyệt, Nguyễn Bá Tòng qua tham dự tiệc Tất Niên. Thật là vui!

Lúc học Đệ Tam (Lớp 10), tôi có những ước mơ ngộ nghĩnh và ngây thơ. Sinh ngữ chính của tôi là Anh văn. Quyển "Pratice Your English" là quyển sách mà tôi đang học. Khi xem đến một bài có hình ảnh của thành phố Miami xinh đẹp, tôi đã ước mơ có một ngày sẽ đến Miami. Khi cùng với các bạn trong lớp đi xem phim "Green Beret" do tài tử John Wayne đóng, tôi lại mơ một ngày nào đó mình sẽ trở thành anh hùng "Mũ Nồi Xanh".

Vào khoảng Tết Mậu Thân 1968, gia đình chúng tôi ở khu Toà Bô, Chợ Lớn, nằm kế bên tư dinh của Đại Tướng Cao văn Viên. Mỗi lần ông về nhà là ai cũng biết, vì ông đi bằng trực thăng. Khi máy bay của ông đáp trên sân thượng, tiếng kêu của cánh quạt nghe ầm ầm. Ba tôi là Đại Uý Cục Công Binh. Sáng mùng một Tết ba tôi đi trực đêm chưa về, trong khi mấy anh em của tôi đang xúm xít đổ cờ cá ngựa, thì bà hàng xóm hoảng hốt chạy vào báo tin:

- "Tụi nó tới, tụi nó tới..."

- "Tụi nào, thím Năm?"

- "Việt Cộng, Việt Cộng!"

Tất cả đều xanh mặt, không ai nhúc nhích nổi. Mẹ tôi lanh hơn, bước lại vách tường gỡ hình ba với ba đóa bông mai, nhét vội dưới ghế sa lông...

Sau đó, một nhóm người mặc thường phục và quân phục quân đội, cùng ông trưởng khóm đi theo, tự giới thiệu:

- "Chúng tôi là An Ninh Quân Đội, đóng ở cạnh xóm, vì tình hình an ninh nên đi kiểm tra. Bà con thấy có người lạ vào xóm mình thì báo cho tụi tôi hoặc ông trưởng khóm biết"

Thiệt tình, thím Năm nhanh nhẩu đoảng làm cả nhà xanh mặt.

Hôm sau, các An Ninh Quân Đội qua đóng bên xóm của chúng tôi. Tôi quen với những người lính Cộng Hoà từ đó. Vào những phiên gác của các anh, nếu trời còn sớm vẫn có những thanh thiếu niên như tôi ngồi kế bên để nghe các anh kể chuyện lính. Được biết ba tôi là đại uý nên các anh cũng dành nhiều tình cảm, thậm chí trong mấy lần thực tập báo động, các anh còn cho vác giùm thùng đại liên cho các anh.

* * *

Qua Tết Mậu Thân, tôi thi đậu Tú Tài 2 và đã ghi danh vào Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Sau một cuộc thi tuyển tôi đã được gia nhập Khoá 26.

Tôi vẫn còn nhớ những ngày đầu của thời Tân Khoá Sinh mà dân Alpha đỏ nào cũng phải trải qua. Tám tuần huấn nhục để chúng tôi trở thành một SVSQ. Thời gian huấn luyện rất khắc nghiệt, gian truân, và đau khổ. Chúng tôi mất khái niệm về thời gian.

Tôi không biết là mấy giờ sáng, chỉ nghe tiếng kèn lanh lảnh đánh thức, và không hiểu các hung thần khoá huấn luyện thức dậy từ hồi nào mà đã đá cửa phòng kêu chúng tôi thức dậy. Một ngày dữ dằn như mọi ngày. Cứ thế những hình phạt, những la hét kéo dài suốt ngày cho đến lúc đêm xuống. Chúng tôi lịm nhanh vào giấc ngủ khi được trở lại phòng. Khóa 26 Tân Khóa Sinh chỉ biết là mùa Xuân đã đến khi SVSQ Cán Bộ Đại Đội Trưởng thông báo:

- "Hôm nay là Tết, các anh được thoải mái một ngày."

Tôi đoán mọi người chỉ dám nghĩ trong đầu chứ chẳng ai dám phát biểu.

- "Thiệt không đó Cán Bộ, hay là giống "đi phố đêm" hôm trước."

(Mùa huấn luyện Tân Khóa Sinh được chia ra làm 2 đợt. Trong mỗi đợt, các TKS sẽ có dịp "đi phố đêm". Thường thì vào ngày cuối tuần vào cuối mỗi đợt huấn luyện, Tiểu Đoàn Tân Khóa Sinh phải thi hành các lệnh phạt liên tục của 8 cán bộ đại đội trưởng, kéo dài khoảng 4 giờ, trước khi được trình diện sinh viên cán bộ tiểu đoàn trưởng Tân Khóa Sinh. Gần vào cuối giờ phạt, các TKS được lệnh chạy tấn công Đồi Bắc (1578 m) cùng với súng cá nhân. Đồi này nằm bên phải và

Một lần hội ngộ. (Tác giả đứng thứ tư, tứ phải.)

phía trước cổng chính (có cao độ 1515 m).

Cuối cùng, khi cả tiểu đoàn Tân Khóa Sinh, sau thi hành lệnh phạt, tập họp đông đủ trên Đồi Bắc, lúc trời bắt đầu chập choạng tối, thì một cán bộ đại đội trưởng cho họ có "5 phút đi phố đêm". Dưới bóng đêm của núi rừng Đà Lạt nhiều sương mù và lạnh giá, các TKS được nhìn thành phố dưới ánh đèn đường lung linh, nằm cách xa 5 km. Với các TKS sinh sống ngoài thành phố Đà Lạt thì đây là lần đầu tiên họ thấy thành

phố này. Chỉ có thế! Một kỷ niệm không thể nào quên đối với những ai đã trải qua một giai đoạn huấn luyện vô cùng cam go này. Sau đó 5 phút, lệnh phạt lại tiếp tục.)

Đúng là mùa Xuân trong thời TKS. Trong mấy ngày này, các cán bộ Tân Khóa Sinh đã không phạt chúng tôi, mà chỉ ra lệnh khiêng những cây thông từ chân đồi lên đỉnh đồi để trang trí Vườn Con Thỏ (được SVSQ tự xây dựng, nằm bên trái công chính). Mỗi cây thông dài mười thước, đường kính một người ôm. Sau đó, chúng tôi được về doanh trại và được phát bánh kẹo.

Rồi hết Đợt 1 đến Đợt 2 TKS, thời gian huấn nhục trôi qua. Đêm gắn Alpha để lại kỷ niệm khó quên cho những TKS K26. Chiều tối hôm đó, chúng tôi được Khoá 23 trao cho nón, găng tay, thắt lưng truyền thống tại phòng. Với quân phục đại lễ mùa Đông, chúng tôi quỳ xuống tại Vũ Đình Trường để nhận cặp Alpha đỏ năm thứ nhất.

* * *

Sáng hôm sau, mùa Xuân như đến với Xứ Anh Đào. Alpha mới đỏ rực xứ sương mù. Những thiếu nữ má đỏ môi hồng Đà Lạt e thẹn liếc nhìn những SVSQ vừa được trao Alpha tối hôm qua, dạo qua phố, trông giống những robot, đi đứng cứng ngắc đều bước trên phố Hoà Bình, Đà Lạt.

Một năm SVSQ được đi phép một lần, cỡ 2 tuần. Ngày nghỉ phép của chúng tôi thường không trùng dịp Tết. Nhưng cứ mỗi lần tôi được đi phép, niềm vui trong lòng nở rộ như đang ở mùa Xuân.

Mỗi lần về thăm nhà, tôi rất hãnh diện trong quân phục dạo phố mùa Hè, dù trời Sài Gòn không mát tí nào, hãnh diện với mấy đứa bạn sinh viên, và hãnh diện với mấy cô bé hàng xóm. Ôi, những mùa Xuân của thời vàng son!

Và rồi bốn năm cũng qua đi. Ngoại trừ các bạn đã chọn Hải Quân hay Không Quân vào mùa Quân Sự năm thứ ba; khi ra trường, các bạn thuộc Lục Quân thường thường mê các binh

chủng tổng trừ bị như Nhảy Dù, Thủy Quân Lục Chiến... Tôi chọn "Mũ Nồi Xanh" thuộc Liên Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù".

* * *

- "Quỳ xuống, SVSQ!"

Và,

- "Đứng lên, Tân Sĩ Quan!"

Mùa Xuân lần nữa đến với xứ Hoa Anh Đào với những đóa hoa mai vàng lóng lánh trên cầu vai quân phục dạo phố mùa Đông, hay trên cỗ áo của anh thiếu uý trẻ, với màu áo hoa rừng mới toanh.

Khi về Sài Gòn để hưởng 10 ngày phép trước khi trình diện đơn vị, ba tôi, nay là Thiếu Tá Cục Công Binh, đã hỏi khi thấy tôi về mặc đồ rằn ri:

- "Con chọn đơn vị gì vậy?"

- "Dạ, Liên Đoàn 81 BCND"

- "Con có biết đơn vị đó hoạt động sao không?"

Tôi chế một cách nhanh chóng, cho Ba mẹ bớt lo lắng:

- "À đơn vị đó nhảy vào rừng để đo đạc bản đồ đó mà (làm như Nha Địa Dư).

- "Ba nói cho con biết. Ba xây dựng hậu cứ cho Liên Đoàn 81, ở ngã tư An Sương. Ba biết rành liên đoàn này. Đó là đơn vị chiến đấu dữ dằn nhất, nổi tiếng trong trận An Lộc. Thôi cầu Trời Phật phù hộ cho con."

Khoá 26 có hai chàng về Liên Đoàn 81, trong đó Thiếu Uy Ngọc về Đại Đội 4, tôi về Đại Đội 3. Chúng tôi đã tham dự các chiến dịch Lôi Vũ của Liên Đoàn, quá quen thuộc các địa danh như chiến khu Mây Tào, Hắc Dịch, Chiến khu D... Lúc này tôi lại cảm thấy thấm thía hơn bao giờ khi nghe "Cứ mỗi lần hoa mai vàng trước ngỏ, là lang thang chim én mang sầu về cuối trời...."

Mùa Xuân 1975 sau khi nhận được một đòn bánh tét và mấy gói thuốc Lucky, do cô em gái hậu phương ở Biên Hùng (Biên Hoà) gửi trong lần trực thăng tái tiếp tế cho Toán đang nhảy ở Bắc Tân Uyên, là hôm sau tôi dẫn Toán chạy không kịp thở vì "tao ngộ chiến" trên con đường mòn, mà chúng tôi đang băng qua. Địch đã nghe tiếng phi cơ trực thăng tiếp tế nên đã âm thầm theo dõi…

Troopers of South Vietnam's 81st Airborne Ranger Group prepare to fly to the relief of the embattled garrison in the city of Phuoc Binh on January 6.

Một đơn vị thuộc Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù đang chuẩn bị bay vào mặt trận thuộc thành phố Phước Bình, ngày 6 tháng Giêng...

Thường khi gặp đường mòn thì hai người bố trí quan sát hai đầu và lần lượt băng qua. Lần này thì cũng vậy, Binh Nhất Bé băng qua. Tôi thứ hai vừa băng qua theo thì bỗng tôi nghe lao xao đầu đường phía bên trái và một tràng M16 sau lưng. Tôi quay lại thì thấy Hạ Sĩ Thu đang xả súng vào mấy bóng người, đang nhảy vội vào bụi lùm hai bên. Tôi bật vị thế auto của cây M16 cứ thế mà xiết, trong khi mấy anh chàng của Toán đã lên hết con đường mòn xả thêm hàng tràng M16. Tiếng khẩu M79 mà Hạ Sĩ Rô bóp cò đạn chài nghe điếc tai. Giờ tôi mới nghe tiếng AK chát chúa, dữ dội. Tôi thấy không xong rồi, vì bên nó đông quá. Tôi hô to "tấn công" và phất tay ra dấu rút chạy theo

hướng Binh Nhất Bé vừa chạy. Tôi quăng lại một trái khói màu cầu may, trước là che cho mình vọt, sau là hù địch tưởng ra dấu cho phi cơ oanh kích nên chần chừ do dự.

Thấy quân số mình đầy đủ, tôi ra lệnh chạy càng nhanh càng tốt. Địch đang bao vây và truy tìm tiêu diệt Toán. Tiếng súng lơi dần, có lẽ vì mấy loạt đạn M16 trúng mấy con nhạn. Trời về chiều, Toán liên tục thay đổi hướng để cầu mong trời tôi che chở cho Toán. Trời tôi hăn. Chúng tôi tiếp tục đi nữa, càng xa cái bẫy càng tốt, tự thoát hiểm. Đêm hôm đó Toán thức trắng đêm với tiếng súng báo động của địch văng vẵng thật gần. Sáng sớm hôm sau, tôi báo khẩn cấp cho BCH, rồi ra lệnh cho Toán chạy sang các trảng khác, vì Bộ Chỉ Huy nghi ngờ địch còn bám theo. Chiều hôm đó, cả Toán trở về bình an, sau khi 2 chiếc gunship (trực thăng vũ trang) xả hết hoả lực bắn chận địch ở bãi bốc triệt xuất Toán.

Sau đó, Liên Đoàn 81 BCND hành quân lên Tây Ninh để thả các Toán thám sát biên giới Việt Miên và chiếm giữ lại núi Bà Đen. Sau hơn một tháng hành quân, Quân Đoàn III đánh giá VC không tập trung mũi tiến công chính từ biên giới Tây Ninh, vì thế Liên Đoàn 81 rút về Biên Hoà. Biệt Đội 813 được để lại Tây Ninh.

Sau ngày sập trời 30/4/1975, ba tôi vào trại tù, tôi vào trại tù, em rể là bạn đồng khoá NT Vân vào trại tù. Cậu em rể út tương lai Đỗ Trọng Đạt, K29 cũng theo bước cha anh vào tù. Tất cả tinh hoa của miền Nam được gom vào trại tù của Cộng Sản.

Những mùa Xuân trong thời gian này giống như trong cơn mê muội. Ngày Tết có khác chăng ngày thường, là được phát thêm một cái bánh chưng cỡ nửa viên gạch, hai lát thịt trâu già bằng hai ngón tay.

Có những bạn tù mình ngon lành lắm. Trưởng trại VC hứng lên cho hát nhạc vàng nhân ngày Tết. Một anh chơi liền bài hát "Xuân này con không về". Tới câu "....bao lớp trai hùng cùng

chung chiến trường, không lẽ riêng mình êm ấm..", anh ta sửa lại: ".....bao lớp trai hùng cùng chung cải tạo....."

Dĩ nhiên bài hát được ngưng lại. Hôm sau hết Tết, anh được mời lên "làm việc".

Trong thời gian này, khi trong lao động tù đày, họa hoằn lắm tôi mới thấy một chiếc phi cơ bay ngang trên trời cao. Ước mơ gì mình được ở trên chiếc phi cơ ấy bay đến bến bờ Tự Do!

Tôi, vợ và cô con gái 6 tuổi qua Hoa Kỳ vào cuối tháng Mười, 1993.

Trời tiểu bang Utah vào cuối mùa Thu, lá vàng bay bay đầy sân. Đứa bé hân hoan ôm bịch kẹo sau lễ hội Halloween. Chỉ vài tuần sau, khi tôi thức dậy bên kia khung cửa sổ, tuyết đã phủ trắng xoá, đẹp như trong phim.

Giờ đây tóc tôi đã bạc. Người vợ trẻ năm xưa nay có nhiều nếp nhăn nơi khoé mắt, nhưng đứa bé 6 tuổi ngày xưa đã thành tài, thành nhân.

Cảm tạ Ơn Trên, mùa Xuân nay đã trở về.

Một thời để nhớ

Florida
BCD 813

HỘI VÕ BỊ WASHINGTON TỔ CHỨC PICNIC, HÈ 2019.

Họp mặt Hè tại Seattle, Washington

Một kỷ niệm đáng nhớ.

Họp mặt Hè tại Seattle, Washington

Một lần họp mặt, một ảnh kỷ niệm.

Lưu luyến trước lúc chia tay.

Nữ Nhi Điêu Tàn Theo Mệnh Nước, Lê Thị Đàn...!!

Nguyễn Minh Thanh, K22 biên soạn

Ấu Triệu Lê Thị Đàn

Quốc dân nô lệ xé lòng đau
Nhi nữ chen vai chẳng khác nào...
Giọng yến kiên trung... môi phượng vỹ
Nét Xuân dũng cảm... má anh đào
Trắng dây một dải... theo người trước..!!
Đỏ máu mấy dòng... chạnh kẻ sau..!!
Hậu duệ Trinh Nương gương nguyệt rạng
Quần thoa lẫm liệt... sánh anh hào...

Nguyễn Minh Thanh cẩn tác

1 - Lược Sử Bà Ấu Triệu Lê Thị Đàn:

Ấu Triệu (? - 1910) tên thật Lê Thị Đàn, là một anh thư trong Duy Tân Hội và Phong Trào Đông Du cuả cụ Phan Bôi Châu.

Vì nhiệm vụ bí mật, ít ai biết về Bà. Song, trong tác phẩm "Việt Nam Nghĩa Liệt Sĩ " cụ Phan Bội Châu có kể lại việc làm của Bà nên đời sau mới biết và lưu truyền.

Với lại, vào năm 1926, khi cụ Phan bị giặc Pháp an trí ở Bến Ngự (Huế), năm 1927, Cụ đã lập ngôi miếu nhỏ trong góc khu vườn, biển đề "Ấu Triệu Bi Đình" cạnh miếu có tấm

bia khắc sơ lược truyện về Bà Ấu Triệu. Tại đây, Cụ làm nơi hương khói tưởng niệm vị nữ nhi anh kiệt.

Ấu Triệu Lê Thị Đàn, người làng Thế Lại Thượng, nay thuộc xã Hương Vinh, huyện Hương Trà, Thừa Thiên - Huế. Sinh trưởng trong gia đình Nho Giáo, được đi học, Bà nổi tiếng là người nết na đức hạnh, có biệt tài văn thơ...

Vào tuổi trưởng thành, gia đình Bà lâm cảnh ngặt nghèo: mẹ mất sớm, các em còn nhỏ dại, cha bị giặc Pháp bắt giam, gia sản bị tịch thu. Vì cha Bà có chân trong Phong Trào Cần Vương.

Khi đó, có người tên Hinh, làm thông ngôn ở tòa Khâm sứ Trung Kỳ, nói với Bà, nếu Bà chịu làm vợ ông, thì ông sẽ xin tha cho cha Bà...

Bà Lê Thị Đàn đồng ý. Nhưng, một thời gian ngắn, ông Hinh phải đổi về Sài Gòn, Lê Thị Đàn vì cha già, em dại... không đi theo. Gần nhà Bà có ông Võ Bá Hạp, bạn thân cụ Phan Bội Châu, qua lời giới thiệu của ông Hạp, Lê Thị Đàn được cụ Phan kết nạp vào Duy Tân Hội, và được phân công làm liên lạc.

Từ năm 1904 – 1909, trải qua biết bao hiểm nguy, gian khổ trên tuyến đường hoạt động Trung - Bắc, mọi việc của Duy Tân Hội, như chuyển tài liệu, tiền bạc; hoặc là đưa rước người trong Phong Trào Đông Du đều nhờ vào tay Bà.

Năm 1909, giặc Pháp ra sức đàn áp Phong Trào, nhiều người bị tù đày, bị chém hoặc phải tự sát. Ông Đặng Thái Thân, một đồng đội thân thiết của Bà ở Nghệ An vừa mới tuẫn tiết, khiến bà Lê Thị Đàn vô cùng đau xót và căm phẫn bọn giặc.

Căm gan, không dằn lòng được, bà Lê Thị Đàn ngang nhiên chửi rủa bọn giặc. Bà bị chúng bắt giam vào tháng 3 năm 1910. Tên Thượng thư Bộ Hình triều Nguyễn, đời vua Duy Tân, tay sai đắc lực của giặc Pháp là Trương Như Cương, được giao việc xét hỏi. Hắn dụ dỗ, cực hình tra tấn... Bà vẫn kiên quyết không khai báo chi cả...

Biết rằng không thể thoát và không thể sống được nữa, Bà

giả vờ chịu cung khai, nếu được tên Cương cho nghỉ ngơi một ngày.

Tin lời Bà, tên Cương chấp thuận. Ngay đêm hôm ấy, Bà đã cắn ngón tay lấy máu viết lên tường nhà lao ba bài Tuyệt Mệnh Thi chữ Nho. Sau đó Bà dùng dải (dây) thắt lưng bằng lụa trắng treo cổ. Bà tuẫn tiết tại nhà lao Quảng Trị, vào ngày 16 tháng 3 Âm Lịch năm Canh Tuất, tức ngày 25 tháng 4 năm 1910. Phần mộ Bà bị thất lạc...!!

Do tính khí can trường, kiên trung, bất khuất trước giặc, cụ Phan Bội Châu lấy gương Bà Triệu Thị Trinh trong lịch sử Việt Nam đặt cho Lê Thị Đàn là Ấu Triệu, với ý nghĩa Bà Triệu Nhỏ.

2 - Mộ phần Bà Ấu Triệu.

Mãi 98 năm... sau khi tuẫn tiết, năm 2008 người nhà mới có được hài cốt anh thư Ấu Triệu Lê Thị Đàn. Hài cốt Bà đã đưa về an táng nơi Nghĩa Trang mang tên Phan Bội Châu. Nghĩa Trang nầy, do chính Cụ Phan thành lập từ trước tại Huế, để làm nơi an táng các chí sĩ.

3 - Tuyệt Mệnh Thi cuả Ấu Triệu:

Dưới đây là Tuyệt Mệnh Thi của Ấu Triệu Lê Thị Đàn viết bằng máu trên tường nhà lao Quảng Trị. Bài do ông Đặng Thái Mai dịch. Rất tiếc chưa tìm được nguyên bản chữ Nho.

Thơ Tuyệt Mệnh

I. Lạnh lùng cảnh ngục lúc quyên sinh
Biển rộng đồng không mình biết mình.
Chết với nước non em tốt số,
Chạnh lòng tủi hổ lũ trâm anh!

II. Suối vàng gạt lệ gặp bà Trưng
Máu thắm hồn quyên khóc thảm thương.
Lạy Phật thân này còn hóa kiếp,
Tay xin nghìn cánh, cánh nghìn thương.

III. Huyết lệ dầu khan, giận chửa sờn
Chiều hôm tê tái nước sông Hương
Đảng ta khi quét xong quân giặc,

Trước nấm mồ em đốt bó nhang...

Đặng Thái Mai dịch

4 - Thơ & Câu Đối cuả Cụ Phan:

- Thơ Đề bia Ấu Triệu

Lọ là các cậu, lọ là ông,
Ai bảo rằng thư chẳng phải hùng.
Miệng có chào lòng quên sấm sét,
Gan đành bỏ mạng tiếc non sông.
Dây lưng một dải bền hơn sắt,
Nét máu nghìn thu đậm với hồng.
Ai biết hỏi chăng thời chớ hỏi,
Hỏi hòn đá nọ biết hay không?

Phan Bội Châu

- Câu Đối ca tụng gương lẫm liệt Ấu Triệu cuả cụ Phan:

Tấm thân trót gả giang san Việt,
Tấc dạ soi chung nhật nguyệt trời!!
Tơ nhân sợi nghĩa dây lưng trăng,
Dạ sắt lòng son nét máu hồng!!

Phần Kết:

Ấu Triệu Lê Thị Đàn, một nữ nhi anh kiệt tuyệt vời. Ngoài đời, Bà đã tận tâm, tận lực hoàn thành mọi công việc được phó thác do Duy Tân Hội. Khi sa cơ, chốn lao ngục, Bà đã thiết thạch tấc lòng không khai báo một lời. Và dũng cảm tuẫn tiết...!!

Nhờ thế, tổ chức cuả Bà, những người liên hệ với Bà được an toàn vô sự.

Hậu sinh kính cẩn xưng tụng Bà qua câu đối:

"***Ngoài thế đời tận tụy công cuộc, lòng sắt son tính toan... sống vì nước!!***

Trong lao ngục trung trinh vụ việc, dạ thiết thạch lẫm liệt... chết vị nòi!!"

Trong bài "Quá Linh Đinh Dương" của Văn Thiên Tường, câu kết:

"*Nhân sinh tự cổ thùy vô tử*
Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh"

(Xưa nay ai sống mà không chết
Để tấm lòng son rạng sử xanh)

Vâng, Bà Ấu Triệu đã "Để tấm lòng son rạng sử xanh". Bà tự chọn cho mình chô năm long trọng tôn nghiêm, chô nằm trong lòng dân tộc, chỗ nằm được tẩm bởi hoa phong lan hương thơm dìu dặt.

Hương thơm trường cửu mãi thiên thu...
- chứa chan trong tâm khảm đồng bào,
- tan toả như sương lam trên những dãy núi,
- luân lưu theo mạch nước dòng sông... của nòi giống Việt Nam... và rọi truyền khí thiêng Lạc Hồng bất khuất...

Đôi dòng bi cảm:

"Ngậm ngùi... nữ kiệt tinh anh
Nửa đêm cắn máu... trời xanh thảm sầu..!!"
Khách xứ giữa khuya, hậu sinh kính bút.

(Thu về trên lá, GA, 2019)

Nguồn gốc:

- Trang Web: Ấu Trệu, Văn Thiên Tường...
- TNĐT - Danh Nhân Từ Điển, GS Trịnh Vân Thanh"

NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG CỦA HẠM ĐỘI HẢI QUÂN VNCH

Nguyễn Đức Thu, K16

Ngày 22 tháng 3 năm 1975, tại Hội Đồng Đô thành Sài Gòn, với tư cách Chủ Tịch liên Ủy Ban, tôi yêu cầu triệu tập phiên họp khẩn để nghe vị Chánh Sở Ngân Sách & Tài Chánh của Tòa Đô Chánh Sài Gòn điều trần về ngân sách trong đó có liên quan đến vấn đề an ninh thủ đô.

Khi phiên họp vừa bắt đầu, chúng tôi được thông báo là **Phó Đô Đốc Chung Tấn Cang, Tư Lệnh Biệt Khu Thủ Đô được Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu tái nhiệm trở lại Quân Chủng Hải quân trong chức vụ tư lệnh**. Toàn thể nghị trường đều im lặng lạ thường, nhưng tôi tức khắc nhận ra rằng có thể sẽ có những biến cố trọng đại sắp xảy ra như đã từng xảy ra sau ngày đảo chánh 1 tháng 11 năm 1963 khi HQ Trung Tá Chung Tấn Cang hồi đó, chỉ với cấp bậc trung tá, nhưng lại là một trong những nhân vật then chốt của Hội đồng Quân Nhân Cách Mạng. Ông được thăng cấp HQ Đại tá ngày hôm sau và trở thành tư lệnh quân chủng Hải Quân lần thứ nhất sau khi HQ Đại Tá Tư Lệnh Hồ Tấn Quyền bị hạ sát. Tôi chấm dứt phiên họp sớm hơn dự định và đi đến Bộ Tư Lệnh Hải Quân để tìm hiểu thêm sự kiện.

Ngày 24 tháng 3 năm 1975, Phó Đô Đốc Cang vội vã trở về

Bộ Tư Lệnh Hải Quân (BTL/ HQ) nhận chức tư lệnh thay thế Đề Đốc Lâm Ngươn Tánh. Lễ nhậm chức của tân tư lệnh Hải Quân diễn ra vào trưa ngày 24 tháng 3. Có khoảng 7 tư lệnh Hải quân các vùng đứng một hàng ngang trước bàn tư lệnh chứng kiến, và một sĩ quan báo chí hiện diện để quan sát và tường thuật, trong văn phòng tư lệnh trên lầu hai, nằm bên tay mặt của trụ sở Bộ Tư Lệnh trông ra bến Bạch Đằng Sài Gòn.

Thật sự, chức vụ Tư Lệnh Biệt Khu Thủ Đô kiêm Tổng Trấn Sài Gòn - Gia Định là một trong những chức vụ quan trọng nhất chung quanh Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu.

Nhưng bổ nhiệm Phó Đô Đốc Cang tái nhiệm chức tư lệnh Hải Quân sau khi đã rời Hải Quân trên 10 năm về trước đã cho thấy rõ ràng kế hoạch "di tản và lui binh" là mối quan tâm nhất của Tổng Thống Thiệu trong quyết định này. Đô Đốc Cang thổ lộ rằng nếu còn ở vị trí tư lệnh biệt khu thủ đô thì ông sẽ cố bảo vệ Sài Gòn với bất cứ giá nào...

Theo tôi nghĩ không lẽ ông phải rời vị trí Tư Lệnh Biệt Khu Thủ Đô này vì áp lực bên ngoài, hay vì kế hoạch "còn nước còn tát", như tin đồn là của Tổng Thống Thiệu có ý định tổ chức đưa Hạm Đội về Miền Tây tử thủ?

Lễ bàn giao không có nghi lễ quân cách, chỉ diễn ra như là một buổi họp quan trọng nhưng mọi người đều mặc quân quân phục đại lễ Hải Quân, trong đó có những Đề Đốc với vẻ mặt thoạt nhìn rất lạnh lùng, khó hiểu như Phó Đề Đốc Đặng Cao Thăng, Nghiêm Văn Phú....

Chỉ vài ngày sau ngày nhậm chức , Phó Đô Đốc Cang đã thành lập đơn vị "Lực Lượng Đặc Nhiệm 99", bao gồm những Giang Đoàn Ngăn Chặn và nhiều căn cứ Hải Quân. Ông chỉ định một sĩ quan Hải Quân trẻ, HQ Đại Tá Lê Hữu Dõng, làm tư lệnh và đã soạn thảo kế hoạch di tản hạm đội trong trường hợp khẩn cấp. Có người tiên đoán ông sẽ cho lệnh hạm đội về Miền Tây, nhưng vài hạm trưởng quen thân

với tôi thì cho là ông sẽ cho hạm đội di tản đến Côn Sơn để bảo toàn lực lượng.

Theo Phạm Kim, sĩ quan báo chí BTL/HQ, "khi trở thành Tư Lệnh Quân Chủng Hải Quân lần thứ nhì, Phó Đô Đốc Chung Tấn Cang (tướng HQ 3 sao) có cấp bậc cao nhất quân chủng, và ngang cấp với các tư lệnh quân binh chủng khác. Quả thật, trong những ngày giờ dầu sôi lửa bỏng đó, ông đã quan tâm thực sự đến kế hoạch di tản một cách chặt chẽ, với tiêu chuẩn phải mang đi được nhiều tướng lãnh, quân nhân của các quân binh chủng và Hải Quân . Ông thường xuyên có mặt trong Trung Tâm Hành Quân thuộc Bộ Tư Lệnh Hành Quân Lưu Động Biển, trong tầng ba một cao ốc tân kỳ mới xây vài năm. Ông trông bề thế chỉ huy, oai nghiêm như một tư lệnh chiến trường Lục Quân. Phó Đô Đốc Cang có thể liên lạc hàng ngang với Tổng Thống và giới chức cao cấp nhất của Bộ Tổng Tham Mưu, cũng như Biệt Khu Thủ Đô."

Trung tuần tháng Tư 75, cựu Dân biểu Đệ Nhất Cộng hòa Vũ Quốc Công đến thăm tôi tại Tòa Đô Chánh. Ông cho tôi biết tình trạng sống còn của Sài Gòn có thể đếm từng ngày, khuyên tôi hãy rất cẩn thận. Sau bữa cơm trưa vội vã, ông lại biến mất cho đến một ngày cuối năm 1975, tôi nghe tin ông và các con đã bị chết chìm trên biển. Thật là đau lòng!

Việc thăm viếng bất chợt, ngắn ngủi của người bạn cũ để báo động nỗi bất an của Thủ Đô đã biến tôi thành một nhân chứng bất đắc dĩ, để biết rõ và lo âu buồn thảm nhìn Sài Gòn thân yêu của mình đang rã tan từng mảnh hàng ngày, hàng ngày; và một Hạm đội của một quân chủng Hải Quân có sức mạnh thứ chín trên thế giới, lại không biết sẽ hải hành về đâu!!!

Trở lại tháng 6 năm 1974, sau khi đắc cử tại Quận 1 Đô Thành, gia đình tôi vẫn được Bộ TTM cho phép tiếp tục sống tại cư xá 4A Bến Bạch Đằng vì tôi tình nguyện ở lại trong Hải quân (nghỉ dài hạn không lương), thay vì giải ngũ như đa

số các vị dân cử gốc quân đội khác. " Túp lều lý tưởng " của vợ chồng chúng tôi tuy nhỏ, những địa điểm thật là thuận tiện, sát cạnh BTL/ HQ và cách xa các cầu tàu A và B không đầy 100 thước. Mỗi ngày tôi đều chứng kiến những chiến hạm vội vã tách bến ra đi, những chiến hạm vội vã trở về cập bến, các đoàn xe tiền hô hậu ủng của các quan tư lệnh quân binh chủng đi làm việc ngang qua Bến Bạch Đằng, kể cả tiếng trực thăng rộn ràng của "ngài thủ tướng" cất cánh, hạ cánh bên cạnh. Hầu như tất cả các quân cảnh Hải Quân thuộc Tổng Hành Dinh BTL/ HQ đều quen mặt tôi, đều cất tiếng, "chào Commandant Thu" rất thân ái, mỗi khi thấy tôi chạy thể dục từ BTL/ HQ, mỗi buổi sáng đến bến Bạch Đằng.

Đôi lúc, tôi hy vọng Phó Đô Đốc Cang đi làm sớm sẽ thấy tôi, sẽ vẫy tay chào hỏi hay "mời tôi vào Dinh" một chiều nào đó, uống một chén trà như tôi thường hay mời ông lên Phòng Tiếp Tân của Hội Đồng Đô Thành sau mỗi lần ông đến họp với Niên Trưởng Đô Trưởng Đỗ Kiến Nhiểu (K4/ VBQG) tại Tòa Đô Chánh. Tuy nhiên, tôi chỉ được gặp ông hai lần sau khi ông tái nhiệm chức vụ Tư lệnh Hải quân.

Lần sau cùng, tôi đã đến văn phòng Tư Lệnh thăm ông. Trước khi ra về, không hiểu tại sao, tôi lại đứng rất nghiêm chỉnh chào ông, giống như hồi tôi còn trong Hải Quân. Ông mỉm cười thật thân thiện, hỏi tôi:

- "Ông nghị còn nhớ cách lái tàu không. Phải cẩn thận trên sông Lòng Tảo, vì thủy triều lên xuống rất bất thuờng..."

Tôi cám ơn ông và đã hiểu ra ngay ẩn ý ông muốn nói gì. Kể từ đó tôi không có cơ hội gặp lại ông, cho đến khi ông qua đời ngày 24 tháng 1 năm 2007.

Trở lại tháng ngày ngắn ngủi sau cùng tại Sài Gòn và Bộ Tư Lệnh Hải Quân. Để kiện toàn một hạm đội và các lực lượng Hải Quân sẵn sàng trong mọi tình hình, Phó Đô Đốc Cang đã chỉ định hoặc giữ lại các sĩ quan quan trọng, như Phó Đề Đốc Diệp Quang Thủy (K6 Võ Bị Quốc Gia/ K3 HQ Nha Trang)

làm Tư lệnh Phó Quân Chủng Hải Quân kiêmTham Mưu Trưởng BTL/ HQ, HQ Đại Tá Nguyễn Xuân Sơn làm Tư Lệnh Hạm Đội, Phó Đề Đốc Nguyễn Hữu Chí làm Tư Lệnh Hành Quân Lưu Động Biển, HQ Đại Tá Đỗ Kiểm làm Tham Mưu Phó Hành Quân, HQ Đại Tá Ngô Khắc Luân làm Chỉ Huy Trưởng Khối Tiếp Vận, HQ Đại Tá Phạm Mạnh Khuê làm Tham Mưu Trưởng Hành Quân Biển (thay thế Đại Tá Sơn làm Tư Lệnh Hạm Đội vào ngày chót), Phó Đề Đốc Đinh Mạnh Hùng làm Tư Lệnh Hành Quân Lưu Động Sông, HQ Đại Tá Lê Hữu Dõng làm Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Nhiệm 99.

Tư Lệnh Chung Tấn Cang theo dõi hàng ngày việc di tản và tình hình chiến sự ngoài Quân Khu 1, Đà Nẵng, và Qui Nhơn. Ông đã ra lệnh các chiến hạm và hải đội cứu vớt hàng ngàn quân dân di tản, trong đó có việc tham dự của Dương Vận Hạm HQ 504, do HQ Trung Tá Nguyễn Như Phú (K16/ VBQGVN) làm hạm trưởng. Đô Đốc theo dõi từng bước đi của các tướng Bộ Binh, tướng Không Quân và các đơn vị tác chiến, những hội họp trong căn cứ HQ Đà Nẵng và tại Trung tâm hành quân Sư Đoàn TQLC của các Tướng Bùi Thế Lân, Ngô Quang Trưởng, Tướng Khánh (Không Quân) và Hồ Văn Kỳ Thoại (Hải Quân). Ông đã thừa lệnh Tổng Thống Thiệu, chỉ định Phó Đề Đốc Hoàng Cơ Minh làm Tư Lệnh chiến trường Qui Nhơn, được gọi là "Tuyến Thép", để hổ trợ cho Hải Đội Vùng 2 Duyên Hải, hải vận (di chuyển bằng tàu) Sư Đoàn 22BB trong đó có Đại Tá Nguyễn Thiều (K16/ VBQGVN), Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 41, về tăng cường cho Lữ Đoàn 3 Dù tại mặt trận Khánh Dương vào ngày 2 tháng 4 năm 1975.

Trong lần gặp ông sau cùng tại Bộ Tư Lệnh Hải Quân, ông cũng còn nhắc lại sự can đảm của hai vị Trung Tá Lữ Đoàn Trưởng TQLC Nguyễn Xuân Phúc và Lữ Đoàn Phó Đỗ Hữu Tùng (cùng Khoá 16 Võ Bị với tôi), đã ở lại trên bãi biển Non Nước để chờ đợi các đơn vị TQLC thất lạc, thay vì bơi lên chiến hạm. Hai vị sĩ quan TQLC này

đã chết vì đạn pháo kích của Bắc Quân, ngày 29 tháng 3 năm 1975 . Ông cũng tỏ ra rất tiếc là các hải vận hạm đã không tiến sát được gần bờ hơn tại Cửa Thuận An và bờ biển Non Nước, vì bờ biển không đủ tầm sâu cho chiến hạm ủi bãi. Vì thế, đã khiến cho nhiều TQLC chết chìm khi cố gắng bơi đến tàu.

Trở lại chiến trường Qui Nhơn/ Nha Trang, Phó Đề Đốc Hoàng Cơ Minh được chỉ định làm Tư Lệnh Chiến Trường "Tuyên Thép", nhưng lê nghi quân cách và lệnh chưa kịp chính thức loan tải và phát thanh thì lãnh thổ kiểm soát của VNCH đã phải cắt thêm về tới Tuyến Thép Phan Rang. Rồi cũng từ Phan Rang, chưa kịp thực hiện những nghi lễ trang trọng bảo vệ "Tuyến Thép" thì Đề Đốc Minh, đã phải chỉ huy 4 chiến hạm HQ2, HQ3, HQ5, và Dương Vận Hạm HQ500 chạy dọc theo bờ duyên hải để đón người di tản từ Phan Rang và các thành phố khác nữa xuôi Nam.

Trong lúc đó tại Sài Gòn, ngày 21 tháng Tư, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức. Hạ tuần tháng Tư, tôi mặc lễ phục Hải Quân (dù tạm thời đã ra khỏi quân chủng) đến tham dự lễ bàn giao chức Đô Trưởng Sài Gòn từ Đô Trưởng Đỗ Kiến Nhiễu cho Đại Tá Quách Huỳnh Hà.

Tân Đô trưởng Quách Huỳnh Hà, xuất thân từ Khóa 1 Thủ Đức, là một sĩ quan cán bộ kiêm huấn luyện viên then chốt của TVBQGVN, thời Khóa 16. Đây là lần đầu tiên, các quan khách và nhân viên Tòa Đô Chánh rất ngạc nhiên khi nhìn thấy "ông nghị Thu" trong bộ đại lễ Hải Quân. Lễ bàn giao trang trọng nhưng thật buồn tẻ ảm đạm, vì mọi người đều biết rằng đây là dấu hiệu cho thấy những ngày tàn của Thủ Đô đang đến. Sau lễ, Đại Tá "tân đô trưởng" bắt tay tôi thật chặt, nói vài chữ như một lời vĩnh biệt:

- "Ông nghị bảo trọng"!

Tôi cũng chào ông đúng quân cách và nói,

- "Cám ơn và chúc mừng ông đô trưởng."

Tuy nhiên, trong tim tôi thấy hằn lên một nỗi buồn xót xa

vì chắc chắn cũng như tôi, Đại Tá Hà đã biết ông được chỉ định làm đô trưởng, như là một bình phong chắn đường cho "*những người cần ra đi*" đúng lúc mà thôi!

Bây giờ thì ông đã mất nhưng tôi vẫn còn nhớ những cảm tình mà ông đã dành cho TVBQGVN, nơi mà tôi tin rằng ông đã để quên con tim tại đó. Ông đã nói:

- *"...Thời gian sau các đơn vị tác chiến, tôi được sang Pháp học một năm ở trường Bộ Binh cùng với các Sĩ Quan Saint Cyr. Tôi đặt trọng tâm tìm bí quyết sức mạnh của quân đội Pháp, qua lò luyện thép Saint Cyr đào tạo những sĩ quan anh tuấn, trí dũng, và giàu kiến thức chiến lược toàn cầu. Sau khóa học, tôi được trở về làm huấn luyện viên tại Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt. Binh thư của Trường Võ Bị Saint. Cyr nói rằng kỷ luật là sức mạnh của quân đội.*

Nhưng ngoài ý tưởng trên, tôi cho rằng cần thêm ý tưởng Huynh Đệ Chi Binh, vì đó mới là chân lý, là sức mạnh trong các đội ngũ của Quân Lực VNCH.

Tôi đã thêm ý tưởng này vào Nội Quy Sinh Viên Sĩ Quan, cũng như tài liệu đào tạo sĩ quan Đà Lạt. Thật vậy, suốt đời binh nghiệp của tôi, tất cả những kế hoạch và những điều thực hiện, tôi đều được yểm trợ của các huynh đệ anh em từ Bộ Tổng Tham Mưu, Tham Mưu Quân Đoàn, đến các khóa đàn em Thủ Đức, và sĩ quan Đà Lạt hết lòng giúp đỡ. Như trận Chi Khu Ngã Năm lúc đơn vị của tôi bị một trung đoàn chính quy Bắc Việt vây khốn. Trên tần số các phi cơ đến yểm trợ, khi tôi nghe họ gọi nhau bằng niên trưởng, niên đệ, tự nhiên tinh thần của tôi phấn chấn coi địch không vào đâu nữa. ***Đối đầu với những khó khăn nhứt, biết có một huynh đệ ở đâu đó, chỉ cần nhắc ống điện thoại là xong ngay. Tình Huynh Đệ là tất cả..***"

Tôi nghĩ, Đại Tá Quách Huỳnh Hà thật xứng đáng để trở thành một tướng lãnh, nhưng có lẽ ông đã sinh bất phùng thời! Từ giã ông mà tôi biết đó cũng là lần vĩnh biệt vì tôi thấy

Sài Gòn đã không còn hy vọng được bình yên,

Ngày 24 tháng tư, theo yêu cầu của Phụ Tá Bộ Trưởng Quốc Phòng Mỹ Erich Von Marbod, ông Richard Armitage, trở lại Sài Gòn.

(*Ông vốn là một sĩ quan hải quân Hoa Kỳ, đã từng phục vụ tại Việt Nam 4 nhiệm kỳ liên tiếp, có nhiều liên lạc mật thiết với các sĩ quan hải quân VNCH cao cấp. Tôi cũng đã từng gặp ông và ông William Maroletti tại Trung Tâm Phát Triển Khả Năng Tác Chiến, khi tôi làm đại diện HQ tại Bộ TTM. Ông Maroletti là người điều hợp chương trình hiện đại hóa Hải Quân VNCH sau hiệp định Paris, là người bảo trợ cho gia đình chúng tôi định cư tại Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn khi gia đình chúng tôi đến Hoa Kỳ sau tháng tư 1975* .)

Tuy ông Armitage chỉ đóng vai trò sĩ quan liên lạc giữa Hải Quân Mỹ và Hải Quân VN, nhưng trên thực tế, ông là một giới chức quan trọng tại Bộ Quốc Phòng Mỹ. Ông đã đáp chuyến bay cuối cùng của PanAm đến Thủ Đô với nhiệm vụ 'tôi mật' là tìm cách đưa ra khỏi VN các chiên cụ "càng nhiêu càng tốt". Von Marbod lo phần Không Quân, và Armitage lo phần Hải Quân.

Armitage đã tìm gặp HQ Đại Tá Đỗ Kiểm, Tham Mưu Phó Hành Quân BTL/ HQ để hoạch định một kế hoạch di tản tổng quát. Ông Armitage cũng đã đến gặp Phó Đô đốc Tư lệnh Chung Tấn Cang nhiều lần.

Tại Hạm Đội, chiều ngày 26 tháng Tư, Hải Quân Đại Tá Nguyễn Xuân Sơn, Tư Lệnh Hạm Đội, đã họp với khoảng 100 hạm trưởng các loại chiến hạm lớn nhỏ. Ông cho biết rằng Vũng Tầu, Phan Rang, và Bộ Tổng Tham Mưu đã tan rã, địa điểm Sư Đoàn 3 Không Quân đang bị dội bom, trong khi Hạm Đội HQ còn an toàn và nguyên vẹn. Ông duyệt xét sơ khởi cho thấy khoảng trên 30 chiến hạm trong tổng số 45 chiếc cỡ lớn của HQ/ VN có thể ra đi được. Số chiến hạm này một phần tại bến Sài Gòn, một phần tại vùng biển Vũng Tàu và phần còn

lại tại vùng biển Phú Quốc. Ông nói:

- "Chúng ta chuẩn bị tinh thần để có thể di chuyển về Phú Quốc."

Lời tuyên bố quá sớm của ông đã phải trả giá. Đại Tá Sơn bị cất chức Tư Lệnh Hạm Đôi, HQ Đại tá Phạm Mạnh Khuê lên thay thế ngày 28 tháng tư năm 1975. Nhưng chỉ trong 1 ngày sau đó, Hạm đội HQVNCH lại có lệnh di tản.

Theo nhà báo Điệp Mỹ Linh, "...Tướng Cang quyết định hạm đội Hải Quân sẽ chính thức ra đi vào lúc 6 giờ chiều ngày 29 tháng 4 và cuộc di tản dự trù sẽ hoàn tất vào lúc 22 giờ đêm. Điểm hẹn là đảo Côn Sơn."

Vào lúc này, trên bờ sông Sài Gòn có 8 chiến hạm đang cặp bến:

- 5 chiến hạm tại cầu tàu A: HQ 601, HQ 11, HQ 504, 502, 501.

- 3 chiến hạm tại cầu tàu B đậu từ trong ra ngoài: HQ 1 tại vị tri sô 1 gân sát đường lộ, mặt tiên Bộ Tư lệnh HQ; bên cạnh là HQ 3; và ngoài cùng là HQ 2.

- Xa hơn nữa là cầu tàu C... Các cầu tàu D và E nằm trong HQ Công Xưởng, không xa sân cờ Bộ Tư lệnh HQ.

- Tại cầu tàu E của Hải Quân Công Xưởng có các chiến hạm HQ 400 đậu trước Câu Lạc Bộ HQ.

- HQ 500, chiến hạm HQ 402 đậu tại cầu tàu D. Ngoài ra còn một số chiến hạm thả neo tại Nhà Bè..

Bến Bạch Đằng đông nghẹt người chen chúc chờ được di tản. Tuần Dương Hạm HQ 2 Trần Quang Khải là chiến hạm đầu tiên do HQ Trung Tá Đinh Mạnh Hùng điều khiển tách bến. Trên chiến hạm có Phó Đề Đốc Nguyễn Hữu Chí, Phụ Tá Hành Quân Lưu Động Biển của HQ/ VNCH.

Khoảng 7 giờ chiều, Tuần Dương Hạm Trần Nhật Duật HQ 3 do Hạm Trưởng HQ Trung Tá Nguyễn Kim Triệu điều

khiển, rời bờ. Trên chiến hạm có các Phó Đề đốc Đinh Mạnh Hùng và Hoàng Cơ Minh. Tàu chở đầy người.

Khu Trục Hạm HQ 1 Trần Hưng Đạo, tuy được dự trù sẽ là soái hạm, kéo cờ tư lệnh trên kỳ đài, nhưng chưa tách bến vì còn chờ Hạm Trưởng HQ Trung Tá Nguyển Địch Hùng về đón gia đình chưa trở lại. Trên tàu đã có mặt Đề Đốc Lâm Nguơn Tánh, Cựu Tư Lệnh Hải Quân và Phó Đề Đốc Nguyễn Thanh Châu. Lúc này, dân chúng tràn ngập trên bờ nên ngay cả Tư lệnh HQ Chung Tấn Cang và Tư Lệnh Phó Diệp Quang Thủy cũng không thể lên được chiến hạm. Cuối cùng Phó Đề Đốc Châu ra lệnh tách bến lúc 8 giờ tối ngày 29. HQ Trung Tá Nguyễn Duy Long, K16 VBQGVN được chỉ định làm hạm trưởng.

Tại Cầu A, tình trạng hỗn loạn và căng thẳng diễn ra trên bờ. Trong khi đó dưới sông, ba chiến hạm HQ 504, HQ 11 và HQ 503 vẫn chờ đợi.

Phó Đô Đốc Cang và Phó Đề Đốc Thủy sau khi không nhập hạm được trên Soái Hạm HQ 1, đã lên Tuân Duyên Hạm HQ 601 do Hạm Trưởng HQ Đại Úy Trần Minh Chánh (K24/ TVBQGVN), con trai của Đề Đốc Trần văn Chơn, cựu Tư lệnh HQ làm hạm trưởng. Tuy đã quyết định sẽ không di tản, ở lại cùng cha và gia đình, Đại Úy Chánh vẫn điều hành chiến hạm và đưa các Phó Đô Đốc Cang và Thủy, HQ Đại Tá Nguyễn Xuân Sơn, cựu Tư lệnh Hạm Đội ra tận Vũng Tàu rồi trở lại. Vì tình nhà, tình nước, Đại Úy Chánh đã phải trả một giá rất đắt bằng nhiều năm tù trong các "trại cải tạo".

Hộ Tống Hạm HQ 11 cũng ra đi vào khoảng 11 giờ đêm, do Hạm Trưởng HQ Thiếu Tá Phạm Đình San điều khiển, mang theo HQ Đại Tá Đỗ Kiểm. Dương Vận Hạm Thị Nại HQ 502 do HQ Trung Tá Nguyễn Văn Tánh làm hạm trưởng cũng rời bến vào khoảng 1 giờ đêm 29, rạng sáng 30 tháng 4. Trên đường đi, đã cứu được Phó Đề Đốc Nghiêm Xuân Phú từ tiểu đỉnh PBR. Các Tướng Vĩnh Lộc, Trần Văn Trung đến

Bến Bạch Đằng vào sáng 30 tháng 4 và dùng một LCM nhỏ của Giang Cảnh để tìm đường ra biển. Rất may, LCM này được Tuần Duyên Hạm Tây Sa HQ 615 cứu vớt vào tối 30/4.

Tại Căn cứ Hải Quân Cát Lở (nơi trú đóng của Bộ Tư lệnh HQ Vùng 3 Duyên Hải), Phó Đề Đốc Hồ Văn Kỳ Thoại đã dùng khinh tốc đỉnh PCF rời căn cứ để ra Cơ Xưởng Hạm Vĩnh Long HQ 802 neo sẵn ngoài khơi vào đêm 29 tháng 4. Tư lệnh vùng 3 Duyên Hải cũng di tản trên chiến hạm này. HQ 802 rời Vũng Tàu và đi thẳng đến Subic Bay, không đến điểm hẹn Côn Sơn.

Tại vùng biển Vũng tàu, những chiến hạm hiện diện gồm HQ 5, HQ 802, HQ 16, HQ 7, HQ 12, HQ 505, HQ 400, các tàu chở dầu HQ 470, 471. Hai chiến hạm HQ17, HQ14 cũng đã về đến từ quần đảo Trường Sa. Tất cả đều trực chỉ điểm hẹn gần Côn Sơn.

Tại Phú Quốc có 4 chiến hạm trực chỉ Singapore: Trợ Chiến Hạm Nguyễn Ngọc Long HQ 230, Giang Pháo Hạm Tâm Sét HQ 331, Giang Pháo Hạm Lôi Công HQ 330, Tuần Duyên Hạm Minh Hoa HQ 602.

Sau 5 ngày chờ đợi, Singapore từ chối yêu cầu tỵ nạn, chỉ cung cấp thêm nước và yêu cầu đoàn tầu rời Singapore. Do đó, đoàn tàu quyết định đi Úc. Trên hải trình, một số thủy thủ của HQ 602 đã bắt giữ hạm trưởng và lái tàu trở về Sài Gòn. Nhưng khi được tin Úc công nhận MT/ GPMN, đoàn tàu còn lại 3 chiếc đổi hướng, hải hành đến Phi Luật Tân.

Ngày 2 tháng 5, Hạm đội HQVNCH gồm 26 chiếc, mang theo trên 30,000 quân dân di tản, đặt dưới quyền Tư Lệnh Chung Tấn Cang, chia thành 3 hải đội: Một do Phó Đô Đốc Chung Tấn Cang chỉ huy, một do Đề Đốc Lâm Nguơn Tánh trên HQ 1 chỉ huy, một do Phó Đề Đốc Hoàng Cơ Minh trên HQ 3 chỉ huy.

Hải Quân Hoa Kỳ cũng đã thành lập một lực lượng đặc nhiệm: Hải Đội Destroyer's Squadron 23 do Đề Đốc Donald

Roane, đặt bộ chỉ huy trên Chiến Hạm Kirk (DE-1097) để yểm trợ cho Hạm Đội VN. Các chiếc hạm trong lực lượng này ngoài USS Kirk (DE-1087), còn có USS Tuscaloosa (LST 1187), USS Cook, USS Deliver (ARS-23), USS Abnaki (ATF-96), và USNS Lipan (T-ATF-85).

Một số chiến hạm khác tuy không thuộc lực lượng đặc nhiệm này nhưng cũng góp phần vào công tác y tế và tiếp liệu cho đoàn tàu VN: USS Mobile (LKA-115), USS Balbour County (LST-1195), USS Vega (AF-59), và USS Denver (LPD-9).

Chuyến hải hành từ Côn Sơn đi Phi Luật Tân kéo dài trong 5 ngày. Ngay trong ngày đầu, các phi cơ phóng pháo Liên Sô đã bay trên đoàn tàu, tuy nhiên không có những hành vi thù nghịch.

Bộ Quốc Phòng HK, tuy đã sắp xếp trước để yêu cầu Chính Phủ Phi trợ giúp trong việc nhận khoảng 30 ngàn người tỵ nạn Việt tạm trú và sau đó sẽ được chuyển từ Phi sang Guam, nhưng lại không xin phép Chính Phủ Phi để đưa Hạm Đội HQ/ VNCH đến Subic Bay. Lẽ dĩ nhiên việc này gặp trở ngai vì Tổng Thống Phi Ferdinand Marcos và Ngoại Trưởng Carlos Romulo đều không muốn 'đụng chạm' với chế độ 'mới' tại Nam VN.

Theo Điệp Mỹ Linh, ngày 7 tháng 5, khi đoàn tàu gần đến hải phận Phi, Ngoại Trưởng Phi dọa sẽ 'bắt giữ' đoàn chiến hạm. Tuy nhiên, khi Đại sứ HK tại Phi bàn đến số phận của gần 30 ngàn người tỵ nạn trên các tàu sẽ là một 'gánh nặng' mà Phi chưa bao giờ nghĩ tới và cũng chưa sửa soạn để đối phó thì Ngoại Trưởng Romulo đành chấp nhận giải pháp là Hạm Đội HQ/ VNCH phải bàn giao lại cho Hải Quân Hoa Kỳ. Đồng thời, hạm đội trước khi vào lãnh hải Phi, sẽ phải vứt bỏ đạn dược, xóa bỏ tên và số hiệu của từng chiến hạm, thay thế Quốc kỳ VNCH bằng Quốc kỳ Hoa Kỳ.

12 giờ trưa 7 tháng 5, những buổi lễ 'hạ kỳ' đã được

tổ chức rất trang trọng nhưng thật buồn thảm trên từng chiến hạm VNCH. Tất cả mọi người đều bùi ngùi khóc thương tiếc!

Nếu Quốc tế công pháp xác nhận, "Chiến hạm là lãnh thổ quốc gia" thì "VNCH đã tồn tại cho đến trưa ngày 7 tháng 5 năm 1975." Thật vậy, Hạm đội HQ/ VNCH đã hoàn thành nhiệm vụ di tản trên 30 ngàn quân dân đến bến bờ tự do thật kỷ cương, toàn hảo. Phải hãnh diện mà nói rằng, trong Hải Sử Hải Quân thế giới, chưa bao giờ có một hạm

Chuyến hải hành cuối cùng của Hải Vận Hạm Lam Giang HQ 402, 1975.

đội hải hành di tản mà vẫn giữ được đội hình nghiêm chỉnh khi nỗi tuyệt vọng mất nước đã trở thành hiện thực.

Ngày 8 tháng 5 tại Subic Bay, do một bức ảnh chụp chung với vị tư lệnh Hải Quân Hoa kỳ đầu tiên tại Việt Nam, Đề Đốc Norvell Gardiner Ward (khi tôi làm CHT Duyên Đoàn 26 tại vịnh Cam Ranh năm 1965), gia đình tôi được đưa thẳng đến Hoa Kỳ via Wake Island, thay vì phải đi Guam. Phi cơ Hải Quân chở chúng tôi, những người tỵ nạn VN đầu tiên, đáp xuống đảo Wake để làm thủ tục nhập cảnh. Dù đây chỉ là một hòn đảo rất nhỏ, nhô lên giữa biển trời bao la nhưng nó mang biểu tượng một sự chiến thắng thật vinh quang của

Hải Quân và TQLC Hoa kỳ trên Thái Bình Dương vào thời kỳ Đệ nhị Thế chiến, nhất quyết buộc quân Nhật đầu hàng trên hải đảo để lấy lại phần lãnh thổ của Hoa Kỳ đã bị mất trong tay quân phiệt từ năm 1941.

Tưởng cũng nên nhắc lại một chút lịch sử về đảo Wake này như là một bài học qúy giá cho con cháu chúng ta sau nầy để noi gương những anh hùng Hoa Kỳ thời đó, nhất định phải lấy lại Hoàng Sa đã do bọn bành trướng Trung Cộng xâm chiếm ngày 19 tháng 1 năm 1974.

Đảo Wake là một trong những hòn đảo bị quân Nhật đánh bom, giết chết hàng trăm TQLC và Hải Quân Mỹ trong đợt không kích trên bình diện rộng lớn cùng lúc với vụ tấn công Trân Châu Cảng. Ngày 7 tháng 12 năm 1941, Hải Quân Nhật đưa quân sang xâm lược. Ngày 23 tháng 12, quân Nhật đã chiếm được toàn đảo nhờ hỗ trợ lớn lao của những phi cơ khu trục xuất phát từ hàng không mẫu hạm trở về từ Trân Châu Cảng. Hòn đảo chịu sự chiếm đóng của quân đội Nhật cho đến cuối Đê Nhi Thế Chiến.

Đề Đốc Shigematsu Sakaibara, chỉ huy Hải Đội Nhật Bản, đã ra lệnh bắn chết 96 tù nhân chiến tranh của phe Đồng Minh ngay trên đảo . Không Quân, Hải Quân Mỹ nhiều lần dội bom, nhưng không hề hấn gì. Mỹ đổi chiến thuật không chiếm lại ngay nhưng dùng chiến lược ngăn chặn quân Nhật tiếp viện. Quân trú phòng dần dần bị bệnh hoạn, chết đói trên 1,300 và 600 quân Nhật thiệt mạng do không kích của Mỹ. Ngày 4 tháng 9 năm 1945, TQLC Mỹ đổ bộ lên đảo và quân Nhật trên đảo đành phải đầu hàng cùng với Đề Đốc Sakaibara . Sau này, Đề Đốc Sakaibara bi xét xử vì tội ác chiến tranh và bi hành quyết vào năm 1947.

Khi chiếc phản lực cơ nhỏ của Hải quân Hoa Kỳ đáp xuống phi đạo có tầm ngắn này của đảo Wake, chúng tôi biết chắc chắn rằng chúng tôi đã đến một miền đất thực sự của tự do, thật sự đã vượt thoát một nhà tù khổng lồ đang đổ trùm

lên Miền Nam và Sài Gòn yêu dấu của chúng ta. Xe tăng của Bắc Quân giờ này chắc chắn đang cày nát những con đường đẹp đầy cây cao bóng mát của Thủ đô của một thời, ghi dấu tình thương yêu đùm bọc lẫn nhau của Quân dân Miền Nam.

Tôi đã quỳ xuống trên phi đạo thật lâu mà hai bên vẫn còn cỏ tranh chưa được cắt xén, trong khi sóng biển như đang gào thét và những cơn gió mặn thổi từng đợt cát trắng tung bay mù mịt. Trước mặt tôi là Thái Bình Dương bao la, nhưng cuối đại dương này là đất nước Miền Nam không biết sẽ đi về đâu? Quân dân Miền Nam kẹt lại sẽ ra sao? Gia đình, bạn bè thân thuộc của biết bao người vẫn còn ở đó, những Huynh Đệ Trường Võ Bị Quốc Gia đã một thời chinh chiến cố bảo vệ cho một Miền Nam được tự do chắc chắn sẽ bị trả thù! Thật tội nghiệp cho đất nước tôi.

Lúc đó, tôi chỉ còn biết gục đầu xuống, cảm thấy mình thật sự đang khóc. Khóc để tang cho một quê hương vừa bị cưỡng chiếm , khóc để tang cho một Sài Gòn bị xóa tên **và khóc để tang cho một hạm đội của một thời tung hoành lướt sóng vừa mới biến mất, vĩnh viễn không còn trên đại dương!**

Hoa Thịnh Đốn, mùa Xuân 2020
(sắp vào tháng Tư).

Bến Thế - Bình Dương "Ngưng Băn Da Beo"

Lê Đắc Lực

Hiệp định Paris có hiệu lực lúc 8 giờ sáng ngày 28 tháng 1 năm 1973, nhưng chưa đầy nửa năm Việt Cộng vi phạm rất nhiều nơi, ở tất cả 4 vùng Chiến Thuật.

Đây là cuộc ngưng bắn lạ kỳ. Ai ở đâu ở đó, không có ranh giới vạch ra bên nầy bên kia để rút quân lui, thành ra khu vực chiếm lĩnh mỗi bên loang lổ như hình da beo. Người ta gọi *"ngưng bắn da beo"* là vậy.

Kiểu ngưng bắn như thế nầy chỉ làm lợi cho phe nào muốn vi phạm. Phía ta, thì tôn trọng Hiệp Định đình chiến tuyệt đối, chỉ muốn ở yên cho xong. Đem quân đánh lấn vùng địch đang tạm chiếm, rất nhiều khi không được khen mà lại còn bị lãnh củ, bị phạt oan uổng, bị phê phán là lòng nhiệt tình đối với Đất Nước thể hiện không đúng lúc, không đúng chỗ.

Việt Cộng thì khác. Ngay từ đầu, chúng đã có chủ trương vi phạm hiệp định, mục đích là giành dân lấn đất, gây khó khăn cho Chính Phủ và Quân Đội VNCH. Trong cái khó khăn đó, có đơn vị tôi gánh chịu.

Vào ngày 01 tháng 8 năm 1970, binh chủng Lực Lượng

Đặc Biệt giải tán. Trung Tâm Huấn Luyện Hành Quân Delta và Tiểu Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù sát nhập lại trở thành Liên Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù, Chỉ Huy Trưởng là Trung Tá Phan Văn Huấn.

Trải qua nhiều đại đội, tôi tham dự rất nhiều trận đánh như: Khe Sanh, Ashau, An Lão, Dakto, Tam Biên, Bình Long trong chức vụ đại đội phó. Cho mãi đến tháng 6 năm 1972, tôi mới được bổ nhiệm là Đại Đội Trưởng Đại Đội 4 Biệt Cách Nhảy Dù thay thế Đại Úy Đào Minh Hùng.

Kể từ đó, Đại Đội 4 đã quân hành trên vạn nẻo đường Đất Nước, trước hiểm họa khủng bố, lấn chiếm, xâm lăng của bọn giặc cộng và Mặt trận Giải phóng Miền Nam, một công cụ của bọn chúng.

* * *

Mùa Xuân năm 1973, khoảng tháng hai, Đại Đội vừa hành quân truy lùng địch trong vùng phía Bắc Quận Tân Uyên, thuộc Chiến khu D trở về, đang trong thời gian nghỉ dưỡng quân, huấn luyện, đồng thời ứng chiến ở Căn Cứ Hành Quân, đóng tại Trung Tâm Huấn Luyện Quân Khuyển của Quân Đội Hoa Kỳ đã bỏ lại ở Suối Máu, sát cạnh Phi Trường Biên Hòa về hướng Tây Bắc, thì được lệnh của Đại Tá Chỉ Huy Trưởng Phan Văn Huấn chỉ thị hai Đại Đội 4 và Đại Đội 1 sẵn sàng tham chiến.

Ở Xã Bến Thế thuộc Quận Tân An, Tỉnh Bình Dương, Việt Cộng đã đưa quân chiếm cứ và đóng chốt tại các vùng ngoại vi của Xã đã gần một tháng nay.

Bình Dương nằm sát nách Saigon, khoảng 32 cây số, là nơi từ trước đến giờ địch thường tập trung quân ở các vùng Bến Cát, Rạch Bắp, hay trong khu rừng Cù Mi để pháo kích, tấn công, uy hiếp tỉnh nầy và các quận, xã ngoại ô Tây Bắc Saigon.

Cũng với ý định giành dân, lấn đất theo đúng chủ trương

của chúng, chúng đã ngoan cố tấn công, bám trụ xã Bến Thế nầy. Một tiểu đoàn Bộ Binh của Sư Đoàn 5 cố đánh bật chúng ra mà không đánh được. Bộ Tư lệnh Quân Đoàn III đã phải điều động Tiểu Đoàn 52 Biệt Động Quân thay thế, cũng không cải thiện được tình hình. Bây giờ tới phiên hai Đại Đội Biệt Cách Nhảy Dù chúng tôi.

Bộ Tư lệnh Quân Đoàn III trình với Bộ Tổng Tham Mưu, yêu cầu đích danh Liên Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù hành quân giải tỏa vùng nầy. Vậy là Đại Đội 1 của Đại Úy Nguyễn Ích Đoan và Đại Đội 4 của tôi nhận lệnh lên đường.

Đoàn xe GMC chở hai Đại Đội rời Căn cứ Hành Quân ở Suối Máu, hướng về thị xã Bình Dương. Xe chạy vượt quá thị xã trên Quốc Lộ 13 chừng 2 cây số, rẽ vào trái, đi ngang qua xã Tương Bình Hiệp, tiếp tục khoảng 2 cây số nữa là cuối đường lộ đất thì đến Chợ Nhỏ, Xã Bến Thế.

Chợ Nhỏ nằm chắn ngang ngay ngã ba đường. Giữa ngã ba đường có một quán bán hũ tiếu bình dân của Ông Chín Hương, đâu sau lưng quán hủ tiếu là quán cà phê vợt của Chị Ba. Chợ Nhỏ nằm dưới cái lõm đáy của ngã ba con lộ. Đã gọi là Chợ Nhỏ thì không lớn bao giờ. Chợ chỉ nhóm họp từ sáng sớm tới 10 giờ trưa. Tại Xã Bến Thế có vào khoảng 9, 10 lò đường thủ công, nên mặt hàng buôn bán, trao đổi chủ yếu là đường thẻ, đường cát vàng, ngoài ra là những nhu yếu phẩm và đồ gia dụng.

Từ Chợ Nhỏ Bến Thế về hướng Tây-Bắc trên 10 cây số là Rạch Bắp, Bến Cát. Đi tuốt lên nữa là Dầu Tiếng, những địa danh, nơi chốn mà Việt cộng thường hoạt động và đã giao tranh dữ dội với Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa.

Bàn giao tuyến phòng thủ từ một Tiểu Đoàn Bộ Binh của Sư Đoàn 5, đang trấn giữ mặt Bắc Chợ Nhỏ. Một Sĩ Quan nói với tôi:

- "*Mục tiêu này khó nuốt lắm đa, Đại Úy! Bọn chúng cứ ẩn núp trong vườn, ngoài ngõ, chả biết nhiều hay ít, mà hễ tụi*

này tiến lên là nó bắn rát quá, nên cứ án binh tại chỗ.”

Tôi không có ý kiến vì chưa nắm vững tình hình, không nói hay được.

Dàn trải đại đội thành hàng ngang, kéo dài trên con đường đất nhỏ từ chợ vào sâu bên trong các lò nấu đường, gần giáp mé con rạch về hướng Tây. Vừa đồng loạt vượt tuyến phòng thủ, băng qua các thửa ruộng khô, tiến lên hướng Bắc chừng 100 mét, thì bị bọn chúng quấy rối liền. Chúng bắn chóc chóc

bằng AK.47, CKC từ khắp các phía. Hạ Sĩ Chánh khinh binh, bị trúng đạn ở bả vai, không nặng lắm, nhưng phải tải thương. Tôi ra lệnh án binh, đào hầm, phòng thủ tại chỗ.

Để nắm rỏ địa thế trong hai khu vực trách nhiệm, sáng hôm sau tôi và Đại Úy Đoan xin trực thăng, bay một vòng quan sát.

Trở về, Đại Úy Đoan và tôi cùng có chung nhận xét:

- “Địa thế trống trải, cây cối vườn tược lưa thưa, nhà dân cách nhau khá xa. Tấn công trực diện vào ban ngày rất dễ bị lộ, địch có thể phục kích, bắn sẻ. Cách tốt nhứt là áp dụng sở trường đánh đêm.”

Nói xong hai tiếng đánh đêm, tôi và Đại Úy Đoan nhìn nhau cùng cười, đắc ý.

Trình kế hoạch và xin chỉ thị, chúng tôi được Đại Tá Chỉ Huy Trưởng Phan Văn Huấn chấp thuận. Vậy là, ngay trong đêm nay, không chần chờ, hai đại đội, hai cánh quân, phía bên Tây, phía bên Đông sẽ xuất phát.

Chờ đêm xuống, tôi đưa bốn toán Khinh Binh Tiền Sát đi trước, lần từng bước, từng gốc cây, khu vườn, từng nhà, tiến dần lên hướng Bắc, hướng đi lên Bến Cát, Rạch Bắp. Các trung đội tiếp bước đàng sau, khoảng cách luôn luôn là 100 mét, không gần quá, dễ bị động, không xa quá, không phản ứng kịp. Cứ thế, hai đại đội hai mặt, tiến gần suốt đêm, trên cả cây số mà không thấy động tĩnh gì, không thấy địch đâu cả. Tôi suy đoán, có thể ban đêm chúng nó tập trung lại, ban ngày mới bung ra lập chốt.

Gần sáng, đại đội đi qua một bờ đất, sát một thửa ruộng khô, rộng chừng một mẫu, có hai dãy tre cao bao kín chung quanh. Tre trồng theo từng hàng dài, loại tre thân nhỏ, không phải để làm nhà mà làm cán cuốc, xẻng, cán dao hay gậy gộc, gân giông như tre tâm vông. Tôi cho lệnh các trung đội, tản vào hai bên các dãy tre, bố trí nghỉ ngơi, sau một đêm thức ròng từ khi trời mới tối đến giờ.

Nhưng, thật quá bất ngờ, Trung Sĩ Kờ-Phong, Tiểu Đội Trưởng của Trung Đội 2, trong lúc đào hố phòng thủ phía bên trong hai dãy tre, thì bỗng bị tuột chân vào một cái miệng hố, trên mặt phủ đầy rơm rạ.

Kinh nghiệm của một người sắc tộc miền thượng du, và là một Chiến Sĩ Biệt Cách Dù lão luyện, Trung Sĩ Kờ-Phong biết ngay đó là một cái cửa hầm. Kờ-Phong la lớn:

- *"Hầm Việt Cộng, hầm Việt Cộng!"*

Cùng lúc Kờ-Phong trườn ra khỏi hố, chạy tháo lui về phía đồng đội. Các Trung Đội vẫn giữ nguyên vị trí, khu vực đã phòng thủ, riêng Trung Đội 2 được tôi điều động tiến gần tới mục tiêu. Thiếu Úy Lại Đình Hợi, Trung Đội Trưởng quạt một tràng đạn XM.16 vào miệng hố rồi quát to: - *"Có đứa nào bên*

dưới, lên ngay không thì chết!"

Xong, anh vụt một quả lựu đạn M.26, tiếp theo là mấy trái lựu đạn khói xuống hầm.

Khoảng chừng năm mười phút sau, từ dưới hầm có tiếng dội lên:

- *"Tôi hàng! Tôi xin hàng."*

Một đơn vị Biệt Cách Dù đang chờ "nhảy" trực thăng vận, vào lòng địch.

Vậy là có 6 tên Việt cộng lần lượt trèo lên, trong đám khói màu trắng, đỏ đan quyện vào nhau và lan tỏa dần vào ánh sương mai. Cả 6 tên bị trói lại và hỏi cung ngay tại chỗ.

Căn hầm nằm gọn trong hai dãy hàng tre, dài 20 mét, rộng 4 mét. Lục soát, phát giác bốn xác chết vì lựu đạn, cạnh đó có kê bốn dãy giường tre, và hai dãy kệ lót bằng phên nứa, chứa đựng một số ít thuốc men và các y cụ. Đây là một Trạm Xá của bọn chúng.

Bằng với kinh nghiệm từng trải chiến trường, tôi lệnh cho Trung Úy Mã Thế Kiệt, Đại Đội Phó cho các trung đội bung ra, lục soát dọc theo bên trong hai dãy bụi tre.

Quả nhiên, chúng tôi phát giác thêm hai hầm khác kế cận, tiêu diệt thêm 4 tên và bắt sống 5 tên, tịch thu một số vũ khí, đạn dược bao gồm: AK.47, CKC, Trung Liên nồi, và vài ba bao chứa gạo, thực phẩm.

Riêng về Đại Đội 1 do Đại Úy Nguyễn Ích Đoan chỉ huy, trong phạm vi trách nhiệm đã tổ chức phục kích, hạ sát 5 tên giặc Cộng giao liên, có lẽ đang trên đường trở lại căn cứ của chúng về hướng Băc.

Cuộc hành quân nầy không chỉ có hai Đại Đội 4 và 1 đảm nhận, mà còn được thêm một lực lượng nhỏ hợp tác. Đó là Trung Đội Nghĩa Quân do Xã Mộc chỉ huy. Xã Mộc là Xã Trưởng Xã Bến Thế, một chiến sĩ sát Cộng dữ dội, rất can đảm và hết lòng với xã ấp và đồng bào.

Phối hợp với Trung Đội Nghĩa Quân gồm hầu hết là dân địa phương, chúng tôi có nhiều điều lợi: Họ rành rẽ địa thế, đường đi nước bước, nắm vững rành rọt nhà nào theo Việt cộng, nhà nào không. Trong số họ, cũng có một vài Hồi Chánh Viên. Họ quá thông thuộc lối đánh và thói quen của địch, nên đã góp nhiều ý kiến hữu dụng đưa đến thành công này.

Sau khi tịch thu được chiến lợi phẩm chuyển lên mặt đất, trong đó có hai ba thùng thuốc men đủ loại, tôi không khỏi suy nghĩ. Số thuốc nầy phần lớn sản xuất tại Saigon, một vài thứ là thuốc nhập cảng, không thể giao liên mua mà có nhiều được. Giao liên chỉ mua được số lượng lẻ tẻ, ít ỏi, mua nhiều sẽ bị lộ.

Vậy thì thuốc ở đâu mà địch dự trữ ở đây. Ai bán cho địch? Ai đâm sau lưng chúng tôi? Tôi không tàn nhẫn đến mức độ muốn cho bọn địch bị bệnh hay bị thương mà không có thuốc, tôi chỉ nghĩ đến những ai đang sống yên ổn ở Saigon, ở các thành phố lớn, vì ham lợi mà bỏ quên những người lính đang xông pha trận chiến hằng ngày, hằng đêm như chúng tôi mà thôi.

Coi như chỉ trong vòng hai ngày hai đêm, hai Đại Đội 4 và 1 đã diệt sạch gọn đám giặc cộng thổ phỉ, đã gây bất an cho xã

Bến Thế từ bấy lâu nay.

Trên đường rút về Chợ Nhỏ, đồng bào đổ ra đứng hai bên đường hoan hô và tặng đủ thứ quà bánh, trái cây. Ở đây, không có Cô Học Sinh tha thướt áo dài trắng, choàng vòng hoa lên cổ, mà chỉ có những Cô Thôn Nữ, áo bà ba vui mừng, vừa đưa tay vẫy chào chúng tôi, vừa cúi đầu mắc cỡ.

Tình Quân Dân như người ta thường nói, thể hiện trong dân chúng và chúng tôi một cách rõ ràng. Hòa bình rồi, đồng bào muốn yên ổn làm ăn, không còn muốn súng đạn. Sau những ngày Cộng quân lấn đất giành dân, chúng tôi đã đem lại sự an bình cho mọi người.

* * *

Sáng hôm sau, trong khuôn viên của Trụ Sở Xã Bến Thế, Trung Tướng Nguyễn Văn Minh, Tư Lệnh Quân Đoàn III, Quân Khu III, có Đại Tá Chỉ Huy Trưởng Phan Văn Huấn tháp tùng, đã đáp trực thăng xuống để ban thưởng huy chương cho các chiến sĩ Biệt Cách Nhảy Dù cùng Xã Trưởng Mộc và Trung Đội Nghĩa Quân. Tôi đứng thế nghiêm, chào tay, Trung Tướng Tư Lệnh bước tới gần, gắn lên ngực áo tôi tấm huy chương Anh Dũng Bội Tinh với Ngôi Sao Vàng. /.

Vài Nét Về
Khóa 20 - Nguyễn Công Trứ *

Võ Nhẫn K20.

(Tiếp theo)

Cuối tháng 11 năm 1964, các SVSQ Khóa 19 mãn khóa, Khóa 20 hân hoan bước sang năm thứ 2 với mùa Quân Sự bắt đầu. Khóa được chia làm hai, một nửa thực tập chỉ huy qua việc huấn luyện Tân Khóa Sinh Khóa 21, nửa còn lại học chương trình huấn luyện quân sự. Sau một tháng, hai toán lại hoán chuyển nhau. Toán đã huấn luyện TKS sẽ theo học huấn luyện quân sự và ngược lại. Với nhiệm vụ huấn luyện các khóa sinh dân sự quen với lối sống và trang bị kiến thức quân sự đầu đời binh nghiệp để thành những người lính hiện dịch của QLVNCH, Khóa 20 lại trở thành "hung thần" của Tân Khóa Sinh Khóa 21. Sau hai tháng huấn luyện, với nhiệt tình

trách nhiệm và kiến thức thu nhận từ năm trước, Khóa 20 đã hoàn tất nhiệm vụ. Sau khi lên SVSQ, Khóa 21 đã sẵn sàng kiến thức, thể chất và nghị lực của một quân nhân hiện dịch.

Việc huấn luyện quân sự vào năm thứ hai tập trung vào chiến thuật nhị thức bộ binh thiết giáp, phòng thủ, tấn công làng Việt Cộng, hành quân trực thăng vận cấp đại đội, cùng chiến thuật chống trả các chiến thuật của cộng quân như du kích chiên, công đồn đả viện, phục kích độn thổ. Về vũ khí, các SVSQ được học về các loại vũ khí nặng như súng cối 81 ly, 75 ly không giật, cách gọi và điều chỉnh pháo binh tác xạ. Riêng môn lãnh đạo, chỉ huy được giảng dậy hàng tuần suốt hai năm, kể cả trong mùa văn hóa.

Giữa tháng 3 năm 1965, mùa văn hóa năm thứ hai bắt đầu. Với chương trình học của năm thứ hai đại học dân sự, khóa học toán trong các phòng học khang trang và đầy đủ tiện nghi… Về hóa học, vật lý thì họ vào các phòng thí nghiệm hóa học, vật lý... Về khoa học nhân văn (sinh ngữ, sách lược đâu tranh của Cộng Sản, tâm lý đám đông, tổ chức biểu tình, giao thiệp…) Về thể chất, ngoài việc chạy bộ mỗi buổi sáng, còn có các môn huấn luyện đánh kiếm, Thái Cực Đạo, bóng đá, cỡi ngựa… Nhằm chuẩn bị thể chất cho SVSQ thụ huấn khóa Rừng Núi Sình Lầy ở Trung Tâm Huấn Luyện Biệt Động Quân Dục Mỹ, từ đầu tháng 9/1965 cứ sau 4 giờ chiều, cả khóa phải chạy bộ khoảng 10 cây số với đầy đủ súng, đạn, mũ sắt.

Sau 2 năm trui rèn trong quân trường, Khóa 20 tốt nghiệp ngày 20 tháng 11 năm 1963. Cuộc chiến đang chuyển sang một giai đoạn mới. Tất cả 405 thiếu úy vừa tốt nghiệp đều được bổ sung cho đơn vị tác chiến thuộc các binh chủng của Lục Quân, như sau:

- Nhảy Dù: 50 tân thiếu úy.
- Thủy Quân Lục Chiến: 25 tân thiếu úy.
- Biệt Động Quân: 48 tân thiếu úy.

- Lực Lượng Đặc Biệt: 7 tân thiếu úy.
- Thám Kích Quân Đoàn II: 10 tân thiếu úy.
- Các Sư Đoàn/ Trung Đoàn Biệt Lập/ Bộ Binh: 265 tân thiếu úy.

Chúng tôi hân hoan, vui vẻ được chọn các đơn vị tác chiến nhưng không phải ai cũng thỏa mãn trọn vẹn những ước mộng tuổi thanh xuân, vì Bộ Tổng Tham Mưu chỉ phân phối số lượng tân sĩ quan giới hạn theo nhu câu của các đơn vị. Do đó, một số tân sĩ quan không chọn được các binh chủng tổng trừ bị của Quân Lực theo mơ ước mà họ hằng ấp ủ.

Hôm sau, trong lễ mãn khóa, Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu, xuất thân Khóa 1, Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia, chủ tọa buổi lễ, đã đặt tên cho khóa của chúng tôi là: Khóa NGUYỄN CÔNG TRỨ.

Bữa tiệc mãn khóa trang trọng vào buổi tối vừa chấm dứt, chúng tôi lại vội vàng thay bộ đại lễ bằng quân phục tác chiến, sẵn sàng lên đường về Trung Tâm Huấn Luyện Biệt Động Quân, Dục Mỹ. Nơi đây, Khóa "*Hành Quân Biệt Động Rừng Núi Sình Lầy*" kéo dài 6 tuần lễ đang chờ đón, trước khi chúng tôi được gửi đi các đơn vị chiến đấu.

Khi đoàn xe chuyển bánh rời Trường Mẹ, tâm hồn của tôi nôn nao, bồn chồn khó tả. Ôi, chúng tôi đang xa mái trường thân yêu! Mai đây, bạn bè thân yêu của chúng tôi cùng nhau xung pha vào lửa đạn. Ra khỏi cổng trường, những kỷ niệm của ngày nhập học lại trở về, khuấy động tâm trí của chúng tôi. Hình ảnh của Cựu SVSQ Phạm Hiệp Sĩ K19, vị Tiểu Đoàn Trưởng Tân Khóa Sinh đầu tiên oai phong nhưng cũng đầy lòng nhân ái chào mừng ngày nhập trường vân nguyên vẹn trong tâm tư, tình cảm của chúng tôi.

Thời gian hai năm đã trôi qua! Chúng tôi đã trưởng thành. Sau cổng trường kia là cả một thế giới "riêng tư" đầy bí ẩn! Chỉ có những sĩ quan xuất thân từ nơi này mới có cảm giác sâu thẳm, kỳ bí đó! Nơi đây đã để lại bao kỷ niệm, dấu ấn đậm nét

mà họ luôn ghi nhớ lẫn tự hào suốt đời binh nghiệp. Chính kỷ niệm này đã làm cho họ gắn bó, thương yêu nhau trong suốt thời gian cùng nhau chiến đấu và mãi tận sau này.

Xa dần thành phố sương mù, đoàn xe đến phi trường Cam Ly. Trở lại với thực tại, tôi chợt nhớ ra Khóa 20 đang trên đường về "*trung tâm tàn phá sắc đẹp*", mà nơi đây có lúc các khóa sinh phải dầm mình dưới sình lầy cả tuần lễ... Chúng tôi đã được Bộ Chỉ Huy Trường đã chuẩn bị tinh thần lẫn thể chất đủ để chúng tôi sẽ vượt qua những thử thách này.

Vừa khai giảng được hơn một tuần, các tân thiếu úy thuộc Sư Đoàn 5 Bộ Binh được lệnh về trình diện đơn vị vì cần thêm sĩ quan chỉ huy ngay. Sau đó không lâu, đầu tháng 1 năm 1966, khi đang còn thụ huấn ở căn cứ Sình Lầy, chúng tôi bàng hoàng nhận được hung tin Thiếu Úy Đỗ Bá, tử sĩ đầu tiên của khóa, đã anh dũng hy sinh tại chiến trường Bình Dương. Lợi dụng địa thế và cạnh hậu cứ miền Bắc, Cộng quân thường tổ chức những trận đánh lớn, quy mô cấp sư đoàn ở vùng hỏa tuyến. Do đó, Bộ Tổng Tham Mưu thường tăng cường cho nơi đây các tiểu đoàn Biệt Động Quân và các đơn vị Tổng Trừ Bị của Quân Lực như Sư Đoàn Nhảy Dù, hoặc Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến.

Từ ngày tốt nghiệp cho đến ngày tháng Tư Đen 1975, từ vùng địa đầu giới tuyến cho đến tận Cà Mâu, gần như nơi nào cũng có những sĩ quan xuất thân từ Khóa 20 hiện diện. Chiến tranh nào mà không có tổn thất, vì thế số tử sĩ của khóa cũng tăng lên theo thời gian.

Nguyễn Xuân Thọ, Nguyễn Tâm Hồng, Lê Phước Cương, Thuận Văn Chàng, Nguyên Xuân Hòa … đã vị quốc vong thân. Dương Đông Hải, Phạm Văn Hồng, Trương Ngọc Toàn, Nguyễn Thanh Đức, Trần Hửu Bảo… cũng đã để lại một phần máu, xương lẫn da thịt trên chiến trường hỏa tuyến.

Những sĩ quan tốt nghiệp Khóa 20 đã tham dự các cuộc hành quân Lam Sơn 719, truy lùng Cộng quân sang tận đất

Lào hoặc giải vây cổ thành Quảng Trị. Nào là Lê Trực, Hà Thúc Mẫn, Hoàng Mão, Trương Ngọc Sáng … của Sư Đoàn 1 Bộ Binh cùng các đồng môn của Sư Đoàn Nhảy Dù như Nguyễn Văn Nghiêm, Trần Công Hạnh, Trần Tấn Hòa … các chiến hữu Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến như Phạm Cang, Lê Quang Liễn, Nguyễn Văn Sử, Phạm Văn Tiền, Nguyễn Cao Nghiêm … cùng với những người lính Mũ Nâu Lại Thế Thiết, Quách Thưởng, Đỗ Đức Chiến, Nguyễn Cảnh Nguyên… truy lùng địch ở chiến trường A Sao, A Lưới, Cồn Tiên, Ái Tử đến tận dòng sông Bến Hải, vượt biên giới, vào tận hậu cứ của Cộng quân trên đất Lào hoặc chiếm lại cổ thành Quảng Trị "đêm qua bằng máu"!

Xuôi Nam, qua khỏi đèo Hải Vân lại thêm các sĩ quan tốt nghiệp K20 đã trả nợ núi sông bằng cả máu xương của mình. Nào là Nguyễn Hữu Thận, Phan Độ, Trương Đình Bảy, Phùng Văn Lộ, Nguyễn Tấn Phúc, Nguyễn Tấn Cử, Hồ Tiếc Cường... Họ đã vĩnh viễn xa lìa thân nhân, bạn bè mà tâm hồn họ thật thanh thản như họ đã hằng ước nguyện, "*Chúng tôi không cầu an lạc dễ dàng, mà chỉ khát khao gió mưa cùng nguy hiểm*" trên Vũ Đình Trường Lê Lợi trước ngày mãn khóa.

Khi những ngày đen tối của dân tộc ập đến, trên "*pháp trường cát Thuận An*", những chiến binh mũ xanh xuất thân từ Khóa 20 như Phạm Cang, Nguyễn Văn Sử, Phạm Văn Tiền, Lê Quang Liễn… cũng một lòng, một dạ, đồng cam, cộng khổ với đồng bào lẫn chiến hửu của mình.

Ngay dưới họng súng của quân thù hay trong lao tù của cộng nô, họ vẫn một lòng sắt son với Tổ Quốc. Khi nhận xét về người lính chiến của Khóa 20, nhà văn quân đội, Thiếu Tá Tô Văn Cấp, K19 đã viết:

"Khóa 20: Nể... Phải nói thực rằng trong tất cả các khóa xuất thân từ Trường Võ Bị về Thủy Quân Lục Chiến thì Khóa 16 và Khóa 20 thành công nhất. Cả hai đều tiến đồng đều và nhìn từ bên ngoài thì cả hai khóa đều đoàn kết và cùng dìu

nhau tiến bước...” (trang 55, 56 của Đặc San 3, Nguyễn Công Trứ).

Vô cùng tiếc thương và luôn ghi nhớ gương hy sinh cao quý, đầy dũng cảm của các tử sĩ trên khắp các chiến trường, chúng tôi vẫn thường xuyên liên lạc, an ủi cùng giúp đỡ các cô nhi, quả phụ, tổ phụ… của khóa, nhất là những gia đình kém may mắn còn “kẹt” lại ở quê nhà mà gặp khó khăn, hoạn nạn. Khi vừa biết được sô điện thoại của tô phụ tử sĩ Nguyên Quôc Chính, đại diện Khóa đã:

”*...đã vội vàng gọi thăm cụ. Cụ mừng lắm khi nghe tôi tự giới thiệu tôi là Lê Tấn Tài, bạn cùng khóa với Chính, tại Trường VBQG Đà Lạt, từ Mỹ gọi về. Nghe vậy, cụ run run hỏi tôi:*

- Sao các con biết số điện thoại mà gọi cho bác vậy?

Bạn Tài nói tiếp:

- Bằng một giọng đầy nước mắt, cụ kể tất cả những tin tức từ năm sinh, tháng đẻ, ngày Chính tử trận, không thiêu một chi tiết nào dù năm nay cụ đã 96 tuổi và Chính “đã ra đi” năm 1967. Thế mới biết lòng mẹ thương con sâu đậm như thế nào. Giọng nói đầy tình cảm, tha thiết của một người mẹ nhắc đến những kỷ niệm về đứa con không còn nữa mới xúc động làm sao... nghe cụ nói mà cũng khóc theo cụ…” (Trích Đặc San số 3 Nguyễn Công Trứ, trang 273).

Ngay sau đó, ban đại diện khóa đã gởi về biếu cụ một chút ân tình. Cụ xúc động vô cùng khi nhận được một số tiền từ các bạn đồng môn của Chính nhưng Tình Đồng Khóa cũng như sự hy sinh thân xác của Chính mới thật bao la, tình mẹ thương con lại vô tận chẳng bao giờ đền đáp được. Chúng con là những anh em của Chính xin gởi món quà mọn để kính mừng tuổi thọ của Cụ.

Nhà văn mũ xanh Tô Văn Cấp còn viết tiếp:

”*Bất đắc dĩ, tôi phải nhắc lại thật vắn tắt hoàn cảnh của*

Lữ Đoàn 147 TQLC trên bờ biển Thuận An trong bài này vì trong đó có tới 4 sĩ quan Khóa 20 TQLC là cấp chỉ huy cao cấp đã đồng cam cộng khổ với nhau, với thuộc cấp và cùng bị bắt. Đó là:

- Phạm Cang, K20 Tiểu Đoàn Trưởng TĐ 7/ TQLC, xử lý thường vụ Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn 147/ TQLC.

- Nguyễn Văn Sử, K20 Tiểu Đoàn Trưởng TĐ 3/ TQLC.

- Phạm Văn Tiên, K20 Tiểu Đoàn Trưởng TĐ 5/ TQLC.

- Lê Quang Liễn, K20 Tiểu Đoàn Phó TĐ 7/ TQLC.

Chỉ nói "đồng cam cộng khổ" xuông mà không đưa ra một chứng minh cụ thể thì làm sao độc giả tin? Người viết không có mặt tại chỗ thì mượn lời một cấp chỉ huy nói về tinh thần của một thuộc cấp, một đồng môn. Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 7/TQLC Phạm Cang nói với tôi về tình đồng đội của Tiểu Đoàn Phó Lê Quang Liễn:

- Khi một tàu vào gần bờ để bốc các thương binh, tử sĩ, Liễn ôm xác người em trai ra tàu vừa kịp lúc tàu kéo "bửng" lên nên cả hai anh em Liên, người sông và người chết năm gọn trong tàu, "an toàn xa lộ". Vừa khi tàu lui ra thì Liễn liền trèo lên "bửng" tàu, nhảy xuống biển, bơi trở lại vào bờ để cùng Cang, cùng đồng đội tiếp tục chiến đấu và rồi cùng bị giặc bắt.

Gặp Liễn trong ngày đại hội kỷ niệm 46 năm, tôi hỏi Liễn:

- Động cơ nào làm Liễn nhảy xuống biển để trở lại với đồng đội?

- Không có gì ghê gớm đâu anh. Đơn giản là Tiểu Đoàn Trưởng Phạm Cang đang còn trên bờ, lính của tôi cũng còn trên bờ. Họ đang chống trả với địch quân trong tuyệt vọng, dù có tôi hay không cũng không thay đổi được tình thế. Nhưng nếu theo tàu thì sau này làm sao tôi dám ngước mặt nhìn đồng môn, đồng đội. Nếu giờ phút này mà ở hoàn cảnh như thế tôi vẫn lặp lại như vậy.

Anh Lê Quang Liễn đã vui vẻ trả lời."(Trang 67, Đặc San

số 3 Nguyễn Công Trứ).

Khi sa cơ thất thế, Liễn vẫn một lòng thủy chung với đồng đội. Trong lao tù, anh cùng đồng đội tổ chức đấu tranh chống lại sự dã man, tàn bạo của bọn cai ngục vào tháng 4 năm 1979 tại Trại 4 Bình Điền, Thừa Thiên. Anh đã bị biệt giam nhiều lần mà đơn vị thời gian biệt giam phải tính bằng năm. Anh được các tù nhân cùng trại kính nể, thương mến nên thân tình gọi anh là Liên Cùm. Anh là "*người tù lao động khổ sai 30/4/1975*" cuối cùng rời khỏi ngục tù Bình Điền.

Tình chiến hữu thật cao quý!

Lên tận miền cao nguyên nắng bụi, mưa bùn thì cũng có các sĩ quan, tốt nghiệp Khóa 20 – Khóa Nguyễn Công Trứ, đã anh dũng chiến đấu, cũng như hy sinh xương máu để tạo nên một Kontum Kiêu Hùng trong mùa Hè Đỏ Lửa. Họ thuộc Liên Đoàn 81 Biệt Kích Nhảy Dù hoặc Thám Kích của Quân Đoàn II đã âm thầm, lặng lẽ đi không ai biết, về chẳng ai hay, xâm nhập sâu vào vùng đất địch. Họ đến hay đi cũng không bao giờ được đê lại một dâu tích. Xong nhiệm vụ, họ lặng lẽ trở vê đơn vị. Nhiệm vụ của họ là thực hiện các cuộc "hành quân không tiếng súng", xâm nhập vào vùng đất địch, thu nhận tin tức, tìm hiểu các cơ sở hậu cứ, cùng những sinh hoạt của đối phương.

Báo cáo của họ là tiền đề cho các trận pháo kích, không tập vô cùng khốc liệt hoặc cuộc oanh kích của pháo đài bay B52 để đánh tan một đoàn xe của Cộng quân, một cơ sở hậu cứ, hoặc xóa hẳn tên cả một đại đơn vị địch quân. Họ đã âm thầm, lặng lẽ hy sinh vô cùng dũng cảm khi phải đối mặt với quân thù. Thân xác của họ đã nằm sâu trong rừng thẳm, không thân nhân, bạn bè tiên đưa, không vòng hoa phúng điêu, và cũng chẳng quan tài bao bọc thân xác, như những anh hùng vô danh! Cùng các bạn đồng khóa trên vùng đất đỏ, họ là Phạm Văn Thái, Nguyễn Văn Cội, Lê Quốc Toản; là Lê Thanh Phong, Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Đình Ngọ, Trần Công Bao… thuộc binh chủng Biệt Động Quân, đổ bao mồ hôi,

nước mắt lẫn máu xương để viết nên trang sử hào hùng cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Không thể không nhắc đến Nguyễn Văn Hùng đã phải xử dụng viên đạn cuối cùng (2) vào ngày 8 tháng 4 năm 1970 tại chiến trường Dak Seang, cao nguyên Trung Phần để bảo toàn tiết tháo của người trai Võ Bị. Tháng 6 năm 1973, Nguyễn Văn Cội, Trung Đoàn Phó, Trung Đoàn 42 thuộc Sư Đoàn 22 Bộ Binh cũng đã hy sinh tại đèo Phù Cũ trong cuộc triệt thoái của Quân Đoàn II, đầy oái ăm đã gieo bao tai ương cho cả một dân tộc.

Trịnh Trân, Tiểu Đoàn Trưởng, Tiểu Đoàn 34 Biệt Động Quân, mở đường cho cuộc hành quân triệt thoái của Quân Đoàn II/ Quân Khu 2, đã hoàn thành trách nhiệm như một phép lạ! Anh đã tấn công, chiếm giữ các cao điểm, bảo vệ an ninh trục lộ cho đoàn người di tản. Thế mà quân số của đơn vị anh vẫn được bảo toàn. Đến khi gặp Trung Đoàn SVSQ của Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam di tản, anh lại hân hoan nhận lãnh trách nhiệm yểm trợ, bảo vệ các khóa đàn em đến thị xã Bình Tuy bình an, vô sự.

Vương Mộng Long, Tiểu Đoàn Trưởng, Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân từ cao nguyên đã dẫn đơn vị băng rừng về đến Xuân Lộc, cùng với Sư Đoàn 18 Bộ Binh tạo nên những chiến công cuối cùng vang dội, lẫy lừng mà các ký giả phản chiến, lẫn các nhà quân sử nước ngoài phải ngạc nhiên, khâm phục.

Cũng trong cuộc triệt thoái đầy tang tóc này, chúng tôi đã mất liên lạc với người bạn cùng khóa là Phạm Văn Thái, Tiểu Đoàn Trưởng, Tiểu Đoàn 3/45 thuộc Sư Đoàn 23 Bộ Binh. Mãi đến 39 năm sau, cháu Phạm Thị Như Tâm hiện còn ở Việt Nam, người con gái độc nhất của bạn Thái mới liên lạc và cho chúng tôi biết thân phụ của cháu đã tuẫn tiết vào lúc 13 giờ, ngày 3 tháng 4 năm 1975 tại số nhà 100 đường Tự Do, Phan Rang, khi thân phụ của cháu được tin Nha Trang đã thất thủ.

Theo yêu cầu của cháu, chúng tôi đã phổ biến hình ảnh và

những tin tức trong cuốn lưu niệm để cháu nhận diện thân phụ của mình. Cháu đã vô cùng cảm động, thổ lộ:

"*Hôm nay, cháu nhận được hình ảnh cùng sự vinh danh ba cháu, cháu hạnh phúc không gì bằng. Ở thế giới bên kia, ba của cháu cũng vô cùng mãn nguyện.*" Cháu đã viết tiếp: "*… đó là điều ước mơ bao nhiêu năm nay của con, mỗi lần mở trang web của Tổng Hội để tìm một hình ảnh giống ba của con nhưng vô vọng…*" nay thì: "*…các bác đã đăng hình ảnh và tin tức của ba con trên trang mạng của Tổng Hội, con thật sự sung sướng và hạnh phúc đến dường nào. Mỗi ngày đi làm về, ngày nào con cũng mở trang TVBQGVN…*" (Trích Đặc San Nguyễn Công Trứ số 5, trang 279).

Sau một thời gian dài mất liên lạc, nên toàn thể bạn đồng khóa quyết định phải giúp đỡ gia đình cháu Như Tâm. Khi nhận được quà, cháu đã vội vàng phúc đáp:

"*…Hôm nay, thật ngẫu nhiên ngày sinh nhật của con 26/10, con đã nhận được món quà của các Bác trong gia đình Khóa 20 từ hải ngoại xa xôi với số tiền $2.600 (hai nghìn sáu trăm đô la). Con thật xúc động khi nhận số tiền trên. Từ nhỏ đến giờ, lần đầu tiên con nhận số tiền ngoại tệ lớn như vậy… Con sẽ cất giữ số tiền này vào những công việc thật cần thiết cho cuộc sống của con… Xin được cám ơn quý Bác đã tiếp sức cho con một nghị lực vô hình, cho con thêm một điểm tựa tinh thần… trong cuộc sống của con.*

Một lần nữa, con xin cám ơn tất cả quý Bác trong Tổng Hội và quý Bác Khóa 20 VBQGVN nơi hải ngoại." (Trích.)

Giả từ núi đồi trùng điệp cao nguyên xuống đồng bằng sông Cửu Long, đầm lầy mênh mông cùng những ruộng đồng bao la, cò bay thẳng cánh, họ cũng không quản ngại gian lao, nguy hiểm lao mình vào chiến trận. Những cánh chim non vừa rời tổ hơn một tháng đã vội lìa đàn. Cố Trung Úy Đỗ Bá "gãy cánh" trên chiến trường Bình Dương, người bạn đầu tiên "*phút chốc liệt vị đã trở nên người thiên cổ*" đành ngậm ngùi

xa lìa đồng đội và chiến trường mà anh hằng ấp ủ, ước mơ. Họ chỉ là những trung đội trưởng nhiệt tình, hăng say, và được hưởng những huyền thoại do các đàn anh "*lưu danh muôn thuở*" gầy dựng, nhưng lại thiếu kinh nghiệm chiến trường...

Sau hơn 8 tháng "xuống núi", Thiếu Úy Quách Vĩnh Trường được giữ chức Quyền Đại Đội Trưởng, Đại Đội 3, Tiểu Đoàn 4/12. Đêm 4 rạng ngày 5 tháng 9 năm 1966, lúc quyền đại đội trưởng đang họp giao nhiệm vụ cho các trung đội hoạt động đêm thì bị nội tuyến ném một quả lựu đạn vào giữa đám đông. Anh đã bình tĩnh, nhanh nhẹn lao người đến đá trái lựu đạn ra ngoài, cứu đồng đội. Nhưng chẳng may, quả lựu đạn đã nổ tung. Thiếu Úy Trường đã bị trọng thương. Nhiều mảnh của lựu đạn ghim sâu vào mặt, bụng và đã cướp đi một xương má bên phải, một bộ phận bên hông phải cùng một chân, tay lẫn bàn tay phải. Anh được ân thưởng Đệ Ngũ Đẳng Bảo Quốc Huân Chương kèm Anh Dũng Bội Tinh với Nhành Dương Liễu. Về bệnh viện Cộng Hòa chửa trị, Hội Đồng Giám Định Y Khoa xác định anh đã tàn phế 170%. Anh sống được là một phép lạ!

CSVSQ Quách Vĩnh Trường, người luôn chiến đấu vượt qua khỏi số phận, là một gương sáng đáng để chúng ta noi theo.*

Xuất viện, anh xin được tiếp tục sống cuộc đời quân ngũ. Được toại nguyện, vừa đi làm, anh cũng ghi danh vào Đại Học Luật Khoa Sài Gòn. Thế rồi, cô Bích Kiều, nữ sinh Luật Khoa, con nhà khá giả, người nhỏ nhắn, có đôi mắt trong sáng, thông minh lại đem lòng thương yêu anh. Bích Kiều hết sức yêu

thương, săn sóc anh một cách tận tình. Sau ngày nước mất, nhà tan, họ chịu bao nhiêu tủi nhục, lẫn đắng cay. Một năm sau ngày Quốc Hận, vượt qua bao gian lao, khó khăn lẫn dèm pha của kẽ thù, họ mới chính thức làm lễ cưới. Khi đến bến bờ tự do, bạn Trường đã tâm sự với một niên trưởng của mình:

"*Ở lại Sài Gòn, chúng em đã chịu bao nhiêu điều đắng cay, uất hận. Em vẫn dùng sức tàn để chống chọi với hoàn cảnh cay nghiệt. Em phải làm nhiêu nghề trong đó có nghề bán bánh mì, bánh chưng, bánh ngọt... trên khắp các nẻo đường trong cư xá Lữ Gia.*

Buổi chiều và tối, em cùng Bích Kiều chở bột về cho Trương Dưỡng, người bạn đồng Khóa 20 VBQG Đà Lạt với em.

Dưỡng bị liệt 2 chân. Vợ chồng, con cái Dưỡng xay bột, em lãnh phần đạp xe đi bán. Tuy sống kham khổ nhưng chúng em cảm thấy vui vì chúng em đã tận dụng khả năng của mình để tồn tại trong chế độ tàn ác Cộng Sản để sống một cách hiên ngang, trong sạch." (Trích, Đặc San 42 Năm tốt nghiệp, Khóa Nguyên Công Trứ, trang 231).

(Còn tiếp)

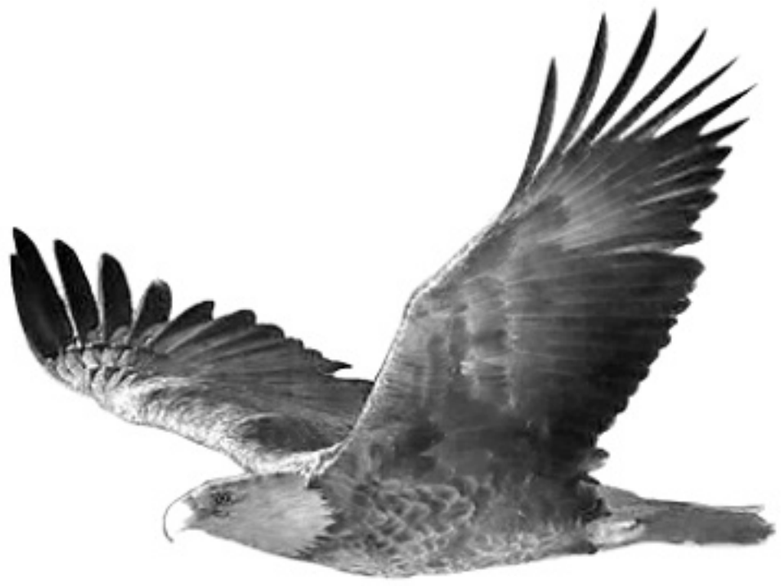

DÒNG SÔNG NGÀY ẤY

Vi Vân, K20/1.

Tôi choàng mở mắt khi nghe người tài xế xe đò lên tiếng báo hiệu:

- Tới cầu Cần Thơ rồi bà con ơi. Xe sắp đi vào thành phố, bà con chuẩn bị xuống xe.

Tôi nhìn ra khung cửa kính, một chiếc cầu cao, dài và to sừng sững trước mặt. Lâu lắm rồi mới trở về đây tôi ngỡ ngàng trước bao thay đổi. Ngày xưa nơi nầy là bến Bắc Cần Thơ mỗi ngày không biết có bao nhiêu chuyến phà đưa đón khách qua lại. Ngoài kia dòng sông Hậu vẫn rộng mênh mông bát ngát như ngày nào, những cơn sóng xô đuổi nhau từng đợt tạo nên một thứ âm thanh rầm rì quen thuộc. Xa xa thấp thoáng có bóng vài chiếc tàu Hải Quân, tàu buôn, tàu đưa khách ngược xuôi. Lơ lửng giữa khung trời bao la, từng đàn chim bay lượn dọc ngang, thoải mái an lành. Tôi chợt thấy như đâu đây còn phảng phất những hình bóng quen thuộc.
Bao kỷ niệm vui, buồn bỗng cuồn cuộn chảy về, kỷ niệm của một thời mà tôi ngỡ bụi thời gian đã vùi lấp từ lâu…

* * *

Một buổi chiều Thứ Bảy, mẹ bảo tôi mang cháo gà đến cư

xá Lữ Gia cho cậu Hiền vì nghe cậu đang bị bịnh. Tội nghiệp cô bé phải gồng lưng đạp xe mang cả một nồi cháo và cả gỏi gà của mẹ.

Cửa nhà cậu chỉ khép hờ, tôi bước nhẹ vào không dám gây tiếng động mạnh, sợ làm phiền cậu. Điều làm tôi ngạc nhiên là cậu chẳng có vẻ đau ốm gì cả, mà lại đang ngồi đánh cờ tướng cùng một anh chàng còn mặc nguyên bộ quân phục Bộ Binh. Tôi cúi chào hai người, anh chàng kia cũng gật đầu chào lại tôi. Cậu Hiền hỏi:

- Thảo mang gì nặng thế?

- Mẹ bảo cháu mang cháo gà đến cho cậu vì nghe cậu bịnh.

Cậu nói:

- Cậu bớt rồi, mẹ cháu nấu chi cho tốn công vậy?

- Mẹ "cưng" cậu như vậy mà cậu còn cằn nhằn sao? Chưa kể đến công lao của cháu. Cháu phải còng lưng đạp xe mới đến nhà cậu được đó.

Cậu cười xòa:

- Thôi được rồi, cám ơn hai người đàn bà thân yêu nhất của tôi.

Tôi trợn mắt:

- Sao là hai người? Cháu là con gái mà.

Lúc bấy giờ anh bạn của cậu lên tiếng:

- Đúng đó, Hiền ơi! Mầy hết sốt rồi mà còn nói năng lung tung. Người ta là cô gái trẻ thế nầy mà mầy gọi là đàn bà.

Tôi nhìn anh ta tỏ vẻ đồng ý:

- Dạ phải, chú biết nhìn người hơn cậu của cháu đó.

Chàng trai kia mở to mắt nhìn tôi:

- Cô gọi tôi bằng chú sao? Trông tôi già lắm à?

Nghe thế tôi nhìn lại anh ta kỹ hơn, anh chắc trẻ hơn cậu tôi

vài tuổi, chẳng hơn tôi bao nhiêu. Cậu Hiền là em trai út của mẹ tôi nên cậu chỉ lớn hơn tôi có 8 tuổi. Năm nay cậu 28 tuổi, tôi được 20, anh chàng nầy có lẽ 25, 26 gì thôi. Trông anh ta cũng khá đẹp trai. Tuy da hơi ngăm đen nhưng đôi mắt rất đẹp, mũi cao, trán rộng và nụ cười hiền lành không giống như bộ đồ lính anh đang mặc.

- Cô đang nghĩ gì mà không trả lời tôi.

Tôi cười nhẹ và phân trần:

- Tại vì… là bạn của cậu nên tôi kính trọng chú. Gọi như vậy có thất lễ với chú không?

Cậu Hiền lắc đầu:

- Thôi được rồi, cái thằng nầy mầy muốn làm khó cháu tao hả?

Rồi cậu quay sang tôi:

- Cháu đã mang cháo đến thì dọn ra đi, sẵn đây mời Cường ở lại ăn cho vui.

Anh chàng tên Cường hớn hở:

- Ồ! Mình có lộc ăn rồi nhưng không biết người chủ nồi cháo có vui lòng không nhỉ?

- Cậu tôi mời chú rồi mà. Ở đây cậu ấy làm chủ tất cả.

Hai người ăn uống vui vẻ với nhau, nói chuyện thật nhiều, gần như là những lời tâm sự. Tôi không muốn nghe nên ra sau nhà dọn dẹp cho cậu. Khi hai người gọi tôi vào và anh chàng kia từ giã ra về thì trời bỗng đổ cơn mưa. Mưa cuối Thu giăng giăng trắng xóa cả khung trời, cảnh vật bỗng tiêu điều, xơ xác. Một chút lành lạnh làm se se da thịt, một chút buôn man mác thoáng qua hồn, không dằn được cảm xúc tôi nhìn ra cửa sổ cất tiếng hát nho nhỏ:

"Lạnh lùng sương rơi heo may, buồn ngơ ngác bóng chim bay, mây tím giăng sầu đó đây. Ngày đi chiều mang sầu tới, làn sương chiều rơi lã lơi, tiếng mưa rơi đều trên lối…" *

Nghe tiếng tôi hát cả hai người quay lại nhìn. Cậu Hiền cười:

- Ôi! cô bé của tôi bắt đầu mơ mộng vu vơ rồi đây.

Trong khi đó Cường chỉ nhìn tôi, ánh mắt anh ta như muốn nói gì đó, nhưng rồi lặng yên. Ngoài mưa dần dần bớt hạt và sau cùng tạnh hẳn.

Đến lúc tôi cũng phải ra về nên cáo từ cậu. Cậu lo ngại vì sau cơn mưa đường xá trơn trợt, trời cũng vừa tối nguy hiểm cho kẻ đi xe đạp như tôi. Cậu quay sang hỏi Cường:

- Cường, mầy đến đây bằng gì?

- Tao lái xe Jeep mượn của cậu tao. Sao vậy? Có gì không Hiền?

Cậu nhìn tôi rồi nói với Hiền:

- Mầy đưa cháu tao về giùm vì tao chưa được khỏe lắm. Để cô bé đạp xe về xa tao không yên tâm.

Cường sốt sắng:

- Được mà, tao cũng đang có ý đó, nhưng sợ cô ấy ngại nên tao không dám lên tiếng đó thôi.

Tôi ngại thật, trời tối lại ngồi chung xe với một chàng trai xa lạ chưa từng quen biết. Cậu Hiền đoán được ý nghĩ của cháu mình nên cười nói:

- Không sao đâu Thảo, thằng Cường nầy coi xí trai vậy chớ tốt bụng và đứng đắn lắm. Nó sẽ đưa cháu về nhà an toàn mà, tin cậu đi.

Cậu nhìn Cường:

- Tao giao cháu tao cho mầy đó.

Cường cao giọng:

- Tao biết nếu không tròn phận sự thì sẽ chết với mầy mà. Mời cô Thảo theo tôi.

Tôi đành lên xe đi về cùng Cường. Cơn mưa đã dứt nhưng

trời bỗng rất lạnh, tôi ngồi co ro bên Cường khi anh chăm chú lái xe. Lâu lắm anh mới lên tiếng:

- Cô Thảo còn đi học, hay đã đi làm rồi?

- Dạ, Thảo còn đi học. Thảo còn nhỏ mà, mới học năm thứ nhất thôi.

- Khoa nào?

- Dạ, Luật Khoa.

- Cô muốn trở thành luật sư à?

- Dạ chưa biết, nhưng Thảo muốn làm cái gì đó giúp ích cho xã hội. Các anh cũng vậy phải không?

Anh ta chỉ cười nhẹ không nói gì. Thấy đường còn xa, tôi gợi chuyện:

- Anh tên gì vậy?

- Chẳng phải cô đã biết rồi sao? Tôi tên Cường.

- Trước chữ Cường là chữ gì? Không lẽ chỉ có một chữ Cường thôi sao?

- Đúng vậy, tên tôi chỉ có một chữ Cường thôi.Tôi họ Lê, Lê Cường là tên đầy đủ của tôi. Còn cô? Không lẽ chỉ có một chữ Thảo thôi sao?

Tôi thấy anh hỏi vặn lại mình nên cũng nghiêm giọng:

- Tên đầy đủ của tôi là Nguyễn Như Thảo. Có nghĩa là… tôi chỉ như cọng cỏ thôi, anh ạ!

Anh đưa mắt nhìn tôi như tỏ vẻ thương hại, như muốn an ủi tôi điều gì nhưng anh lại im lặng không nói tiếp. Cuối cùng anh ta cũng đưa tôi về đến nhà. Anh thả tôi trước cửa nhà và quay xe chạy mất, chẳng vào nhà chào mẹ tôi. Tôi uất ức vì tiếc tô cháo gà đã cho anh, anh chẳng biết công lao mẹ tôi nấu và tôi phải phục vụ cho hai người suốt buổi chiều. Tôi thầm nghĩ nếu lần sau gặp lại anh chàng nầy tôi sẽ… trả thù cho xem.

Chiều hôm sau tôi hẹn đi lễ ở nhà thờ Chánh Tòa với Thu Hương, đứa bạn thân của tôi. Thu Hương đang theo học giáo lý với vị linh mục ở đây vì cô muốn trở thành con chiên của Chúa. Sau thánh lễ chúng tôi nắm tay nhau đi về phía tượng đài Đức Mẹ để cầu nguyện. Chiều nay trời đẹp quá, khác hẳn chiều hôm qua gió mưa tầm tã. Mặc dù đã 5 giờ chiều nhưng nắng ấm dịu dàng tràn ngập không gian, bao trùm vạn vật. Lá cuối Thu rụng rơi lả tả, mây xám lờ lững bay về cuối trời xa, hương thơm của hoa cúc, hoa huệ trắng ngạt ngào theo cơn gió nhẹ thoảng qua. Tôi cảm thấy lòng thanh thản, bình yên vô

hạn. Thu Hương và tôi cùng quỳ trước Đức Mẹ thầm cầu xin theo ước nguyện của riêng mình.

Khi tôi đứng lên quay ra phía sau bỗng đụng phải một người, tôi vội vàng xin lỗi:

- Dạ, xin lỗi ông tôi sơ ý…

- Ồ! Cô Thảo. Cô cũng đi lễ ở đây sao?

Thì ra là Cường. Đúng là "hữu duyên thiên lý năng tương ngộ…" tôi mừng thầm vì đang có ý định trả thù anh đây. Tôi giới thiệu Hương với Cường:

- Đây là Thu Hương, bạn của Thảo. Còn đây là chú Cường

bạn của cậu Hiền đó Hương.

Cường trợn mắt nhìn tôi có vẻ không bằng lòng:

- Cho tôi xin tiếng "chú" đó đi nghe Thảo.Tôi hơn cô bao nhiêu tuổi mà cô ác với tôi như thế?

Tôi cảm thấy được thỏa mãn nỗi ấm ức ngày hôm qua nên cũng rộng lượng cười xoa dịu cơn giận của Cường:

- Vậy từ nay trở đi tụi nây gọi băng… anh Cường nhé!

- Có thế mới đúng chứ.

Thu Hương nhìn Cường giây phút rồi kề tai tôi nói nhỏ:

- Khá đẹp trai đó Thảo, nếu không phải bồ mầy thì tao… xí phần đó nha!

Tôi đạp nhẹ vào chân Hương:

- Cái con nầy tham lam quá. Không phải mầy định học đạo để sau nầy đám cưới với người yêu của mầy sao?

- Tao từng hy vọng như vậy, nhưng chàng ở mãi phương trời xa nào, vào hiểm ra nguy nên chàng chưa bao giờ đề cập hôn nhân với tao.

Cường lên tiếng:

- Các cô đang bàn bạc chuyện gì thế? Tôi có thể mời hai cô đi ăn tối được không? Sẵn dịp tôi trả lễ cho bữa cháo gà của cô Thảo luôn.

Thì ra tôi trách oan cho anh ta. Cường vẫn nghĩ đến tôi mà tôi lại muốn trả thù anh.Tôi hối hận và nghĩ rằng nếu đi cùng với Hương sẽ không có chuyện gì. Hơn nữa anh ta là bạn của cậu Hiên thì cũng an tâm rôi nên trả lời:

- Dạ được, Thu Hương đã ở đây từ trưa tới giờ nên nó cũng đói rồi, phải không Hương?

Hương nháy mắt với tôi rồi quay sang Cường:

- Hân hạnh được anh Cường mời, sao tụi tôi dám từ chối chứ!

Cường vui vẻ hẳn lên, khác xa với thái độ lầm lì chiều hôm qua. Anh nói:

- Tôi có người quen mở tiệm ăn. Chúng ta đến đó ủng hộ nó, sẵn dịp tôi thăm bạn luôn vì lâu rồi chúng tôi không gặp nhau. Vậy mời hai cô lên xe.

Tôi thấy anh chỉ vào chiếc xe Jeep nhà binh hôm qua nên ngại ngùng:

- Tụi tôi là con gái, đi xe Jeep sợ gặp Quân cảnh chận lại thì… quê lắm.

- Đừng lo, tôi không để các cô bị quê đâu.

- Anh chắc chắn vậy sao? Vậy tụi tôi giao mạng cho anh đó.

Cường đưa hai đứa tôi đến một tiệm ăn khang trang mới mở ngay trên bến Ninh Kiều. Cường không gặp được bạn anh vì chủ tiệm đã đi vắng nhưng mùi thơm từ nhà bếp bay ra khiến chúng tôi an tâm vì biết đây là một tiệm ăn ngon.

Tánh tình Thu Hương lí lắc và dạn dĩ nên cô chọn chỗ ngồi ngay kế bên Cường không ngại ngùng, tôi ngồi đối diện với họ. Trước mặt tôi dòng sông Hậu êm đềm trôi chảy mênh mang về một nơi nào đó. Những đợt sóng nhỏ nhấp nhô dưới ánh nắng chiều lấp lánh như muôn ngàn hạt thủy tinh. Âm thanh rì rào của gió, tiếng sóng vỗ mạn thuyền, tiếng mái chèo khua mặt nước tạo cho tôi một cảm giác xao xuyến, bâng khuâng khó tả. Mắt Cường nhìn ra xa như đang thả hồn vào những âm thanh của dòng sông trôi dậy, mắt anh buồn buồn như mang niềm u ẩn nào đó trong lòng.

Tôi chưa kịp tìm hiểu nỗi lòng của Cường thì Thu Hương bông lên tiếng:

- Anh Cường đi lính ở đâu? Sao Hương không thấy anh mang cấp bậc gì, lon lá gì cả vậy?

Cường cười:

- Tôi chỉ là lính thôi cô ạ! Binh nhì đó. Hiện tôi đang phục

vụ cho Sư Đoàn 7 Bộ Binh và đóng quân ở căn cứ Đồng Tâm thuộc Mỹ Tho.

Tôi hỏi Cường:

- Sao anh quen với cậu Hiền vậy?

- Ngày trước chúng tôi học chung ở Văn Khoa, Sài Gòn. Một dịp tình cờ gặp lại nó ở đây, thật mừng quá. Nó bây giờ làm việc tại Bộ Chỉ Huy Hải Quân Vùng 4, tôi thì lội sình quanh năm.

Thu Hương thắc mắc:

- Anh từng học Văn Khoa, sao lại là binh nhì vậy?

Cường lắc đầu cười cười:

- Tôi cũng không biết nữa.

Hương chưa chịu buông tha Cường, nàng chất vấn tiếp:

- Ở Sài Gòn, nhà anh chỗ nào?

- Nhà tôi ở đường Hiền Vương số… Tôi có ba, có mẹ, có em trai, em gái…C ô có cần hỏi thêm gì nữa không?

Tôi thấy ngượng vì Thu Hương quá sỗ sàng và có vẻ bất lịch sự nên bảo Hương:

- Thôi mầy lo ăn mau đi rồi về, trời tối rồi đó.

Ngoài kia màn đêm vừa buông xuống, thành phố đã lên đèn. Xa xa có tiếng súng vọng về, hỏa châu lập lòe trên bầu trời. Nơi đó chiến đấu cơ đang thét gào thả bom, nhả khói. Thời buổi chiến tranh dù ở thành phố người dân cũng sống trong hồi hộp, lo lắng cho người thân nên chưa bao giờ được vui tron ven.

Tôi quay sang Cường:

- Nhờ anh đưa chúng tôi về giùm nhé!

Cường đứng dậy nói đùa:\

- Vâng, tôi xin đưa hai cô về nhà ạ!

Cường đưa Hương về nhà trước, tôi ở xa hơn nên khi Hương xuống xe rồi tôi vẫn còn ngồi chung xe với Cường thêm một đoạn đường nữa. Cường bỗng đổi thái độ khác hẳn với tôi. Anh tỏ ra dịu dàng, tao nhã, lịch sự và rất quan tâm đến tôi. Cường hỏi tôi những câu mà chỉ có người yêu mới quan tâm cho nhau như: "Thảo đi học có xa không? Thảo có thức khuya học bài nhiều không? Thảo có thường dạo phố không? Thảo thích đi với ai? Thảo có biết cuộc đời lính tác chiến như tụi tôi sống thế nào khôn?..."

Tôi nhìn anh dè dặt không dám nói nhiều. Đến nhà tôi Cường để tôi xuống còn ân cần dặn:

- Thảo cho anh gửi lời chào Bác nhé!

Ô hay! Từ lúc nào mà anh ta xưng anh với tôi và gọi mẹ tôi bằng "bác" thế? Chẳng phải anh ta là bạn của cậu tôi sao? Thật khó hiểu.

Hôm sau Cường đứng ngay trước cổng trường tôi và gọi lớn "Như Thảo" khi nhìn thấy tôi ra. Anh đã tỏ thái độ thích tôi rõ rệt, lẽ nào tôi không nhìn ra? Thật tình đêm qua tôi đã suy nghĩ rất nhiều về những gì anh nói với tôi, tôi cũng lờ mờ nhận thấy tình cảm của anh dành cho tôi. Tôi chưa biết tính sau, chưa quyết định được điều gì nhưng tôi bị thụ động do việc sắp xếp của anh. Lời anh như có ma lực nào đó khiến tôi riu ríu nghe theo tất cả. Anh bảo tôi theo anh tới một quán nước gần đó, tôi cũng nghe. Anh mở bóp lấy tấm ảnh đưa tôi, tôi cũng giữ lấy. Anh ghi địa chỉ KBC của anh cho tôi và bảo tôi viết thư cho anh khi anh ra đi… Những gì anh nói, tôi không nhớ hết, không nhớ nổi nhưng tôi nhớ đó là những câu nói êm ái, dịu dàng, thiết tha, lưu luyến. Thế là bông nhiên tôi trở thành bạn gái của anh, thật bất ngờ nhưng cũng ngọt ngào, êm ái và đẹp như một bài thơ tình diễm tuyệt.

Tình cảm thân mật giữa tôi và Cường kéo dài gần một tuần. Ngày nào Cường cũng đón tôi, đưa tôi đi chơi, đi uống nước, đi quán cà phê nghe nhạc… tình cảm sơ giao đã biến thành

tình yêu tự lúc nào rồi. Chúng tôi cùng xây mộng đẹp, cùng vun đắp tương lai, cùng đợi chờ một ngày tươi sáng.

Một buổi sáng Thu Hương gặp tôi vội vã nói:

- Thảo ơi, mầy biết gì không? Tối hôm qua tao với người anh họ vào Câu Lạc Bộ Sĩ Quan nghe nhạc, tình cờ tao thấy ông Cường đi với một cô mặc áo đầm hồng rất đẹp. Ổng mặc đồ lính và mang lon trung úy, vậy mà ổng dám nói mình là binh nhì. Thảo à, mầy nên tránh xa con người giả dối đó đi, nguy hiểm lắm. Tao thấy hai người họ rất thân mật, không chừng là vợ ổng đó.

Những lời nói của Hương làm tôi hoa mắt, cay xé tâm cang, tim muốn ngừng đập, ngực không muốn thở nhưng tôi cố trấn tĨnh bảo Hương:

- Thôi mặc kệ người ta, mầy quan tâm đến họ làm gì!

Nói xong tôi bỏ đi ngay vì sợ Hương nhận ra nét đau khổ, tuyệt vọng của tôi. Hương học khác lớp với tôi nên cô không biết rằng Cường đã đưa đón tôi nhiêu lần và tình cảm chúng tôi đang bắt đầu tha thiết. Những lời của Hương như sét đánh ngang tai, tôi chới với, tôi ngỡ ngàng, tan nát cõi lòng. Lần đầu, tim tôi mở ngỏ đón nhận Cường một cách ngây thơ, hồn nhiên không phòng bị gì cả, thế mà… Tôi bỏ ngay lớp học về nhà lăn ra khóc. Khóc cho sự dại dột, ngu ngơ của mình. Tôi oán giận Cường không nghĩ tình bè bạn với cậu Hiền, đành tâm dối gạt tôi. Đúng ra hôm nay Cường hẹn gặp tôi lần cuối trước khi anh trở về đơn vị. Anh nói sẽ dành cho tôi một điều bất ngờ mà có lẽ tôi chưa bao giờ nghĩ tới. Tôi thấy không cần tìm hiểu gì nữa, rõ ràng anh đã lừa gạt tình cảm của tôi, cho dù cô gái kia là ai, là người yêu hay là vợ của anh cũng đều làm con tim tôi rỉ máu. Không, tôi không gặp anh nữa, cay đắng, phũ phàng nầy là một bài học quý giá cho tôi nhớ suốt đời.

Sau hai ngày tái tê ngao ngán tình đời, tôi tìm đến cậu Hiền than phiền và trách cậu chơi với một người bạn không tốt. Sau khi nghe tôi kể lại những gì Thu Hương nói, cậu hỏi tôi:

- Có phải cô gái đi với Cường rất xinh, có mái tóc ngắn kiểu Sylvie Vartan không?

- Dạ, nghe Thu Hương tả thì… hình như vậy đó.

Cậu Hiền cười lớn và vỗ đầu tôi:

- Cháu hiểu lầm rồi, Thảo ơi! Cô bé ấy là em họ của Cường đó. Ba cô ta làm trong Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn IV, sĩ quan cao cấp đấy, cũng là cậu ruột của Cường. Về đây nó chỉ ở nhà đó thôi. Anh em nó thân thiện và thường đi chơi chung với nhau lắm.

- Thật vậy sao cậu?

- Đúng vậy, sao thế? Thảo thắc mắc điều gì? Hay là… Thảo thích Cường rồi?

Tôi chối ngay:

- Dạ đâu có, cháu chỉ hỏi cho biết thôi.

Cậu nhìn tôi tỏ vẻ nghi ngờ, nhưng tôi chỉ cười. Trong lòng tôi rất vui vì Cường không lừa dối tôi. Từ giã cậu ra về mà hồn tôi như đang bay thênh thang giữa một vườn đầy hoa hồng thơm ngát.

Tôi muốn viết thư xin lỗi Cường nhưng chẳng biết nói sao. Tôi không muốn đem Thu Hương vào cuộc nên nhẫn nhịn chờ đợi phản ứng của anh. Tôi chờ đợi thư anh gửi về nếu anh thật dạ yêu tôi.

Rồi đúng hai tuần sau tôi nhận thư Cường. Anh trách tôi đã lỗi hẹn ngày anh ra đi, anh muốn hiểu nguyên nào, hay tôi đã hối hận khi chấp nhận anh. Trong thư anh mong tôi giải thích lý do tránh mặt anh và vì sao không viết thư cho anh. Cuối thư anh nói vẫn yêu tôi và nếu tôi còn yêu anh thì hãy trả lời gấp cho anh yên lòng. Tôi sung sướng vì biết anh không lừa dối mình nên viết thư hồi âm ngay.

Chúng tôi đã hiểu nhau, thông cảm nhau và tin tưởng nhau tuyệt đối. Những cánh thư xanh qua lại là những lời âu yếm,

thiết tha nồng ấm. Anh hẹn mùa Thu năm sau sẽ đưa ba mẹ xuống xin hỏi cưới tôi, tình yêu chúng tôi như vầng trăng sáng đêm rằm, không gợn chút mây đen. Ngày ngày ôm sách đến trường mà hồn tôi gửi theo người ngoài chân mây, đầu gió. Tôi thương làm sao đời lính gian lao nguy hiểm, gió núi mưa rừng, tiền đồn xa vắng hay biên giới đìu hiu, họ vẫn miệt mài chiến đấu vì dân, vì nước. Ôi! Cao đẹp làm sao! Đáng quý làm sao! Tình tôi đối với Cường càng mặn nồng thiết tha trìu mến hơn mỗi khi nhìn hỏa châu sáng rực trên bầu trời, nhìn những đoàn công- voa nối tiếp ra đi, nhìn từng loạt phi cơ rời phi đạo lao vào chiến trận…

Tôi thường đến giáo đường sau giờ học, quỳ dưới chân Chúa cầu xin cho chàng bình yên, cho những người đi vì sông núi được an lành nơi sa trường máu lửa. Những lá thư từ KBC vẫn liên tục bay về đem nguồn vui sống cho tôi…

Nhưng một hôm đất trời rung chuyển, vũ trụ cuồng quay khi cậu Hiền báo tin rằng Cường đã đền xong nợ nước. Cậu Hiền nói:

- Ngày hôm qua có một người bạn cậu ở Mỹ Tho, cũng là bạn của Cường gọi báo tin cho cậu rằng Cường vừa tử thương tại Cái Bè, Cai Lậy. Một người lính của Sư Đoàn 7 đã nói rõ ràng với nó là Trung Uý Cường đã tử trận rồi.

Tôi không dằn được thương tâm xúc động khi nghe tin đó, tôi nắm chặt tay cậu Hiền muốn ngất xỉu. Tim tôi tan nát tơi bời, hồn tôi dật dờ ngây dại. Còn nỗi đớn đau nào hơn khi người mình yêu mến, người mình đặt bao ước mơ hy vọng bỗng chốc xa rời, bỗng dưng bỏ đi vĩnh viễn?

Nước mắt nào rớt rơi lả chả, bờ môi nào nghe mặn đắng vị tình yêu? Cường ơi, anh nỡ quên em sao? Quên lời ước hẹn có một ngày chung bóng chung đôi? Em sẽ sống làm sao với những ngày tháng cô đơn còn lại? Cường ơi, ngày trước mình quen nhau vào một ngày mưa Thu buồn hiu hắt. Bây giờ trời cũng vào Thu rồi mà hoàn cảnh đã đổi thay. Tạo hóa khéo

trêu chọc chúng ta, nhưng em vẫn nhớ hoài chiều mưa ấy, một chiều mưa còn mãi trong em:

"...Màu chiều gieo thương với nhớ. Buồn se sắt nhớ Thu xưa, tôi biết anh chiều gió mưa.

Người đi về đâu ngàn lối, màu hoa chiều Thu úa phai. Xót xa cho lòng tê tái...

Cách xa vì đâu, dù bao lần lá hoa phai màu..."

Còn dòng sông Hậu anh hằng yêu mến, dòng sông quê ngoại của anh, dòng sông nơi có bóng hình người con gái anh yêu, dòng sông đó vẫn chảy êm đềm muôn thuở nhưng anh đã xa rồi, đã bỏ ra đi mãi mãi.

Chờ cho tôi qua những giây phút đau thương tuyệt vọng, cậu Hiền vuốt tóc tôi nói:

- Cuối tuần nầy cậu sẽ dẫn cháu lên Sài Gòn thăm mộ nó. Cậu biết nhà Cường, cháu đừng quá đau buồn. Những người lính như tụi cậu chuyện sống chết bất ngờ là điều không thể tránh khỏi, Thảo ơi!

- Dạ, cháu cám ơn cậu nhiều.

Còn đến ba ngày nữa mới cuối tuần, thời gian chờ đợi nầy với tôi sao dài như hàng thế kỷ. Từng giây từng phút nhớ thương chàng: Vòng tay ấm áp, những lời hứa hẹn, những cử chỉ âu yếm dịu dàng, những lời thiết tha bên ly cà phê ngọt đắng, hay những lúc cùng ngồi bên bờ sông nhìn con nước chảy về xuôi. Anh kể cho em nghe tâm sự của một dòng sông, anh nhân cách hóa dòng sông như một người con gái chung tình, dù xuôi ngược bôn ba nơi đâu rồi cũng quay về chốn cũ… Tất cả còn lông lộng trong ký ức của em mà anh đã xa rồi, đã buông xuôi tất cả.

Cuối tuần đó cậu Hiền dẫn tôi lên Sài Gòn, nhưng chỉ có cậu đến nhà Cường hỏi thăm tin tức, còn tôi ở nhà dì tôi. Khi cậu Hiền trở về cậu cười hô hố từ ngoài cổng. Cậu nói lớn:

- Có tin vui Thảo ơi, thằng Cường chưa chết đâu.

Tôi vội vã chạy ra kéo cậu vào nhà:

- Cậu nói gì vậy? Cường… chưa chết… là sao?

Cậu ngồi xuống và kể:

- Cậu tìm đến nhà Cường định hỏi xem nó được yên nghỉ nơi đâu.Thấy gia đình nó quây quần vui vẻ, cậu rất ngạc nhiên

nên không dám nói gì. Cậu thử hỏi dò bà cụ:

- Cường lúc nầy ra sao rồi bác?

Cụ cười nói:

- Cháu mới báo tin về là cháu được lên lon đại úy đấy.

- Bao lâu rồi bác?

Cụ trả lời không cần suy nghĩ:

- Mới hai ngày trước đây thôi. Nó còn nhắn về là sẽ nhờ thầy mẹ đi hỏi vợ cho nó nữa đó. Chắc hắn chọn được cô nào vừa ý rồi.

Cậu quay sang cô em gái của Cường và nói nhỏ:

- Anh có nghe một anh trung úy ở Sư Đoàn 7 mới tử thương, có tên Cường nên anh lo quá.

Cô em gái cười rất tươi:

- Dạ, hôm đó gia đình em cũng nghe như vậy nên đã nhờ người tìm cách liên lạc với đơn vị ảnh mới biết đó chỉ là trùng tên thôi. Anh kia là Trung Úy Trần Lê Cường, khác tiểu đoàn với anh Cường em. Sư Đoàn 7 Bộ Binh có rất nhiều lính, trùng tên cũng là lẽ thường mà anh.

Cậu Hiền ngừng kể, cậu kết luận:

- Nói tóm lại là thằng Cường chưa chết, nó còn sống nhăn răng và còn đòi đi hỏi vợ nữa. Không biết ai đó có vui không nhỉ?

Chỉ có tôi hiểu lời cậu thôi. Tôi cũng chẳng ngượng ngùng gì, trái lại tôi mừng vui khôn xiết vì thấy như mình vừa qua khỏi một giấc chiêm bao hãi hùng, quái ác. Cường còn sống và anh giữ lời hứa sẽ đến nhà xin cưới tôi. Ôi! Còn hạnh phúc nào hơn, Cường ơi! Em sẽ chờ anh, sẽ đợi anh bên dòng sông Hậu, nơi chúng mình từng hò hẹn, nơi đã chứng kiến cuộc tình vội vã nhưng chân thành tha thiết, thủy chung của chàng trai Võ Bị hiên ngang và cô gái Tây Đô hiền hòa, bình dị.

Cuối mùa Thu năm ấy, Cường đưa gia đình mang sính lễ cưới tôi, một thứ hạnh phúc như trong mơ mà tôi hằng mong mỏi.Trong tình yêu của chàng tôi thấy mình là nàng công chúa được tái sinh. Những chiều quỳ bên nhau trong giáo đường cầu nguyện, những đêm trời trở lạnh anh kể tôi nghe chuyện buồn chinh chiến, chuyện ước mơ của những người trai thế hệ. Rồi giông bão thật sự đã đến với tôi khi chàng khăn gói vào tù Cộng Sản…

* * *

Mấy mươi năm rồi xa cách quê hương, tôi nhớ làm sao dòng Hậu Giang, dòng sông thân thiết mến yêu của chúng tôi ngày nào. Cường cũng nhớ và thường nhắc về kỷ niệm nơi đó, nhưng anh không thích trở về. Ở tuổi hoàng hôn ai cũng muốn tìm về dĩ vãng xa xưa để sống lại những ngày tháng mộng mơ của thuở đôi mươi. Tôi về đây vì muốn tìm lại dư hương ngày cũ.

Dòng sông còn đây, bến nước xưa còn đó, những chuyến tàu xuôi ngược trên sông, tiếng gió rì rào, tiếng sóng vỗ mạn thuyền, tiếng mái chèo khua nước… Tất cả vẫn ngọt ngào như trong kỷ niệm nhưng những người thân, người xưa đã vắng bóng. Cha mẹ tôi đâu? Bạn bè tôi đâu? Thành phố nầy đã đổi thay, mái trường xưa đã đổi thay, những con đường cũ cũng đổi thay… Mọi thứ đã không còn như ngày xưa nữa.

Chỉ có dòng sông Hậu muôn đời vân thê, muôn đời không thay đổi, vẫn dạt dào vỗ sóng, vẫn êm đềm trôi chảy mênh mang, vẫn chờ đợi kẻ ra đi ngày đó quay về…

Cali 2019.

*Thu Ca – Phạm Mạnh Cương.

Một Điều Không Nên Nghĩ.

Đào Đức Bảo, K21

Đêm nay, địch có tập kích hay không tới thì tôi mặc xác chúng. Đại đội đã quá mệt mỏi rã rời. Bốn ngày hai trận đánh, quân số thiệt hại chưa bổ xung. Tôi không sốt ruột để mong có ngay điều đó, vì lính Nhảy Dù đâu được phép quơ quào quân địch, nên lúc nào cũng thiếu vì lúc nào cũng chạm địch.

Nhiệm vụ đi tìm địch từng cánh lẻ, đại đội quân số xuất phát từ hậu cứ tương đối tạm đủ, nhưng thường sau một vài chục ngày trong rừng sâu và giao chiến, sứt mẻ lần để lộ cái thiếu thốn về nhân lực và rã rời về thân xác. Có bao nhiêu xài bấy nhiêu. Nhảy Dù cố gắng! Cứ thế mà húc. Thường đơn độc nhưng đêm nay những hai đại đội cùng đánh đai một tuyến phòng thủ đêm. Quả là ấm áp hơn bao giờ! Sau khi phối hợp với Đại Úy Thành, Đại Dội Trưởng 94, để chu toàn mọi thủ tục đóng quân, tôi bước thấp bước cao về Ban Chỉ Huy, gieo mình lên võng, lại nhún một chân theo thói quen để võng đu đưa. Chưa bao giời tôi thấy yên bình lạ. Mặc cha Việt Cộng, tôi không muốn nghĩ đến chúng nó ở giây phút này. Tôi muốn dành nhỏ nhoi thời gian thư giãn để xoải tay, duỗi chân, căng

người cho đỡ mỏi, và nhất là để tâm hồn nhớ đến những điều đáng nghĩ. Những binh lính của tôi hiện còn sống, còn đang thay nhau căng mắt trong đêm, để không cho địch mò vào sát tuyến. Một số đồng đội của tôi, kể cả Đại úy Phước, vĩnh viễn từ nay tôi sẽ không còn một lần gặp lại, họ vừa chết hôm nay mà tôi không dành được một giây để chạy đến vuốt mắt. Rồi những người lính bị thương vừa được di tản lúc trời chiều gần tắt, vết thương xé da thịt, dổ máu thấm đất rừng Katum. Ai sẽ lành để còn có ngày trở về với bạn bè ở đại đội? Ai sẽ không còn dịp một lần cầm súng để ngăn kẻ địch xâm lăng?

Tôi còn nghĩ gì thêm nữa, như một định luật mà không bao giờ mỗi đêm tôi quên được trước khi tự đánh lừa mình, tự ru ngủ, nổi lên rất sáng và rất nồng nàn trong hằng đêm đu người trên võng. Trời êm ả hay trời mưa nhẹ hạt, trời êm ả hay trời mưa dồn dập. Tôi đều thấy, đều thấy trong tưởng tượng bóng dáng người yêu dấu, đôi mắt to đen rực sáng, đôi moi cong nũng nịu đến thèm hôn, và nhất là hương tóc đã cho tôi rất nhiều gây gây cảm giác. Tôi cứ hằng đêm có ảo giác trong giấc ngủ chập chờn, thường giấc ngủ thiếp như chưa bao giờ được no ngủ, như chưa bao giờ được ngủ một lần đúng nghĩa trong suốt tháng ngày vào rừng để liên tục hết mục tiêu này đến mục tiêu khác.

Và tôi còn nghĩ gì? Cha tôi, mẹ tôi và cả anh chị em tôi nữa, những người như hằng bao người miền Nam chưa hề được hưởng vài gây phút yên lành trong cuộc sống, luôn tất bật lo lắng, luôn lo sợ một tin đau buồn. Anh cả tôi hiện giờ đang say giấc hay đang bay trên trên vùng trời lửa đạn nơi Vùng 1 Chiến Thuật. Người anh thứ đang làm gì trong căn cứ Lực Lượng Đặc Biệt ở Vùng 2, đang tung quân lùng địch hay đang co cụm để chống cuộc tấn kích. Người anh thứ ba đêm nay có bình yên không nơi quận lỵ cheo leo của Vùng 3 Chiến Thuật. Đến đứa em kế ở cùng binh chủng, đứa em thích đùa với đạn thù, như thuở bé cầm chiếc đèn Trung Thu con cá, trên tay vung vẩy chạy theo đám bạn dung dăng khắp phố phường.

Tôi còn hai đứa em trai học trường Hồ Ngọc Cẩn, nhất định hằng đêm ôn bài phải có giây phút buông bút ngẩn ngơ khi nghe tiếng đạn pháo kích, nổ vang rền một nơi nào trong thành phố. Rồi cả những người chị em gái nữa, nước mắt thương lo thường ướt gối nằm.

Tôi thế đó thì đồng đội tôi nào có khác gì, một người đi cho bao nhiêu người mong đợi. Những người lính cũng phải cố quên đê lao vào tuyên địch, cũng phải cô quên đê đợi đêm về nhớ nhà trong giấc ngủ, nhớ nhà trong phiên gác đêm, sau một ngày mệt nhoài thở đốc, vẫn nhớ nhà khi căng mắt kiểm soát quân thù xâm nhập, và vẫn nhớ nhà khi căng mắt nhìn vào hư không để hình dung người thương đang xa lắm.

Đồng đội tôi và tôi nghĩ bao nhiêu cũng vậy, thực tế vẫn là cây súng trên tay cùng chiếc ba lô nặng hành trang đè lưng gục xuống thấp. Thường làm sao cho người lính trẻ như tôi, kể cả tôi nữa, đang phải tự xa cách nỗi riêng tư để chỉ thấy trước mặt là lửa đạn. Một mảnh Katum bé nhỏ hiện nay đủ khiến chúng tôi đã và đang phải vật vờ gian khổ thì hình dung trên giải đất miền Nam, biết bao nhiêu người lính ở các quân binh chủng khác, mà giờ đây tôi đang nằm nơi dẻo rừng này đang nhún một chân để chiếc võng đu đưa, thì họ đang làm gì, đang ở giao thông hào tay xiết cò súng, đang ở hầm hố hờm súng đợi địch xông vào, hay tệ hại hơn máu đang chảy vì đạn địch? Làm sao còn có phút giây nào để nhớ đến gia đình.

Sáng hôm sau Đại Đội 94 đi lùng địch. Tôi dẫn Đại Đội 93 di chuyển về hướng căn cứ Vicky của Tiểu Đoàn. Thiếu Tá Bảo đi cùng đại đội tôi. Đây là lần thứ ba tôi xử lý chức vụ đại đội trưởng. Mặt trời vừa lặn thì Trung Đội 1 đã đến một trảng trống lớn. Tôi quan sát địa hình thực tế cùng so với bản đồ, điểm đứng thật chính xác. Thiếu Tá Bảo ở phía sau nhắc:

- Bảo! Mày xin một quả khói để xác định điểm đứng.

Tôi truyền lệnh cho Thiếu Úy Quang, tiền sát viên, Khoảng khắc đạn đi và nổ bùm bốc lên một cụm khói ở ven rừng phía

trước. Tôi sửa chữa với Quang:

- Cho kéo gần 400.

Thiếu Tá Bảo vội ngăn:

- Đừng, đừng bao giờ kéo vội vã như vậy, nguy hiểm. Giờ này đâu phải lúc chạm địch mà vội. 200 được rồi.

Quả đạn bốc khói gần hơn. Tôi nhìn anh Bảo:

- Xong rôi, thiêu tá. Tôi lây điêm đứng này dừng quân đêm nay.

Tiểu Đoàn 9 Nhảy Dù tại mặt trận Quảng Trị, 1972

Anh Bảo đồng ý dặn thêm:

- Mày nhớ coi sóc con cái cẩn thận. Xin sẵn tác xạ cận phòng và quấy rối. Dặn tổ tiền đồn chú ý địch mò theo dấu vết. Lát nữa trực thăng đón tao về căn cứ. Mai mốt chúng ta lại gặp nhau.

Chờ trực thăng cất cánh, tôi quay vào tuyến đại đội kiểm soát một vòng rồi về lều. Sáng hôm sau khi toàn thể đại dội gọn gàng, tôi cẩn thận đưa đơn vị vượt rừng về căn cứ. Lúc ra đi quân số trên trăm người nay chưa đầy bảy chục. Tôi tự nhủ sẽ không để bất cứ lúc có nào sơ xuất cho địch chụp lấy cơ hội.

Chỉ một lần khinh địch trong ngàn lần cẩn thận và chỉ một lần đó thôi đã khiến Đại Úy Phước cùng một số anh em ra đi vĩnh viễn và cả đại dội suýt bị bôi tên.

Vào căn cứ chỉ kịp bắt tay Trung Úy Dũng, Đại Đội Trưởng 92, tôi nhận lệnh lên trình diện tiểu đoàn trưởng. Tôi đưa tay chào Thiếu Tá Trì, ông mời tôi ngồi xuống. Trên bàn tờ Chính Luận ngửa mặt sau để lộ khung tang đen cáo phó cố Thiếu Tá Trần Duy Phước. Tiểu Đoàn Trưởng Trí nhìn thẳng mặt tôi:

- Tiểu đoàn ngày mai sẽ về Tây Ninh. Đại đội anh đi đầu. Vị trí đóng quan Thiếu Tá Bảo sẽ chỉ.

Tôi gật đầu nhận lệnh dợm đứng dậy, ông Trí xua tay:

- Khoan đã, tôi gặp anh không phải việc này. Cái quan trọng tôi cần dặn anh nhớ. Nếu Trung Tá Lịch, Lữ Đoàn Trưởng, hoặc bất cứ cấp nào hỏi thì anh không được nói đại đội bị phục kích.

Tôi nhíu mày vờ không hiểu.

- Vậy tôi phải trả lời sao, Thiếu Tá?

- Nói thật không có lợi cho tiểu đoàn. Anh phải nói đại dội tao ngộ chiến với địch. Tôi chắc ai cũng tin như vậy vì đại đội thiệt hại nhẹ. Trung Tá Lữ Đoàn Trưởng dặn sẽ bay xuống đây gặp anh. Khi nào ông xuống tôi sẽ gọi anh. Bây giờ anh về trám tuyến cho thằng 92 ra ngoài.

Khi quay ra, tôi đã có câu trả lời về điều Thiếu Tá Trí dặn. Thật ra tôi đã hiểu ngay từ lúc ông dặn dò vì không cần phải thông minh lắm cũng biết ngay ông muốn gì và e ngại đều gì. Một đại đội Nhảy Dù bị quân Bắc Việt, đông hơn 3 lần, phục kích chỉ cách căn cứ hỏa lực không đây 5km, cho dù chuyên bại thành thắng thì điều đó vẫn là bất lợi cho các cấp chỉ huy. Sáng hôm sau, Đại Đội 93 được trực thăng vận về thị xã Tây Ninh. Buổi chiều, Tiểu Đoàn 9 Nhảy Dù hoàn tất cuộc chuyển quân và đóng rải rác vùng ngoại ô, trong những vườn cây ăn trái sát những cánh đòng lúa rợp màu xanh.

Hồi chiều, Thiếu Tá Bảo gọi tôi vào máy nhận lệnh:

- Mày cho đại đội cắt tóc cao và sửa soạn quân phục sạch sẽ vì sáng mai sẽ dàn chào cho buổi lễ gắn huy chương cho mày tại tòa Tỉnh.

- Vậy binh lính của tôi thì sao, đích thân?

- Binh lính của mày khi về hậu cứ sẽ tưởng thưởng. Ngày mai chỉ có mày vì mày nhận huy chương Mỹ.

Sau buổi lễ cả tiểu đoàn trở về hậu cứ. Xuống xe bước về hướng văn phòng đại dội, tôi đã thấy Trung Sĩ Nhất Hải, kế toán trưởng và Hạ Sĩ Nguyện, thư ký, đứng đón. Đặt chiếc mũ sắt lên bàn, tôi ngồi xuống chiếc ghế, cách đây 3 tháng Đại Úy Phước còn ngồi. Văn phòng không có gì thay đổi, duy chỉ thiếu người cũ. Tôi cắm cúi ký giấy phép cho toàn đại đội. Mỗi chữ ký trên tờ giấy phép lại nổi lên mỗi gương mặt của đồng đội còn sống, hiện ra luôn cả cá tánh của từng người thường khi ở hậu cứ hay vùng hành quân.

Tôi dặn Kế Toán Trưởng Hải đóng dâu ngay và phân phát nhanh để mọi người đi phép ngay, trong âm vang tiếng cười nói của đồng đội, lớp ở văn phòng kéo dài ra hoặc tới sân đại đội. Ký xong tôi xem đến danh sách thương binh cùng nơi điều trị.

Đợi người lính cuối cùng cầm tấm giấy phép rời văn phòng, tôi trút bỏ quân phục và chui ngay vào phòng tắm, ngửa mặt hứng từng tia nước nơi vòi hoa sen tỏa xuống. Dòng nước đổ trên tóc, trên mặt chạy dọc toàn thân kéo theo bụi đường, kéo theo khói thuốc súng, kể cả những tanh tanh của máu bám trong da thịt. Tôi nhẹ nhõm thắng vào người bộ đồ huyết, chiếc mũ đỏ đội lên đầu ấn bên phải và kéo bên trái cho huy hiệu đội cánh dù vàng ép sát vào chân tóc. Dừng ở văn phòng đại dội, tôi dặn Trung Sĩ Nhất Hải:

- Sáng mai lúc 10 giờ, anh và Thư Ký Nguyện đi với tôi thăm viếng thương binh. Nhớ sửa soạn mọi thứ cần thiết.

Tôi quay ra xe trong tiếng đáp dạ của Hải. Hạ Sĩ Nhất Cai, tài xế, vừa chào vừa hỏi:

- Trung Úy về nhà?

- Ừ! Tôi đáp.

Bỗng Hạ Sĩ Nhất Nay chạy lúp xúp tới:

- Trung Úy cho em quá giang về với.

- Lên xe đi. Sao giờ này còn ở đây? Tôi gật đầu.

- Bị em để lạc mất chiếc nón đỏ, kiếm hoài giờ mới thấy. Nam nói nhỏ.

- Sao không đội đỡ mũ lưỡi trai?

Nay cười nhẹ:

- Dạ, vậy thì uổng quá. Mới hút chết về thăm nhà, phải đội nón đỏ mới ngon lành chớ, Trung Úy.

- Mày nói cũng phải.

Tôi đưa tay sờ chiếc mũ màu máu đậm, không tươi như máu vừa đổ mà cũng không đậm như máu đông đặc, không đậm như máu của Trung Úy Tèo, của Đại Úy Phước, và của cả những đồng đội tôi phun ra có vòi đổ trên đất, đổ trên cây cỏ, đổ trong thành phố, đổ trong rừng, chưa kịp di tản nên khô đậm lại cùng lúc da thịt biến thành màu xanh xám ngoét tha hồ loài rồi nhặng bu quanh thỏa thích. Tôi vuốt hai giải dây đen phía sau cho thẳng, người còn sống mang tang cho người chết và mang sẵn cho chính mình.

Tôi bước vào nhà cho cha mẹ tôi và những đứa em tươi tắn nụ cười. Đây rồi, người con, người anh lại có dịp trở về. Có chữ nghĩa nào đủ để nói lên điều trăn trở ngậm ngùi, điều lo âu sốt ruột, nỗi mong đợi ngày đêm, khi những đứa con nhập ngũ trong cảnh đất nước nhiều tiếng súng hơn tiếng vỗ tay của trẻ thơ. Nhiều nước mắt đổ ra đành nuốt ngược vào nên cái hãnh diện gật đầu cho những núm ruột lao vào lửa đạn.

Từng cái gật đầu đó có tri thức mà tưởng như vô thức, trong

cắn chặt môi nuốt ngược dòng nước mắt để gượng cười như mếu, từng khi những đứa con lần lượt ghé chào:

- Ba mẹ, mai con đi hành quân.

Sao con không chào: ”Ba mẹ, mai con vào trường.” như những lời chào của biết bao tuổi thanh xuân đang sống an lành nơi hậu phương này, đang dầy đặc trên miền đất này. Lắm khi vì xót dạ vẫn có những so đo tính toán về kẻ hy sinh với người hưởng thụ.

Nhưng so thì so, tính thì tính, những tâm hồn gia đã từng chạy giặc khi nửa giải đất nước bị chiếm, hôm nay không thể dạy con mình bắt chước hưởng thụ làm ngơ, như những ai thường giả vờ như đất nước miền Nam này chỉ là nơi sống tạm.

Làm sao tôi có thể đần độn đến độ không hiểu rằng từng đêm giấc ngủ chập chờn, không phải một đứa mà nhiều đứa con đang ở khắp bốn phương trời. Làm sao cha mẹ tôi tránh khỏi giật mình thảng thốt khi tiếng đạn nổ chụp về thành phố. Làm sao tôi không biết người cha, người mẹ già nghĩ đến điều gì khi những người vợ lính, những đứa con của lính mỗi ngày một nhiều đội khăn trắng lên đầu. Đó là điều tôi trả lời ngay với Hạ Sĩ Nhất Cai, tài xế, khi nghe hỏi: “Trung Úy về nhà? Ừ.” Tôi đã đáp ngay.

Trong hàn huyên rối rít của cả nhà, chớ hề bao giờ tôi lộ vẻ mệt mỏi, chớ hề bao giờ tôi kể chuyện gian khổ hiểm nguy. Tôi không muốn cho người thân nặng nề thêm những lo âu chỉ chực vỡ tràn. Tôi ăn một bữa cơm gia đình ấm cúng mà không ngon miệng. Không biết có phải tại đã no vì những gương mặt thân thiết vây quanh, không biết có phải tôi đã nuốt no những hình ảnh thân thiết khiến bụng không còn chỗ chứa? Điều tôi biết đúng nhất, tôi chưa hề biết ăn để có cảm giác ngon miệng bao giờ, vui cũng vậy và buồn lo cũng thế. Có thể đó là điều báo cho tôi biết cuộc đời mình sẽ không bao giờ hết gian khổ, sẽ không bao giờ hết nhọc nhằn.

Chào cả nhà, tôi ra xe đến căn nhà có cây sao đầu ngõ. Con bé mừng hét toáng lên như đạp phải lửa, cùng đôi mắt đã có ngấn nước.

- Này, phải cười lên chứ. Cấm khóc. Tôi nói vội.

Tôi bị cuốn chặt chỉ còn nghe tiếng tấm tức, sụt sùi trên ngực.

- Anh đen với lại tay chai quá.

Tôi cười dỗ dành:

- Đâu phải anh đi chơi, mà đi sao về vậy. Thế nào, gần ba tháng nay nhớ anh được mấy lần?

- Chả nhớ lần nào. Con bé trả lời cũng với dáng cong môi.

Thanh, thằng bạn học cũng là người anh cả gia đình, từ phòng trong bước ra kèm giọng nói vừa chua, vừa ngọt:

- Sao mày không đi luôn đi? Bắt tội con nhỏ cứ thấp thỏm từng ngày. Mấy hôm trước tao chở nó đến quán Thơ, gặp ông chủ quán nói vừa thấy xe cứu thương chở ai như mày về hướng nhà thương Cộng Hòa. Thế là chẳng kịp uống hớp nước, anh em tao ba chân bốn cẳng chạy về báo tin cho cả nhà sủa soạn áo quần, thực phẩm đến Cộng Hòa thăm mày. Tìm suốt cả buổi chẳng thấy, tên chẳng ai biết, làm con nhỏ khóc sưng cả mắt.

Không kịp nghe tôi đáp, Thanh đã quay vội vào nhà trong để trả giây phút riêng tư cho hai đứa nơi phòng khách. Thời gian như chạy đua. Cuối cùng tôi bịn tịn:

- Thôi anh phải về.

- Thê bao giờ anh lại đên?

- Còn nghỉ được ngày nào, anh đến với em ngày đó.

Chia tay, con bé không sụt sùi như những lần phải đi xa, con bé thừa biết ngày mai tan trường về sẽ thấy tôi đợi sẵn ở nhà. Sáng hôm sau, cùng Kế Toán Trưởng Hải và Thư Ký Nguyện, tôi lần lượt đến thăm anh em thương binh Đại Độ 93

nằm điều trị ở bện viện Đỗ Vinh và nhà thương Cộng Hòa. Nhìn vóc dáng gầy ốm xanh xao của từng đồng đội nằm ủ dột đợi viết thương liền mặt, từng người và từng người khi xiết chặt bàn tay thăm hỏi, trong tôi không sao dằn được cơn cảm xúc khiến lạc giọng khi vỗ về an ủi. Mai dây sẽ có người bình phục trở lại đơn vị và cũng sẽ rất nhiều người chẳng còn dịp nào như Hạ Sĩ Binh, khinh binh tài giỏi, vết thương chân sẽ phải chống nạng suốt đời; như Trung Sĩ Tưởng, Tổ Trưởng Khinh Binh, cánh tay phải cắt ngang khuỷu còn nhăn nhúm chỉ khâu với lớp thịt bao xương đỏ hỏn; như Binh Nhất Tín, Binh Nhất Rê, Hạ Sĩ Luân và bao nhiêu người nữa. Đường đời sẽ còn có ngày gặp gỡ, nhưng chắc chắn không còn ở với nhau trong rừng.

Tôi thật sự ngại ngùng khi thấy cảnh người vợ trẻ lau mặt cho chồng với đôi mắt khép như không dám nhìn thục tại, dù vẫn thiết tha chịu đựng nỗi đau chung. Chịu đựng không phải chỉ hôm nay, không phải chỉ ngày mai, mà sẽ là suốt cuộc đời còn lại trong lúc những đứa con thơ vẫn nở nụ cười ngây dại bên bố. Bỗng dưng tôi nghĩ đến một điều không nên nghĩ: Phải chi họ chết ngay đi, chết ngay tại mặt trận bởi những viên đạn thù; những viên đạn của bọn xâm lăng, dù cắt xé rất ngọt thân xác, dù vỡ toang lồng ngực hay vỡ đầu, biết đâu chùng cơn đau và nỗi ám ảnh của người thân sẽ không một đời dằn vặt. Cuộc sống tàn phế chưa hẳn là may mắn hơn nhắm mắt trên trận địa.

Ý nghĩ theo tôi ra xe về như một kẻ vừa phạm tội. Xe chạy trên đường phố đông người qua lại, tôi chỉ thấy đông người qua lại mà không định được đang ở đâu. Mắt mở lớn nhìn dòng xe, dòng người tấp nập xuôi ngược trong lúc đầu óc miên man với cảnh tượng nới những giường bệnh, phòng dưỡng thương trần cao vôi trắng lạnh. Nơi đó thương binh đủ mọi sắc lính cùng những người thân, những đứa trẻ, những giỏ quà đơn sơ với mớ trái cây của mùa đang nở rộ trên khắp cánh vườn miền Nam bình dị.

Người chồng, người cha, và không ít người yêu với đủ loại thương tích chỉ hơn mức chết đang nằm như bất động trên giường. Mắt đang xa vắng nhìn buồn tênh hay nồng nàn đối chiếu người thân, đớn đau, hay chua xót, hay hạnh phúc, tôi chưa nghĩ được. Mới hôm nào đây còn bay bổng trong không gian, còn trực thăng vận nhảy trên đầu địch, còn mày mò trong rừng sâu ngày này tháng nọ, còn xiết cò đốn ngã bọn cướp, còn biết thương đồng đội khiến quên thương thân mình. Mới hôm nào mà giờ đây đã phải nằm im mắt nhìn xa vắng, nhìn chung quanh chỉ lặng ngắt tường vôi trắng, lặng ngắt trong đơn côi, khi nhà thương hết giờ thăm viếng.

Có thật hạnh phúc không trong những giờ vợ con vỗ về, chăm sóc? Nếu quả thật có thì sao hạnh phúc lại đơn sơ đến thế, lại chua chát đến thế, lại cay đắng đến thế? Nhất định không giây phút nào người lính biết đến cảnh sống kiêu xa lộng lẫy, cảnh thừa thãi yến tiệc trong an bình của những kẻ cũng mặc áo lính, mà dư thừa đến lợm giọng. Máu người lính đổ ra để đầy thêm bát yến trên bàn tiệc, để đầy thêm những chồng tiền trong két sắt. Máu người lính đổ ra để tăng thêm cường độ tâng bốc giữa các ngôi sao lấp lánh trên cổ áo, để đậm đà thêm cho bọng trưởng giả đú đởn tiếng cười.

Nơi phòng dưỡng thương, người lính hạnh phúc trường người cố với tay lấy mẩu bánh mì nhai vội cho đỡ đói trong đêm khi viết thương nhức nhối thêm trong tiếng nhai vội. Tôi không nhìn thấy nhưng tôi biết chắc đó là điều thật nhất.

Tôi đến với người tôi yêu như một nơi duy nhất có an ủi và chia sẻ với tôi nỗi buồn gậm nhấm suốt một ngày thê lương thăm đồng dội, chia sẻ với tôi một điều tôi không nên nghĩ.

* *Trích trong tác phẩm "Khoảng Tối Nhìn Lên" của CSVSQ Đào Đức Bảo, K21.*

Lễ Thắp Nến và Cầu Nguyện cho Tự Do và Công Lý của Hồng Kông và Việt Nam

Huỳnh Thủy Tammy K19/2

Kính thưa quý Bác, Cô, Chú cùng quý anh chị em thuộc đại gia đình Võ Bị khắp nơi,

Chứng kiến những bất công và đàn áp dã man từ giới cầm quyền và công an của Cộng Sản Trung Quốc và Việt Nam, chúng con không thể không cảm thấy xót xa cho những nạn nhân bị hành hạ xác thân khi họ chỉ yêu cầu QUYỀN TỰ DO được tôn trọng.

Tổng Đoàn TTNĐH, được sự yểm trợ của BCH Tổng Hội CSVSQ/ TVBQGVN, bác Nguyễn Văn Thiệt K18, Tổng Hội Trưởng, chú Võ Minh Hoà K.21, Tổng Hội Phó Đặc Trách TTNĐH, và chú Tăng Khải Minh K23, Cố Vấn Tổng Đoàn TTNĐH, đã đứng ra tổ chức buổi Lễ Thắp Nến và Cầu Nguyện

cho Tự Do và Công Lý của Hồng Kông và Việt Nam.

Trưa Chủ Nhật ngày 1 tháng 12 năm 2019, lễ Thắp Nến và Cầu Nguyện được tổ chức tại Văn Phòng Dân Biểu Tiểu Bang Texas, ông Hubert Võ, tại thành phố Houston, Texas, phía sau Tượng Đài Chiến Sĩ Việt Mỹ, với sự tham dự đặc biệt của Dân Biểu Tiểu Bang Texas Hubert Võ, cùng một số thân hữu cũng là anh chị em hậu duệ QLVNCH và đặc biệt là gia đình Võ Bị tại Houston gồm 3 thế hệ.

Chương trình được mở đầu với phần nghi thức chào cờ và phút mặc niệm. Anh Nguyễn Hoàng Dũng, K 21/2 phát biểu cảm tưởng và nêu lý do tại sao Tổng Đoàn TTNĐH đứng ra tổ chức buổi lễ. Theo anh, chúng con là con cháu của các CSVSQ/ TVBQGVN, là những người đã hy sinh thời trai trẻ để chiến đấu và gìn giữ nền độc lập tự do cho miền Nam trong suốt hơn 20 năm, trước sự xăm lăng của khối CS Thế Giới và CS Bắc Việt.

TTNĐH có trách nhiệm tiếp nối và gìn giữ cũng như phát huy tinh thần và ý chí chống Cộng của Cha Chú chúng con. Chúng con tuy sống xa quê hương nhưng luôn giữ vững lập trường Quốc Gia, ủng hộ những bạn trẻ đang dấn thân đấu

tranh cho một lý tưởng cao đẹp. Chúng con có trách nhiệm lên tiếng trước những bất công đàn áp và khủng bố của bạo quyền Cộng Sản vì rằng: "*Im lặng trước cái ác là đồng lõa với tội ác.*"

Tiếp theo, là phần phát biểu của CSVSQ Võ Minh Hòa, Tổng Hội Phó Đặc Trách TTNĐH (xin xem phần phát biểu), tiếp theo đó là phần thắp nến cầu nguyện. Các ngọn nến lung linh được thắp sáng trong khung cảnh trâm lăng với những nét ưu tư và trầm ngâm của gia đình Võ Bị cũng như thân hữu tham dự. Tất cả đều im lặng để hướng tâm tư và cầu nguyện cho cuộc đấu tranh dành tự do và độc lập, cầu mong sao dân tộc Hồng Kông và Việt Nam sớm thoát khỏi ách thống trị của Cộng Sản Trung Cộng và Cộng Sản Việt Nam.

Sau phần thắp nến và cầu nguyện là lời phát biểu của Dân Biểu Tiểu Bang Texas, ông Hubert Võ. Với cương vị là một vị Dân Biểu, ông đã ban hành đạo luật cấm treo cờ Cộng Sàn tại các trường học tại tiểu bang Texas và luôn hỗ trợ cho các cuộc đâu tranh chông độc tài Cộng Sản, đông thời tôn vinh Cờ Vàng qua những buổi Diễn Hành Tết hàng năm do văn phòng của ông tổ chức vào dịp Tết Nguyên Đán hàng năm. Dân Biểu Hubert Võ cũng là người thành lập bảng tên đường tiếng Việt tại khu sinh hoạt của người Việt tại thành phố Houston, hầu vinh danh những vị anh hùng trong QLVNCH đã tuẫn tiết và hy sinh trong trận chiến chống Cộng Sản.

Tiếp theo là phần ca nhạc đấu tranh với sự đóng góp của cô Giáng Hương K 25/1 (phu nhân CSVSQ Phùng Hữu Châu K 25), ca sĩ Henry, ca sĩ Hoàng Quân, và ban hợp ca Hồn Việt (trưởng nhóm là chị Trương Hiền K 8/2, ái nữ CSVSQ Trương Như Phùng Khóa 8). Chương trình ca nhạc đ chấp dứt với bài hát Đất Nước Lâm Nguy của cựu Đại Tá Thủy Quân Lục Chiến, nghệ danh Trang Thủy. "*Tổ Quốc lâm nguy, ta không đành ngồi yên…*"

Trước khi chấm dứt buổi lễ, anh Nguyễn Hoàng Dũng K

21/2, người điều khiển chương trình buổi lễ đã ngỏ lời cảm ơn đến đại gia đình Võ Bị, quý thân hữu và đặc biệt là vị Dân Biểu Tiểu Bang Texas, ông Hubert Võ đã dành thời gian đến tham dự và cùng thắp lên ngọn nến mong cho một Việt Nam và Hồng Kong sớm có được tự do dân chủ!

Trước khi chấm dứt phần tường trình, chúng con xin trân trọng cảm ơn đến quý cô chú bác sau đây đã dành thời gian quý báo đến tham dự cũng như yểm trợ tinh thần cho anh chị em TTNĐH chúng con:

Quý quả phụ bác Võ Văn Nghi K10/1, bác Nguyễn Duy Long K17/1, bác Lê H Đông, quý CSVSQ bác Võ Tình K17, hai bác Hà Kỳ Danh K18, bác Trần Văn Bường K18, hai bác Huỳnh Ngọc Ẩn K19, hai bác Đỗ Trọng Cường K19, bác Vũ Cao Đà K19, hai bác Võ Trọng Em K19, bác Hoàng Gia Hiếu K19, cô chú Hồ Tấn Đạt .21, cô chú Võ Minh Hòa K21, cô chú Nguyễn Trí Phúc K21, cô chú Tăng Khải Minh K23, và cô chú Phùng Hữu Châu K25.

Và xin đặc biệt cám ơn đến quý truyền thông như đài Apple TV, và Phóng Viên Thạch Thảo.

Cuối cùng, TĐ TTNĐH xin cảm ơn các anh chị sau đây đã bỏ thời gian lo lắng và chuẩn bị cho chương trình được chu đáo! Em thật ngưỡng mộ Tinh thần Tự Thắng Để Dấn Thân của quý anh chị!

Nguyễn Trương Kim Huyền K.10/2, Nguyễn Thắng K.10/2, David Võ K.19/2, Trúc Võ K.19/2, Huỳnh Mỹ Dung K.19/2, Nguyễn Hoàng Dũng K.21/2, Trần Phương Tuyền K.21/2.

Thay mặt Tổng Đoàn TTNĐH, xin kính tường trình,

Phát Biểu của CSVSQ Võ Minh Hoà, K21, Tổng Hội Phó Đặc Trách TTNĐH *

Võ Minh Hòa, K21

Với tư cách là Tổng Hội Phó đặc trách TTNĐH trực thuộc Tổng Hội CSVSQ/ TVBQGVN, tôi xin được đại diện các em cháu Thế Hệ Hai Võ Bị có lời chào mừng đến toàn thể quan khách có mặt tại hội trường ngày hôm nay.

Cám ơn quí vị đã đến tham dự thật đông đảo như thế nầy để cùng các cháu thắp lên ngọn nến cầu nguyện cho Tự Do và Công Lý của Hồng Kông và đồng thời cho Việt Nam thân yêu của chúng ta.

Như quí vị đã biết, Hồng Kông là đặc khu kinh tế mà Anh Quốc đã thuê mướn của Trung Quốc, cách đây trên 100 năm. Đến hết hạn kỳ, Anh trao trả Hồng Kông lại cho Trung Cộng với giao ước là phần đất này vẫn giữ nguyên thể chế Dân Chủ trên đất nước Trung Hoa, coi như là một Quốc Gia có hai chế độ.

Nhưng Trung Cộng với tham vọng bành trướng đất đai,

muốn nhuộm đỏ toàn lãnh thổ, nên đã xé bỏ giao ước, nhúng tay vào việc khuynh đảo chinh quyền Hồng Kông, đưa ra dự luật "*những người phạm tội tại Hồng Kông phải bị đưa về xét xử tại đại lục.* " Người dân nơi đây, dẫn đầu là lớp trẻ, bất mãn với dự luật đó đã kéo nhau xuống đường biểu tình. Tuần này qua tuần nọ các cuộc biểu tình, càng lúc càng đông lên đến hàng triệu người, đã trở thành các cuộc biểu tình vĩ đại nhất thế kỷ, làm chấn động lương tâm cả thế giới.

Trung Cộng, lo sợ là sự kiện này có thể lan đến lục địa và có thể thành biến thành một Thiên An Môn thứ hai sẽ xảy ra, đã ra lệnh cho chính quyền Hồng Kông (thuộc phe thân tín của Trung Cộng) thẳng tay đàn áp. Tuy nhiên, người dân đã tỏ ra bất khuất trước bạo quyền nên không chịu lùi bước. Trung Cộng đã cho đám người du côn thuộc xã hội đen trà trộn vào dân chúng đánh phá cuộc biểu tình. Không xong, chúng lại gởi đám cảnh sát chuyên nghiệp "chống biểu tình" của Trung Cộng giả dạng thành cảnh sát Hồng Kông sang đánh đập người biểu tình đến trọng thương, chết người rồi còn chặt tay chặt chân, quăng xác xuống biển. Thật là dã man, tàn bạo!

Cảm thông trước nỗi thương đau của người dân Hồng Kông

đang đấu tranh quyết liệt đòi tự do, dân chủ; Quốc Hội Hoa Kỳ đã thông qua dự luật Human Right lên án việc đàn áp tàn bạo của Trung Cộng đối với người dân Hồng Kông.

Cũng với ý nghĩa đó, ngày hôm này, chúng ta cùng các cháu TTNĐH, thắp lên ngọn nến ủng hộ tinh thần bất khuất của người dân Hồng Kông. Cũng như lời của cháu Dũng, MC của buổi lễ ngày hôm nay đã nói:

- "***Đây cũng là một ánh đuốc thúc đẩy cho giới trẻ Việt Nam hãy noi gương giới trẻ Hồng Kông, quật cường đứng lên kêu gọi toàn dân xuống đường lật đổ chế độ Cộng Sản, tranh đấu cho Tự Do, Công Lý, và Nhân Quyền cho Việt Nam.***"

Đại diện cho vị Tổng Hội Trưởng Tổng Hội CSVSQ/ TVBQGVN, tôi có lời nhiệt liệt khen ngợi việc làm có ý nghĩa của các cháu.

Hoan hô tinh thần Đoàn Kết và Dấn Thân của các cháu.

**** Trích đăng***

An Khang Hạnh Phúc!

CUỘC RÚT QUÂN KHỎI TIỂU KHU QUẢNG ĐỨC THÁNG 3 /75

TRẦN VĂN BƯỜNG, K18

1. Giới thiệu tỉnh Quảng Đức

Sau trận phản công ác liệt tiêu diệt hầu hết quân đặc công CSBV đã xâm nhập vào trong Căn Cứ 41A sát Đèo Chupao, giữa Kontum - Pleiku đêm 18 rạng ngày 19/6/1972, tôi được vinh thăng thiếu tá đặc cách tại mặt trận (điều chỉnh thực thụ tháng 4 năm 1973). Đó là phần thưởng cao quý nhất, mà tôi may mắn có được, đặc biệt đối với binh chủng Pháo Binh thì lại càng khó khăn gấp trăm lần. Gần một tháng sau tôi rời Tiểu Đoàn 233 Pháo Binh nhận chức Tiểu đoàn Phó Tiểu Đoàn 69 Pháo Binh đóng tại Ngã Tư Biển Hồ Pleiku. Với chức vụ mới này, tôi thường đi hành quân với tư cách sĩ quan phối hợp hoả lực Pháo Binh cạnh Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân (BĐQ) Quân Khu II của Đại Tá Phạm Duy Tất (sau lên chuẩn tướng), hoặc Bộ Chỉ Huy Tiền Phương của Quân Đoàn II với Đại Tá Nguyễn Trọng Luật.

Cuối tháng 11 /73, từ Pleiku tôi theo Bộ Chỉ Huy Tiền Phương Quân Đoàn II do Đại Tá Nguyễn Trọng Luật chỉ huy bay đến Tiểu Khu Quảng Đức điều động cuộc hành quân giải tỏa áp lực địch tại căn cứ Buprang thuộc quận Kiến Đức, tỉnh Quảng Đức. Căn cứ này nằm cạnh Quốc Lộ 14 sát ranh

giới Campuchia, cách thị xã Gia Nghĩa, Quảng Đức chừng ba mươi cây số về hướng Tây Bắc, đang được liên đoàn Địa Phương Quân của Tiểu Khu Khánh Hòa tăng phái và Tiểu Khu Quảng Đức bảo vệ. Vừa đến trung tâm hành quân Tiểu Khu đêm thứ Hai, căn cứ Buprang bị thất thủ vì đặc công địch có xe tăng T54 yểm trợ. Chẳng may Trung Tá Trường Sơn, Tiểu Khu Phó Tiểu Khu Quảng Đức, Trung Tá Võ Khâm, Tiểu Khu Phó Khánh Hòa, và Thiếu Tá Nguyễn Hưũ Nghiã, Chỉ Huy Trưởng PB/ TK/ QĐ bị mất tích trong trận này.

Tôi được lệnh thay thế Thiếu Tá Nghĩa ngay hôm đó. Một tuần sau Đại Tá Phạm Văn Nghìn về làm Tỉnh Trưởng Quảng Đức thay thế Trung Tá Nguyễn văn Thiện. Sau đó, Đại Tá Nghìn đã giao tôi kiêm nhiệm luôn chức vụ Tham Mưu Phó Hành Quân Tiểu Khu. Vì vậy tôi có dịp đi lại nhiều nơi, biết nhiều điều đặc biệt về quân sự thuộc Tiểu Khu Quảng Đức từ lúc tới cho đến khi rút quân.

Trung Úy Trần Văn Bường, 1966

Quảng Đức (nay Đăk nông) là một tỉnh nhỏ được thành lập từ thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm nằm dọc theo Quốc Lộ 14, phân ranh giữa Campuchia và Việt Nam; cùng giáp với các tiểu khu Phước Long (Quân Khu 3), Lâm Đồng, Tuyên Đức, và Daklak (thị xã Ban Mê Thuột). Tỉnh có ba quận: Kiến Đức, Gia Nghĩa, Đức Lập, và Chi Khu Biệt Lập Đức Xuyên.

Dân chúng hầu hết là người Thượng sống bằng nghề làm rẫy và săn bắn thú rừng, còn lại là người Kinh, hầu hết là gia đình quân nhân, công chức và dân buôn từ miền xuôi lên. Đặc biệt quận Đức Lập nằm về hướng Đông Bắc của tỉnh Quảng

Đức, giáp với tỉnh Daklak, đất đai màu mỡ, dân chúng phần nhiều là người miền Trung di cư vào lập nghiệp từ năm 1954, sống về nghề trồng trà và café rất thịnh vượng.

Tỉnh Quảng Đức nằm sát ranh giới Campuchia, hành lang xâm nhập của quân Bắc Việt nên chịu áp lực của Cộng Quân rất nặng nề. Đoạn Quốc Lộ 14 giữa tỉnh Phước Long và Quảng Đức bị gián đoạn từ lâu, vì vậy Quảng Đức chỉ còn xử dụng được đoạn đường bộ duy nhất từ tỉnh đi Ban Mê Thuột mà thôi. Tỉnh Phước Long (Quân Khu 3) giáp với tỉnh Quảng Đức (Quân Khu 2) lại rơi vào tay địch cuối năm 1974.

2. Trận đánh mở màn "Chiến dịch mùa Xuân của VC" tại cao nguyên Quân Khu 2.

Theo tin tình báo cũng như tài liệu thu được do hệ thống điện tử chung quanh chi khu Đức Lập cho biết, Sư Đoàn 968 tân lập cùng Sư Đoàn 10 Bắc Việt sắp tấn công quận Đức Lập và Ban Mê Thuột vào cuối tháng hai hay đầu tháng 3 năm 1975. Đại Tá Phạm Văn Nghìn, Tiểu Khu Trưởng Tiểu Khu Quảng Đức đã xin thêm quân đề phòng thủ quận Đức Lập, nhưng chưa được. Để đánh lạc hướng địch một phần nào, sáng ngày thứ Bảy (8/3/75), tôi tháp tùng Đại Tá Nghìn đáp trực thăng xuống chi khu Đức Lập. Chúng tôi đã gặp Đại Tá Vũ Thế Quang, Tư Lệnh Phó Sư Đoàn 23 Bộ Binh, cũng đến đây thị sát tình hình.

Đại Tá Nghìn chỉ thị Trung Tá Trần Nguyên Khoa (K18 Võ Bị), Trung Đoàn Phó Trung Đoàn 53 BB, đang chỉ huy trung đoàn trừ (-) đóng gần chi khu Đức Lập, phải dời bộ chỉ huy nhẹ của ông cùng các đơn vị bảo vệ vào căn cứ Daksak. Căn cứ này rất kiên cô do lực lượng đặc biệt Mỹ đê lại cách vị trí đóng quân hiện tại chừng ba cây số. Trung Đoàn 53 BB (trừ) đang được tăng phái cho Tiểu Khu Quảng Đức.

Nói là trung đoàn trừ chứ thực sự quân phòng thủ tại Bộ Chỉ Huy nhẹ chỉ có một chi đoàn trừ (-) 1/8 thiết vận xa M113 của Đại Uý Tánh, đại đội trinh sát của trung đoàn mà phân

nửa đã hoạt động bên ngoài tìm tin tức, một trung đội Pháo Binh 105 ly (thuộc Tiểu Đoàn 231 PB), một trung đội Pháo Binh 155 ly, thuộc Tiểu Đoàn 230 PB, và một ít bệnh binh của Tiểu Đoàn 2/ 53 BB. Thám sát xong, Bộ Chỉ Huy nhận thấy không có đủ thời gian nên việc di chuyển dời lại sáng hôm sau (9/3/75).

Nào ngờ, khoảng bốn giờ sáng, tức trước một giờ quân ta chuẩn bị di chuyển vào căn cứ Daksak như dự định, Cộng quân bắt đầu pháo kích ào ạt, rồi sau đó tấn công biển người vào các đơn vị của ta đang bảo vệ quận Đức Lập.

Chẳng may những đợt pháo đầu tiên của địch lại trúng ngay vào bộ chỉ huy nhẹ của Trung Tá Trần Nguyên Khoa. Dù ông là một sĩ quan giỏi, lanh lợi, đã từng được thăng cấp tại mặt trận, nhưng vì nơi đóng quân hiện tại là một căn cứ dã chiến hầm hố không được kiên cố lắm, nên không chịu nổi sức công phá của các loại pháo địch, đặc biệt đại bác 130 ly và hoả tiễn 122 ly. Cầm cự không lâu, hơn phân nửa số thiết vận xa bảo vệ bộ chỉ huy nhẹ bị tê liệt, hầm chỉ huy của Trung Tá Khoa bị sập, Đại Úy Bùi Minh Ngọc (Phan Thiết), sĩ quan liên lạc Pháo Binh của Trung Đoàn 53 BB chết tại chỗ. Trung Tá Trần Nguyên Khoa bị thương ở sau ót và cánh tay trái gãy gần đứt lìa được lính Pháo Binh dìu ra khỏi căn cứ, nhưng rồi bị bắt làm tù binh ngày hôm sau. Nếu, nếu... hôm đó (8/3/75), Bộ Chỉ Huy nhẹ Trung Đoàn 53 BB di chuyển đi, Việt Cộng không nghiên cứu mục tiêu kịp, tình hình có thể khác. Điều này rất đúng với câu ta từng học: "*Không nên để lại ngày mai những gì có thể làm hôm nay.*"

Chi khu Đức Lập gần đó cũng bị pháo kích và tấn công tơi bời cùng một lúc nhưng nhờ hầm hố kiên cố cộng với sự gan lì, mưu lược của Trung Tá Quận Trưởng Nguyễn Cao Cực (K13 Võ Bị), Việt Cộng không làm gì được, đành bỏ đầy xác ngoài bờ rào quận. Còn tại căn cứ Núi Lửa cách chi khu Đức Lập về phía Tây chừng sáu cây số do Trung Đội Pháo Binh 105 ly của Trung Úy Tạ Viết Quý được bảo vệ bởi đại đội chỉ

huy thuộc Tiểu Đoàn 261 ĐPQ/ QĐ (các đại đội tác chiến hoạt đông bên ngoài) của Thiếu Tá Bùi Ngọc Long cũng bị pháo kích nặng nề.

Tóm lại, Việt Cộng đồng loạt tấn công ba nơi trên cùng một lúc với những cơn mưa pháo kích tới tấp khiến chúng ta không thể yểm trợ hỗ tương nhau được. Chúng đã áp dụng tiền pháo hậu xung biển người rất hiệu quả. Khoảng bảy giờ sáng, sau khi nhận được chiếc trực thăng tăng phái từ Phi Đoàn 235 Trực Thăng Pleiku, tôi tháp tùng Đại Tá Nghìn bay về hướng Đức Lập. Trước khi rời trung tâm hành quân tiểu khu, tôi còn nghe Trung Úy Quý (Pháo Binh tại Núi Lửa) vừa nói, vừa cười báo cáo thành tích hạ địch của đơn vị mình:

-"Bắn đã tay quá Bắc Bình ơi!" (Bắc Bình là danh hiệu truyền tin của tôi.)

Tôi mừng thầm nghĩ căn cứ này còn ngon lắm. Sau khi lên trực thăng vài phút tôi gọi tiếp anh Quý nhưng không nghe trả lời. Bên tần số Bộ Binh bảo vệ anh cũng không liên lạc được. Bay gần tới căn cứ Núi Lửa, tôi gọi mãi cũng không nghe anh hồi âm mà chỉ thấy một làn khói trắng từ đó bốc lên. Làn khói đó chính địch đã đánh dấu cho phe chúng biết đã chiếm được mục tiêu Núi Lửa. Thấy làn khói bốc lên chúng tôi nhìn nhau không ai nói gì ngoài nỗi ngậm ngùi thương xót số phận quân mình, thuộc cấp mình mà chỉ còn có cách báo cáo lên thượng cấp xin tăng viện từ Sư Đoàn 23 BB (phần còn lại của trung đoàn 53/BB hiện đóng tại Ban Mê Thuột) và Quân Đoàn II mà thôi.

Tôi xin mở dấu ngoặc ở đây để nói rõ hơn về việc mất liên lạc đột ngột với căn cứ Núi Lửa nói trên. Cuối năm 1983, vừa được phóng thích khỏi trại tù Z30D Hàm Tân (từ Nam ra Bắc rồi trở lại HàmTân), tôi lên xe đò đi thẳng về Phan Thiết thăm Ba Má tôi, tình cờ gặp anh Tạ Viết Quý (Trung Đội Trưởng Pháo Binh Núi Lửa) đang bán quán café chồm hổm tại bến xe đò Phan Thiết-Sài Gòn.

Anh em nhìn nhau nghẹn ngào trong lần tái ngộ đau thương giữa cuộc đổi đời cay nghiệt. Hình như anh Quý đoán được tôi mới "xổ chuồng" qua gương mặt hốc hác, gầy gò trong bộ đồ rách nát dính đầy than bụi từ xe đò bước xuống, anh niềm nở mời tôi dùng ly càfê, gọi là tình nghĩa thầy trò thuở nào trong đơn vị. Nhắc lại chuyện mất liên lạc tại căn cứ Núi Lửa năm nào, anh Quý trầm ngâm một lát, ánh mắt hướng về nơi xa xăm dường như để hồi tưởng lại quá khứ rồi cho biết:

- "Sở dĩ tôi mất liên lạc với anh sáng hôm đó vì đang bắn địch ngon lành, bỗng dưng đài tác xạ Pháo Binh bị pháo sập chết mấy người và địch ùa vào từ lưng đồi phía sau. Bất ngờ không trở tay kịp, tôi đành phải tìm đường "tẩu mã."

Anh vừa nói vừa cười một cách chua chát, đắng cay vì phải dùng từ ngữ "tẩu mã" (chạy). Tôi hỏi anh:

- "Anh bắn hay quá sao để chúng bắn sập hầm chỉ huy?"

Mặc dù biết tôi đùa nhưng anh cũng giải thích cho vui:

- "Chúng trôn chui trôn nhủi nơi nào mình đâu có biết. Trong khi đó vị trí mình nằm một chỗ trơ trơ, chúng bắn điều chỉnh hoài phải trúng thôi".

Tóm lại, lúc bấy giờ chỉ còn Bộ Chỉ Huy Chi Khu Đức Lập của Trung Tá Nguyễn Cao Vực, dù không được yểm trợ của quân bạn vẫn cầm cự sống chết với địch. Trong khi kêu gào cấp trên tăng viện gấp, Đại Tá Tỉnh Trưởng và tôi vẫn bay vòng vòng rất thấp trên khu vực quận Đức Lập đến trưa để hướng dẫn, trấn an, và khuyến khích Trung Tá Nguyễn Cao Vực, cùng thuộc hạ cố gắng phòng thủ chờ quân ta từ Ban Mê Thuột tiếp viện. Xa xa đằng kia Trung Tá Võ Ân (K12 TĐ), Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 53 BB (ông lên đại tá trước ngày quân ta nhận lệnh đầu hàng, qua Mỹ theo diện H.O đã tử bệnh tại đây), cũng đang bay tìm quân của bộ chỉ huy nhẹ trung đoàn đang thất lạc.

Khác với những lần trước, mỗi khi bị địch tấn công mạnh, ngoài lực lượng Pháo Binh sẵn có, phi cơ yểm trợ đủ loại bay

đầy trời. Lần này, mấy ngày nay vùng trời Đức Lập phẳng lặng, vắng vẻ làm sao! Tàu bay, tàu bò biến đâu cả ngoài hai chiếc trực thăng chỉ huy nói trên. Trong khi đó tại Ngã Ba Dakson, cách căn cứ Núi Lửa chừng tám cây số về hướng Tây, Tiểu Đoàn 2/ 53 BB của Đại Úy Nguyễn Tiên và một trung đội Pháo Binh 105 ly đóng quân không thấy đấm đá gì, nhưng không hiểu tại sao chúng tôi không liên lạc được họ. Quá đau lòng trước việc quân bạn bị thất thủ nên sau khi Đại Tá Nghìn quay về trung tâm hành quân tiểu khu, tôi cùng phi hành đoàn mỗi người một khúc bánh mì bay trở lại hướng Ngả Ba Dakson.

Trực thăng bay vòng nhiều lần trên vùng này càng lúc càng thấp để cố gắng liên lạc và quan sát tình hình. Thấy Tiểu Đoàn 2/ 53 BB vẫn đang tư thế bố trí sẵn sàng chiến đấu, tôi yêu cầu phi cơ trưởng (hình như anh Hùng Thầy Tu hay anh Trần Hoài) tìm cách đáp xuống. Anh bay thêm mấy vòng để xem hướng nào thuận tiện và an toàn, rồi anh... đột nhiên nhào xuống rất nhanh trông như chú diều hâu đang xà xuống gắp mồi. Đang tư thế sắp đậu, bỗng nhiên nhiều loạt pháo kích của đối phương rớt cạnh máy bay khiến anh ta lái trực thăng lướt về phía trước cất cánh lên lại, xém đụng rừng thông trước mặt. Một phen xém chết đã qua! Anh quay lại nhìn tôi với nét mặt thầm trách "nguy hiểm vậy mà bảo đáp". Anh phi công này rất lanh lợi và gan dạ, nếu không thì cả tàu không chết vì pháo địch cũng chết vì rừng cây thông hướng phía trước.

Lúc bấy giờ như người điếc không sợ súng, không còn e ngại hỏa tiễn SA7 và hỏa lực phòng không của địch từ đất bắn lên, tôi liền ra lệnh cho phi hành đoàn tìm cách né căn cứ Núi Lửa bay ra trung đội Pháo Binh tại căn cứ Doris, đang được trung đội Địa Phương Quân bảo vệ. Căn cứ này nằm trên Quốc Lộ 14, giáp ranh quận Đức Lập và Ban Mê Thuột, cách chi khu Đức lập khoảng mười lăm cây số, ngoài tầm yểm trợ về chi khu Đức Lập. Trung Úy Nguyễn Văn Năm, khóa 4/68 TĐ, nổi tiếng là người hùng diệt xe tăng địch bằng đạn khói

Pháo Binh, theo lệnh tôi trong trận Buprang thuộc quận Kiến Đức (Quảng Đức) tháng 11 năm 1973. Khi thấy trực thăng chúng tôi đang bay trên vùng đóng quân, anh Năm liền yêu cầu tôi quan sát dùm hướng Bắc căn cứ anh vì "dường như có tiếng xe tăng xuất hiện". Đặc biệt anh lại thòng thêm câu:

- "Xe tăng muốn chết hay sao mà dám vào đây ban ngày."

Tôi nhắc lại câu này để chứng tỏ rằng ai đã từng trực tiếp

Một đơn vị Pháo Binh đang tác xạ vào mục tiêu.

diệt xe tăng, hay được biết "đạn khói Pháo Binh" thừa sức diệt tăng địch thì sẽ không e sợ khi nghe thấy xe tăng địch xuất hiện, vỉ xử dụng Pháo Binh phòng thủ trị tăng rất hiệu quả. Rất tiếc trực thăng tôi chỉ bay quan sát được một vòng lại hết xăng nên đành quay về Tiểu Khu Quảng Đức. Từ đó tôi không còn dịp bay trực thăng C&C nữa cho đến ngày Quảng Đức rút quân. Căn cứ Doris bị cô lập từ hôm đó (vì xa không liên lạc thẳng được tiểu khu) nên khi hay tin Ban Mê Thuột thất thủ, thầy trò anh Năm cũng đành phá súng băng rừng tìm về Nha Trang, cuối tháng 3/75.

Ngày thứ nhất (9 tháng 3/75) dài lê thê trong nỗi mong chờ quân tiếp viện từ Ban Mê Thuột sẽ đến vào ngày mai. Ngày mai đó đã đến nhưng không mang theo niềm hy vọng như ta

mong đợi mà lại mang đến một tin đầy thất vọng:

"Cộng quân lại tấn công thẳng vào Ban Mê Thuột trong đêm (10/3/75).

Vậy là hết trông chờ vào ai cứu mình nữa. Các lực lượng khác của ta đồn trú tại Quảng Đức đều bị địch cầm chân nên không thể nào lấy đi giúp Đức Lập được. Càng chờ đợi, tổn thất càng tăng lên trước những loạt pháo kích đủ cỡ của địch. Mặt khác, không còn trông chờ vào quân bạn tiếp viện được nữa, Trung Tá Nguyễn Cao Vực cùng thuộc cấp đành rút khỏi quận, băng rừng tìm về căn cứ Đạo Trung mấy ngày sau và được trực thăng đón về Tiểu Khu Quảng Đức. Đạo Trung cách Quảng Đức chừng 15 cây số.

3. Rút quân

Đức Lập và Ban Mê Thuột đã mất, như vậy từ trái (Phước Long) sang phải kể cả về hướng trước mặt của tỉnh Quảng Đức đã hoàn toàn lọt vào tay VC. Ta chỉ còn một phần phía sau giáp với tỉnh Tuyên Đức và Lâm Đồng, phân ranh với sông Kinh Đà, con lộ duy nhất nối liền hai tỉnh Quảng Đức và Lâm Đồng đã bỏ phế từ lâu do VC kiểm soát.

Trước tình trạng tỉnh bị cô lập tam phương, tứ hướng lại không còn được yểm trợ quân sự và địch ngày càng bám sát đánh phá ta nhiều nơi trong tỉnh, tinh thần chiến đấu các đơn vị quân đội và dân chúng có phần sa sút. Các vị thân hào nhân sĩ trong tỉnh đã liên lạc với trung ương xin tỉnh Quảng Đức được rút bỏ sớm hầu giảm thiểu thiệt hại. Chưa thấy kết quả ra sao, bỗng trưa ngày 23 tháng 3 năm 1975, khi biết tin Quân Đoàn II bị tổn thất nặng nề lúc rút lui và Ban Mê Thuột đã thất thủ, toán liên lạc Không Quân (ALO) của Đại Úy Cầu, thuộc Tiểu Khu Quảng Đức, đột nhiên lên trực thăng rời tỉnh mang theo tất cả phương tiện điều động không yểm, khiến tinh thần quân dân trong tỉnh đã bất ổn, càng thêm nao núng.

Trưa hôm đó, Trung Tá Phạm Đức Dư vừa về giữ chức Tham Mưu Trưởng khoảng mươi ngày (thay tôi đang xử lý

thường vụ chức vụ này được vài tháng), ra lệnh triệu tập buổi họp khẩn cấp. Lúc bấy giờ Đại Tá Phạm Văn Nghìn đang đi họp ở Quân Đoàn II chưa về. Buổi họp gồm có Trung Tá Dư; Trung Tá Hoàng Kim Thanh (Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn 24 BĐQ) đóng tại quận Kiến Đức; Thiếu Tá Phạm Văn Tư, Trưởng Phòng 3 Tiểu Khu; và tôi, Thiếu Tá Trần Văn Bường, Chỉ Huy Trưởng Pháo Binh, kiêm Tham Mưu Phó Hành Quân Tiểu Khu. Vừa vào họp Trung Tá Dư tuyên bố:

- "Hôm nay, chúng ta hành quân về phương Đông (hướng Lâm Đồng)."

Chỉ một câu đơn giản ai cũng hiểu đó là lệnh rút lui, không cần sơ đồ, phóng đồ gì cả. Thành ra với vị trí đóng quân hiện tại, Liên Đoàn 24 BĐQ đi theo phương giác từ Nhơn Cơ (Kiến Đức) về Lâm Đồng. Các đơn vị tiểu khu đóng gần đó cũng vậy.

Sau khi rời phòng họp, tôi cho lệnh Thiếu Tá Trưởng Phòng 3 Phạm Văn Tư ra lệnh các đơn vị tăng phái cũng như các đơn vị trực thuộc đóng quân quanh thị xã đi theo đường mòn xe be đến bờ phà sông Kinh Đà về quận Di Linh (Lâm Đồng),Trung tâm hành quân, trung tâm tiếp vận tiểu khu, đặc biệt kho xăng và kho đạn phải phá huỷ; không được phá phách bệnh viện, phố xa, chợ búa. Cần nói thêm, trong thời gian này tiểu khu Ninh Thuận tăng phái cho Tiểu Khu Quảng Đức hai đại đội biệt lập (4 đại đội luân phiên); một của Đại Úy Nguyễn Văn Đức (Phan Thiết, K20 VB), một của Đại Úy Tôn Thất Kỳ (Huế), Đại Úy Trần Công Triệt (Phan Rang, K18 VB), và...

Riêng Pháo Binh, tôi cho lệnh các trung đội trưởng phá huỷ súng băng loại lựu đạn M14. Loại lựu đạn này có chứa chất chì đặc biệt chảy ra bám vào nòng súng không xử dụng được. Chỉ có trung đội Pháo Binh của Trung Úy Nguyễn Văn Bá đóng trên đường hành quân được giữ nguyên kéo theo đoàn quân mà thôi. Tôi không quên nhắc anh Bá mang theo nhiều đạn "bi hiu" (Beehive) chống biển người và đạn khói chống

xe tăng của địch mà chính tôi đã từng xự dụng thành công mỹ mãn trước đây.

Đoàn quân dân rời bộ chỉ huy Quảng Đức được khoảng năm giờ đồng hồ, một tin không vui đưa đến. Từ đầu máy bên kia, Trung Úy Bá báo cáo:

- "Cầu nhỏ bắt qua suối bị hư không thể nào kéo súng qua được, Bắc Bình ơi!"

Chết cha! Đi hành quân mà không có đại bác yểm trợ thì cả là một bất lợi khi xe tăng địch xuất hiện ngoài tầm vũ khí cá nhân, hay dùng biển người tấn công ta. Nguy hiểm quá! Tôi than thầm như vậy, nhưng mặt khác vẫn cố giữ bình tĩnh ra lệnh cho anh Bá cố gắng thám sát hai bên cầu tìm mọi cách kéo súng qua. Bấy giờ trời vừa tối, ánh hoàng hôn cuối cùng đang từ từ khuất sau rặng núi cao. Tôi cho đoàn quân tạm nghỉ chờ. Chừng nửa giờ sau, Trung Úy Bá cho biết không đem súng qua được vì con rạch tuy nhỏ nhưng đất mềm dễ bị lún. Tôi đành cho lệnh phá súng Pháo Binh và tiếp tục bám sát theo đoàn quân trước. Đi được hơn một giờ đồng hô đoàn quân nghỉ qua đêm và tới bờ sông Kinh Đà (ranh giới Quảng Đức Lâm Đồng) khoảng năm giờ chiều ngày hôm sau.

Đang chuẩn bị vượt sông để theo đường mòn về hướng Quận Di Linh như lời đề nghị của Thiếu Tá Nguyễn Văn Ấn (Quận Trưởng Di Linh, cùng K18 VB với Trần Nguyên Khoa và tôi), bỗng từ bên kia bờ sông có tiếng la của đám VC dội lại:

- "Muốn qua sông phải bỏ súng xuống đi từng người một đưa hai tay lên đầu."

Nghe chúng hô "Đưa tay lên đầu", tôi đâm tức chưởi thầm một mình "Đ.. m... đầu hàng cái..." Tôi quan sát thấy chúng chỉ có chừng mươi lăm tên nối tiếp nhau đi chung quanh các gốc cây cổ thụ bên bờ sông để chúng tôi lầm tưởng chúng có nhiều lắm. Biết vậy không làm gì được, vì khúc sông này rộng khoảng bốn năm trăm thước; nước sâu tới rốn chảy hơi xiết

khó lòng vượt nhanh để trấn áp chúng. Tôi tiếc thầm, nếu súng Pháo Binh không bị bỏ lại, ta chỉ cần trực xạ mấy quả cho cha con chúng nhảy hết, tha hồ lội qua sông. Nhưng dù sau cũng may cho chúng tôi phát giác được chúng bên đó, nếu không, đoàn quân ta cứ tà tà lội qua như chỗ không người thì sẽ... Nếu không bị bắt làm tù binh thì cũng bị đi mò tôm cả đám giữa giòng sông. "*Biết Người biết ta trăm trận trăm thắng*", ông bà ta nói như vậy. Biết mình ở thế bất lợi, thôi đành nhịn nhục tìm đường khác đi để tránh thiệt hại, đó là thắng vậy.

Sau khi hội ý với Trung Tá Dư, tôi cho lệnh Đại Úy Ngô Văn Nhị (K12 TĐ), Chỉ Huy Phó Pháo Binh của tôi, hướng dẫn toán lính hỗn hợp Địa Phương Quân và Pháo Binh đi lui về sau, dùng phương giác đi về hướng Tây dọc theo bờ sông Kinh Đà tìm chỗ vượt sông dễ hơn, để đánh bọc hậu địch cho đoàn quân sau vượt qua. Mục đích cho đi lùi về sau để đánh lạc hướng địch và dân chúng khỏi bám theo. Nếu dân chúng bám theo sẽ làm lộ kế hoạch; hơn nữa họ không thể gồng gánh, bồng bế con cái lên đồi xuống dốc được. Giữ an ninh cho họ, phía sau còn có quân của Chi Khu Khiêm Đức do Thiếu Tá Quận Trưởng Nguyễn Khắc Hiếu (K19 VB) chỉ huy. Ngoài ra còn có mặt cả hai vị trưởng và phó ty An Ninh Quân Đội (Thiếu Tá Đậu Văn Đề, Thiếu Tá Nguyễn Văn Điệp) và nhóm Cảnh Sát Quốc Gia của Trung Tá Giang.

Trong khi cánh quân của tôi đi về phía phải (hướng Tây) thì Tiểu Đoàn 259 ĐPQ của Thiếu Tá Phan Văn Giỏi đi về phía trái (hướng Đông) dọc sông Kinh Đà về cầu Đại Ninh, ranh giới Đà Lạt và Lâm đồng. Đi nhiều hướng địch không có đủ quân bám theo ta.

Màn đêm dầy đặc, đoàn quân di chuyển rất chậm, nhiều lúc phải xử dụng đèn pin tìm lối đi. Nhìn cảnh di quân lúc bấy giờ, tôi liên tưởng đến lời bài hát trước đây từng nghe: "*Chiều trong bóng mờ, đoàn quân thắp thoáng, lá cây rừng*...." Thỉnh thoảng nghe nhiều tiếng kêu "oang oác" từ xa của các chú mang (nai con) lạc đàn, hoặc thấy những đôi mắt ngơ ngác dại

khờ của các chị mễn đang nhìn chăm chăm ánh đèn pin. Bình thường gặp như vậy số mạng các chị xem như đã xong rồi và chúng ta có một bữa nhậu thịt rừng hả hê. Đằng này có lệnh không được nổ súng chỉ trừ trường hợp gặp địch, nên các chị được thêm tuổi thọ.

Lội suốt đêm gần tới năm giờ sáng, Đại Úy Ngô Văn Nhị báo cáo đã tới khúc sông có thể vượt được. Đại Úy Nguyễn Duy Huynh, xử lý thường vụ Chỉ Huy Trưởng Trung Tâm Trưởng Trung Tâm Tiếp Vận, tiến về phía trước tăng cường cho Đại Úy Nhị tìm cách vượt sông. Vì đường đồi lên xuống khó khăn, tối om như mực lại đi theo phương giác từ trong màn sương bao phủ nên khi gặp bờ sông, chỉ cách điểm đứng chiều hôm qua ba bốn cây số thôi. Nhận thấy khúc sông này hơi cạn, đá lởm chởm dù nước chảy siết nhưng có thể vượt được. Đại Úy Nhị cho anh hạ sĩ quan Pháo Binh buộc sợi dây thừng lội qua bờ sông bên kia cột vào gốc thông nào đó cho đoàn quân sau nắm đi qua. Chẳng may anh này bị trượt chân và chết giữa giòng sông. Toán quân gần đó đổ xô tới tiếp cứu nhưng vô vọng. Sợ bị lộ điểm vượt sông vì những tiếng la ồn ào khi tiếp cứu, tôi ra lệnh đoàn quân tiếp tục đi tìm nơi an toàn hơn để vượt. Đi mãi đến chiều mới gặp khúc sông dù sâu rộng, nhưng nước chảy chậm lờ đờ có thể vượt qua dễ hơn.

(Còn tiếp)

Nguyên Chỉ Huy Trưởng Pháo Binh kiêm
Tham Mưu Phó Hành Quân Tiểu Khu Quảng Đức.

Hạn Chót
Deadline - Dernière Limite!

Ấu Tím, K26

Ngày mai là hạn chót - deadline - dernière limite để nộp bài cho báo Đa Hiệu, vì báo sẽ được phát hành trước Tết Âm Lịch. Đây là thời gian của các lễ hội rầm rộ sau lễ Ma Quỷ Halloween - Tạ Ơn Thanksgiving - New Year và Tết! Muốn trang trải suy nghĩ trong trí xuống tờ giấy in qua nhiều giai đoạn. Thứ nhất phải có điều gì thôi thúc ghê lắm mới có sức gõ bài, thứ hai trong lòng phải cảm được điều mình muốn, muốn kể, muốn chuyển đến người sẽ đọc, thứ ba phải được duyệt xem có phù hợp với tờ báo hay không, thứ tư mang đến nhà in, thứ năm phát hành và gởi đi. Những giai đoạn sau hạn chót sau deadline sau Dernière limite là thế và tôi viết.

Bây giờ khi có dịp gặp bạn hữu, sau câu chào hỏi thay vì chén anh chén chú là chuyện kể về thuốc uống trị bịnh và rủ nhau đi chơi khi gối còn cho phép, khi đầu óc còn minh mẫn để mua vé máy bay để đổi chuyến bay ở phi trường trung chuyển và nhất là còn nét phương phi khỏe đẹp để chụp hình, vì ai mà chẳng có một chiếc Iphone. Chúng tôi vừa đi chơi một chuyến rất vui rất gần, chỉ ba tiếng cách biệt với California nên giấc ngủ không bị ảnh hưởng nhiều lắm để ngóng Thu mà chẳng cần ngóng Thu cũng ghé. Người ta bảo tuổi vào Thu hay bị bệnh "ấm ớ" giống như các cô các cậu

bước từ phía "con nít ranh" sang thanh niên - thiếu nữ, con trai bắt đầu bể tiếng con gái bắt đầu trổ mã. Đứa bị gọi là "gà tồ", hay đứa bị kêu là "ngựa chứng" có lẽ gà tồ và ngựa chứng đều ấm ớ giống các quý bậc trưởng thượng vào Thu là cùng. Thời xa xưa người ta dùng kinh nghiệm để răn đe dậy dỗ quý "gà tồ- ngựa chứng". Bây giờ hiện đại hơn, người ta dựa trên các nghiên cứu khoa học để phán quyết lý do tại sao có những khoảnh khắc ấm ớ ấy!

Ấm ớ có nghĩa là gì nhỉ, đôi khi nghe là: "Ấm ớ hội tề" cũng có lúc bị nghe "Ấm a ấm ớ!" Thế là sao nhỉ người miền nào hay dùng nhóm từ ngữ này, thôi thì mình viết theo kiểu mình hiểu khi bị mắng vậy nhé. Ấm ớ nghĩa là lơ tơ mơ nửa này nửa nọ, ngô chẳng ra ngô khoai chẳng ra khoai, mơ màng bất chợt, xuất khẩu thành thơ, âm ư ca hát xem chung quanh chẳng có ai ngoài mình vì khi nổi cơn ấm ớ thích là làm không sợ ai cười, chẳng màng ai ngắm chỉ có ta cùng những điều ấm ớ thế thôi – chẳng ấm ớ sao bật nên những câu thơ câu nhạc để đời kia chứ. Nhạc sĩ Cung Tiến đã hát vang:

Chiều hôm qua lang thang trên đường – hoàng hôn xuống chiều thắm muôn hương – chiều hôm qua lòng tôi bâng khuâng – có mùa Thu về tơ vàng vương vương!

Lúc đó, ông 15 tuổi.

Nhà thơ Nguyễn Bính 13 tuổi đã xuất sắc thế này:

"Anh đố em này: Làng ta chưa vợ mấy người ?Chưa chồng mấy ả, em thời biết không? Đố ai đi khắp Tây Đông, làm sao kiếm nổi tấm chồng như chúng anh đây? Làm sao như rượu mới say, Như giăng mới mọc, như cây mới trồng? Làm sao như vợ như chồng? Làm sao cho thỏa má hồng răng đen? Làm sao cho tỏ hơi đèn? Làm sao cho bút gần nghiên suốt đời? Làm sao anh khen em tài ? Làm sao em đáp một lời làm sao?..."

Vòng tròn tạo hóa khép dần lại cho quý cụ "vào Thu" trở về thuở lơ tơ mơ – nhớ nhớ quên quên ấm a ấm ớ – có lẽ đã

có những bài phân tích rạch ròi về tế bào óc là nguyên nhân chi đó. Nhưng cần gì phải rạch ròi kia chứ, cứ thong thả rồi thì Thu cũng ghé. Và nhóm chúng tôi những người chưa vào Thu đã Thu hơn cả Thu gặp nhau và cùng chia nhau những "Ấm a ấm ớ" tuyệt vời.

Chúng tôi cùng đi tìm mùa Thu ở tại thành phố hiền hòa Fort Mill, South Carolina chúng tôi đi ngắm mặt trời lặn trên mặt hồ nhân tạo chứa nước cho vùng Nam - Băc tiêu bang Carolina. Hồ Wylie có diện tích rộng 54 Km dài 523 Km. Muốn tả hết cảnh đẹp nơi này không gì bằng đến tận nơi ngồi xuống những chiếc ghế được đặt ven bờ có ghi tên người tặng, hay thong thả đi bộ dọc bờ hồ cùng người bạn thân thiết – người yêu – người chồng người vợ. Tôi hạnh phúc được làm điều này cùng các bạn tôi, người yêu của tôi. Tay trong tay chúng tôi lúng liếng huyên thuyên cười nói làm dáng chụp hình, khiến mặt hồ phẳng lặng cũng lóng lánh vui chan hòa cùng ánh mặt trời dần buông chiều Thu vàng lá.

Nhìn những cháu bé tíu tít theo chân cha mẹ, tiếng cười vang khi được cha nhấc bổng qua gốc cây, hay cho leo lên thân cây ngã dài gần mặt đặt khiến thảm lá Thu vàng úa rụng đầy mặt đất lót chân tôi bước, không còn làm tôi chạnh nỗi già nua mà tôi thấy mầm sống mới chờ mùa Xuân sẽ trỗi. Tôi nhí nhảnh bước đi cùng hai cháu - đòi người yêu xưa nay đã là chồng phải nắm chặt tay mình hơn, nhiều người thường e ngại tỏ bày tình cảm lứa đôi trước mắt con cháu. Với vợ chồng tôi việc tỏ bày yêu thương chính là bức tranh hạnh phúc mà con cháu muốn thấy và ao ước sẽ có trong tương lai khi lớn lên. Thế hệ kế tiếp không còn những đoản văn than thở: "Ba tôi không biết tôn trọng Mẹ tôi v.v.!" Chúng sẽ sung sướng khoe khắp nơi:

- "Ông bà ngoại tao yêu nhau lắm lận. He kisses her forehead all the time!"

Đến Núi Ông (Grandfather Mountain) định vị tại vùng Tây

Bắc North Carolina cao 5.939 bộ Anh so với mặt nước biển, có chiếc cầu sắt đong đưa bắc ngang qua hai chóp núi già 300 triệu tuổi, đá được tạo thành khoảng hơn tỉ năm. Đọc sơ trong quyển bản đồ được nhân viên trao cho khi mua vé vào thăm công viên mà ngẫm nghĩ con người chỉ sống được 100 năm là hết, thì những con số triệu, tỉ ấy có thật hay không? Chiếc xe đưa đoàn chúng tôi dạo chơi trong công viên rộng lớn đầy những cảnh đẹp hùng vĩ, đá chen đá, cây tiếp cây. Thấy cảnh đẹp thì ngừng để được đứng trên triền dốc nhìn xuống thung lũng đầy màu sắc vàng cam lẫn lộn để thấy lòng yêu biết mấy đời này, cảm phục biết mấy những tổ chức bảo tồn thiên nhiên, xây dựng những con đường đưa con người trở về với thiên nhiên hiền hòa êm ả quên đi bon chen đời thường, tiền tài danh vọng!

Chúng tôi thích thú chụp hình cùng phiến đá bị xẻ làm đôi, nhưng vẫn lưu luyến không lìa. Chàng của tôi bảo đừng chụp chung với Split Rock xui xẻo lắm, bị xẻ chia. Tôi cãi:

- "Rõ ràng nó bị trời cắt mà nhất định không rời nhau, xui sao được mà xui! Các ông không thích chụp hình thường có nhiều lý do để né tránh."

Xe càng lúc càng lên cao. Ngày xưa tôi sợ lên cao kinh khủng bây giờ đỡ hơn nhưng vẫn còn lạnh xương sống khi xe leo dốc cao nên tôi quay vào phía trong không dám nhìn xuống vực. Con đường xoắn ốc vừa đủ một xe lên một xe xuống, với vận tốc rùa bò, chiếc xe 15 chỗ ngồi hơi dài nên khi lượn qua khủy dốc phải có nhân viên của công viên (park ranger) hướng dẫn. Họ đưa bảng "stop" yêu cầu xe đối chiều ngừng hẳn lại cho xe lớn lên hay xuống. Đến đỉnh núi lúc giữa trưa nên tôi không bị lạnh lắm, gió đủ se môi hồng má vì từ bãi đậu xe phải đi bộ lên cao để vượt qua chiếc cầu lắc lẻo Swinging Bridge.

Không chữ nghĩa nào có thể diễn tả được vẻ hùng vĩ tuyệt vời của dãy núi, tôi chỉ biết hít hơi vào cho đầy lồng ngực rồi

nhẹ nhàng thở ra và cứ thế tôi có cảm giác toàn thân trống rỗng, trong suốt như chiếc bình pha lê không gợn tì vết. Theo dòng người qua chiếc cầu đong đưa, tôi nhất định đứng giữa cầu nhìn xuống xem độ sâu thăm thẳm và xem họ dùng thứ dây gì để cột, để treo, để níu chiếc cầu nặng nề dài 1 dặm cách mặt nước biển hơn 5,000 feet để có thể chịu sức nặng của 40 người như thế. Tôi chợt liên tưởng đến "cầu tre lắc lẻo gập ghềnh khó đi!" Tôi lại tiếp tục hít thở để giữ chiếc bình pha lê của tôi không bị mờ đục, vì quê mẹ của tôi không có đủ những chiếc cầu chắc chắn ngang qua rạch, qua sông nối hai bờ cho dân đỡ khổ.

Chiều xuống rất nhanh, chúng tôi tìm đến tiệm ăn gần nhất. Chúng tôi đi chơi xa là cơ hội để được thưởng thức những món ăn địa phương. Cũng chỉ là thịt heo thôi mà cách họ nướng thế nào để thịt tan trên lưỡi, hay tại tôi đói! Ai cũng khen ngon nhất là cách họ tiếp khách dễ thương, ơi là dễ thương. Nếu có dịp bạn hãy ghé thử cho biết nhé: The Pedalin' Pig, 4235 NC-105, Banner Elk, NC 2860

Ghé thăm lâu đài riêng của dòng họ Vanderbilt Biltmore Estate nằm nép mình trong dãy núi Blue Ridge thuộc Quận Buncombe tiểu bang North Carolina được cho là ngôi nhà tư nhân to đẹp nhất nước Mỹ được xây dựng ròng rã trong sáu năm dài 1889–1895. Đến nơi này, tôi tưởng chừng đang ghé thăm những tòa lâu đài thời Trung Cổ ở Pháp - Đức – Áo, với kiểu dáng đỉnh chóp cao nhọn như trong phim chuyện cổ tích có hoàng tử công chúa do kiến trúc sư Richard Morris Hunt thiết kế.

Muốn vào bên trong lâu đài phải mua vé vào thăm theo giờ ấn định. Nghe lịch sử của tòa nhà khổng lồ có khoảng 250 phòng, tôi không hiểu sao họ có thể nhớ nơi nào vào với nơi nào nhỉ. Thư viện tràn ngập sách, tranh ảnh đẹp khắp nơi, tủ bàn ghế ngắm không chán mắt. Hai tiếng đồng hồ trôi qua quá nhanh, khoảnh khắc ra ngoài ban công ngắm khu rừng bát ngát màu lá đẹp lạ kỳ là lúc mình cũng muốn có tiền để mua

được khoảng trời rộng cho riêng mình, chứ lúc ngắm phòng này phòng nọ bên trong chẳng thèm tí nào, leo cầu thang hơn hai trăm bậc thì thà ở nhà trệt cho rồi. Đến nơi thử rượu trong khuôn viên Beltmore là vui nhất, tha hồ được uống được ăn, khác hẳn khi vào những nhà máy sản xuất rượu nho tại Napa - California.

Một ngày đi thăm thắng cảnh này không đủ vì khu rừng có bao nhiêu nơi cho mình đi bộ, vườn hoa cho ngăm nghía, đói thì có nhà hàng ngay kề bên, những chuyến xe bus đưa du khách đến nhiều không kể hết được, dù ngày tôi đến thăm là ngày thường không phải ngày nghỉ cuối tuần. Có lẽ tôi nhớ nhất trong lời người hướng dẫn nói là ông Vanderbilt rất thương người, ngày lễ Christmas là ngày ông cho quà từng gia đình tôi tớ người có mặt trong buổi tiệc ngay cả những người ở nhà cũng được ông nhớ tới. Giàu có như thế nhưng ông chỉ được hưởng xa hoa không lâu vì ông ra đi quá trẻ 51 tuổi!

Về đến nhà tả xung hữu đột với bao chuyện rất đời thường, nướng gà tây hay không nướng gà tây cho ngày lễ Tạ Ơn! Bỗng dưng điện thoại reo, nghe câu báo một người trong gia quyến ra đi bất ngờ sau buổi tập thể dục. Anh cùng các bạn trong phòng tập xem trận đấu banh bầu dục và nhắm mắt ngủ khi truyền hình quảng cáo giữa trận đấu và không dậy nữa! Người ta chỉ kêu 911 khi thấy tay anh xuôi thõng xuống. Tin như vậy xảy ra cho người đã hơn 70 tuổi bây giờ không còn gây xúc động mãnh liệt như xưa nữa, mà còn là thèm muốn trong tương lai mình cũng có giấc ngủ nhẹ nhàng bình an như vậy khi giờ đã điểm. Chẳng có hạn chót - deadline - dernière limite nào cho đời người. Không như bài viết này kể lại chuyến đi vừa đúng hạn ấn định.

Có lẽ đi du lịch cũng là một cách để yêu đời sống thường nhật hơn, và câu: "Đi một ngày đàng học một sàng khôn" quả là chính xác./.

Nhớ "Tháng Ba Gãy Súng"

Trần Ngọc Toàn, K16

Thuận An đầy máu xương
Biển Đông tràn dậy sóng,
Miền Nam ngập đau thương.
Đoàn Thủy Quân Lục Chiến,
Tơi tả khắp nẻo đường.
Ai gây ra nông nỗi.
Ngơ ngẩn chiến trường xưa. (TNT)

Trích đoạn "Tháng Ba Gãy Súng" của Cao Xuân Huy (Trang 26).

.... Trưa ngày 19 tháng Ba, tôi ra đến Huế... Xuống xe tại sân Tiểu Đoàn, tôi gặp một thiếu tá rất lạ mặt đang đứng với Tiểu Đoàn Trưởng ở cửa lều Ban Ba. Tôi trình diện. Ông thiếu tá lạ hoắc đó tên là Thành, cũng mang bảng tên màu đỏ của Tiểu Đoàn. Ông bắt tay tôi và hỏi Tiểu Đoàn Trưởng:

-"Ông sĩ quan này đây hả?"

Nghe câu này tôi biết chắc là hai người đã nói chuyện về tôi, và dĩ nhiên không phải là nói tốt. Nhằm nhò gì! Tiểu đoàn trưởng không trả lời, quay sang nói với tôi:

- "Ông về đại đội liền bây giờ."

- "Đại đội tôi nằm đâu, Thiếu Tá?"

- "Không biết. Ông đi cho khuất mắt tôi đi!"

Tiếng chửi thề của ông rất nhỏ nhưng tôi biết ông chửi thề vì thấy môi ông mấp máy trước khi nói. Tôi chào và quay đi với một chút thích thú, đâu phải thằng nào cũng làm cho "Hitler" chửi thề được, dù chỉ lẩm bẩm trong miệng. Ông đuổi tôi đi ngay lập tức, tức là tôi không phải trả lời ông về lý do trễ phép. Dĩ nhiên như vậy tôi đâu có bị phạt...

Cao Xuân Huy nguyên là trung úy, Đại Đội Phó Đại Đội 4, Tiểu Đoàn 4 TQLC, vào tháng 3 năm 1975. Người thiếu tá "lạ hoắc" là Thiếu Tá Đinh Long Thành, xuất thân Khóa 19 Võ Bị Đà Lạt. Ngày 19 tháng 3 năm 1975, tôi đã nhận được công điện, gởi từ Bộ Tư Lệnh Hành Quân, trú đóng tại Đà Nẵng, được lệnh mang 2 đại đội, xuống tàu Quân Vận, ở cửa biển Thuận An, Huế, di chuyển về Đà Nẵng, để gom quân lập Tiểu Đoàn 18 TQLC, trực thuộc Lữ Đoàn tân lập 468 TQLC.

Kế hoạch này đã được soạn thảo và chấp thuận năm 1974, với thỏa thuận của Phái Đoàn Cố Vấn TQLC Hoa Kỳ, theo chương trình Việt Nam Hóa Chiến Tranh. Ngày 19 tháng 3 năm 1975, Thiếu Tá Thành, từ Tiểu Đoàn 5 TQLC đến nhận bàn giao Tiểu Đoàn 4 TQLC, do tôi chỉ huy.

Trung Úy Cao Xuân Huy, người có niềm tự hào đối với binh chủng TQLC không hề thay đổi (hình sau 1975).

Do ham chơi, Cao Xuân Huy đã cố tình kéo dài ngày nghỉ

phép, ở quanh Sài Gòn. Với tình hình đang biến động không ngừng, tôi lờ đi chuyện này, với thâm tâm biết lính tác chiến không biết sống chết ngày nào. Trước đó, vào ngày 16 tháng 3 năm 1975, Trung Đoàn Bình Trị Thiên VC đã bất chấp Hiệp Định Paris, bất thần mở cuộc tấn công, qua phòng tuyến của Tiểu Đoàn 4 TQLC, cùng với Tiểu Đoàn 101 Địa Phương Quân Huế biệt phái. Chúng âm mưu phá sập cầu An Lỗ, cây số 17 từ Huế. Nhờ tiên đoán tình hình, TĐ 4 TQLC đã tăng cường một trung đội giúp đơn vị ĐPQ Huế bảo vệ chiếc cầu xe lửa bằng sắt, do Công binh Mỹ dựng lên sau năm 1972. Mấy tên đặc công mang mìn bọc phá đã bị phát giác và bắn chết, xác trôi xuống tận Quảng Điền, Huế. Mũi tấn công bị đẩy lui.

Riêng tại ngọn đồi 51, nằm dôi ra trước phòng tuyến của Đại Đội 2, dưới quyền của Đại Úy Tô Thanh Chiêu, được một tiểu đội súng nặng 90 ly tăng cường, đã giữ vững vị trí. Kết quả tại mặt trận VC bỏ lại 12 xác chết với hàng chục vũ khí, có cả súng cối 61 ly dùng cho cấp đại đội. Bên TQLC tổn thất 5 chiến sĩ, với Thiếu Úy Nguyễn Văn Sáng, Trung đội Trưởng, và Hạ Sĩ Nguyễn Văn Hồng, thuộc khẩu đội 90 ly. Do tình hình biến động, sau ngày Ban Mê Thuột thất thủ, 11 tháng 3, nên chẳng ai buồn quan tâm đến trận chiến thắng cuối cùng của Tiểu Đoàn 4 TQLC, tại An Lỗ, Huế,

Khi thụ huấn trong trường Võ Bị, tại Đà Lạt, năm 1959, tôi đã được bạn cùng khóa đặt cho biệt hiệu "Cao Bồi Đà Lạt". Khi ra đơn vị TQLC, tôi đã ứng dụng nguyên tắc lãnh đạo chỉ huy, dùng ngôn ngữ… lính tráng, để nói chuyện, dù tôi không có thói chửi thề. Tôi khám phá ra tục danh Hitler nhân một chuyến dừng quân ở phi trường Phú Bài, Huế. Được biết, lính TQLC rất nhanh nhẹn và hay quậy phá nên trong lúc chờ chuyển quân, tôi thả rong đi quanh vùng kiểm soát. Khi bước vào ngưỡng cửa Câu lạc bộ, tôi chợt nghe tiếng la lớn:

- "Hitler tới! Chạy đi tụi mày."

Kế tiếp, một đám lính của đơn vị ào chạy ra cửa sau. Tôi hét lớn:

- ”Tất cả đứng lại.”

Đám lính khựng lại. Trong đám lính ấy tôi thấy có cả Trung Úy Cao Xuân Huy. Tôi bảo họ rằng không việc gì phải chạy và phải trả tiền xong mới đi. Rồi tôi quay lưng thản nhiên bỏ đi. Sau này, khi dò hỏi, tôi được biết người đặt tục danh Hitler cho tôi chính là Trung Úy Cao Xuân Huy.

Thủy Quân Lục Chiến tại bãi biển Thuận An, 1973. Một hình ảnh không thể quên trong tâm tưởng mỗi người.

Rời Huế về Đà Nẵng, do cuộc chiến biến động quá nhanh, tôi không gom đủ quân để lập Tiểu Đoàn 18 TQLC. Với 2 đại đội, từ Tiểu Đoàn 3 và 4 TQLC, tôi được lệnh phòng thủ căn cứ Non Nước, từ ngày 22 tháng 3 năm 1975. Từ ngày đó cho đến ngày tan hàng mất nước, tôi chưa hề bao giờ nhận được lệnh chiến đấu. Chỉ có lệnh di tản và rút lui, đầy uất hận và thảm khốc, từ Đà Nẵng về Cam Ranh, rồi đến Vũng tàu, ngày 1 tháng 4 năm 1975. Quân số của Sư Đoàn TQLC, vào tháng 3 năm 1975, có gần 15 ngàn tay súng. Khi về đến Vũng Tàu chỉ còn khoảng 3 ngàn 200 người, kể cả Tướng Tư Lệnh.

Trước đó, từ trên đỉnh đèo Hải Vân, tôi đau đớn nhìn cả Lữ

đoàn 147 TQLC, với các Tiểu Đoàn 3, 5, 7, và 4 TQLC ruột thịt của tôi bị bỏ rơi ngoài bãi biển Thuận An, Huế. Tôi đã tiếp nhận hai sĩ quan dưới quyền cũ tử thương và được chuyến tàu Hải Quân duy nhất chuyển về Đà Nẵng. Đó là Thiếu Tá Nguyễn Tri Nam, xuất thân Khóa 22 Võ Bị, và Đại Uý Tô Thanh Chiêu, Khóa 26 Thủ Đức. Số còn lại của Lữ Đoàn đều bị bắt làm tù binh, trong số có Trung Úy Cao Xuân Huy.

Sau gần 9 năm tù đày Cộng Sản, ba tháng sau ngày được thả, tôi vượt biên qua Mỹ, vào ngày 16 tháng 6 năm 1984. Mấy anh em TQLC khi gặp mặt hỏi tôi có bao giờ đọc cuốn tự truyện "Tháng Ba Gãy Súng" của Cao Xuân Huy. May mắn, tôi đã mua được một quyển, vì lúc đó sách bán chạy như tôm tươi.

Huy đã kể lại chuyện bị bỏ rơi rất thật và quá thật đến sống sượng. Nghĩ lại, chính Huy đã thay tiếng nói cho hàng ngàn người lính, đã nằm xuống, trong cuộc chiến đấu vô vọng, gìn giữ Miền Nam chống Cộng Sản. Hơn thế nữa, còn cả ngàn người lính trẻ TQLC, đã ngã gục ngoài chiến trường Việt Nam. Cần phải lên tiếng thay thế cho họ.

Cao Xuân Huy không phải là người lính ba gai, như nhiều người tưởng. Anh chỉ ham chơi vì tuổi đời còn trẻ, lại phải lao mình vào chiến trận gần kề sự sống chết. Anh vẫn còn giữ kỷ luật Quân đội, còn biết trên biết dưới. Tinh thần chiến đấu của anh luôn mãnh liệt, vào lúc bấy giờ. Hình như, những ai đã từng tình nguyện về Thủy Quân Lục Chiến cũng đều có máu ngang tàng và tiếu ngạo. Như Huy đã trả lời, còn đúng giọng Nhà Binh, câu phỏng vấn của Nguyễn Mạnh Trinh:

- "Hình như anh rất hãnh diện về binh chủng của mình, cũng như những điều anh đã làm được khi mặc bộ quần áo Thủy Quân Lục Chiến. Thế mà, trong "Tháng Ba Gãy Súng", chỉ toàn thấy những cảnh đau thương, thua bại. Điều ấy có trái ngược với niềm hãnh diện của anh?"

Huy trả lời:

- "Chiến công của Thủy Quân Lục Chiến đứng hàng đầu của Quân Lực Việt Nam Công Hòa. Điều này không ai có thể chối cãi. VIệt Cộng sợ nhất là "Lính Thủy Đánh Bộ". Tôi, tôi là một thằng may mắn còn sống sót trong trận đánh cuối cùng, tôi kể lại để mọi người thấy rằng những thằng lính Thủy Quân Lục Chiến chúng tôi không thua trận, dù bị địch bắt. Tôi vẫn luôn luôn hãnh diện là một thằng lính của binh chủng này. Đâu có gì là trái ngược."

Khoảng năm 1989, Huy từ California bay qua Virginia, dự đám cưới của đứa con gái đầu lòng của tôi. Ông Nguyễn Ngọc Bích, Giám đốc Đài Phát Thanh Á Châu Tự Do, đã tìm đến lấy thỏa thuận phiên dịch bút ký "Tháng Ba Gãy Súng" sang Anh ngữ. Huy từ chối, bất cần cả số tiền cần thiết cho việc làm lại cuộc đời, ở đất nước tự do Hoa Kỳ. Xin nghiêng mình ngưỡng phục Cao Xuân Huy, người lính Thủy Quân Lục Chiến có chí khí.

Cựu Tiểu Đoàn Trưởng TĐ4/ TQLC.

ĐIỆU RU HỒN TỬ SĨ

(The Bugle Taps – Butterfield's Lullaby)

Nguyễn Diễm Nga - K17/2

Thứ Bảy, ngày 26 tháng 10 năm 2019 vừa qua, nơi thủ đô tị nạn Little Saigon của người Việt hải ngoại tại Quận Cam – California, đã có một sự kiện lịch sử làm khuấy động và xôn xao những tâm tình trong lòng những người Việt xa xứ. Đó là buổi lễ tưởng niệm và an vị hài cốt của 81 Chiến Sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà tử nạn vào cuối năm 1965 do Quân Đội Mỹ kết hợp với Cộng Đồng Người Việt Hải Ngoại thực hiện tại Đài Tưởng Niệm Chiến Sĩ Việt Mỹ (Sid Goldstein Freedom Park) và Nghĩa Trang Westminster Memorial Park (Westminster, California, Hoa Kỳ).

Vào ngày 11 tháng 12, 1965 tại Phú Yên, một phi vụ khẩn cấp đã được Thiếu Tá Phi Công Hoa Kỳ Robert M. Horsky

theo lệnh thực hiện. Phi hành đoàn gồm bốn quân nhân Mỹ, chở theo 81 chiến sĩ Nhảy Dù thuộc Đại Đội 72 ND bay về Tuy Hòa, để tiếp ứng và giải vây cho một đơn vị trong một trận đánh tại đó. Than ôi, sứ mệnh không thể hoàn thành vì chuyến bay của họ đã nửa đường gãy cánh!

Do địa điểm chiếc vận tải cơ C-123 bị rớt nằm trong vùng đang có giao tranh nên mãi đến năm 1974, giới chức có trách nhiệm mới can thiệp để có thể vào thu nhặt hết những mảnh xương hài cốt và di vật của tất cả những người hy sinh. Những hài cốt này được chuyển đến Bangkok. Bốn quân nhân Mỹ đã được xác nhận danh tính bằng phương pháp thử nghiệm DNA và được chôn cất chu đáo ngay sau đó. Tuy nhiên, những hài cốt của những quân nhân Việt Nam Cộng Hòa lại được gởi đến phòng thí nghiệm POW/ MIA tại Hawaii, nơi có nhiệm vụ xác định danh tính của những quân nhân mất tích vào năm 1986.

Do tính cấp bách của phi vụ trong chiến tranh nên chuyến bay đã thiếu sót không có bảng kê khai danh tánh rõ ràng của các quân nhân này, vì vậy việc xác định danh tánh rất khó khăn. Phòng thí nghiệm chỉ có thể xác định được là họ thuộc về Sư Đoàn Dù thiện chiến của quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Kể từ đó, hài cốt của họ đã được cất giữ tại nơi này trong suốt 33 năm qua. Thân nhân của họ vô vàn đau xót!

Đau xót là vì Chính Quyền Hà Nội đã hai lần từ chối nhận những hài cốt này để an táng họ tại Việt Nam. Thử hỏi còn có điều gì phi lý và phi nhân tính hơn khi 81 người con đã sinh ra và tan xương nát thịt tại Việt Nam, nhưng lại không được phép chôn cất trong lòng Đất Mẹ? Và vì họ không phải là công dân hay quân nhân Hoa Kỳ, nên cũng không có tư cách pháp lý rõ ràng để chôn cất và vinh danh họ tại Hoa Kỳ. Họ trở thành "Những Người Vô Tổ Quốc," sau khi họ đã hy sinh mạng sống cho một đất nước mà nay đã không còn!

Sau nhiều tháng thương lượng về ngoại giao và luật pháp

vô cùng khó khăn, cuối cùng thì Thượng Nghị Sĩ Jim Webb của Đảng Dân Chủ đã thành công trong việc đưa hài cốt của 81 người lính dù VNCH về an vị tại Westminster, California vào ngày 26/10/2019 như đã kể trên.

Vì lẽ đó, sự kiện này mang tính lịch sử! Buổi lễ trang trọng và đầy cảm động ngoài ý nghĩa tưởng nhớ gương hy sinh và hành trình của 81 "Thiên Thần Mũ Đỏ" còn là một nhắc nhớ tới hàng trăm ngàn người lính khác cũng đã hy sinh mạng sống và hàng trăm ngàn hài cốt chưa được tìm thấy.

Tuy ở xa không về tham dự được nhưng tôi theo dõi buổi lễ được livestream trên internet. Khi 21 phát súng vinh danh nổ vang trên không và nhạc truy điệu trỗi lên thì lòng tôi không nén nổi những cảm xúc dâng trào.

Nếu như bạn đọc đã từng biết về xuất xứ của bài nhạc truy điệu vỏn vẹn 24 nốt nhạc này, thì có lẽ bạn cũng sẽ rơi nước mắt giống như tôi!

Bản nhạc truy điệu đặc biệt này là một phần trong lễ nghi quân cách của một tang lễ quân đội Hoa Kỳ - thường được biết đến qua cách gọi ngắn gọn là "Taps" - xuất xứ từ một hồi kèn cuối ngày trong quân đội Anh từ thời 30 năm chiến tranh của Anh Quốc (1618 - 1648) và dưới triều Vua William III

cuối thế kỷ 17. Taps theo tìm hiểu của tôi, được bắt nguồn từ 2 chữ tiếng Dutch đó là "tap-toe". "Tap" mang ý nghĩa "nguồn nước" (tap water hay faucet). "Toe" là "ngưng lại" (cut-off). Vì vậy, "Taptoe time" là hồi kèn báo hiệu mang ý nghĩa "đã đến lúc hãy ngưng uống nước và trở về đơn vị". Lâu dần, người ta gọi tắt là "Taps".

Đã có rất nhiều giai thoại xoay quanh giai điệu của Taps, tuy nhiên, giai thoại sau đây đã khiến cho tôi cảm động nhất mỗi khi nghe khúc nhạc trầm hùng này cất tiếng:

Vào năm 1862 ngay giữa cuộc nội chiến Bắc-Nam của nước Mỹ, khi Đại Uý Robert Ellicombe của đội quân miền Bắc (The Union) dẫn đơn vị của ông đến vùng đất Harrison thuộc tiểu bang Virginia, thì ranh giới giữa hai phe Bắc-Nam chỉ còn là một dải đất nhỏ. Giữa đêm, ông chợt nghe thấy những tiếng rên rỉ đau đớn cùng cực của một người lính bị thương nằm lây lất trên cánh đồng gần đó. Điều này đã đánh thức lòng nhân ái trong trái tim của ông. Mặc dù ông không thể nhận biết người bị thương là phe ta hay phe địch trong bóng đêm dày đặc, ông vẫn quyết định liều mình kéo người thương binh đó về phía đơn vị mình để được cứu chữa kịp thời.

Sau khi đã đưa người thương binh đó vượt qua lằn ranh giới an toàn, ông mới nhận ra đó là một người thuộc phe đối nghịch (Miền Nam -The Confederate) và anh ta đã chết. Đau đớn hơn nữa, dưới ánh lửa vừa được thắp sáng, ông điếng người khi nhận diện gương mặt của người chết: đó chính là con trai của ông, người đang theo học tại một nhạc viện miền Nam khi cuộc chiến nổ ra và anh ta đã âm thầm đăng lính tại đó mà không cho cha biết.

Sáng hôm sau, người cha đau khổ ấy đã tìm gặp cấp trên với hy vọng sẽ được niệm tình cho phép chôn cất con trai mình theo nghi thức quân đội tiễn đưa bằng dàn quân nhạc (dù người đó theo phe địch). Đương nhiên đây là điều mà "quân pháp bất vị thân". Tuy nhiên, vì lòng thương cảm, cấp trên cho

phép ông được chọn duy nhất một nhạc công để hành lễ. Đại uý Ellicombe đã chọn người nhạc công thổi kèn bugle - một loại kèn đồng đơn giản - và ông đưa cho người nhạc sĩ ấy một đoạn nhạc gồm 24 nốt nhạc được viết trong một mảnh giấy mà ông đã tìm thấy trong túi áo của người con trai xấu số của mình. Đó chính là giai điệu của Taps hôm nay. Phải chăng chính vì câu chuyện cảm động này mà Taps - từ một hồi kèn cuối ngày đã trở thành một "Chiêu Niệm Khúc" - chính thức và long trọng để tiễn đưa những ai đã từng khoác màu áo trận. Người ta tin rằng Chuẩn Tướng Daniel Butterfield chính là người đã biên soạn lời nhạc còn lưu hành đến hôm nay, vì vậy Taps còn được những người lính gọi bằng một cái tên thương mến "Butterfield's Lullaby":

Day is done, gone the sun,
From the lake, from the hills, from the sky;
All is well, safely rest, God is nigh.

Fading light, dims the sight,
And a star gems the sky, gleaming bright.
From afar, drawing nigh, falls the night.

Thank and praise, for our days,
'Neath the sun, 'neath the stars, 'neath the sky;
As we go, this we know, God is nigh.

Sun has set, shadows come,
Time has fled, Scouts must go to their beds
Always true to the promise that they made.

While the light fades from sight,
And the stars gleaming rays softly send,
To thy hands we our souls, Lord, commend.

Chiến tranh bao giờ cũng tàn nhẫn, nhưng nét đẹp nhân bản

trong vị thế "thắng" và "thua" mới là điều để lại cho đời sau. Chính vì vậy mà khi giai điệu nhạc truy niệm này trỗi lên, tôi cảm thấy nghẹn trong cổ họng và cay nơi khoé mắt.

Vì sao những người lính Mỹ trong cuộc nội chiến nước Mỹ - tuy khác chiến tuyến Bắc/Nam - vẫn được chôn cùng một nghĩa trang tại Arlington National Cemetery? Vì sao nắm xương tàn của những người lính Việt Nam Cộng Hoà bạc mệnh thì lại trôi nôi lưu vong hơn nửa thê kỷ mãi chưa an vị? Để rồi phải nhờ sự giúp sức của những người đồng minh năm xưa - tuy khác màu da - mới có thể nghỉ yên nơi lòng đất. Trong khi những con người cùng "một bọc trứng trăm con" của Mẹ Âu Cơ thì lại dửng dưng khước từ điều "nghĩa tử là nghĩa tận"?

Là những người Việt xa xứ, chúng ta vẫn luôn giữ gìn nét văn hoá Việt, trong đó có tập tục dù có đi đâu, ở đâu, khi "Năm hết - Tết đến" chúng ta vẫn luôn tưởng nhớ đến người đã khuất.

Với nôi niêm này, người viêt xin được mạn phép phỏng dịch "Butterfield's Lullaby" thành "Điệu Ru Hồn Tử Sĩ" để như một nén hương lòng kính nhớ 81 anh linh vừa ngơi nghỉ trong lòng đất bao la.

Ngày vừa qua
Nắng tắt rồi
Trên sông nước
Trên núi đồi
Chiều buông...
Đôi câu lục bát quê hương
Ru hồn tử sĩ can trường ngủ yên

Nhạt dần
tia sáng chơi vơi
giữa trời một ánh sao ngời lung linh
màn đêm gần gũi vô hình
buông trên vạn vật lặng thinh một màu

Hãy tạ ơn,
Hãy nguyện cầu,
Dưới vầng nhật-nguyệt muôn sao nhiệm mầu
Lòng tin Thượng Đế trên cao
Một ngày ơn phước dạt dào vừa qua

Hoàng hôn,
bóng tối nhạt nhoà
thời gian dìu
lũ trẻ ngoan vào giường
những lời hứa hẹn vẫn luôn
tròn đầy nhịp thở không vương muộn phiền

Giữa vầng sáng nhạt dần chìm
Dịu dàng lấp lánh sao đêm gửi về
Thượng Đế ơi, xin lắng nghe!
Tay Ngài xin hãy chở che muôn hồn

Nguồn tham khảo:

https://tapsbugler.com/why-the-name-taps/
https://urbanlegendsonline.com/the-meaning-of-taps/
https://www.arlingtontours.com/civil-war-confederate-soldiers-arlington

** Các cựu chiến binh của binh chủng Nhảy Dù đang tiễn đưa lần chót những đồng dội của mình tới nơi an nghỉ cuối cùng (hình đầu bài).*

Tâm Thư
của Tổng Hội Trưởng Tổng Hội Võ Bị

Nguyễn Văn Thiệt, K18

Kính thưa Quý Niên Trưởng,
Quý bạn Đồng Môn Cựu SVSQ/ TVBQGVN,
Quý Phu nhân và Quý Chị Phụ Nữ Lâm Viên,
Các anh chị Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu,

Cách đây hơn hai tháng, sau khi tham dự Đại Hội Âu Châu trở về, tôi đã vội vàng viết một tâm thư trả lời về những tin đồn, thắc mắc cho rằng tôi đã cố tình không muốn cộng tác với nhóm CSVSQ đã tự ý tách rời Tổng Hội để sinh hoạt riêng. Họ nêu ra câu chuyện 4 lần kêu gọi thiện chí bắt tay và cho rằng tôi đã từ chối. Giờ đây họ lập lại lời kêu gọi lần thứ năm, qua các diễn đàn công cộng, thay vì thông báo riêng trong nội bộ Võ Bị.

Bất kể là bao nhiêu lần kêu gọi, mà không có thành tâm, thiện chí thì chỉ mang một ý nghĩa là gây tiếng vang và tạo dư luận mà thôi.

Sự thật và thiện ý của anh em trong nhóm đó như thế nào thì tôi đã trình bày quá rõ trong bức tâm thư đã đăng trên diễn đàn Võ Bị, **"Tâm Thư về việc bắt Tay Đoàn Kết Hàn Gắn Rạn Nứt".** Trong tâm thư này, tôi tóm lược ý chính như sau:

Qua 4 lần tự cho là kêu gọi thiện chí bắt tay, thật ra lần nào cũng có ẩn ý: Buộc tôi phải **công nhận TỔNG HỘI đã bị chia rẽ!**

Anh em chúng ta ai cũng biết trang đầu tiên trong quyển Nội Quy có ghi rõ:

"**TỔNG HỘI CSVSQ/ TVBQGVN là một TẬP THỂ THUẦN NHẤT, BẤT KHẢ PHÂN**." Vậy tại sao dựng lên "Tổng Hội Thứ Hai" rồi đòi hợp nhất hai Tổng Hội?

Ai trong chúng ta cũng biết nguyên nhân sâu xa mà một số CSVSQ đã tách rời khỏi mọi sinh hoạt của Tổng Hội bắt nguồn từ những sự kiện, như sau:

Năm 2012, tại Đại Hội XVIII ở Washington - DC, một niên trưởng đã đề nghị Tổng Hội nên viết cuốn Lịch Sử của TVBQGVN để ghi lại những chiến công hào hùng, niềm tự hào, và hãnh diện của tất cả cựu SVSQ. Việc thực hiện này, bao gồm soạn thảo và phát hành, được giao cho Ban Chấp Hành Tổng Hội sắp tới. Trong tiến trình thực hiện, người thì góp ý cần thêm tài liệu cho quyển sách đầy đủ, kẻ thì cho rằng "quyển sách quá hay". Chuyện mâu thuẫn bắt đầu từ đấy.

Tôi không phân tích đổ lỗi hay kết án một ai trong sự việc nầy. Có người đúng, có người sai theo quan niệm của từng cá nhân. Nhưng, cái mất mát lớn lao nhất của chúng ta qua biến cố nầy là lòng tin, danh dự, truyền thống, và tình tự Võ Bị đã bị xói mòn, chia rẽ trầm trọng.

Tôi không nhắc lại những sai lầm trong quá khứ vì anh em chúng ta không ai tránh được sai lầm. Những cái gì đã qua chúng ta không thay đổi được, vậy cố gắng bám víu vào cái không thay đổi để oán trách giận hờn nhau thì ích gì khi mà tuổi đời của chúng ta không còn bao lâu để đến với nhau.

Tôi đã giữ im lặng trong hơn một năm qua, vì số anh em thầm lặng đã chọn tôi đại diện cho họ. Giữ im lặng để tránh đổ vỡ thêm. Im lặng để cơn nóng giận có thể lắng dịu và anh em có thể ngồi lại với nhau. Im lặng để không làm tổn thương anh

em mình và để có thời gian nhìn lại chính mình, để biết giá trị của yêu thương và tha thứ.

Trong tâm thư đầu tiên tôi đã viết, tôi chỉ là "**người giúp việc**", và tôi khẳng định tôi luôn nghĩ cương vị của tôi là như vậy. Hiện hữu, THT không chỉ huy và lãnh đạo ai, vì:

- Thứ nhất: Tổng Hội không là một đơn vị quân đội, không có lính mà chỉ có anh em. Chúng ta đến với nhau vì tình đồng môn, bình đẳng, biết tôn trọng lẫn nhau, kính trên nhường dưới theo đúng truyền thống Võ Bị. Tổng Hội Trưởng chỉ là cái gạch nối để anh em chúng ta liên lạc với nhau giữa các khoá, các địa phương, các vùng. Mỗi anh em chúng ta đều có cuộc sống riêng lẻ, không ai lệ thuộc ai. Nếu không vì cái Tình để anh em chúng ta đến với nhau, thì có gì ràng buộc với nhau đâu?

- Thứ hai: Công việc của Tổng Hội chỉ mang tính cách hỗ trợ trong mọi sinh hoạt chung của tập thể cũng như của cộng đồng, là gạch nối giữ được liên lạc, thông tin, thăm hỏi giữa các hội Võ Bị địa phương.

- Thứ ba: Tất cả anh em chúng ta đều là thành viên của Tổng Hội, tôi chỉ là người đại diện cho tập thể trong một nhiệm kỳ.

Tổng Hội, từ khi tôi nhận trách nhiệm, vẫn tiến hành công việc nhịp nhàng theo định kỳ. Quỹ Cây Mùa Xuân được các khoá tham gia yểm trợ và phân phối đồng đều không phân biệt ai. Đại Hội Cám Ơn Anh yểm trợ Thương Phế Binh cũng được anh em không phân biệt khoá nào, đã hăng hái tham gia tích cực đóng góp không ít. Tập San Đa Hiệu vẫn phát hành đều đặn, đúng hạn kỳ. Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu vẫn sinh hoạt hài hoà, vui vẻ đoàn kết, và đã điều hành Quỹ Yểm Trợ Học Bổng cho các thế hệ hậu duệ còn ở Việt Nam một cách có hiệu quả…

Anh em chúng ta ai cũng là thành viên của Tổng Hội và có thể nêu ý kiến lên Hội Đồng Tư Vấn và Giám Sát để cố vấn cho người điều hành Tổng Hội. Riêng tôi, với tư cách là một

người đại diện cho Tập Thể, tôi phải có trách nhiệm bảo vệ tính THUẦN NHẤT, BẤT KHẢ PHÂN của TỔNG HỘI. Tập thể không cho phép tôi tự ý chạy theo các dư luận viên không sinh hoạt với Tổng Hội, đòi hỏi tôi phải bắt tay với nhóm nầy, hay tổ chức nọ không thống thuộc Tổng Hội.

Trong tinh thần xây dựng, bảo vệ Danh Dự và Truyền Thống của Trường Võ Bị, tôi xin trân trọng kính mời tất cả quý Niên Trưởng, các bạn đông môn Cựu SVSQ/ TVBQGVN, những anh em còn biết mình là Võ Bị, hãy cùng chúng tôi hợp tác tổ chức Đại Hội XXII, trong đó tất cả anh em chúng ta đều bình đẳng, không phân biệt KHOÁ, hay ĐỊA PHƯƠNG, hoặc PHE NHÓM có lợi ích khác biệt. Chỉ cần chúng ta biết tôn trọng lẫn nhau là đủ điều kiện tham dự đại hội.

Việc tham dự Đại Hội Võ Bị Lần Thứ XXII này rất quan trọng đối với tất cả các CSVSQ và gia đình. Đây là cơ hội để chúng ta bày tỏ thái độ và giải quyết những mâu thuẫn, hoài nghi giữa chúng ta với nhau, để đón nhận tiếng nói của những ai còn quan tâm đến danh dự và tương lai của Tổng Hội TVBQGVN.

Tất cả anh em chúng ta đều có bổn phận và trách nhiệm bảo vệ tính cách thuần nhất của Tổng Hội. Ai cũng có quyền ứng cử, bầu cử để lựa chọn người đại diên xứng đáng. Người được anh em bầu chọn sẽ không phải đối diện với một Tổng Hội nào khác ngoài Tổng Hội THUẦN NHẤT, BẤT KHẢ PHÂN của CỰU SVSQ/ TVBQGVN.

Được như vậy hay không là do chính sự lựa chọn và quyết định của các thành viên trong Tổng Hội Võ Bị, mà không do cá nhân Tổng Hội Trưởng, hay bất cứ một người nào khác quyết định giùm cho anh em được.

Tổng Hội luôn mong mỏi và hân hoan chào đón mọi CSVSQ và gia đình, cùng các anh chị thuộc Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu về tham dự đại hội.

Đại Hội Võ Bị XXII là tiếp nối của 21 đại hội đã qua trong

quá khứ. Tôi rất vui mừng thấy một Ban Tổ Chức đã được thành lập với những anh em đầy khả năng và thiện chí. Tôi cũng xin cám ơn anh Hội Trưởng và quý Hội VB Nam Cali, các anh chị trong BTC/ ĐH/ XXII đã sẵn sàng nhận lãnh công việc tổ chức, để chu toàn trách nhiệm mà ĐẠI HỘI VÕ BỊ XXI đã giao phó, theo tinh thần nội quy của Tổng Hội Võ Bị.

Tôi xin khẳng định sẽ thi hành nghiêm chỉnh những quyết định của ĐH XXI và nội quy đã được áp dụng qua 21 Đại Hội Đồng.

Một lần nữa, tôi xin cám ơn ý kiến đóng góp xây dựng của các anh em.

Trân trọng kính chào,

XUÂN TƯỞNG

Huỳnh Dĩ Minh, K28

Khi mùa Xuân sắp về, dường như trong tâm tư, những người lớn tuổi thường bồi hồi nhớ lại những kỷ niệm của thời trai trẻ. Tôi tình cờ thấy lại bài thơ cũ của một người bạn cùng khóa, trên Tập San ĐA HIỆU của trường Võ Bị. Bài "Xuân Tưởng" được viết và đăng năm 1973 sau khi khóa chúng tôi đi công tác Chiến Tranh Chính Trị trở về từ Vùng 1 (gồm các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, và Quảng Tín). Tuy nhiên sau ngày tan đàn xẩy nghé 1975, ngày miền Nam Việt Nam mất vào tay Việt Cộng, chẳng ai biết tăm hơi về tác giả bài Xuân Tưởng.

Không ai biết tin tức của Nguyễn Minh Châu thuộc Đại Đội B Khóa 28, cũng như các SVSQ Trần Văn Thích (G28), Hà Cầm Sang (F28), Thái Văn Ngộ (E28), Ngô Mạnh Hùng (C28),Trần Xuân Nhẫn (D28)..., đã gần 50 năm kể từ khi chúng ta có duyên gặp nhau.

Hôm nay nhớ lại bài thơ Xuân Tưởng của Châu, tôi xin viết ra đây dẫu rằng có chút thiếu sót (vì quên mất 1 câu, cùng những người bạn khác đã đi vào tàn phai trong ký ức của tôi.

XUÂN TƯỞNG

Nguyễn Minh Châu, K28

Xuân nữa không về ta biết lắm,

Em buồn từ thuở mắt vời trông.
Dáng thanh em đứng bên cầu đổ,
Đợi nước về khuya khóc não nùng.
Nửa đêm vỗ súng bên mình hát,
Khí lạnh căm hờn lên ngút mây,

Tuyến gác bừng thơm mùi lá mới,
Hình như em đến ở quanh đây.
Người đi lên núi hai năm đã,
Ngóng gió mòn hao mấy gót giày
Sương phủ trùng trùng lên tóc rối,
Uống Xuân nghiêng ngửa chén vơi đầy.

Lầu vắng dăm đứa hội,
Vỗ bàn ngâm cổ lai.
Chinh chiến dẫu rằng đi chẳng hẹn
Hồ trường cũng lạnh huống nhiêu khê

Hồn ai hờn trong gió,
Ròng ròng giọt lệ rơi.
Thành thép ta chờ dăm Xuân tới,
Múa gươm rời núi với mùa đưa,

Xuân nữa sẽ về ta sẽ đến,
Cầu đá rêu xanh bốn lớp dầy.

Dáng thanh em đứng bên cao đổ,
Nước đã về gió thổi liễu bay.

Đá Vàng

"Love means never having to say you are sorry."
Erich Segal

Song Vũ, K17

(Tiếp theo)

Năm

Thời gian càng gần cuối năm tình hình chiến sự càng gia tăng khốc liệt hơn. Khi Hoa Kỳ có ý định trút hết gánh nặng cuộc chiến lên vai chính quyền VN, những trận đánh đẫm máu trên khắp chiến trường bốn vùng chiến thuật diễn ra mọi nơi. Riêng với Hải, đỉnh mốc của mỗi trận đánh đồng thời cũng là đỉnh mốc trong cuộc tình của anh. Sau trận rút quân ở Snoul là lễ ra mắt, sau trận đánh tử thủ An Lộc là lễ cưới. Năm 74 sau khi ký hiệp định đình chiến một năm, vợ chồng anh có đứa con đầu lòng. Lan muốn đứa con của hai người mang tên Thiên Ân, nàng bảo:

- "Em muốn cảm tạ ơn sủng của Thượng Đế đã dành cho chúng mình."

Những ngày cuối tháng Tư Sài Gòn náo loạn, những cánh quân Cộng Sản xiết chặt mọi ngóc ngách ra vào thành phố. Tiểu đoàn của Hải bị chia cắt và bao vây tứ phía trên đoạn đường từ Trảng Lớn về Sài Gòn. Gia đình của Lan chạy ra Vũng Tàu vào giờ chót sau đó theo thuyền di tản ra biển. Lan ở lại Sài Gòn cùng con chờ chồng không đi.

Chiều ngày 1 tháng 5, Hải mới mò về tới nhà. Nhìn thấy vợ ngồi ôm con đôi mắt đờ đẫn như mất hồn, anh đứng chết trân. *Ngoài đường phố là trận cuồng phong đang thổi tung lên tất cả mọi thứ, đảo lộn mọi thứ.* Trong căn nhà bé nhỏ của gia đình anh như thể là trung tâm con mắt bão, nó phẳng lặng bình yên. Anh không hề nghĩ tới sự sống chết của mình.

Một đơn vị bộ binh đang chuyển quân

Cuộc chiến đã qua đi, cái khổ nạn của cả dân tộc đã tạm lắng lại rồi những giông tố khác chắc chắn sẽ ập tới. Kẻ thù của anh đối mặt là những âm binh từ địa phủ chui lên, anh biết chắc điều ấy qua kinh nghiệm trong suốt hơn 7 năm chiến đấu trên chiến trường.

Sáu

Ba mẹ Lan trong lúc dầu sôi lửa bỏng những ngày cuối tháng Tư quyết định đưa cả nhà ra Vũng Tầu để mua ghe ra biển trốn chạy Cộng Sản. Riêng với ông bà Phú, ba má của Lan, cả hai đã có quá nhiều kinh nghiệm sống với Cộng Sản. Trước năm 1955, ông là một chủ cửa hàng may mặc lớn có tiếng ở Hà Nội. Cụ thân sinh ra ông là một điền chủ ở huyện Hà Nam. Khi hiệp đinh Genève được ký kết chưa bao lâu thì cụ ông bị đem ra đấu tố, bị tịch thu toàn bộ tài sản bao đời của

tổ tiên để lại rồi chính cụ bị Cộng Sản nhốt và bỏ đói trong một nhà kho của một hợp tác xã cho tới chết. Nghe tin sét đánh, ông bà bỏ hết cả nhà cửa quyết định đem con trốn xuống Hải Phòng rồi theo đoàn tầu di cư vào Nam, vào cuối năm 1955.

Vào tới Sài Gòn, ông bà lại trở về với nghề cũ của mình. Ông mở một tiệm may ngay tại Ngã Ba Ông Tạ. Công việc làm ăn phát đạt, ông bà có thêm hai cô con gái nữa là Ngọc Lan và Bích Huệ. Tông cộng là 5 người, ba trai hai gái. Ba người anh trai của Lan có một người là bác sĩ Quân Y, còn hai người khác một là giáo sư một là công chức Bộ Tài Chánh.

Sáng ngày 24, ông cho gọi các con cháu lại và ngỏ ý toàn bộ gia đình sống chết cũng phải ra đi. Mọi người đều đồng ý, riêng có một mình Lan vừa khóc vừa nói nàng và con sẽ ở lại để chờ chồng. Lúc đầu thì ông không chịu nhưng sau đó ông bảo:

- "Thôi tùy con, bây giờ con khôn lớn rồi, học hành đàng hoàng, suy nghĩ chín chắn nên ba tôn trọng quyết định của con."

Khi mọi người đi rồi Lan đóng kín cửa kéo con lên gác ngồi nhìn ra đường phố. Cả thành phố xao xác, chộn rộn người đi kẻ lại vẻ mặt hốc hác thất thần. Chính bản thân mình, Lan cũng thấy hoang mang, nàng tự nhủ thầm,

"*Hải sẽ trở về, Hải ơi em đợi anh trở về. Nhất định anh sẽ về cùng mẹ con em. Nếu anh có mệnh hệ gì, em chắc cũng không sống nổi. Hãy trở về nghe Hải.*"

Nàng thì thầm nói với mình như một kẻ mộng du. Thiên Ân, con trai của Lan ngồi ngủ trong lòng mẹ, tay ôm cứng lấy bụng mẹ. Nó không hiểu gì hết nhưng chắc chắn nó biết một điều, mẹ nó đang rất buồn nên nó cũng không dám quấy quả khóc lóc.

Sáng 26, Lan chở con qua nhà bà nội hỏi thăm tin tức. Bước chân vào nhà, Lan thấy bà đang ngồi trước bàn thờ trên gác lửng lần tràng. Lan hỏi khẽ chị Hai:

- Chị có tin tức gì về Hải, không hả chị?

Chị Hai bảo:

- Chị đang tính chạy sang nhà em hỏi tin cậu Hải thì mợ lại sang rồi. Chị chẳng có tin tức gì cả. Mẹ mấy bữa nay suốt ngày ngồi lần tràng cầu kinh chẳng thiết ăn uống khiến chị cũng rối bời.

Lan hỏi:

- Thế anh chị có tính chạy đi đâu không?

Chị Hai nói:

- Giờ biết chạy đi đâu. Anh ấy lăng xăng từ hai ba bữa nay chạy đôn đáo rồi đến tối mịt mới về.

Hai chị em đang nói chuyện dang dở câu chuyện thì má Hải vọng xuống:

- Vợ thằng Hải tới rồi hả?

- Dạ, thưa mẹ con và cháu mới tới.

Bà xuống thang rồi tới ngồi cạnh nàng, ôm thằng Ân vào lòng rồi nói:

- Để bà ẵm đích tôn của bà nào.

Thằng Ân vốn dĩ được bà nội cưng từ bé nên dụi đầu vào ngực bà nũng nịu:

- Con muốn ăn bánh.

- Ừ để nội lấy bánh cho con ăn.

Thằng Ân chạy vào phòng bưng ra một hộp bánh rồi cả hai đứa ngồi ăn ngon lành. Không khí trong nhà yên ắng, cả ba người lớn không ai biết nói gì trong lúc này. Sau cùng bà lên tiếng:

- Mẹ cầu đức Quan Thế Âm phù hộ cho nó rồi. Mẹ tin là nó sẽ trở về bình an cho nên con cứ yên tâm.

Lan gục đầu:

- Con cũng tin chồng con sẽ về, mẹ ạ.

Chị Hai nấu nướng sơ sài rồi dọn cơm ra cho cả nhà. Mọi người ngồi vào bàn ăn mà hầu như chẳng ai có cảm giác mình đang ăn. Gần chiều tối Lan mới đưa con ra về, nàng bảo:

- Thưa mẹ con đưa cháu về, kẻo Hải về nhà không thấy ai lại hoảng.

Mẹ của Hải lúc đó mới hỏi:

- Ủa, thế ông bà và cô Huệ đâu?

Lan cho biết cả nhà đã kéo đi Vũng Tàu từ hôm trước, chỉ có hai mẹ con Lan ở lại chờ Hải thôi. Bà nói

- Thôi thế cũng được, nếu có sợ thì cả hai mẹ con sang bên này ở chung với bà.

Lan nói:

- Không sao đâu mẹ, hàng xóm nhà con cũng còn đầy đủ, chắc cũng không đến nỗi nào.

Bẩy

Tháng 6 năm 1976, Hải đang bị giam tại trại Suối Máu thì có lệnh di chuyển ra Bắc. Sau khi Hải đi cả tuần, Lan mới biết tin chồng mình đã lên tàu ở New Port. Lan nhớ lại hôm chồng đi trình diện "cải tạo", Hải có nói với Lan rằng:

- Theo thông báo, tụi anh sẽ đi "học tập" khoảng ba tháng. Anh nghĩ rằng tình hình này với số lượng sĩ quan bị triệu tập khá đông, chúng chắc không thể tiêu diệt được mà nhốt để nuôi cũng tốn kém cho nên anh nghĩ có thể vài tháng tới một năm thì anh sẽ về. Em và con ráng đợi anh về rồi vợ chồng mình tính gì sẽ tính.

Lan gật đầu đồng tình,

- Anh cứ yên tâm mà. Mẹ con em, em lo được. Em sẽ chờ anh trở về. Và anh phải hứa với em anh sẽ trở về, đừng bỏ mẹ con em nghe.

- Anh hứa. Hải gật đầu.

Đêm nằm trằn trọc giữa các băng ghế học trò tại trường Don Bosco, Hải ngẫm nghĩ lại, tự cười thầm:

- Mình hứa sẽ trở về là sao? Việt Cộng nó nhốt mình, mình đi tù chứ đâu có phải đi chơi mà hứa sẽ trở về? Tính mạng của mình nằm trong tay chúng mà…

Tám

Từ sau ngày chia tay trước cổng trường Don Bosco. Lan dắt con về nhà trong tâm trạng hoang mang tột đỉnh. Những lời nói và mong ước một ngày về của Hải có vẻ như những lời tự an ủi trước mọi cuộc chia ly.

Kẻ thù là những kẻ dối trá bạo ngược làm sao tin được những lời chúng nói? Nhưng còn có cách nào khác hơn không? Chấp nhận rủi ro của định mệnh và những thử thách đã trải, qua cuộc tình mà cả hai đã tự nguyện dấn thân có lẽ là giải pháp duy nhất thôi.

Kể từ ngày hôm đó, Lan bắt đầu viết nhật ký.

Sài Gòn, ngày tháng năm

Hôm qua em qua nhà thăm má. Má trở bịnh cả tháng nay, ho húng hắng suốt ngày. Anh chị Hai, có đưa má đi bịnh viện Hồng Bàng, gặp mấy ông bác sĩ Miền Bắc khám qua loa rồi bảo:

- "Bà cụ già yếu ho hen vậy thôi không sao về nhà cho cụ ăn "có chất" vào là khỏe ngay!"

Chị Hai bảo không biết ăn có chất là ăn thứ gì nhưng rồi cũng lặng lẽ đưa má về nhà không thèm hỏi han gì nữa. Trên đường ra cổng, gặp một bà mặc đồ bác sĩ tất tưởi đi vào khi gặp chị Hai, chị Hai hỏi "ăn có chất" là ăn thứ gì. Bà ấy bảo: "À, ăn thứ gì có chất bổ dưỡng như thịt cá…." Chị Hai bảo mỗi tuần cả phường được phân phối có hai ngày cá khô, hoặc mấy con cá ươn lấy đâu ra chất! Má cười bảo thôi không sao

đâu, má về nghỉ vài hôm là hết bịnh. Bà mặc áo bác sĩ nói nhỏ vào tai chị Hai:

- "Máy móc bịnh viện chở về Bắc hết rồi, chỉ còn lại mấy cái máy cũ xì mà cũng chẳng có phim ảnh gì để chụp quang tuyến cả. Thôi chị về cho bà uống thuốc Nam hay Bắc đi.

Chị Hai chào và nói cám ơn.

Sài Gòn, ngày tháng năm…

Má trở bịnh nặng hơn tuần rồi vì bị viêm phổi không có thuốc chữa trị. Hôm được tin thằng An, con chị Hai, chạy xuống nhắn em và con sang ngay. Mới có hai hôm không qua thăm bà mà thấy má gầy hốc hẳn đi tội nghiệp lắm. Má cầm tay em rồi chậm rãi nói:

- "Má chỉ có chiếc nhẫn cưới này là quý báu nhất."

Nói xong má run rẩy tháo ra khỏi ngón tay, rồi kéo tay em lại bỏ nhẫn vào lòng tay em.

- "Má cho con." Rồi má chậm rãi nói tiếp. "Thằng Hải chưa biết bao giờ mới về, tuổi con còn trẻ quá. Hồi ba thằng Hải mất, má chưa tới 40, chị Hai 14 và Hải tròn một năm. Má vì yêu thương các con nên không muốn bước đi bước nữa. Vả lại thế hệ của má việc tái giá cũng nhiều khó khăn dị nghị, thêm nữa sống với chồng con hơn chục năm tần tảo phụ chồng nuôi con với đồng lương công chức quèn của ba Hải khiến má cũng vất vả quá đỗi thành ra má cũng chẳng còn ham muốn gì. Nhưng với con thì khác, con có học thức, có tương lai. Đợi chờ không biết đến bao giờ có khi mất cả tuổi thanh xuân cho nên má chỉ muốn nói một điều là qua kinh nghiệm của má, con có toàn quyền định đoạt cuộc đời của mình.

Con không cần theo gương má, thời đại của con khác rất xa với đời của má. Má sẽ không trách gì con đâu và má biết là thằng Hải nó cũng sẽ không trách móc gì con cả.

Má ngưng lại nghỉ ít phút có lẽ để đè nén cảm súc của mình rồi sau đó nói tiếp.

- "Má chỉ có một ước nguyện là nếu con có đi bước nữa, con cố chăm sóc dậy dỗ thằng Thiên Ân nên người thế thôi."

Em nghe má nói mà khóc nghẹn. Em chỉ biết nắm chặt tay của má vào ngực mình và nói với má rằng:

- "Con cám ơn má đã nghĩ cho tương lai của con. Nhưng con có thể nói chắc một điều với má rằng đời con chỉ có Hải là người yêu đầu tiên và sau cùng của con thôi. Con sẽ không lấy ai hết nếu Hải không trở về. Má ơi, yêu một người với cả chân tình cũng có nghĩa là cuộc đời mình đã trao trọn cho người mình yêu. Nếu có chuyện gì con hứa với má con sẽ nuôi con của chúng con nên người và cuộc đời con có được người mẹ chồng như má, một người chồng như Hải là đã quá đủ. Con không mong ước gì hơn thế nữa."

Em ngồi nói chuyện với má cho mãi tận khuya, vì ngày hôm sau lớp em có cuộc thanh tra của Sở Giáo Dục nên em xin phép má ra về.

Chiều hôm sau khi vừa về tới nhà thì em nghe tin má mất. Trong cái không khí ngột ngạt bịnh hoạn và đói kém này, những tình cảm con người hình như không còn nữa. Tất cả mọi người đều đổ dồn mọi suy nghĩ vào cái dạ dày của mình. Bon chen, kèn cựa để có thể có một cái gì đó nhét cho chặt bao tử, ngô khoai sắn lát, cá khô, bánh mì ẩm mốc, bột mì, bo bo,… Tất cả những thứ được gọi là lương thực đều được phường phân phối theo tem phiếu cho cư dân trong khu phố. Sự mất đi hay xuất hiện của một con người không mang lại tín hiệu gì cả, dù vui hay buồn. Em đã sống dửng dưng, lạnh nhạt và có lẽ phải sống như một thứ bản năng như thế mới có thể tồn tại được trong cái xã hội này.

Nhìn con còm cõi, còi cọc; soi gương nhìn mình hốc hác, xanh xao, con mắt vô hồn rồi nghĩ tới anh nơi rừng thiêng nước độc ấy… em có thể sống được sao? Không, em nhất định phải sống và anh cũng phải sống, phải trở về. Chúng ta còn một đoạn đường rất dài phía trước phải bước tiếp. Em sẽ

không đầu hàng số phận dù có phải trải qua bao trắc trở, ngang trái. Em yêu anh nhiều lắm, Hải ơi!

Sài Gòn, ngày tháng năm…

Cuối cùng em cũng đã thực hiện được mong ước của mình là được ra thăm nuôi anh, được nhìn tận mắt hình ảnh của người em yêu sau hơn 5 năm năm xa cách. Cho dù những bức

Những ngày cuối tháng Tư, 1975 tại Sài Gòn

thư, những lời nhắn gửi các gia đình ra thăm người thân về báo lại rằng anh không muốn em phải lặn lội khổ cực cùng con ra nơi rừng thiêng nước độc này. Anh dặn rằng, anh hiểu hoàn cảnh của mẹ con em hiện tại, tiền bạc không có, cuộc sống đầy khó khăn… Nhưng em không yên lòng Hải ơi. Tin tức dồn dập những người quen có người thân đi "cải tạo" bị bịnh tật, tai nạn chết quá nhiều khiến em có ý nghĩ, em và con phải nhìn thấy anh một lần biết đâu…

Trên chuyến xe lửa ra Bắc, em đã tận mắt chứng kiến biết bao nhiêu câu chuyện đau lòng - một hệ quả không thể không có trong chiến tranh.

Nhìn núi đồi xác xơ trụi lá trên những vách núi lở loét vì hố

bom đan, những người dân ngơ ngác di chuyển bằng đủ mọi phương tiện với khuôn mặt nửa như hốt hoảng sợ sệt, nửa như sẵn sàng chấp nhận những tai họa có thể đổ ập lên đầu mình bất cứ lúc nào. Đất nước, giống nòi ngắc ngoải sống sót sau một cơn đại họa.

Cùng đi với mẹ con em là cả chục chị cùng có thân nhân trong các trại tù Cộng Sản. Điều làm em cảm động nhất là hình ảnh của một bà cụ người Cần Thơ ra thăm con, năm nay đã ngoài bẩy chục, người tuy gầy guộc nhưng tinh thần rất vững chắc. Cụ tâm sự với chúng em rằng:

- "Con của cụ là một sĩ quan cấp tá hiện đang bị giam tại Nam Hà. Đây là lần thứ hai cụ ra thăm con."

Em có hỏi sao cụ không để con dâu đi thay cụ? Cụ cười buồn bảo rằng con dâu cụ đã có gia đình mới rồi, là một cán bộ Cộng Sản nằm vùng giờ đây có chức có quyền. Cũng may là nhà có vườn trái cây nên bà cháu cũng đắp đổi qua ngày. Cụ cũng bảo, thời thế đảo điên nên cụ cũng không trách cứ gì cô con dâu cả. Vả chăng con trai cụ đi đánh giặc mải miết nên chẳng có của cải gì để lại cho vợ con. Khi con trai cụ đi tù, vợ con đến căn nhà cũng không có mà ở nên kéo về tá túc với cụ. Chịu đựng hơn hai năm cô con dâu sau cùng đành thú thực với cụ là xin phép cụ nuôi dùm hai đứa con để cô ta lấy chồng. Lúc đầu cụ cũng buồn nhưng rồi sau đó cụ cũng cảm thông với con dâu. Cụ bảo với tụi em:

- "*Người chịu bất hạnh nhất trong cuộc chiến này là những người lính, luôn sống chung với thần chết rình rập từng giờ từng phút. Vinh quang phú quý chẳng được hưởng gì ngoài những trách nhiệm nặng nề đến khi tan đàn sẻ nghé thì bị tù đầy khổ sai lại càng thêm cơ cực. Rồi gia đình vợ con lính. Trong chiến tranh họ đồng kham, cộng khổ cùng chồng, bây giờ hòa bình, chồng thì tù đầy biệt xứ, vợ con thì bị phân biệt đối xử, hành hạ, chèn ép mọi bề.*

Thành ra giờ đây cũng là thời gian của lửa thử vàng. Chỉ

những ai thực lòng đồng sinh, cộng khổ được với chồng con thì mới có thể chống chọi nổi. Cụ rất thương cảm và thán phục những gia đình còn vẹn toàn, những người vợ còn giữ được lòng thủy chung với chồng. Sau ít phút suy nghĩ, cụ nói rằng cụ cũng không trách móc gì người con dâu của cụ. Cụ bảo nếu biết chắc chồng mình 5 năm hoặc ba năm sẽ về, người chờ đợi còn có mốc điểm thời gian để chịu đựng và hy vọng.

Giờ đây trong xã hội mới này, *chồng đi tù mà chăng biết có thể trở về hay không, cuộc sống chung quanh dồn dập những gian khó o ép, người vợ lính trong hoàn cảnh này chỉ có một con đường chọn lựa hoặc héo mòn, lây lất sống trong những ác mộng kéo về từng đêm, hoặc mở một lối thoát cho bản thân để có thể tìm lại được một chút sinh khí để sống cho xong một kiếp người.*

Tuổi thanh xuân có hạn, vợ chồng lấy nhau mới vài năm mà thời gian thực sự gần gũi nhau lại còn ít hơn nữa vì chồng di chuyển hành quân liên tục. *Phải hiểu nỗi khổ ải đó ở thân phận người phụ nữ mà cảm thông với họ.* Em ngôi nghe cụ nói mà ngậm ngùi thêm. May cho em là trái tim em đã băng giá kể từ lúc anh ra đi. Em dửng dưng ngay cả với thân xác mình. Ngọn lửa tình yêu của em đã tắt, chắc chỉ khi nào có anh trở về mới hy vọng nhóm lại được - mà biết đâu nó sẽ chẳng tắt luôn?

Nghe câu chuyện cụ nói làm em trằm trọc cả đêm, phần vì tàu chật chội, phần vì lo giữ hành lý sợ bị mất trộm. Em và các chị bạn phải thay phiên nhau canh thức.

Sáng ngày thứ tư tầu cặp Ga Hàng Cỏ Hà Nội. Tụi em chia tay nhau, người thì đi Vĩnh Phú, người đi Nam Hà, người đi Hà Tây…

Sài Gòn, ngày tháng năm…

Em đã nghỉ dạy. Nói cho đúng hơn, em đã bị đuổi việc. Thế cũng hay, anh đừng lo. Em hùn hạp với mấy người bạn đi buôn quần áo cũ, thuốc Tây từ các gói quà do thân nhân nước

ngoài gởi về. Con chúng mình em gởi cho một chị bạn cùng dạy học ở một trường gần nhà, sáng mang con đi gởi, tối về đón con cũng tiện.

Cuộc sống giờ đây đối với em bớt căng thẳng nhiều lắm. Em đã tránh được phải dạy cho học sinh những điều em biết chắc chắn là sai quấy, phải mỉm cười gượng gạo trước những khuôn mặt mang danh "đạo đức cách mạng" mà thực tế trong cuộc sông là bon chen, kèn cựa đê cô nhoi lên những chức vụ cao hơn. Em cũng tránh được phải nghe những lời ong bướm, mua chuộc của những kẻ mang hình dáng đạo mạo, mô phạm mà trong lòng chứa chất đầy dục vọng bẩn thỉu. Những kẻ sống trong rừng rú giờ đây bước ra thành phố muốn được đền bù lại chuỗi ngày kham khổ của mình. Những đòi hỏi ham muốn trong con người em đã chết kể từ lúc xa anh. Em đang sống trong hình nhân vô hồn, hờ hững. Chỉ có anh, em tin chắc anh sẽ trở về mới có thể làm cho em hồi sinh. Hãy cố gắng để sống và trở về vời em nghe Hải.

Sài Gòn, ngày tháng năm…

Hôm nay có lẽ là ngày vui nhất cuả mẹ con em tính từ lúc anh dời xa mẹ con em cho tới giờ. Em nhận được lá thư đầu tiên của ba má. Ông bà ngoại Thiên Ân cho biết giờ đây đã ổn định được cuộc sống. Ông bà hiện đang sinh sống tại Canberra, Úc Châu. Ông bà có hỏi thăm anh, an ủi em và hứa sẽ lo cho mẹ con em. Gánh nặng sinh kế với em giờ đây không còn quá nặng nữa. Anh yên tâm nghe Hải.

Những lá thư anh gởi về lúc nào cũng chỉ vẻn vẹn vài hàng "Anh vẫn mạnh khỏe, *"học tập tốt lao động tốt*."" Em đã quá quen với loại công thức đó, nó giống hệt như những giáo trình nhà trường bắt em phải dạy cho học sinh thành ra em không ngạc nhiên gì. Duy có điều cuối thư anh luôn nhắc em cố gắng cho con về bên ông bà ngoại mà sống thì em hoàn toàn hiểu ý anh muốn nhắn em điều gì. Hải ơi, em không làm được vì Thiên Ân là niềm an ủi duy nhất em có và anh là động lực đem

đến cho em hy vọng và sức mạnh để sống. Nếu có về quê với ông bà ngoại thì chờ khi nào anh về nhà rồi chúng ta cùng đi nghe Hải.

Sài Gòn, ngày tháng năm…

Anh Hai và thằng An đi đã hơn tháng nay mà chị Hai cũng chưa nhận được tin tức gì. Những tin xấu tốt lan truyền hàng ngày khắp mọi nơi, tin cướp biển, tin người sống sót phải ăn thịt nhau trên tàu, tin người đến được các trại tỵ nạn… Cả xã hội sống trong thao thức đợi chờ tin người bỏ nước ra đi. Có nơi nào trên thế giới này như đất nước chúng ta hay không? Nhìn chị Hai gầy sọp hẳn đi mắt thầm quâng vì lo lắng em thấy tội nghiệp quá mà chẳng biết phải nói với chị như thế nào.

Nghe tin ở ngã tư Phú Nhuận có cô thầy bói coi bài tây hay lắm, em qua rủ chị đi xem cho khuây khỏa. Đi luôn lách tuốt trong hẻm sâu sau cùng mới tìm ra địa chỉ, cả hai chị em gõ cửa xin vào. Cô nhìn trước ngó sau rồi hỏi ai giới thiệu tới, em phải nói tên cô bạn thân mách cho biết bà thầy mới chịu coi. Trước khi sủ quẻ, bà bảo rằng giờ đây làm ăn khó khăn lắm. Sở dĩ bà còn mạo hiểm làm nghề vì bà muốn giúp cho những gia đình có chuyện tìm được một chỗ dựa mà sống mà hy vọng. Bả nói cũng có lý vì tiền thù lao chẳng đáng bao nhiêu mà tin do bà mang tới lại là nguồn tin duy nhất có thể có trong lúc này. Trên biển cả mông mênh kia, số phần những người ra đi được giao hết cho sự rủi may thì thân linh là những đấng có quyền uy tuyệt đối để mách bảo thôi, phải không anh?

Chị hai xem trước, bà thầy bảo chuyến đi có nhiều trắc trở nhưng không sao, chờ một tuần nữa sẽ có tin về. Chị Hai mừng líu cả lưỡi hỏi tin vui hay buồn, bà thầy bảo tin vui. Có quý nhân giúp đỡ nên vượt qua được sóng gió biển khơi. Lần

đầu tiên sau hơn một tháng kể từ ngày anh Hai ra đi, em nhìn thấy trên khuôn mặt chi bừng lên một thứ ánh sáng kỳ diệu, có thể gọi đó là ánh sáng của hy vọng không anh?

Đến phiên em, bà thầy bảo còn lâu lắm hai vợ chồng mới gặp lại nhau. Em chỉ hỏi bà rằng có chắc chắn gia đình xum họp không? Bà ngần ngừ rồi bảo em xào lại cả cỗ bài rồi rút ra ba cây, em còn nhớ đó là các cây 8 phích, chín chuồn và ách cơ. Lần này thì bà thầy mặt tươi hăn lên, bảo "Chắc chắn". Em chỉ cần có vậy thôi, Hải ơi. Thời gian đợi chờ giờ đây đối với em không quan trọng nữa. Bao giờ anh về cũng được, chỉ cần anh nhất định phải trở về với mẹ con em!

Đêm về em nằm trằn trọc mãi không ngủ được. Chuyện cô Hai thầy bói nói quả quyết anh sẽ về hình như nhóm lại trong lòng em ngọn lửa hy vọng đã chập chờn như muốn tắt. Đã từ lâu lắm từ ngày chúng mình chia tay, em luôn sống trong những âu lo phiền muộn. Chợt vui khi nghe những lời đồn đại những người đi tù "cải tạo" như anh đang được cứu xét để cho về do phía Hoa Kỳ áp lực. Rồi chẳng bao lâu ngay sau đó là những tin dữ khi có người bạn có chồng con bị bịnh tật, trốn trại bị xử bắn, hoặc tự tử chết.

Thời gian đối với em là một chuỗi những phập phồng lo sợ và hy vọng nối đuôi nhau như thế. Nhưng rồi ngày tháng trôi nhanh từ sáu năm nay, em chẳng còn sống trong hy vọng hão huyền tự lừa dối mình nữa. Em an phận và chấp nhận cuộc sống tuyệt vọng này.

Có lẽ đó là lý do khiến cho tóc em phai màu nhanh hơn, nước mắt em cũng chẳng còn đủ để chảy khi nằm thổn thức một mình. Em chỉ còn sống trong một niềm tin, nhất định gia đình nhỏ bé của chúng mình sẽ đoàn tụ. Bất ngờ hôm nay theo chị Hai đi coi bói rồi nghe lời bà thầy bỗng dưng em giống như mình đang dần sống lại. Nhìn con say sưa trong giấc ngủ, càng ngày con càng giống anh - niềm an ủi duy nhất em đang có và cũng là lý do duy nhất để em vững vàng chờ đợi anh.

Chín

Đầu tháng Năm năm 1983, Hải được thả từ trại Thanh Phong. Gần tròn 8 năm tù. Một khoảng thời gian đủ để Hải nhìn rõ bức tranh hiện thực của cái xã hội quái gỡ này.

Trời Sài Gòn mưa lất phất, trên đường về nhà, hai bên đường không khí thê lương hơn cả lúc anh đi tù. *Những người đi hai bên đường lầm lũi phủ trùm trong những chiếc áo poncho nhà binh bờm rách, hoặc những tấm nylon mờ đục trông như những bóng ma*. Thỉnh thoảng một hai chiếc xe Honda cũ kỹ chạy băng qua những ổ gà trên đường hắt tung những vạt nước đục ngầu lên hè.

Hải về đến nhà trời chập choạng tối. Cửa của căn nhà đang đóng kín mít. Từ chắn song bên hông hắt ra những tia sáng vàng vọt của chiếc bóng đèn nhỏ treo toòng teeng giữa nhà. Hình như có tiếng máy may và một vài tiếng ho khan mà anh đoán chắc là của vợ mình. Gõ cửa tới lần thứ ba, anh mới nghe thấy tiếng vợ anh hỏi vọng ra:

- Ai đó?

- Anh về đây, em.

Có tiếng chân chạy vội và tiếng lách cách mở cửa. Lan ôm chầm lấy chồng khóc tức tưởi. Bỗng dưng hình ảnh của cuốn phim cũ cách đây hơn 10 năm hiện ra rất rõ trước mắt anh. Hình ảnh một Myra nét mặt thất thần lặng lẽ đi trong mưa. Hải buột miệng nói bâng quơ:

- **Cám ơn trời Phật đã cho con một điểm tựa để trở về**. Hải nói thì thầm bên tai vợ. *Cám ơn em đã luôn sát cánh bên anh, chia sẻ mọi khô đau cay đắng của đời lính*. Anh sẽ không bao giờ rời xa em nữa.

- Chúng mình sẽ không bao giờ rời xa nhau nữa, nghe anh. Lan nghẹn ngào.

01/2019

TỔ CHỨC HÀNH CHÁNH VÀ QUÂN SỰ CỦA VNCH

Đặng Đình Liêu, K19

I- **Tổng quát**:

Thượng tuần tháng 6/1948 ở Vịnh Hạ Long và trung tuần tháng 3/1949 tại Paris, nước Pháp đã tổ chức đàm phán để trao trả độc lập cho Việt Nam, ít nhất về mặt hình thức.

Theo thỏa thuận, Quốc Gia Việt Nam phải nằm trong tổ chức Liên Hiệp Pháp, ngoại giao và quốc phòng do Pháp phụ trách.

Với nội dung như trên, trong giai đoạn này VN vẫn ở trong tình trạng bán thuộc địa, chưa thực sự thoát khỏi ách kiểm soát của thực dân Pháp.

Từ tháng 5/ 1949, trong nỗ lực thành lập Quân Đội Quốc gia, chính phủ của Thủ Tướng Trần Văn Hữu đưa ra kế hoạch

thành lập Quân Đội Quốc Gia Việt Nam.

Lúc đó, Quân Đội Quốc Gia có vào khoảng 205.000 người, chia ra làm 4 Quân Khu:

Quân Khu I thuộc các tỉnh miền Nam, Quân Khu II thuộc các tỉnh miền Trung, Quân Khu III thuộc các tỉnh miền Bắc, và Quân Khu IV thuộc các tỉnh thuộc vùng cao nguyên.

Từ ngày 20 tháng 7 năm 1954, khi Pháp phải hoàn toàn trao trả độc lập cho Việt Nam thì Hiệp Định Genève lại chia cắt Việt Nam làm hai, lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới.

Miền Bắc biến thành chư hầu Cộng Sản, đặc biệt là chư hầu của Cộng Sản Trung Quốc, với mục tiêu tiếp tục thôn tính cả Việt Nam.

Trong khi đó, miền Nam Việt Nam, trở thành quốc gia độc lập hoàn toàn, theo thể chế tự do dân chủ, là tiền đồn của thế giới tự do, ngăn chặn chủ nghĩa Cộng Sản bành trướng. Quốc gia Việt Nam Cộng Hòa đã được khai sinh. Tổng Thống Ngô Đình Diệm là vị Tổng Thống đầu tiên của Đệ Nhất Cộng Hòa.

Nhu cầu cải cách hành chánh và quân sự trợ nên cấp thiết với một quốc gia tự do dân chủ sơ khai; vì thế việc đầu tiên khi chấp chính, Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã cho cải tổ tổ chức hành chánh và quân sự của VNCH. Trải qua 20 năm, cơ cấu tổ chức hành chánh và quân sự đã có nhiều thay đổi:

II. **Tổ chức hành chánh và quân sự**:

1. **Về phương diện hành chánh**:

- Từ 1954 đến 11/1963 (Đệ Nhất Cộng Hòa): VNCH được chia thành 28 tỉnh thành, bao gồm Thủ Đô Sài Gòn, trừ hai quận Quảng Xuyên và Cần Giờ. Các tỉnh trưởng là các viên chức dân sự và do Tổng Thống bổ nhiệm.

- Từ 1963 đến 1966: VNCH được chia thành 43 tỉnh (chưa tính thị xã và Thủ Đô Sài Gòn).

- Từ 1966 đến 1975 (Đệ Nhị Cộng Hòa): VNCH được chia thành 44 tỉnh và 11 đô, thị xã (bao gồm Thủ Đô Sài Gòn). Các

tỉnh trưởng là các sĩ quan, do Tổng Thống bổ nhiệm. Ngoài việc điều hành và quản trị về mặt hành chánh của tỉnh, thị xã; tỉnh trưởng còn kiêm nhiệm chức vụ tiểu khu trưởng, xử dụng Địa Phương Quân và Nghĩa Quân giữ an ninh trong tỉnh.

2. **Về phương diện quân sự,** đã có nhiều thay đổi tùy theo thời kỳ:

a. **Từ 1954 đến 11/1963** (Đệ Nhất Cộng Hòa): Cả nước được phân chia thành 3 quân khu.

Năm 1957, Quân đoàn I và Quân đoàn II được thành lập. Cùng năm, thành lập Binh chủng Lực Lượng Đặc Biệt. Đơn vị đầu tiên mang tên Liên Đội Quan Sát Số 1.

Đầu năm 1959, thành lập 7 sư đoàn Bộ Binh: 1, 2, 5, 7, 21, 22, 23, với quân số hơn 10.500 người mỗi sư đoàn.

Ngày 1 tháng 3 năm 1959, Quân Đoàn III được thành lập. Cùng năm, Lữ đoàn Thủy Quân Lục Chiến tách ra khỏi Hải Quân và trở thành một lực lượng tổng trừ bị.

Ngày 1 tháng 7 năm 1960, Binh Chủng Biệt Động Quân được thành lập với 50 đại đội biệt lập và bắt đầu hoạt động sâu trong vùng kiểm soát của Việt Cộng.

Ngày 13 tháng 4 năm 1961, lãnh thổ VNCH được chia thành ba Vùng Chiến Thuật và Biệt Khu Thủ Đô. Vùng 1, 2, và 3 Chiến Thuật, do các Quân Đoàn I, II, và III trấn đóng. Biệt Khu Thủ đô gồm Đô thành Sài Gòn và tỉnh Gia Định.

Cùng năm, hai Sư Đoàn 9 và 25 Bộ Binh cũng được thành lập, nâng Binh Chủng Bộ Binh lên thành 9 sư đoàn.

Ngày 1 tháng 1 năm 1963, Tổng thống Ngô Đình Diệm cho thành lập thêm Quân Đoàn IV và Vùng 4 Chiến Thuật. Theo đó, cơ cấu các vùng chiến thuật và các đơn vị trực thuộc quân đoàn được tổ chức lại như sau: Lãnh thổ quốc gia được phân chia thành 4 vùng chiến thuật, Biệt Khu Thủ Đô, Đặc Khu Rừng Sát.

Ranh giới ấn định như sau:

a. **Vùng 1 Chiến Thuật**: (năm tỉnh): Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Tín, Quảng Ngãi.

b. **Vùng 2 Chiến Thuật**: (13 tỉnh): Bình Thuận, Kontum, Pleiku, Bình Định, Phú Bổn, Daclac, Quảng Đức, Tuyên Đức, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Lâm Đồng, Bình Tuy.

c. **Vùng 3 Chiến Thuật** (10 tỉnh): Phước Long, Bình Long, Phước Thành, Long Khánh, Phước Tuy, Biên Hòa (trừ 2 quận Quảng Xuyên và Cần Giờ), Tây Ninh, Bình Dương, Hậu Nghĩa, Long An.

d. **Vùng 4 Chiến Thuật** (16 tỉnh): Kiến Tường, Định Tường, Gò Công, Kiến Hòa, Kiến Phong, Châu Đốc, An Giang, Vĩnh Long, Vĩnh Bình, Phong Dinh, Kiên Giang, Chương Thiện, Ba Xuyên, Bạc Liêu, An Xuyên, Côn Sơn.

e) **Biệt Khu Thủ Đô**: Đô Thành Sài Gòn, tỉnh Gia Định.

f) **Đặc Khu Rừng Sát:** Gồm 2 Quảng Xuyên, Cần Giờ (thuộc tỉnh Biên Hòa).

Tùy theo nhu câu tình thê, các vùng chiên thuật có thê chia thành nhiều khu chiến thuật, hay biệt khu.

Mỗi khu chiến thuật, hay biệt khu gồm nhiều tỉnh. Mỗi tỉnh được tổ chức thành 1 tiểu khu, hoặc đặc khu. Nhiều khi một sư đoàn bộ binh trong quân khu chịu trách nhiệm an ninh cho một khu chiến thuật.

Mỗi tiểu khu, hoặc đặc khu có nhiều chi khu. Mỗi chi khu gồm 1 hay nhiều quận hành chánh.

b- **Từ 1964 đến 1975** (Đệ II Cộng Hòa):

Quân khu là một tô chức lãnh thô gôm nhiêu tiêu khu và đặc khu. Mỗi quân khu do một quân đoàn phụ trách.

Bộ tư lệnh quân đoàn đồng thời là bộ tư lệnh quân khu. Tư lệnh quân đoàn cũng là tư lệnh quân khu. Các tư lệnh quân đoàn và quân khu có trách nhiệm bình định lãnh thổ và có quyền điều động các đơn vị trực thuộc quân khu của mình.

Quyền chỉ huy bao gồm việc tổ chức và xử dụng lực lượng dưới quyền; ấn định nhiệm vụ, quy định mục tiêu, quyền kiểm soát toàn diện những tài nguyên tăng phái và quyền tối hậu ban chỉ thị cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ.

Các tư lệnh quân đoàn và quân khu có trách nhiệm đối với Tổng Thống, Thủ Tướng, Tổng Trưởng Quốc Phòng, và Tổng Tham Mưu Trưởng trong việc thi hành các nhiệm vụ chính sau đây:

- Điều khiển các cuộc hành quân lưu động, an ninh lãnh thổ, bình định phát triển.

- Các nhiệm vụ khác: Phòng thủ dân sự, tình báo lãnh thổ, truyền tin diện địa; quản trị nhân vật, tài lực quốc phòng; điều hợp tiếp vận, chiến tranh chính trị.

Các chi tiết về tổ chức và điều hành các quân chủng, binh chủng do Bộ Quốc Phòng ấn đinh bằng nghị định.

c. Tính tới năm 1968, quân số QLVNVH ghi nhận là 697.245 gồm 10 sư đoàn Bộ Binh, một sư đoàn nhảy dù với 9 tiểu đoàn, một sư đoàn Thủy Quân Lục Chiến với 6 tiểu đoàn. Quân số Địa Phương Quân là 322.187. Ngoài ra còn có 1000 trung đội Nghĩa Quân, Lực lượng Cảnh Sát Quốc Gia, khoảng 200.000 (theo số liệu 1973). Binh chủng Thiết Giáp có thiết vận xa M113, chiến xa M41.

III- Do tình hình chiến sự càng ngày càng trở nên khốc liệt, các quân chủng đã thành lập thêm các đơn vị mới, hay nâng cấp số:

1. **Bộ Binh**:

Sư Đoàn 18 Bộ binh được thành lập vào ngày 16 tháng 5 năm 1965 tại Xuân Lộc, Long Khánh, trong khi Sư Đoàn 3 BB thành lập ngày 1/10/1971, nâng tổng số lên 11 sư đoàn.

2. **Sư Đoàn Nhảy Dù**:

Được thành lập vào ngày 31 tháng 12 năm 1965 với 3 Lữ Đoàn 1, 2, 3 tác chiến. Vào tháng 4/1975, sư đoàn thành lập

thêm 2 Lữ Đoàn 4 và 5 Nhảy Dù.

3. **Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến**:

Năm 1965, Liên Đoàn TQLC được cải danh thành Lữ Đoàn với hai Chiến Đoàn A và B. Năm 1968, Lữ Đoàn TQLC được nâng lên cấp Sư Đoàn TQLC. Hai Chiến Đoàn A và B được đổi tên thành Lữ đoàn 147 và 248. Năm 1970, Sư Đoàn TQLC có 3 lữ đoàn tác chiến. Đầu năm 1975, Lữ Đoàn 468 TQLC được thành lập.

4- **Biệt Động Quân**:

Từ 20 tiểu đoàn BĐQ của 6 Liên Đoàn 1, 2, 3, 4, 5, 6 BĐQ, năm 1970, Biệt Động Quân được cải tổ lại với việc đồng hóa Lực Lượng Dân Sự Chiến Đấu tại các trại biên phòng thành 37 tiểu đoàn Biệt Động Quân Biên Phòng. Tổng số các tiểu đoàn tiếp ứng và biên phòng lên tới 57 tiểu đoàn.

Từ cuối 1973, các tiểu đoàn biên phòng được sát nhập thành các liên đoàn. Cho tới 1974 binh chủng BĐQ có 15 liên đoàn BĐQ với 45 tiểu đoàn tác chiến trừ bị của Quân Đoàn I, II, III; ngoại trừ các Liên Đoàn 4, 6, 7 BĐQ là lực lượng tổng trừ bị. Đầu năm 1975, BĐQ đang tiến hành việc thành lập thêm hai Sư Đoàn 101 và 106 BĐQ, là lực lượng tổng trừ bị của Bộ Tổng Tham Mưu.

5. **Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù**:

Tháng 6 năm 1970, Trung tâm Hành Quân Delta và Tiểu Đoàn 81 Biệt Cách Dù được tổ chức lại, sáp nhập thành Liên

Đoàn 81 Biệt Cách Dù, là một lực lượng Tổng Trừ Bị của Bộ Tổng Tham Mưu.

6. **Thiết Giáp**:

Tính đến năm 1975, binh chủng gồm có 1 Bộ Tư Lệnh tại Trung Ương và 4 Bộ Tư Lệnh Lữ Đoàn tại 4 Quân Khu, trong đó gồm có: 3 Thiết Đoàn Chiến Xa M-48, 14 Thiết Đoàn Thiết Kỵ M-113 và 4 Thiết Đoàn Chiến Xa M-41 được phối trí đều và thích ứng theo địa hình cho 4 vùng chiến thuật. Tổng số là 21 Thiết đoàn.

7. **Pháo Binh:**

- Pháo Binh trực thuộc quân đoàn: gồm 5 tiểu đoàn 175 ly, 4 tiểu đoàn 155 ly, 6 tiểu đoàn 105 ly, và 4 tiểu đoàn phòng không.

- Mỗi sư đoàn bộ binh có 1 tiểu đoàn 155 ly, 3 tiểu đoàn 105 ly.

- Sư Đoàn Nhảy Dù và Thuỷ Quân Lục Chiến có 3 tiểu đoàn 105 ly.

- Tại 15 liên đoàn BĐQ, mỗi liên đoàn có một pháo đội 105 ly.

- Ngoài ra còn 176 trung đội Pháo Binh 105 ly lãnh thổ (diện địa), bao gồm 352 đại bác 105 ly, tương đương với 20 tiểu đoàn.

8. **Không Quân:**

Năm 1970, với đà phát triển nhanh của Không Lực Việt Nam Cộng Hòa, các không đoàn Chiến Thuật phát triển thành

4 sư đoàn Không Quân, tác chiến hỗ trợ cho 4 Vùng Chiến Thuật. Năm 1971, Sư Đoàn 5 Không Quân được thành lập và trở thành Lực lượng Không Quân Trừ Bị của Bộ Tổng Tham mưu. Năm 1972, thành lập thêm tại Quân Khu 2, Sư Đoàn 6 chịu trách nhiệm vùng trời chiến trường Cao nguyên Trung Phần. Tổng cộng có 6 sư đoàn Không Quân.

9. **Hải Quân**: Qua thời gian dài trưởng thành từ tổ chức, xây dựng, chiến đấu. Tính đến năm 1975 Quân chủng Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa đã lớn mạnh với các tổ chức:

- 1 Bộ Tư Lệnh Hải Quân.
- 5 Bộ Tư Lệnh Hải Quân Vùng Duyên Hải.

Vùng Duyên Hải có nhiệm vụ chính yếu là duy trì an ninh duyên hải, các hải đảo; ngăn chận sự xâm nhập bất hợp pháp

Lễ bàn giao Tuần Duyên Đỉnh, ngày 16 tháng 5 năm 1969 cho Việt Nam.

bằng đường thủy; điều động hành quân các đơn vị Hải Quân trực thuộc; tăng phái và yểm trợ hành quân cho các Quân Khu liên-hệ.

- 2 Bộ Tư Lệnh Vùng Sông Ngòi.

Hai Vùng Sông Ngòi này có nhiệm vụ chính yếu là duy

trì an ninh trên các sông rạch, ngăn chận Cộng Sản xử dụng đường thủy để liên lạc và xâm-nhập vùng trách nhiệm; yểm trợ hành quân cho các đơn vị bạn; phối hợp hành quân Liên Quân và yểm trợ kế hoạch bình định phát triển địa phương.

- 9 Bộ Tư Lệnh Lực Lượng:

- Bộ Tư Lệnh Hạm Đội: Hạm Đội là đại đơn vị nòng cốt của Hải Quân Việt Nam, quản trị hành chánh cho các chiến hạm có khả năng hoạt động ngoài biển.

- Bộ Tư Lệnh Hải Quân Biệt Khu Thủ Đô: Là vùng sông ngòi thuộc lãnh thổ Biệt Khu Thủ Đô, được thành lập nhằm mục đích thống nhất việc điều hành các đơn vị Hải Quân tại Sài Gòn để góp phần bảo vệ Thủ Đô và cung cấp những dịch vụ cần thiết cho các đơn vị Hải Quân đồn trú tại Sài Gòn. Ngoài ra Bộ Tư Lệnh Hải Quân Biệt Khu Thủ Đô còn có nhiệm vụ bảo vệ an ninh cho Quân Cảng và Thương Cảng Sài Gòn.

- Bộ Tư Lệnh Đặc Khu Rừng Sát:

Hải Quân Việt-Nam được chỉ định trách nhiệm an ninh khu vực bao gồm hai con sông chiến lược quan trọng: Sông Lòng Tào và sông Soài Rạp. Hai con sông này là trục lộ huyết mạch nối liền Thủ Đô Sài Gòn với Biển Đông. Đặc Khu Rừng Sát là một rừng chồi dày đặc, thích hợp cho hoạt động của du kích Cộng Sản; do đó việc đảm trách an ninh trên các sông rạch liên hệ rất khó khăn. Tuy nhiên Hải Quân Việt Nam đã giữ an ninh cho hàng ngàn thương thuyền tiếp tế cho Sài Gòn.

- Bộ Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Nhiệm 99:

Ngày 8 tháng 4 năm 1975, Phó Đô Đốc Chung Tấn Cang thành lập Lực Lượng Đặc Nhiệm 99. Trong tình trạng khẩn cấp, các đơn vị sau đây đã được lấy về, gồm Giang Đoàn 42 Ngăn Chận, Giang Đoàn 59 Tuần Thám, Đại Đội Hải Kích, Địa Phương Quân, một số giang đĩnh lấy ra từ những Giang Đoàn Thủy Bộ, Ngăn Chận và Xung Phong. Kể cả 6 chiếc LCM8 của các căn cứ Yểm Trợ Tiếp Vận và các chiếc chiến đỉnh Zippo phun lửa. Nói chung, đây là một đại đơn vị gồm rất

nhiều loại tàu bè, một mũi xung kích mạnh mẽ nhất của Hải Quân Miền Nam vào tháng 4 năm 1975.

- Bộ Tư Lệnh Liên Đoàn Tuần Giang:

Trước đây Liên Đoàn Tuần Giang thuộc Địa Phương Quân, sau đó được sáp nhập vào Hải Quân; gồm có 24 đại đội Tuần Giang, 3 đại đội sửa chữa và một Trung Tâm Huấn Luyện tại Cát Lái. Các đại đội này được thành lập để yểm trợ hành quân cho những Tiểu Khu liên hệ và bảo vệ an ninh trên sông rạch.

- Bộ Tư Lệnh Lực Lượng Thủy Bộ: Được thành lập từ tháng 6 năm 1969 để thay thế Lực Lượng Đặc Nhiệm 117 của Hải Quân Hoa Kỳ.

- Bộ Tư Lệnh Lực Lượng Tuần Thám: Được thành lập từ tháng 10 năm 1969 và gồm có 14 Giang Đoàn, chia ra thành 6 Liên Đoàn Tuần Thám. Nhiệm vụ chính yếu của Lực Lượng Tuần Thám là tuần tiễu, bảo vệ an ninh sông ngòi và ngăn chận sự xâm nhập lén lút của Cộng Sản Bắc Việt bằng đường thủy qua ngả hành lang biên giới Miên Việt.

- Bộ Tư Lệnh Lực Lượng Trung Ương: Được thành lập nhằm mục đích tập trung một số đơn vị Hải Quân, để thi hành những nhiệm vụ đặc biệt có tầm hoạt động liên vùng.

- Bộ Tư Lệnh Phòng Vệ Duyên Hải (Sở Phòng Vệ Duyên Hải): Được thành lập từ tháng 3 năm 1964 và đặt trực thuộc Quân Chủng Hải Quân về phương diện nhân viên và hành chánh. Sở Phòng Vệ Duyên Hải có nhiệm vụ thi hành các chỉ thị của Nha Kỹ Thuật Bộ Tổng Tham Mưu để thi hành các công tác hành quân đặc biệt của Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa dọc duyên hải Nam cũng như Bắc Việt Nam.

- 1 Bộ Tư Lệnh Hải Quân.
- 5 Vùng Duyên Hải.
- 2 Vùng Sông Ngòi.
- Hạm đội với nhiều chiến hạm đủ loại.
- Các lực lượng: Đặc Nhiệm, Duyên Phòng, Duyên Đoàn, Liên Đoàn, Tuần Giang, Giang Đoàn Xung Phong.

- 3 Trung tâm Huấn Luyện Hải Quân tại Nha Trang, Cam Ranh, và Sài Gòn

- Hải Quân Công Xưởng (Sài Gòn)

Cuối năm 1972, quân số Hải Quân VNCH tăng thành 41,000 người. Theo Jane's Fighting Ships 1972-1973, HQ Đại Tá John More xếp sự lớn mạnh của lực lượng Hải Quân VNCH vào hàng thứ 9 trong các cường quốc Hải Quân trên thế giới.

10. **Tính đến năm 1972,** quân số QLVNCH bao gồm chủ lực quân, Địa Phương Quân, Nghĩa Quân, và Cảnh Sát Quốc Gia là 1,1 triệu người. Ngoài ra Bộ Tổng Tham Mưu đã cho thanh lập thêm phân chi khu đặt tại Phường, Xã.

IV. **Ưu và Khuyết Điểm** của tổ chức quân đoàn và quân khu:

1. **Ưu điểm**

- Tùy theo tình hình, tư lệnh quân đoàn và quân khu có thể điều động trực tiếp các đơn vị trực thuộc đê ngăn chặn, tìm diệt địch.

- Vì hành quân trong lãnh thổ quen thuộc, các đơn vị biết rõ về địa hình, địa vật của vùng hành quân.

2. **Khuyết điểm**:

a. Ít tổ chức được các cuộc hành quân cấp quân đoàn, hay sư đoàn trong lãnh thổ quân khu, ngoại trừ 2 cuộc hành quân năm 1970 tiêu diệt Cục R trên lãnh thổ Kampuchea và Chiến Dịch Lam Sơn 719 Hạ Lào năm 1971 là có quy mô cấp quân đoàn.

b. Rất khó điều động các đơn vị từ quân khu này sang quân khu khác tạo ấn tượng địa phương cho các đơn vị. Khi đơn vị nhận lệnh di chuyển về quân khu khác, tinh thần chiến đấu của binh lính bị giảm sút.

c. Không có đơn vị trừ bị. Năm 1972 Bộ Tổng Tham Mưu đã cho tăng cường Sư Đoàn Nhảy Dù và Sư Đoàn Thủy Quân

Lục Chiến ra vùng giới tuyến. Hậu quả là khi địch quân tấn công và chiếm tỉnh Bình Long, chúng ta không còn đơn vị tổng trừ bị nào để tái chiếm lại. Lúc đó Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù là đơn vị tổng trừ bị duy nhất còn lại trong vùng.

3. **Kết luận**: Tổ chức quân đoàn, quân khu nói chung một phần nào đã đáp ứng nhu cầu chiến trường. Tuy nhiên, tổ chức này còn một số khuyết điểm. Chắc chắn Bộ Tổng Tham Mưu sẽ đưa ra nhiều thay đổi nếu cuộc chiến chưa tàn.

* **Ghi chú**: Các đơn vị yểm trợ và tiếp vận không được đề cập đến. Tuy nhiên, tổ chức của các đơn vị này cũng được tăng cường thích ứng với quy mô của các đơn vị tác chiến.

Tài liệu tham khảo:

- Lược sử QLVNCH của các tác giả Trần Ngọc Thống, Hồ Đắc Huân, Lê đình Thụy.

- Chiến sử QLVNCH của Pham Phong Dinh.

- Các trang website về Quân Đội VNCH.

- Kỷ yếu Pháo Binh QLVNCH năm 2012.

- Tài liệu do cựu Th/Tá Hồ Đắc Huân cho mượn, bao gồm:

** Sắc lệnh số 343-QL do Thủ Tướng Trần Văn Hương ký ngày 27/ 11/ 1964.*

** Sắc lệnh số 64-a -TT/SL do Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu ký ngày 11/ 7/ 1970.*

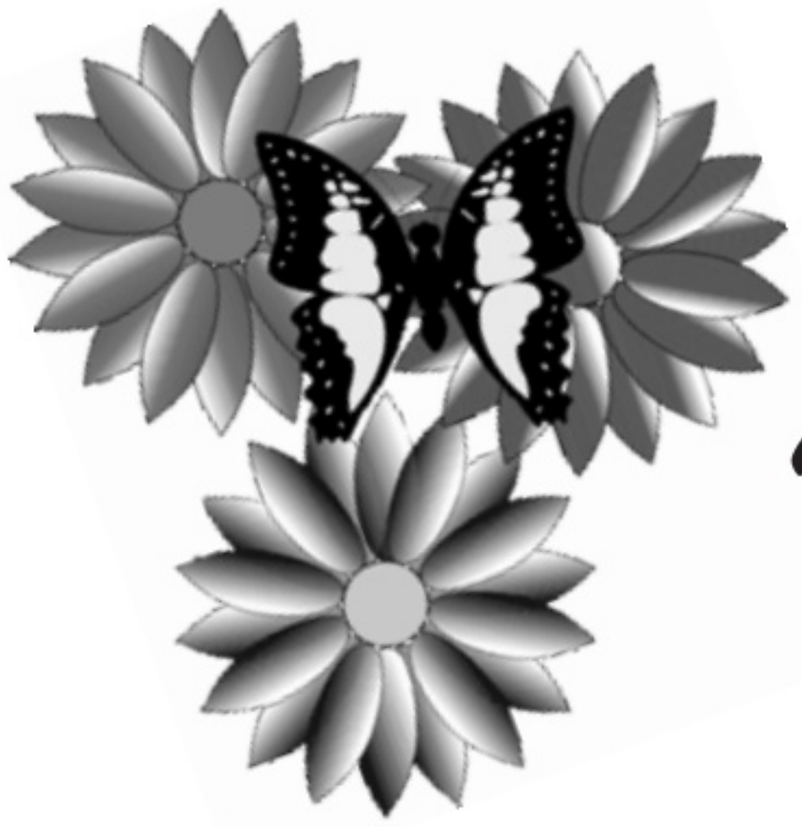

Hẹn Kiếp Sau

Cẩm Tú Cầu, K18/1
(Vợ của cùi 18 Đào Thương)

Hôm nay là ngày mùng năm Tết, hơi ấm và hương vị của ba ngày đầu Xuân còn phản phất đâu đây, nắng cũng vàng tươi óng ánh tưới khắp vạn vật, đường sá xe cộ tấp nập người người đông đúc. Chị em tôi rủ nhau đi lễ Tây Sơn cách Qui Nhơn bôn mươi hai cây sô, về phía Tây. Em gái tôi nhỏ hơn tôi mười tuổi. Xe lam chật ních xe vì ngày Tết nên chúng tôi phải chen chúc nhau. Đến Bình Nghi xe bị hư, khiến hành khách phải xuống xe ngồi la liệt bên ven đường chờ chủ sửa xe.

Hơn nửa giờ sau, em tôi bỗng thấy một chiếc xe jeep chạy lên với số xe quen thuộc. Đó là xe của chú tôi hiện làm đai đội trưởng đại đội vận tải Nguyễn Huệ. Hằng năm cứ mùng năm Tết ông lên dự lễ tại điện Tây Sơn. Tượng vua Quang Trung đặt giữa sân đền cũng là của đại đội ông đem lên đặt từ năm ngoái. Chúng tôi đón lại và lên xe. Dọc đường chú hỏi:

- Đi lễ sao không báo chú biết để chú cho tài xế lên đón đi luôn. (*Chú tôi ở dưới khu Một còn tôi ở trên khu Sáu. gần như đầu và cuối Qui Nhơn*.)

Phía sau xe còn có một thiếu úy trẻ. Tôi chào và liếc bảng tên thấy chữ An.

Đường từ Qui Nhơn lên Phú Phong đầy xe chạy nườm nượp. Không khí ngày Xuân vui vẻ, tiết trời mát dịu quyến rũ lòng người. Trên đường toàn nam thanh nữ tú. Tất cả đều hướng về đền Tây Sơn. Đến nơi chú tôi và Thiếu Úy An vào đền làm lễ, chị em chúng tôi đi bộ lững thững quanh đền. Vì có rạp cao khoảng năm tấc và người người đứng vây quanh rất đông, nên tôi nhón lên cũng chẳng thấy được gì bên trong. Khi đang nói chuyện cùng người quen, tôi mường tượng cảnh vua Quang Trung Nguyễn Huệ đang tập trận quanh đây, với tiếng chiêng, tiếng trống, tiếng reo hò của quân lính vang dội một góc trời. Chúng tôi ngưỡng mộ người anh hùng áo vải đất Tây Sơn, người anh hùng dân tộc mà vó ngựa lịch sử đã nói lên bao chiến công oai phong lẫm liệt. Tiếc thay một thiên tài quân sự phải sớm lìa bỏ cõi trần khi sự nghiệp chưa thực sự hoàn thành.

Trên đường về hình ảnh người xưa cứ phảng phất trong tâm trí tôi. Mẹ thường nói, "*Nam quốc cái thế anh hùng Nguyễn Huệ.*" Rồi mẹ kể chuyện ông hành quân hỏa tốc ra Bắc, khiến địch không ngờ quân Tây Sơn đến nhanh như thế nên bị thua hàng. Mẹ tôi rất tự hào vì mình là con của đất Tây Sơn.

Trên đường về Qui Nhơn, tôi ngồi cùng băng sau với Thiếu Úy An, nhưng suốt dọc đường chúng tôi không có dịp nói với nhau lời nào. Khoảng bốn tuần sau, chú tôi lên chơi và nói:

- Cháu à! Thiếu Úy An muốn hỏi cưới cháu.

Tôi ngỡ ngàng ngạc nhiên tột độ và tức cười. Tôi đâu phải heo mà ưa thì đem rọ đến xúc, nhưng lúc ấy tôi không dám nói ra. Chú tôi còn nói thêm:

- Thiếu Úy An hiền lành ít nói, không chơi bời, tối ở nhà lo đọc sách để mai sau giải ngũ về học lại trường Luật. Cậu ấy ở tận An Giang có một mẹ già cha mất sớm. Chú thấy An tính tình hiền lành, dễ thương nên mới giới thiệu cho cháu. Chú thấy các thiếu úy trẻ bây giờ yêu cuồng sống vội, cứ mang nặng ý nghĩ rồi một ngày nào đó sẽ ra đi không bao giờ trở lại

nên ăn chơi xả láng.

Lúc ấy tôi im lìm không dám nói ra nhưng tôi hẹn để tôi suy nghĩ kỹ vì ảnh hưởng cả cuộc đời của tôi sau nầy.

Thời gian này tôi đang làm việc tại Tiểu Đoàn 621 Yểm Trợ Truyền Tin. Làm văn thư nên công việc cũng nhàn nhã. Sáng chín giờ bưu tín viên mới đem văn thư về, tôi vô sổ rồi đem trình ký các phòng. Thời gian rảnh rỗi, công việc nhẹ nhàng. Nhưng ước vọng của tôi là làm nữ tiếp viên hàng không. Tôi đã thi và phỏng vấn xong, nhưng chưa có kết quả.

Tôi suy nghĩ khúc nhạc dạo đầu cho một tình yêu, cho một mái ấm gia đình, cho cuộc sống lứa đôi đâu phải dễ dàng đơn giản. Tôi mơ một tình yêu có hoa bướm, có trăng sao, có những chiều bên nhau cùng thủ thỉ chuyện tâm tình giữa một khung cảnh tình tứ, lãng mạn nên thơ. Cuộc sông phải có tình yêu, phải thông cảm san sẻ yêu thương, và phải hiểu nhau tường tận. Sẽ gặp vô vàn khó khăn khi hai người chưa hiểu thấu nhau mà đã vội vàng hấp tấp lấy nhau. Mọi chuyện sẽ đi đến đổ vỡ thảm thương, mà đau khổ và thiệt thòi luôn luôn dành cho phái nữ. Cái vẻ bên ngoài chẳng vun đắp cho hạnh phúc mai sau.

Một tháng sau tôi nói cùng chú

- Cháu chưa muốn có gia đình, cháu muốn đi làm một thời gian, cháu đã có giấy gọi đi làm tiếp viên hàng không rồi.

Mấy tuần sau tôi nghe tin Thiếu Úy An dẫn trung đội đi công tác bị phục kích ở đèo Mang Yang. Mặc dù chống trả kịch liệt nhưng đã có nhiều binh sĩ hy sinh khá nhiều, trong đó có anh. Tôi lặng người, một nỗi buồn thầm lặng miên man trôi chảy trong đáy lòng đầy thương cảm đầy xót xa, tiếc thương cho chàng trai tuấn tú sớm lìa bỏ cõi trần. Đời lính thật ngắn ngủi, thật mong manh!

Chú tôi gặp tôi và nói:

- Nếu hôm trước cháu đồng ý, thì chú cho cậu ấy đi phép đem mẹ già ra. Chắc bây giờ còn ở tại nhà, cậu ấy không gặp nạn chết thảm.

Tôi choáng váng và tự nhiên như có cái gì dẫm vụn lên tôi, vỡ òa tan tác. Tôi nghĩ tại chú quá đau xót cho đồng đội, vì một mối chân tình không thể nào phôi phai nên chú đã ngầm trách oan tôi. Tôi cũng không ngờ chỉ thoáng gặp nhau trong chốc lát mà anh lại nặng tình với tôi đến dường này. Tự nhiên tôi có cảm giác ray rứt trong lòng với thương cảm miên man và nghĩ chắc mình không thể nào quên được mối ân tình này. Dường như tôi vừa có một tình yêu mới chớm nở....

- Cháu biết không? Chú chưa nói với cậu ấy là cháu từ chối. Trước khi đi công tác cậu ấy còn nhờ chú giúp. Chú không thể nào quên được đôi mắt ngước lên nhìn chú, cầu khẩn với chú. Cháu ơi!

Tôi bàng hoàng xúc động, ứa nước mắt. Rồi chú hỏi tôi có thăm An một lần hay không? Tôi vội thay bộ đồ đen, rồi đi cùng chú.

Đến nơi (nhà tang lễ), tôi thấy đèn sáng trưng (vì lúc ấy ngoài trời vừa chập choạng), nhưng không khí thê lương buồn ảm đạm vô cùng. Anh nằm đó trong hai lớp áo quan (*những quan tài đưa đi xa có bọc thêm lớp kẽm*). Trên quan tài có phủ lá cờ vàng ba sọc đỏ, tấm hình của anh phía trên đầu với nụ cười có chiếc răng khểnh, duyên ơi là duyên. Bát nhang đang khói nghi ngút, nhưng không có ai bên anh. Anh đơn độc một mình, không có ai bên cạnh trong giờ phút thê lương này, trong khi các quan tài khác đều có người thân ngồi bên, khóc rưng rức. Tôi thắp thêm một cây nhang cắm vào rồi nghẹn ngào thì thầm cùng anh:

- Mai anh về quê bình an. Hẹn anh kiếp sau, kiếp sau anh nhé!

Tôi nhìn thấy cây nhang tôi vừa mới cắm. Hình như nó

đang lay động với tàn cong cong. Tôi mơ hồ liên tưởng anh đã chứng dám cho lời nói của tôi. Tôi cúi gục xuống bên quan tài. Chú tôi vội nói:

- Nơi nầy cháu không thể ở lâu được.

Trên đường về không ai nói với nhau tiếng nào, nhưng trong sâu thẳm trái tim, tôi âm thầm thổn thức tiếng lòng. Tôi nhìn lên nền trời đen thẫm có những ngôi sao hôm cô độc đang nhấp nháy. Bất giác hai giọt nước mắt từ từ lăn xuống má. Tôi liên tưởng đến anh với cảm giác đẫm buồn. Tôi về nhà không biết mình ngủ khi nào. Sáng ra lúc mười giờ tôi nghe có tiếng máy bay C130 lên xuống ầm ầm *(vì nhà tôi ở đầu sân bay*). Nhìn lên bầu trời có những đám mây trắng đang lặng lờ trôi về phương trời vô định, tôi nói trong nước mắt:

- Anh lên đường về quê hương an lành anh nhé.

Bây giờ đã hơn năm mươi năm qua nhưng mỗi lần tôi về Qui Nhơn, tôi thường khởi hành từ Pleiku lúc năm giờ sáng. Tôi đến đèo Mang Yang hơn sáu giờ. Lúc ấy sương mờ còn ngập ngừng giăng giăng khắp lối, vạn vật còn chìm đắm trong màn sương. Tôi mường tượng linh hồn anh còn lẩn khuất đâu đây, giữa núi đồi khi rừng chiều tắt nắng.

Trên đường về khởi hành từ Qui Nhơn, tôi đến đèo Mang Yang lúc ba giờ chiều. Cũng hơn sáu giờ tôi nhìn lên bên trái là núi cao, bên phải là vực sâu, con đường chính giữa đèo dốc quanh co. Nơi đây là điểm phục kích lý tưởng cho chiến trường. Biết bao thanh niên ưu tú đã ngã xuống nơi này để lại những tiếc thương đau xót cho gia đình, bạn bè và người thân.

Rừng chiều âm u, mây mờ huyền ảo. Trong mớ ký ức mơ màng cũ kỹ của tôi lại khua lên tiếng thở dài ngậm ngùi, xót xa... Tôi mơ thấy thấp thoáng đoàn quân của anh giữa vùng núi non chập chùng hiu quạnh.

NHỚ NGƯỜI XƯA

Cẩm Tú Cầu 18/1

Chiều nay ngang qua đây
Nhớ người ngày xưa ấy
Đã ra đi nơi này
Chàng dẫn quân tiến bước
Mở con đường bình yên
Chàng đã bị phục kích
Tất cả đều tan tành

Xác chàng rơi trên lá
Xác chàng vướng trên hoa
Thấm sâu vào đất lạnh

Những người đi nhặt xác
Gói lại một gói to
Đem về phân chia nhỏ
Bỏ vào cổ áo quan
Gởi về quê xa lắc

Có mẹ già tóc bạc
Ngày, ngày ngóng chờ con
Bây giờ con không còn
Nỗi đau đầy chất ngất

Chiều nay ngang qua đây
Nhìn núi rừng âm u
Nhìn sương chiều vây phủ
Bóng đoàn quân thấp thoáng
Vọng tiếng than gió ngàn....

KÝ ỨC
TÂY NGUYÊN THỜI CHINH CHIẾN

Lê Quốc Toản, K20

Tôi tốt nghiệp Khóa 20 trường VBQGVN, ra trường ngày 20/11/1965 và kết thúc đời binh nghiệp 30/4/1975. Vị chi tôi chỉ phục vụ vỏn vẹn có 9 năm 7 tháng 10 ngày trong quân ngũ. Thật quá ngắn ngủi khi so sánh với chiều dài của chiến tranh Việt Nam! Tôi đã phục vụ tại Tây Nguyên, với chức vụ Sĩ Quan Kế Hoạch Hành Quân tại Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II (BTL/QĐ) đóng tại Pleiku hơn bảy năm. Vì thế, gần như trọn đời binh nghiệp của tôi gắn liền với rừng và núi của Vùng 2 Chiến Thuật. Tôi đã có biết bao kỷ niệm vui buồn nơi chốn này, trong đó những kỷ niệm về chinh chiến sâu đậm nhất, mà tôi còn giữ lại không thể nào quên. Đó là:

- Cái chết bi hùng của Tướng TRƯƠNG QUAN ÂN, Tư Lệnh Sư Đoàn 23 BB và phu nhân tại mặt trận Buprang-Đức Lập, Quảng Đức tháng 10/1968.

- Hy sinh của Trung Tá Nguyễn Đình Bảo, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 11 Nhảy Dù tại căn cứ Charlie ngày 12/4/1972.

- Cái chết bức tử của Đại Tá Lê Đức Đạt, Tư Lệnh Sư Đoàn 22 BB, tại căn cứ Tân Cảnh ngày 24/ 4/1972.

Trong loạt bài ký ức Tây Nguyên thời chinh chiến kỳ nầy, tôi viết về một sự kiện xẩy ra sau khi Trung Tá Bảo tử thương tại căn cứ Charlie do một quả đạn pháo kích của Cộng Sản Bắc Việt đánh trúng hầm chỉ huy.

Trung Tá Bảo bị tử thương tại căn cứ Charlie chín giờ ba mươi phút sáng ngày 12 tháng 4 năm 1972. Vào lúc 4 giờ chiều cùng ngày tôi nhận được điện thoại của Đại Tá Lê Quang Bình, Tham Mưu Trưởng Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II gọi tôi lên gặp ông gấp. Ông đã vắn tắt cho tôi biết:

Đại Tá Lê Đức Đạt, Tư Lệnh Sư Đoàn 22 Bộ Binh, 1972.

- "Trung Tướng Ngô Du vừa nhận được điện thoại của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu và Đại Tướng Cao Văn Viên gọi ra trách cứ là tại sao lực lượng Dù là một lực lượng dã chiến lưu động, mà lại xử dụng đóng chốt gây ra cái chết của Trung Tá Nguyễn Đình Bảo sáng hôm nay, tại căn cứ Charlie. Vậy nên chú (tức là tôi) viết ngay một bản phúc trình, để trình lên Tổng Thống và Đại Tướng. Sẽ có máy bay mang về Sài Gòn trong chiều tối hôm nay."

Thoạt đầu tôi có chút đắn đo khi cầm bút viết văn bản nầy. Liệu tôi có đủ khả năng trình bày các sự kiện vừa mới xảy ra tại chiến trường một cách hợp lý ngõ hầu thuyết phục được thượng cấp hay không? Đây là một bài viết khá hóc búa so với các văn bản tôi đã viết, khi phục vụ dưới quyền nhiều đời tư lệnh. Nhưng nghĩ cho cùng vấn đề rồi cũng đơn giản thôi. Tôi cho rằng dựa vào tình hình Ta và Địch lúc bấy giờ, mà vị tư lệnh chiến trường tối cao là Trung Tướng Ngô Du đã chỉ thị, cho lực lượng trực tiếp dưới quyền và các đơn vị tăng phái là

một lệnh hành quân tối ưu dựa vào 3 điểm mấu chốt sau đây:

1* Muốn giữ được Võ Định, Phượng Hoàng, Tân Cảnh, và cả Kontum thì ta phải giữ vững các cứ điểm án ngữ địch, từ phía Tây đường mòn Hồ Chí Minh đánh xuống, trong đó có cứ điểm Charlie.

2* Địch đông hơn ta một chọi năm, vũ khí cũng tối tân hơn ta. Muốn thắng địch ta phải có kế hoạch.

3* Theo kế hoạch đó, bên ta phải có lực lượng tinh nhuệ vừa bám trụ tại các cứ điểm then chốt nêu trên, vừa để bảo vệ Dakto-Tân Cảnh, mà vừa dụ địch dồn quân bám vào các cứ điểm đó, rồi sẽ dùng hỏa lực B52 tiêu diệt chúng. Lực lượng tinh nhuệ đó chính là Lữ Đoàn 2 Nhảy Dù được tăng phái.

Ba điểm chính nêu trên cũng là bố cục bài tôi sẽ viết trình lên Tổng Thống Thiệu buổi chiều hôm đó. Tôi đã viết bằng tấm lòng tri ân và vô cùng cảm phục các chiến sỉ Dù đã bỏ mình vì Tổ Quốc trên căn cứ Charlie. Tôi viết bằng tất cả những hiểu biết tôi có được trong nhiệm vụ theo dõi các trận đánh của một sĩ quan Kế Hoạch Hành Quân, trực thuộc Phòng 3 Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II.

1. Vào đề từ phần một, tôi viết:

”Thưa Tổng Thống,

Cộng Sản Bắc Việt âm mưu chiếm cho bằng được cao nguyên Việt Nam. Vấn đề là chúng sẽ thực hiện ý định này sớm hay muộn mà thôi. Đó là chủ trương chính của Tướng CSBV Võ Nguyên Giáp, cũng như của Bộ Chính Trị của Đảng Cộng Sản Bắc Việt, vì ai cũng biết cao nguyên là là điểm chiến lược quan trọng, là điểm chính quyết định kết quả của chiên tranh Việt Nam. Ai làm chủ cao nguyên ắt làm chủ Nam Việt Nam, chiếm được nơi này ắt chiếm được toàn bộ lãnh thổ Việt Nam. Nếu chúng ta giữ vững được cao nguyên thì tất cả âm mưu xâm lăng của CSBV sẽ bị bẻ gãy.

Ngày hôm nay (tháng 4/1972) CSBV đang thực hiện ý định

đó. Vì thế, chúng đã nhanh chóng điều động Sư Đoàn 320 từ Thanh Hóa vào căn cứ 609 Tam Biên, phối hợp tác chiến cùng với mặt trận Quảng Trị và Bình Long do chúng phát động.

Cùng thời gian, chúng điều động thêm Sư Đoàn 2 Sao Vàng cùng thiết đoàn chiến xa T54 hiện diện tại khu vực. Chưa kể chúng có một trung đoàn pháo binh và một trung đoàn phòng không đã có mặt tại chỗ. Để thực hiện canh bạc nầy, CSBV đã trao cho Đại Tướng CS Hoàng Minh Thảo, Tư Lệnh Mặt Trận B3 vùng ba biên giới thi hành. Lần đầu tiên, CSBV xử dụng thiết giáp T54 (tương đương chiến xa M48 của Hoa Kỳ) và hỏa tiễn Sagger mà ta gọi AT3 (tương đương hỏa tiễn TOW của Hoa Kỳ) tại chiến trường nầy.

Trung Tá Nguyễn Đình Bảo, người ở lại Charlie, 1972 (bên phải).

Về phía ta tại chỗ: Trước hết có lực lượng diện địa gồm Địa Phương Quân và Nghĩa Quân của các chi khu Ngọc Hồi, Võ Định, Tân Cảnh. Để đối phó với Sư Đoàn 320 CSBV, Tướng Ngô Du điều động Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 22 BB, cùng với hai trung đoàn, cùng thiết giáp và pháo binh cơ hữu lên Tân Cảnh. Ngoài ra còn có Liên Đoàn 2 Biệt Động Quân tăng cường. Tuy thế so với lực lượng địch tại chỗ ta phải một chọi năm, chưa kể vũ khí của địch tối tân hơn ta rất nhiều.

Trước tình hình lực lượng ta và địch chênh lệch như thế, và biết được quyết tâm chiếm bằng được Đakto –Tân Cảnh và cả cao nguyên Trung Phần của CSBV, nên trong hạ tuần tháng 3/1972 Đại Tướng Cao Văn Viên vội tăng cường cho Tướng Ngô Du Lữ Đoàn 2 Dù, do Đại Tá Trần Quốc Lịch làm Lữ

Đoàn Trưởng. Tướng Ngô Du liền điều động Lữ Đoàn 2 Dù tiến chiếm các cứ điểm nằm trên dãy đồi phía Tây Kontum, tạo thành tuyến phòng thủ cánh quạt gồm các căn cứ Alfa - Yankee - Charlie - Delta - Hotel -Metro. Các cứ điểm chiến lược nầy còn là tuyến phòng thủ ngoại vi bảo vệ Tân Cảnh - Phượng Hoàng, ngăn chận lực lượng CSBV từ Mật Khu 609 vùng Tam Biên đánh xuống."

* Sau phân trình bày lên Tông Thông vê tinh hình địch bạn, và so sánh tương quan lực lượng giữa ta và địch như tóm tắt ở trên, tôi viết tiếp:

"Thưa Tổng Thống,

Cộng Sản Bắc Việt quyết tâm đánh thắng ta để chiếm bằng được Đakto - Tân Cảnh. Phía ta cũng đã có kế hoạch tiêu diệt các binh đoàn của chúng, dù xét về lực lượng ta yếu hơn địch. Chiến lược của là chúng ta sẽ dụ địch tập trung quân tấn công biển người lên các cứ điểm cánh quạt nêu trên. Ngay sau đó, ta điều động pháo đài bay chiến lược B52, phi cơ cùng pháo binh chiên thuật tiêu diệt chúng. Kê hoạch nây đã được Trung Tướng Ngô Du và Cố Vấn Trưởng Quân Đoàn II John Paul Van manh nha trước đó hai tháng, ngay khi được tin tình báo cho biết Sư Đoàn 320 CSBV từ Thanh Hóa sẽ được điều động vào Vùng 2 mở chiến dịch "đánh chiếm Đakto - Kontum, rồi làm chủ Tây Nguyên."

Tôi viết tiếp,

"Thưa Tổng Thống,

Để thực hiện ý định trên, Trung Tướng Ngô Du đã điều động Lữ Đoàn 2 Nhảy Dù đóng chốt tại các cứ điểm cánh quạt, vì chỉ có lực lượng Dù mới có đủ bản lĩnh thi hành nhiệm vụ nầy, vừa dụ địch vào tử huyệt vừa tạo thành gọng kềm sắc bảo vệ Đakto-Tân Cảnh, trong đó Tiểu Đoàn 11 Dù được lệnh đóng chốt căn cứ CHARLIE."

Sau đó, tôi trình sơ lược lên Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu về trận đánh tại căn cứ Charlie và cái chết của Trung Tá

Nguyễn Đình Bảo sáng ngày 12/4/72.

"Tướng CSBV Hoàng Minh Thảo xử dụng 2 trung đoàn của Sư Đoàn 320 cùng một trung đoàn pháo và một trung đoàn phòng không bao vây, hòng dứt điểm căn cứ Charlie của Tiểu Đoàn 11 dù do Trung Tá Nguyễn Đình Bảo chỉ huy. So sánh tương quan lực lượng, một binh sĩ Dù phải chọi với sáu lính Bắc Việt.

Ngày 7/4/1972, CSBV bắt đầu mở trận đánh thăm dò vào căn cứ, đồng thời pháo kích, nhưng ở mức độ nhẹ. Mỗi ngày chúng pháo kích khoảng chừng 100 quả vào Charlie, phần lớn là hỏa tiễn 122 ly cộng với 5-10 quả 130 ly, mục đích điều chỉnh tác xạ vào căn cứ.

Qua ngày 8/4/1972, chúng ta phát giác CSBV dàn trận địa phòng không, khoảng 10 vị trí quanh căn cứ Charlie, chế ngự trực thăng tiếp tế tản thương của ta. Pháo binh 120 ly và 130 ly của chúng đã được hiệu chỉnh, sẵn sàn pháo kích vào Charlie.

Từ ngày 1 đến ngày 8/4/1972 chưa có một box B52 nào thả lên đầu địch như đã hứa. Với tình hình đó, Tiểu Đoàn 1 Pháo Binh Dù do Thiếu Tá Bùi Đức Lạc Tiểu Đoàn Trưởng, dùng đại bác 105 ly đồng loạt bắn lên đầu địch thay thế box hỏa lực của B52 trong trường hợp khẩn thiết. Sáng ngày 8/4/1972 đã có các cuộc chạm súng ngoại vi vòng đai phòng thủ Charlie.

Ba ngày kế tiếp địch dùng chiến thuật tiền pháo hậu xung đánh vào căn cứ nhưng trước sức kháng cự dũng mãnh của Tiểu Đoàn 11 Dù, và hỏa tập vũ bão và chính xác 105 ly của Tiểu Đoàn 1 Pháo Binh Dù, địch quân bị tổn thất nặng không dứt điểm được Charlie. Vì thế, hai ngày kế tiếp, ngày 11/4/72 và 12/4/72, Cộng quân thay đổi chiến thuật, pháo kích vũ bão vào Charlie với hàng ngàn quả đạn 130 ly + 120 ly và hỏa tiễn đủ loại vào các cứ điểm 960, 1020, và 1050 thuộc hệ thống phòng thủ của căn cứ. Sáng ngày 12/4/1972, Cộng quân tiếp tục pháo kích nặng nề vào căn cứ, trong đó có loại đạn nổ chậm (*loại đạn nầy không một hệ thống phòng thủ nào chịu*

nổi).

Lúc 9 giờ ba mươi phút, một quả đạn loại nầy đánh trúng hầm chỉ huy của Trung Tá Bảo, vì thế ông bị tử thương tại chỗ. Tổ Quốc mất đi một người con thân yêu, đồng đội mất đi một chiến sĩ can trường!

Thiếu Tá Lê Văn Mễ, thay thế Trung Tá Bảo chỉ huy tiểu đoàn, cùng các đơn vị dưới quyền tiếp tục giữ vững căn cứ. Cho đến ngày 14/ 4/ 1972, Ba tiểu đoàn Cộng Sản Bắc Việt, tràn lên hòng đánh chiếm căn cứ, đã bị 6 chiếc B52 xuất trận dội hàng ngàn tấn bom. Cộng quân tan nát dưới trận mưa bom kinh hoàng nầy. Cùng lúc đó, các binh sĩ Dù thuộc Đại Đội 112 cũng đã được lệnh rút khỏi căn cứ, di chuyển xuống đến chân núi."

Để kết thúc bài tường trình lên Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, tôi viết:

"Về tương quan lực lượng, ta yếu hơn địch. Chúng ta thua về cả quân số lẫn vũ khí. Nhưng so với ý chí chiến đấu bất khuất của binh sĩ ta, đặc biệt của Tiểu Đoàn 11 Dù, thì ta mạnh hơn địch gấp bội. Tiểu Đoàn 11 Dù bị tổn thất nặng, nhưng tổn thất của Sư Đoàn 320 của CSBV ít nhất bị phải gấp bội ta, nhất là số thương vong của hai trung đoàn địch tham gia đánh vào căn cứ Charlie."

Thay lời kết. Sau nầy tôi tình cờ đọc được nhật ký của Tướng CSBV Khuất Duy Tiến, Trung Đoàn Trưởng của Trung Đoàn 64 thuộc Sư Đoàn CS320, đã tham gia đánh chiếm căn cứ Charlie cho biết rằng trong trận đánh, Cộng quân bị tổn thất nặng nề, với hơn 800 nhân mạng tử thương. Trận đánh đó đã xảy ra vô cùng khủng khiếp và bi hùng!

PORTLAND-OREGON, ngày 12/4/2019

THƠ CUNG TRẦM TƯỞNG

Qua Từng Giai Đoạn Cuộc Đời

Bắc Đẩu Võ Ý, K17

Từ một thanh niên du học Pháp đến một "quan văn" tại Bộ Tư Lệnh KQ, từ một tù nhân chính trị sau 30/04/75 đến một người Việt lưu vong, tính chất thơ của Cung Trầm Tưởng cũng biến thiên theo năm tháng.

Trước 1975 và ngày nay hầu như ai ai cũng thuộc mấy câu "lên xe tiễn em đi chưa bao giờ buồn thế," qua đó, nét tiêu biểu của thơ Cung Trầm Tưởng trước 1975 là tính lãng mạn trữ tình và tính cách tân, hòa quyện với nhau, như:

Mùa Thu Paris/ Trời buốt ra đi/ Hẹn em quán nhỏ/ Rưng rưng rượu đỏ tràn ly.

Hoặc:

Thôi em xanh mắt bồ câu/ Vàng tơ sợi nhỏ xin hầu kiếp sau.

Nét "cách tân" được Cung Trầm Tưởng mang về sau khi ông tốt nghiệp kỹ sư trường Không Quân tại Pháp. Dù vậy, ông vẫn không quên những thành ngữ chữ Hán của người xưa như: "tam thập nhi lập, thất thập cổ lai hy", v.v…

Thử điểm nét tiêu biểu thơ của Cung Trầm Tưởng qua từng giai đoạn cuộc đời, từ cậu học trò mười tám đôi mươi của núi

Nùng sông Nhị, về Nam *tâm sự,* đến lão ông tuổi 80 ly hương xứ Vạn Hồ nước Mỹ.

Tuổi Thiếu Niên: Chàng trai Hà Nội, mới 16 tuổi, vậy mà, hồn thơ "như cái đĩa thâu thanh" đã phát tiết ra ngoài sứ mạng của thi nhân:

Tuổi lợ trai tân còn hoi sách/ Tối ngày bập bẹ nhớ và thương.
Rượu người mận ngọt hay mơ đắng?/ Dò dẫm chân đi chửa biết đường.

Tuổi 30, tam thập nhi lập, là sĩ quan Không Quân, đẹp trai, Tây học lại là thi sĩ, nếu mỹ nữ không liếc mắt đưa tình thì cũng được chàng thi sĩ mê đắm tôn vinh:

Từ ấy tôn vinh thần Vệ Nữ/ Tóc vàng màu rạ, dáng mình dây.
Xin quỳ bốn vái và ba lạy/ Trả trọn mây mưa xuống vẹn đầy.

…
Cứ thế ngày đi và tháng tới/ Yêu người yêu đến cả tình yêu.
Sông sâu, nước rộng, dài nhung nhớ/ Em choán hồn anh đủ bốn chiều.

Tuổi 40, nhi bất hoặc, nghĩa là đã đầy đủ phù phép nên làm gì cũng chín chắn, kể cả khi mời "cháu gái" vào vũ trường:

Tuổi dắt mây đi, dìu nắng tới/ Cái nhi bất hoặc quấn lên đầu,
Tôi đi thu nghiệm thêm màu phép/ Níu giữ mặt trời đứng ngọ lâu.

…

Hãy giữ tình đi cho đúng bước/ Như hồng má phớt chút mưa qua
Như môi pha thoáng màu sầu lự/ Phảng phất hương ngâu trước thềm nhà.

Tuổi 50, di nhĩ thuận, mọi việc bỏ ngoài tai, nhẫn nhịn cho yên chuyện. Nhưng với nhà thơ thì ở tuổi nầy, ông đâm nghiện, nghiện *đắm đuối* men tình yêu:

50 tuổi dấy lên tàn lửa/ Nhắp chút men tình, chuốc lấy say,
Cái tuổi ba giờ trưa vẫn nắng/ Có lời tâm sự gửi thời gian.

…
Em có nghe rơi thầm dạ khúc/ Vui giờ mà rớm lệ ngày sau
Yêu nay nhớ để dành lưu luyến/ Chờ hứng cho hay cái kết sầu.
…
Đến nắm tay nhau truyền ấm áp/ Tôi làm chiếc ghế lót trăng đêm
Mời cô ngồi xuống nồng hơi lụa/ Để đá như da cũng biết mềm.

Tháng 4 đen, nhà thơ và phần lớn đồng đội của ông bị đẩy vào nhà tù Cộng Sản. Cung Trầm Tưởng bị tù khổ sai 10 năm, ra tù năm 53 tuổi. Từ một Trung Tá Không Quân, Trưởng Phòng Kế Hoạch Hành Quân thuộc Bộ Tư Lệnh Không Quân, nay nếm mùi tù đày và chính sách trả thù của Cộng Sản, ông thấy rõ bạo tàn của chế độ đối với người dân miền Nam như bóc lột, đổi tiền, phân biệt lý lịch, hà hiếp vợ con của Quân Cán Chính VNCH, thơ ông bắt đầu nhả đạn vào bè lũ vô đạo nầy:

Có sông nhưng mà người không nước/ Nước bán son rồi, bán lấy chi?
Một núi hư vô lầm chủ thuyết/ Bốn bên mây phủ kín màu chì.
…
Nó cõng vua Lê và chúa Mác/ Về quê cha giết mẹ hiền lành
Tang sô bạc xóa đầu con trẻ/ Cỏ ngút sân trường, chợ vắng tanh.
Một bầy táng tận lương tâm/ Ăn hồ, ăn giẻ, ăn vần ngày công
Ăn tranh trẻ đói lọt lòng/ Ăn lường tiếng khóc khép vòng tử sinh
…
Ngón đòn lý lịch ly kỳ/ Cha là "ngụy", phạm trường quy con

rồi.

Nộ Thi (43 – 53 tuổi, trong tù)

Với 10 năm tôi luyện trong ngục tù của quỷ, đã biến Cung Trầm Tưởng thành một lão tướng trên trận địa quan điểm và chữ nghĩa. Giai đoạn nầy, thơ ông biểu hiện nỗi uất hận chế độ bạo ngược (Lời Viết Hai Tay, được đồng đội gọi là Nộ Thi), bằng cách vạch mặt sự tuyên truyền bịp bợm của Cộng Sản và Nộ Thi quyết một mất một còn với cái ác qua lập trường quốc gia dân tộc:

Bài học rút ra thật dứt khoát/ Nó, tôi chẳng thể đội chung trời.
Nó còn tôi mất, đơn sơ vậy/ Nó mất tôi còn, chỉ thế thôi.

…

Hãy chặt chặt sâu, tông phắt phắt
Hãy phang phang gắt, quắm ào ào.
Mai về đạn nhảy ngay nòng súng/ Trực chỉ đầu thù nổ thật mau!

…

Mai sau thịt thắm da liền/ Cái yêu khác trước, cái nhìn khác xưa,
Cái tin vô cớ xin chừa/ Sống sao cho xứng lũy thừa thương đau.

Giai Đoạn Lưu Vong (1993 -) (61 – 87 +)

Cung Trầm Tưởng và gia đình định cư ở Mỹ năm 1993, năm ông 61 tuổi. Khi bước vào tuổi **thất thập** và **bát tuần**, lòng ông vẫn nồng nàn yêu thương và mong muốn trải rộng yêu thương khắp nhân loại khắp địa cầu, núi non sông nước, cây cỏ chim muông:

Nghe châu Mỹ, ngóng châu Âu/ Dưỡng nuôi nhân bản, đỡ đầu hành tinh.

...Khẳng khiu một nhánh xương rồng/ Giữa sa mạc cát vẫn nồng nhựa say.

Đã ngoài 80, ông vẫn trân trọng một "luyến ái quan không tuổi":

Mỗi lần nói thương nhau/ Là cách tân ngôn ngữ. Anh trẻ ra trăm tuổi/ Khi em nói yêu anh.

Cũng ở tuổi này, thi nhân trau chuốt "Một Tiếng Hát Ưu Lương" vì ông khẳng định, "thi nhân là con cách riêng của Thượng Đế", mang sứ mạng xuống trần gian để tô điểm cuộc đời. Đã là con thì mỗi người có mỗi cách báo hiếu cho cha mình. Lễ vật báo hiếu độc đáo của thi nhân là *những vần linh thi ưu lương diêm lệ uyên áo và hùng vĩ* do mình sáng tác đê dâng lên Ngài.

Đời sau này có tiếng hát ưu lương/ Cất từ miệng chàng thi nhân hiếu tử.

Kể từ đó, trên phong nhiêu Trái Đất/ Những mùa vàng ủ đợi cuối đường hoa.

Không gian xanh gió lộng, nắng chan hòa/ Giục giã bước người đi làm lịch sử.

Kết Luận: Người đi làm lịch sử phải là một chính nhân quân tử. Người quân tử như cây trúc, tiết trực tâm hư. Ở rừng núi Hoàng Liên Sơn có cây "Vầu", cùng họ với tre, nứa và trúc. Hàng ngàn năm qua, Vầu sống âm thầm trong rừng già Việt Bắc, bỗng sau ngày 30/04/1975, cây Vầu đi vào thơ của Cung Trầm Tưởng qua bài Biểu Tượng mà tôi vẫn thuộc lòng sau hơn 40 năm:

Cực hình thú ác gây nên/ May bằng nứa tép đứng bên Vầu già
Mỗi ngày Vầu mỗi cứng ra/ Đổi thay lá mới, đậm đà lóng tươi
Vầu đanh như thép sáng ngời/ Nắng mưa thì cũng chọn đời đứng ngay.

Và đó là bóng dáng và nhân cách qua thơ của một sĩ quan Không Quân, là chiến sĩ của Quân Lực VNCH, thi sĩ Cung Trầm Tưởng!

CA, Thu 2019

Tình Yêu và Chiến Dịch

(Viết để hồi tưởng quá khứ và riêng tặng các bạn Khóa 19 Nguyễn Trãi.)

Nguyên Trần, K19

Anh nhớ mãi phút giây buồn ly biệt
thương hẹn về cố lý để thăm em
chiều toàn Thu hay một sớm vào Đông
nhưng chiến dịch ngày qua ngày tiếp nối.

Anh chưa về cho em buồn trông đợi
giữa vườn Thu đón lá rụng một mình
lá vàng rơi trên áo trắng nguyên trinh
không ai nhặt để làm thơ trao tặng.

Anh chưa về, em một mình câm lặng
nhìn mưa rơi qua song cửa chờ mong
thời gian trôi đã gần giữa mùa Đông
anh chưa về cho em buồn thương nhớ.

Hai đứa chúng mình giờ đây cách trở
nhưng yêu nhau em gắng đợi chờ nghe
dứt lửa binh anh sẽ trở lui về
chờ mong đó anh hứa đền đừng khóc.

Khánh yêu ơi, quê hương mình tang tóc
anh còn đi cho cách biệt dài thêm
chớ buồn chi khi lá rụng bên thềm
đừng lo nhé khi Đông về buốt giá

(Trên bước đường hành quân)

*** Trích trong HỒI TƯỞNG.**

BÁO CÁO TÀI CHÁNH

Yểm Trợ
ĐẠI HỘI VÕ BỊ TOÀN THẾ GIỚI
KỲ THỨ XXII
Ngày 26, 27, và 28 tháng 6 năm 2020

Để có đủ tài chánh tổ chức Đại Hội Võ Bị Toàn Thế Giới Kỳ Thứ XXII, Ban Tổ Chức Đại Hội đã phát động đợt quyên tiền yểm trợ Đại Hội XXII, bắt đầu từ đầu tháng 11 năm 2019. Chỉ trong một thời gian ngắn, chúng tôi đã được các NT, các phu nhân và các anh chị thuộc gia đình CSVSQ và TTNĐH nhiệt tâm ủng hộ. Cho đến nay, quỹ yểm trợ Đại Hội XXII đã ghi nhận như sau:

Hứa yểm trợ: 33,184$
Đã nhận: 30,454$
Tổng số: 267 người và khóa, liên hội, và hội đã hứa ủng hộ.

Danh sách yểm trợ thường xuyên được cập nhật trên group cũng như trên các trang web của Tổng Hội CSVSQ/ TVBQGVN.

Muốn xem trực tiếp, xin vào website của Tổng Hội Võ Bị Quốc Gia Việt Nam tại:

http://tvbqgvn.org/

Sau đó click vào Đại Hội Võ Bị XXII (phía trên, bên phải).

Đối với số tiền ủng hộ khác với Mỹ Kim, chúng tôi đã chuyển ra theo hối xuất lúc bấy giờ. Trong phần báo cáo, chúng tôi đã làm tròn các con số lẻ (lên hoặc xuống).

Con số vừa rồi chỉ là số tạm thời. Tổng kết cuối cùng sẽ được báo cáo trong phần tài chánh của Tập San Đa Hiệu 119, phát hành vào trung tuần tháng 5, 2020.

Trân trọng cám ơn quý vị.

Ngày 15 tháng 12 năm 2019.

Phó Trưởng Ban Tài Chánh
Phan Văn Lộc, K30

Phó Trưởng Ban Tổ Chức
Phụ Trách Nội Vụ
Hoàng Như Cầu

Sức Khỏe Dồi Dào!

CSVSQ & THÂN HỮU
YỂM TRỢ ĐA HIỆU 117

(Tính tới ngày 1 tháng 12 năm 2019)

Số TT		Họ & Tên		Khóa/ Thân Hữu	Số Tiền
1	Mrs.	Hoàng Xuân	Lãm	3	100
2	Mr.	Nguyễn Văn	Lợi	3	50
3	Mrs.	Tạ Thái	Bình	4	40
4	Mr.	Bùi	Trầm	5	40
5	Mr.	Phạm Văn	Hải	6	50
6	Mr.	Trần Đắc	Marcel	6	100
7	Mr.	Huỳnh Thanh	Tâm	6	30
8	Mr.	Trương Minh	Tâm	7	50
9	Mr.	Lò Câm	Bảo	8	30
10	Mr.	Diêu Ngọc	Chánh	8	30
11	Mrs.	Bùi Kim	Kha	8/1	30
12	Mr.	Trần	Kiên	8	30
13	Mrs.		Mạnh	13/1	56
14	Mr.	Lợi Nguyên	Tấn	8	30
15	Mr.	Dương Đình	Bộ	10	30
16	Mr.	Lê Bá	Đô	10	30
17	Mr.	Trần	Dương	10	300
18	Mr.	Huỳnh Đạt	Kính	10	30
19	Mr.	Nguyên	Lộc	10	50
20	Mr.	Phạm Văn	Môn	10	30
21	Mr.	Phạm Thế	Phiệt	10	50
22	Mr.	Nguyễn Đạt	Phong	10	30
23	Mr.	Dương Cao	Sơn	10	50
24	Mrs.	Nghiêm Viết	Thành	10/1	30

25	Mr.	Vĩnh	Thành	10	50
26	Mr.	Nguyễn Vĩnh	Thiệp	10	30
27	Mr.	Lê Tất	Biên	10	40
28	Mrs.	Lê Văn	Hiền	10	50
29	Mr.	Lê Văn	Tâm	11	30
30	Mr.	Vũ Ngọc	Thành	11	20
31	Mr.	Trương Minh	Ngộ	11	20
32	Mr.	Trần Văn	Cao	12	20
33	Mr.	Dương Văn	Chương	12	30
34	Mr.	Nguyễn Công	Luận	12	100
35	Mr.	Trương Đình	Nuôi	12	30
36	Mr.	Lê Bá	Trị	12	50
37	Mr.	Nguyễn Đức	Vy	12	20
38	Mr.	Nguyễn Văn	Bông	13	50
39	Mr.	Nguyễn Quốc	Đống	13	100
40	Mr.	Đỗ Huy	Huệ	13	30
41	Mr.	Nguyễn Khắc	Lâm	13	100
42	Mr.	Đặng Ngọc	Minh	13	30
43	Mr.	Trần Thanh	Mỹ	13	50
44	Mr.	Phan Văn	Ánh	14	30
45	Mr.	Trần Tiến	Đạo	14	30
46	Mr.	Bửu	Khải	14	30
47	Mr.	Trần Quang	Minh	14	20
48	Mr.	Phạm Văn	Phước	14	20
49	Mr.	Nguyễn Phúc	Hiệp	15	50
50	Mrs.	Nguyễn Trọng	Mạc	15/1	50
51	Mr.	Hồ Khắc	Đàm	16	100
52	Mr.	Phạm Minh	Đức	16	50
53	Mr.	Lục Sĩ	Đức	16	50
54	Mr.	Hồng Ngọc	Hinh	16	50
55	Mr.	Lê Quang	Lộc	16	40
56	Mr.	Đinh Văn	Mễ	16	50
57	Mr.	Nguyễn Như	Phú	16	20
58	Mr.	Nguyễn Đăng	Thục	16	30

59	Mr.	Thái Ổi	Xiếng	16	50
60	Mr.	Đinh Ngọc	Ban	17	50
61	Mr.	Bùi Đức	Cẩn	17	50
62	Mr.	Nguyễn Tiến	Dũng	17/2	50
63	Mr.	Vũ Khắc	Huy	17	40
64	Mr.	Nguyễn Văn	Kiên	17	30
65	Mrs.	Nguyễn Duy	Long	17/1	20
66	Mr.	Võ Văn	Sung	17	50
67	Mr.	Nguyễn Xuân	Tám	17	20
68	Mrs	Trần Minh	Vũ	17/1	30
69	Mr.	**KHÓA 17**			**200**
70	Mr.	Nguyễn	Bê	18	40
71	Mr.	Trần Văn	Cẩn	18	50
72	Mr.	Vũ Văn	Định	18	20
73	Mr.	Tôn Thất	Đường	18	30
74	Mr.	Huỳnh Văn	Giai	18	50
75	Mrs	Quách Xuân	Hương	18/1	50
76	Mr.	Nguyễn Văn	Lành	18	50
77	Mr.	Nguyễn Khoa	Lộc	18	30
78	Mr.	Bùi Văn	Miều	18	30
79	Mr.	Phạm	Tần	18	100
80	Mr.	Nguyễn Thành	Thăng	18	30
81	Mr.	Nguyễn Văn	Thiệt	18	100
82	Mr.	Hoàng Xuân	Thời	18	30
83	Mrs	Trần	Toán	18/1	60
84	Mr.	Trịnh Bá	Tứ	18	50
85	Mr.	Nguyễn Ngọc	Nam Cường	19	50
86	Mr.	Vũ Cao	Đà	19	30
87	Mr.	Đỗ	Đăng	19	30
88	Mr.	Võ	Dao	19	30
89	Mrs.	Huỳnh	Dung	19/2	50
90	Mrs.	Trần Thiện	Đấu	19/1	30
91	Mr.	Nguyễn Vĩnh	Giám	19	56
92	Mr.	Ngô Văn	Giau	19	40

93	Mr.	Hồ Văn	Hạc	19	30
94	Mr.	Chu Văn	Hải	19	30
95	Mr.	Nguyễn Đình	Hạnh	19	500
96	Mr.	Nguyễn Khắc	Hiếu	19	40
97	Mr.	Nguyễn Khắc	Huệ	19	30
98	Mr.	Vũ Đình	Khang	19	20
99	Mr.	Phạm Kim	Khôi	19	20
100	Mr.	Đặng Đình	Liêu	19	50
101	Mr.	Nguyễn Anh	Linh	19	50
102	Mr.	Nguyễn Anh	Linh	19	30
103	Mr.	Nguyễn Bá	Luân	19	35
104	Mr.	Bùi Đức	Lưu	19	100
105	Mr.	Phạm Thi	Minh	19	100
106	Mr.	Đỗ Văn	Mười	19	50
107	Mr.	Lê Kim	Ngọc	19	25
108	Mr.	Nguyễn	Nho	19	50
109	Mr.	Huỳnh Văn	Phú	19	30
110	Mr.	Trịnh Đức	Phương	19	30
111	Mr.	Lâm Văn	Rớt	19	56
112	Mr.	Kâng Tum	Sơn	19	30
113	Mrs.	Huỳnh Tammy		19/2	50
114	Mr.	Nguyễn Phước	Tây	19	30
115	Mr.	Nguyễn Phước	Tây	19	30
116	Mrs.	Hoàng Gia	Thái	19/1	30
117	Mr.	Nguyễn Xuân	Thi	19	30
118	Mr.	Phan Văn	Thìn	19	50
119	Mr.	Hồng Khắc	Trân	19	100
120	Mr.	Trần Kim	Bảng	20	20
121	Mr.	Thái Minh	Hoàng	20	20
122	Mr.	Hoàng Như	Liêm	20	50
123	Mr.	Lê Ngọc	Rạng	20	30
124	Mr.	Trương Văn	Vân	20	40
125	Mr.	Nguyễn Văn	Vọng	20	20
126	Mr.	Hoàng Đăng	Xứng	20	30

127	Mr.	Nguyễn Công	Bình	21	50
128	Mr.	Nguyễn Như	Chương	21	20
129	Mr.	Hồ Tấn	Đạt	21	30
130	Mr.	Nguyễn Văn	Đông	21	50
131	Mr.	Phạm Quang	Hậu	21	50
132	Mr.	Võ Minh	Hòa	21	100
133	Mr.	Đổng Duy	Hùng	21	50
134	Mr.	Lê	Thăng	21	50
135	Mr.	Hồ	Thiêm	21	20
136	Mrs.	Nguyễn Thị	Thọ	19/1	30
137	Mr.	Nguyễn Ngọc	Tùng	21	86
138	Mr.	Lạc Minh	Châu	22	50
139	Mr.	Trần Kim	Danh	22	40
140	Mr.	Huỳnh Văn	Đức	22	65.61
141	Mr.	Nguyễn Tấn	Hùng	22	30
142	Mr.	Trương Văn	Phổ	22	30
143	Mr.	Trương Văn	Tăng	22	50
144	Mr.	Phạm Quang	Thành	22	40
145	Mr.	Đặng Trọng	Thịnh	22	50
146	Mr.	Dương Hiển	Tòng	22	50
147	Mr.	Bùi	Trân	22	30
148	Mr.	Phạm Văn	Chắc	23	30
149	Mr.	Vương	Chước	23	100
150	Mr.	Lê Hồng	Hải	23	65.61
151	Mr.	Lê	Hoành	23	50
152	Mr.	Tăng Khải	Minh	23	30
153	Mr.	Trần Văn	Thiệt	23	30
154	Mr.	Nguyễn Văn	Tông	23	30
155	Mr.	Trần Văn	Tỷ	23	30
156	Mr.	Trần Minh	Chánh	24	30
157	Mr.	Phan Thế	Thiệp	24	30
158	Mr.	Phùng Hữu	Châu	25	50
159	Mr.	Trần	Đức	25	25
160	Mr.	Nguyễn	Em	25	50

161	Mr.	Cao Văn	Hải	25	50
162	Mr.	Đặng Văn	Khanh	25	100
163	Mr.	Đăng	Khoa	25/2	56
164	Mr.	Lê Khắc	Phước	25	50
165	Mr.	Trần Văn	Răng	25	131.22
166	Mr.	Võ Văn	Xuyên	25	50
167	Mr.	Phạm Thanh	Bình	26	25
168	Mr.	Lương Hông	Khiêm	26	100
169	Mr.	Nguyễn Văn	Lượng	26	100
170	Mr.	Nguyễn Đăng	Mộc	26	112
171	Mr.	Nguyễn Văn	Ngọc	26	11.2
172	Mr.	Lý Bảo	Nhơn	26	22.4
173	Mr.	Nguyễn Thiện	Nhơn	26	56
174	Mr.	Lê Văn	Thanh	26	56
175	Mr.	Vũ Thế	Thủ	26	30
176	Mr.	Vũ Đức	Thuận	26	30
177	Mr.	Trần Hữu	Hạnh	27	22.4
178	Mr.	Nguyễn Đình	Huy	27	100
179	Mr.	Châu	Lân	27	30
180	Mrs.	Nguyễn	Diana	27/1	20
181	Mr.	Trần Trí	Quốc	27	100
182	Mr.	Lê Minh	Tuấn	27	22.4
183	Mr.	Châu Thiết	Lập	28	22.4
184	Mr.	Ngô Tiến	Lập	28	65.61
185	Mr.	Nguyễn Trung	Long	28	100
186	Mr.	Trương Thanh	Minh	28	56
187	Mr.	Trần Quang	Minh	28	40
188	Mr.	Nguyễn Quý	Ngân	28	22.4
189	Mr.	Phạm Công	Thành	28	100
190	Mr.	Nguyễn Văn	Viễn	28	50
191	Mr.	Nguyễn Phúc	Ân	29	65.61
192	Mr.	Tsu A	Cầu	29	100
193	Mr.	Phòng Tít	Chắng	29	100
194	Mr.	Đỗ Trọng	Đạt	29	50

195	Mr.	Hồ	Đễ	29	67.2
196	Mr.	Đặng Công	Đoàn	29	56
197	Mr.	Đỗ Trọng	Kiên	29	50
198	Mr.	Phạm Tấn	Lộc	29	20
199	Mr.	Đặng Văn	Luận	29	100
200	Mr.	Nguyễn Sanh	Phương	29	65.61
201	Mr.	Võ Văn	Thắng	29	25
202	Mr.	Phan Văn	Thọ	29	40
203	Mr.	Nguyễn Đình	Tình	29	100
204	Mr.	Nguyễn	Trữ	29	50
205	Mr.	Phan Văn	Ý	29	50
206	Mr.	Võ	Nuôi	30	65.61
207	Mr.	Nguyễn Hào	Kiệt	VHV	50
208	Mr.	Nguyễn	Liêm	VHV	100
209	Mr.	Hà Đức	Bản	TH	55
210	Mr.	Đỗ Kim	Bảng	TH	15
211	Mr.	Nguyễn Quốc	Bảo	TH	50
212	Mr.	Trần Trọng	Bình	TH	30
213	Mr.	Trương	Cơ	TH	30
214	Mr.	Lê	Đức	TH	67.2
215	Mr.	Nguyễn Anh	Dũng	TH	50
216	Mr.	Nguyễn Hữu	Hào	TH	100
217	Mr.	Wong	Hiền	TH	67.2
218	Mr.	Phạm Quốc	Hiệp	TH	50
219	Mrs.	Trần Thị	Hoa	TH	40
220	Mrs.	Phạm Thị	Hồng	TH	33.6
221	Mr.	Trần T. Lan	Hương	TH	30
222	Mr.	Lê Đăng	Khoa	TH	30
223	Mr.	Bùi	Ký	TH	20
224	Ms.	Gruzdis T.	Loan	TH	100
225	Mr.	Võ	Luận	TH	33.6
226	Mr.	Đinh Như	Mai	TH	50
227	Mrs.	Nguyễn T. Huyền	Nga	TH	50
228	Mr.	Nguyễn Văn	Ngàn	TH	20

229	Mr.	Đặng Đức	Nghiêm	TH	50
230	Mr.	Thomas	Nguyễn	TH	60
231	Ms.	Võ Phương	Oanh	TH	20
232	Mr.	Huỳnh Văn	Phú	TH	20
233	Mr.	Nguyễn Ngọc	Phương	TH	80
234	Mr.	Nguyễn Quang	Tân	TH	50
235	Ms.	Trần T.	Thiệu	TH	20
236	Mr.	Phạm	Thọ	TH	50
237	Mr.	Huỳnh MInh	Thuý	TH	100
238	Mr.	Lưu Đức	Tín	TH	50
239	Mr.	Hoàng	Vân	TH	100
240	Mr.	Một thân hữu		TH	50
241	Mr.	Một thân hữu		TH	22.4
242	Mr.	Lê	Anh		50
				Cộng	**12280.28**

Bảng Tổng Kết

(Tính tới ngày 10 tháng 12 năm 2019)

1. **Chi phí cho Đa Hiệu 117:**

- Ấn Loát	5,100.00
- Bưu Phí trong Hoa Kỳ	1,806.07
- Bưu Phí ngoài Hoa Kỳ	1,432.82
- Lệ Phí Ngân Hàng	119.80
- Chuyên Chở	350.00
- Business License	117.40
- Phát Hành, Ẩm Thực & Linh tinh	625.00
- Bưu Phí Phụ Trội + Dịch Vụ TS, VP Phẩm	679.61
Cộng =	**10,230.70**

2. **Thu**:

- Quỹ còn lại sau Đa Hiệu 117	18,616.36

- Thu		12,280.28
	Cộng =	**30,896.64**

3. Tồn quỹ **30,896.64 - 10,230.70 = 20,665.94**

Thưa các NT, các anh chị, và các độc giả,

Số tiền đang tồn quỹ là **20,665.94 $**. T**ổng kết này chưa tính đến chi phí quyển sách quý vị đang cầm trên tay.**

Sau lời kêu gọi giới hạn v/v đóng góp tài chánh thêm cho Tập San Đa Hiệu, trên egroup của Tổng Hội TVBQGVN vào tháng 8 năm 2019; chúng tôi đã nhận được những hưởng ứng tích cực các NT và các quý vị độc giả, mà trong một thời gian ngắn số tiền thu được đã vượt quá mong đợi của chúng tôi. Đây là niềm khích lệ vô giá mà quý NT và độc giả đã trao cho các thành viên trong Tòa Soạn Đa Hiệu.

Chúng tôi tin rằng quan tâm của quý vị độc giả đến hoạt động của Tập San Đa Hiệu vẫn luôn mạnh mẽ và bền vững.

Xin cám ơn quý vị.

Trưởng Ban Trị Sự kiêm Thủ Quỹ Đa Hiệu.

Trần Trí Quốc, K 27

Cám Ơn!

TRẢ LỜI THƯ TÍN

Đỗ Mạnh Trường, K23

1. Trả lời chung:

a. Ban Biên Tập đã nhận được các sáng tác của các NT, các sĩ quan Văn Hóa Vụ và Quân Sự Vụ, các phu nhân, CSVSQ, các Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu, trong đại gia đình Võ Bị. Tuy nhiên, vì khuôn khổ tờ báo có giới hạn, có một số sáng tác không kịp đăng trong số này. Chúng tôi sẽ xem xét lại và tuần tự đăng, khi chuẩn bị phát hành Đa Hiệu số 119.

Chúng tôi muốn gửi lời cám ơn đến quý vị cộng tác viên đã gửi cho Tập San những sáng tác hay, với nội dung phong phú khiến Tập San Đa Hiệu luôn được đánh giá cao. Mỗi bài đều khiến độc giả thích thú vì họ đã tìm được một ý tưởng, một sắc thái riêng, hoặc một hình ảnh của hôm nay hay của hôm qua. Nếu quả thực được như vậy thì đều do đóng góp của tất cả các cộng tác viên, mà chúng tôi luôn trân trọng.

b. Như thường lệ, Đa Hiệu 119 dự trù sẽ được phát hành vào trung tuần **tháng 5, 2020**. Ban Biên rất mong đón nhận các sáng tác của quý vị chậm nhất là ngày **1 tháng 4 năm 2020**. Nếu có thể, xin các cộng tác viên gửi bài cho chúng tôi càng sớm càng tốt để chúng tôi có đủ thì giờ chuẩn bị kỹ lưỡng.

Chuẩn bị cho Đa Hiệu số tới, chúng tôi đoán sẽ đón nhận được những bài có nội dung liên quan đến cuộc chiến tranh Quốc Cộng, đến thân phận người dân trước và sau cuộc chiến, đến gương anh dũng hy sinh của các chiến sĩ VNCH, ở các Quân Binh Chủng, ở cả những người dân bình thường, ở khắp mọi nơi, đặc biệt từ các CSVSQ/ VB và gia đình của

họ. Chúng ta làm sao quên được quá khứ đau thương của mỗi người dân phải hứng chịu, khi cơn cuồng phong ác độc của Cộng Sản Bắc Việt thịnh nộ thổi qua suốt miền Nam.

Đa Hiệu 119 sẽ phát hành sau Tháng Tư Đen. Những thương đau đã xảy ra cho từng gia đình và cho đất nước vào những ngày cách đây 45 năm, vẫn luôn nằm trong tâm khảm, ký ức mọi người. Chúng ta vẫn luôn hồi tưởng và trăn trở về những ngày đây tăm tối, trong nôi uất hận khôn nguôi. Thời gian dù đã qua, nhưng chúng ta vẩn còn nhớ giai đoạn đầy bi thương đó.

Nhắc đến quá khứ không có nghĩa chúng ta quên hiện tại và tương lai. Trải qua một khoảng thời gian quá dài sống trên các quốc gia dân chủ trên thế giới, chúng ta vẫn không thể ngoảnh mặt làm ngơ khi nghĩ đến hiện tình đất nước, đến hoàn cảnh Trung Cộng thôn tính từng ngày. Chúng ta đã làm gì và có hữu ích cho cộng đồng chúng ta đang sống hay không?

c. BBT luôn khuyến khích và mong nhận thêm nhiều bài vở của các thế hệ kế thừa, của TTNĐH với những chủ đề khác nhau mà các anh chị quan tâm. Các sáng tác mới của các anh chị luôn là những đề tài quan trọng. Độc giả của Tập San ĐH muốn nhìn thấy các hình ảnh của các anh chị. Các anh chị đang làm gì, đã đóng góp ra sao cho xã hội mới trên khắp thế giới và cho quê hương Việt Nam? Thành công của anh chị và gia đình cũng chính là thành công của cộng đồng tỵ nạn Việt Nam trên toàn thế giới, đặc biệt của gia đình Võ Bị.

d. Khi gửi về tòa soạn, các sáng tác của các cộng tác viên có thể được đánh máy gửi qua email, hoặc viết tay, có thể dùng mọi software tiếng Việt, có dấu hoặc không dấu, với mọi loại font chữ và không cần thiết phải format. Xin cho biết xuất xứ, hoặc khóa nếu là CSVSQ, để chúng tôi tiện xưng hô, cũng như nếu có thể cho chúng tôi số điện thoại, hoặc email để tiện liên lạc.

e. Tết Nguyên Đán của năm Canh Tý sắp về, thay mặt Ban

Biên Tập xin chúc quý vị dồi dào sức khỏe, an khang; chúc các anh chị thanh niên của các thế hệ kế thừa, trong đó có Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu, luôn thành công trong cuộc sống, luôn mạnh mẽ, dấn thân phục vụ cho lý tưởng Quốc Gia, Dân Tộc.

2. **NT Chung, K 10**: Cám ơn NT đã có nhã ý gửi bài cho Tập San Đa Hiệu. Với nội dung luôn phong phú chắc chắn độc giả sẽ thích thú khi đọc các sáng tác của NT. Cám ơn NT.

3. **Bà Lê Văn Hiền, K10/1**: Xin cám ơn bà đã có nhã ý yểm trợ Đa Hiệu theo ý nguyện của NT Hiền, lúc còn sinh tiền. Chúng tôi vô cùng xúc động và kính trọng khi được biết mặc dù bệnh nặng đã hai năm, ông vẫn nhắc bà ủng hộ Đa Hiệu. Chỉ có một lý do giải thích là tình cảm tha thiết của NT Hiền vẫn luôn dành cho Trường Mẹ. Chúng tôi cũng được biết do tình cảm thương yêu của bà dành cho NT Hiền mà giờ ông đã ra đi, bà đã thay ông tiếp tục đọc những quyển sách Đa Hiệu cũ vẫn còn được lưu giữ. Xin cho chúng tôi được bày tỏ lòng kính trọng và thương mến đến NT Hiền và bà. Cho chúng tôi gửi lời chia buồn muộn màng tới bà và gia đình về việc mất mát không có gì có thể thay thế.

4. **NT Nguyễn Văn Bông, K13**: Cám ơn NT có lời khen ngợi và chúc Ban Biên Tập tích cực làm việc.

Hẹn Gặp Lại!

PHÂN ƯU

CSVSQ **NGÔ LÊ TUỆ**, K3/ TVBQGVN
Pháp danh Minh Mân
Từ trần ngày 10 tháng 12 năm 2019
Tại Houston, Texas, Hoa Kỳ
Hưởng đại thọ 90 tuổi.
Phu nhân cố CSVSQ Lâm Quang Thơ, K3/ TVBQGVN
Nhũ danh **TRƯƠNG THỊ HUI**
Vừa từ trần ngày 10 tháng 12 năm 2019
tại San Francisco, California, Hoa Kỳ
Hưởng thượng thọ 90 tuổi

CSVSQ **NGUYỄN HỮU BẦU**, K6/ TVBQGVN
Từ trần ngày 17 tháng 11 năm 2019
Tại Fairfax, Virginia, Hoa Kỳ
Hưởng đại thọ 92 tuổi.
CSVSQ **TRẦN VĂN PHẤN**, K6/ TVBQGVN
Từ trần ngày 14 tháng 12 năm 2019
Tại Chantilly, Virginia, Hoa Kỳ
Hưởng đại thọ 88 tuổi.

CSVSQ **NGUYỄN VĂN BA,** K7/ TVBQGVN
Từ trần ngày 29 tháng 8 năm 2019
Tại Wichita, Kansas, Hoa Kỳ
Hưởng thượng thọ 93 tuổi.

CSVSQ **PHƯƠNG HỮU DANH**, K7/ TVBQGVN
Từ trần ngày 11 tháng 11 năm 2019
Tại Orange, California, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 87 tuổi.

CSVSQ **VŨ ĐỨC CHỈNH,** K8/ TVBQGVN

Từ trần ngày 16 tháng 9 năm 2019
Tại Fountain Valley, California, Hoa Kỳ
Hưởng thượng thọ 86 tuổi.

Bào đệ CSVSQ Nguyễn Đạt Thịnh, K6/ TVBQGVN

CSVSQ **NGUYỄN ĐẠT PHONG,** K10/ TVBQGVN
Từ trần ngày 18 tháng 11 năm 2019
Tại Houston, Texas, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 85 tuổi.

CSVSQ **LÊ VĂN HIỀN**, K10/ TVBQGVN
Đã từ trần ngày 1 tháng 8 năm 2019
Tại Des Moines, Iowa
Hưởng thọ 85 tuổi.

CSVSQ **NGUYỄN VĂN VƯỢNG**, K11/ TVBQGVN
Từ trần ngày 22 tháng 11 năm 2019
Tại Pinellas Park, Florida, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 85 tuổi.

Bào huynh CSVSQ Lý Xuân Thu, K13/ TVBQGVN

CSVSQ **LÝ XUÂN THƯỢNG**, K11/ TVBQGVN
Từ trần ngày 20 tháng 10 năm 2019
Tại Worcester, Massachusetts, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 83 tuổi.

CSVSQ **TRẦN BÁ XỬ**, K12/ TVBQGVN
Từ trần sáng ngày 17 tháng 11 năm 2019
Tại Springfield, Massachusetts Hoa Kỳ
Hưởng thọ 86 tuổi.

CSVSQ **NGUYỄN VĂN PHẦN**, K13/ TVBQGVN
Từ trần ngày 24 tháng 9, năm 2019
Tại Garden Grove, California, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 88 tuổi.

CSVSQ **NGUYỄN VĂN HƯỞN**, K13/ TVBQGVN
Vừa mãn phần ngày 23/10/2019
Tại Houston, Texas, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 83 tuổi.

CSVSQ **ĐÀO THIỆN TUYỂN,** K14/ TVBQGVN
Từ trần ngày 5 tháng 10 năm 2019
Tại Tustin, California, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 83 tuổi.

CSVSQ **LÊ NHƯ HÙNG**, K14/ TVBQGVN
(Tác giả bài hát "Võ Bị Hành Khúc")
Đã từ trần ngày 22 tháng 11 năm 2019
Tại Nam California, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 84 tuổi.

Thân mẫu CSVSQ Nguyễn Trọng Mạc, K15/ TVBQGVN
Bà quả phụ Nguyễn Đình Giai
Nhũ danh **NGÔ THỊ BẠCH**
Pháp danh TÂM THANH
Vừa mãn phần ngày 2 tháng 12 năm 2019
Tại Vienna, Virginia, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 106 tuổi.

CSVSQ **NGUYỄN VĂN THUẬN**, K16/ TVBQGVN
Pháp danh NGUYÊN AN
Đã mãn phần ngày 17 tháng 10 năm 2019
Tại Fairfax, Virginia, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 82 tuổi.

Phu nhân CSVSQ Nguyễn Văn Phước, K16/ TVBQGVN
Bà **NGUYỄN THỊ NÊN**
Pháp danh LỆ HOA
Từ trần ngày 28 tháng 10 năm 2019
Tại Sài Gòn, Việt Nam
Hưởng thọ 82 tuổi.

CSVSQ **NGUYỄN VĂN ƠN**, K16/ TVBQGVN
Từ trần ngày 06 tháng 12 năm 2019
Tại Sài Gòn, Việt Nam
Hưởng thọ 81 tuổi.

Nhạc Mẫu cố CSVSQ Dương Đức Sơ, K17 / TVBQGVN
Cụ Bà Quả phụ Dương Đức Mại

Nhũ danh **TRẦN THỊ LEN**
Mãn phần ngày 01 tháng 11 năm 2019
tại Westminster, Hoa Hỳ
Hưởng thọ 97 tuổi.

CSVSQ **NGUYỄN VĂN ẤN**, K18/ TVBQGVN
Mệnh chung ngày 8 tháng 10 năm 2019
Tại Houston, Texas, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 79 tuổi.

Thứ nam CSVSQ Phạm Văn Hòa, K18/ TVBQGVN
PHẠM ĐĂNG KHOA
Từ trần ngày 18 tháng 11 năm 2019
Tại Houston, Texas, Hoa Kỳ
Hưởng dương 52 tuổi.

CSVSQ **An Rê Dũng Lạc NGUYỄN VĂN XUÂN**, K18/ TVBQGVN
Mệnh chung ngày 21 Tháng 11 Năm 2019
Tại Orange County, California, Hoa Kỳ
Hưởng Thọ 82 Tuổi.

Nhạc mẫu CSVSQ Nguyễn Kim Chung, K22/ TVBQGVN
Cụ bà MARIA **NGUYỄN THỊ BÔNG**
Từ trần ngày 10 tháng 9 năm 2019
Tại Đà Nẵng, Việt Nam
Hưởng đại thọ 96 tuổi.

Ái nữ CSVSQ Nguyễn Kim Chung, K22/ TVBQGVN
Bà **NGUYỄN THỊ THÙY MỊ**
Từ trần ngày 08 tháng 12 năm 2019
Tại Houston, Texas, Hoa Kỳ
Hưởng dương 46 tuổi.

Thân phụ CSVSQ Phạm Xuân Thể, K23/ TVBQGVN
Cụ **PHẠM XUÂN HỰU**
Từ trần ngày 3 tháng 9 năm 2019
Tại Calgary, Alberta, Canada
Hưởng đại thọ 100 tuổi.

CSVSQ **TẠ VĂN QUANG**, K24/ TVBQGVN

Tên thánh LOUIS DE GONZAGUE
Đã được Chúa gọi về ngày 11 tháng 11 năm 2019
Tại Hà Nội, Việt Nam.
Hưởng thọ 73 tuổi.

CSVSQ **LÊ VĂN THANH,** K24/ TVBQGVN
Từ trần ngày 13 tháng 11 năm 2019
Tại Westminster, CA, USA
Hưởng thọ 75 tuổi.

CSVSQ NGUYỄN THANH SƠN, K24/ TVBQGVN
Vừa từ trần ngày 7 tháng 12 năm 2019
Tại Dallas, Texas, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 72 tuổi.

CSVSQ **LÂM NGỌC KIỆT,** K25/ TVBQGVN
Từ trần ngày 6 tháng 10 năm 2019
Tại Sài Gòn, Việt Nam
Hưởng thọ 73 tuổi.

CSVSQ **PHAN VĂN THÁM,** K25/ TVBQGVN
Mãn phần ngày 27 tháng 10 năm 2019
Tại Bà Rịa, Vũng Tàu, Việt Nam
Hưởng Thọ 77 tuổi.

CSVSQ **NGUYỄN VĂN KHOA**, K26/ TVBQGVN
Từ trần ngày 23 tháng 11 năm 2019
Tại Đức Hòa, Long An, Việt Nam
Hưởng thọ 73 tuổi.

Thân mẫu CSVSQ Nguyễn Sanh Phương, K29/ TVBQGVN
Cô ruột CSVSQ Huỳnh Văn Châu, K25/ TVBQGVN
Cụ bà **HUỲNH THI SÁU**
Từ trần ngày 5 tháng 6 năm 2019
Tại Adeleide, Nam Úc, Australia
Hưởng thượng thọ 91 tuổi.

Thân mẫu CSVSQ Cao Xuân Tú, K30/ TVBQGVN
Cụ bà **CAO XUÂN LÂM**
Nhũ danh TRẦN THỊ DIỆP

Từ trần ngày 06 tháng 10 năm 2019
Tại Dallas, Texas, Hoa Kỳ
Hưởng thượng thọ 90 tuổi.

Bào đệ CSVSQ Sầm Tấn Tuấn, K30/ TVBQGVN
CSVSQ SẦM QUỐC KHANH, K31/ TVBQGVN
Từ trần ngày 13 tháng 9 năm 2019
Tại Xuyên Mộc, Bà Rịa, Vũng Tàu, Việt Nam
Hưởng thọ 65 tuổi.

Nhạc mẫu CSVSQ Trần Hoàng Sa, K30/ TVBQGVN
Cụ bà **NGUYỄN THỊ TỊNH**
Pháp danh NHUẬN TÂM
Từ trần ngày 14 tháng 12 năm 2019
Tại Thừa Thiên, Huế, Việt Nam
Hưởng thọ 85 tuổi.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Chúng tôi xin chia buồn cùng tang quyến. Sự ra đi vĩnh viễn của các Niên Trưởng, hoặc các CSVSQ, hoặc thân nhân đã nêu trên là những tổn thất lớn cho đại gia đình Võ Bị và cho gia đình mỗi người.

Nguyện cầu linh hồn những vị đã khuất sớm được về cõi vĩnh hằng.

Ban Chấp Hành Tổng Hội
Ban Tư Vấn và Giám Sát
Đại diện 31 khoá CSVSQ TVBQGVN
Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu

PHÂN ƯU

Tiến Sĩ Franxicô Xavie **NGUYỄN TIẾN ÍCH**
Cựu Giáo Sư Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam
Từ trần ngày 29 tháng 11 năm 2019
Tại Westminster, California, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 88 tuổi.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Chúng tôi xin chia buồn cùng tang quyến. Sự ra đi vĩnh viễn của Giáo Sư Nguyễn Tiến Ích là một tổn thất lớn cho đại gia đình Võ Bị và cho tang quyến. Càu mong linh hồn Franxicô Xavie NGUYỄN TIẾN ÍCH sớm về nước Chúa.

Ban Chấp Hành Tổng Hội
Ban Tư Vấn và Giám Sát
Đại diện 31 khoá CSVSQ TVBQGVN
Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu

THANH THIẾU NIÊN

ĐA HIỆU